

Tạp chí

SÔNG LAM

HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT NGHỆ AN

Số 30 (tháng 1+2/2023)

TẠP CHÍ SÔNG LAM - SỐ 30 (THÁNG 1+2 / 2023)



QUÝ MÃO
Xuân 2023



viettel
theo cách của bạn

TV360

Tết Lộc An Lành

TRUYỀN HÌNH DI ĐỘNG
CHO MỌI NGƯỜI - CHO MỌI NHÀ



QUÉT MÃ QR ĐỂ TẢI

1800.8098

f TV360

tv360.vn

MỤC LỤC

Sông Lam

Số 30 (Tháng 01+02 / 2023)

- Tổng Biên tập:
PHẠM THÙY VINH
- Phó tổng Biên tập:
ĐÀO THỊ THÚY HOA
- Thư ký tòa soạn:
ĐÀM QUỲNH NGỌC

• Tòa soạn:
Số 6, Đào Tấn, TP. Vinh, Nghệ An
ĐT: (0238) 3.833.261
Email: tapchisonglam@gmail.com
Website: tapchisonglam.vn
Tài khoản: 3713.0.1068208.00000
Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An

Giấy phép hoạt động báo chí số:
149/GP-BTTTT ngày 22/3/2022.
In tại Công ty CP In Nghệ An - 216
Trần Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Mã số đặt mua tạp chí

Sông Lam

qua bưu điện: B 18.2

Giá: 76.000 đ

■ THỜI LUẬN	
TRANG ĐOAN	Can đảm vượt thoát khỏi những cú mòn.....5
■ NHÂN VẬT & ĐỐI THOẠI	
PHÙNG NGUYỄN	Nhà nghiên cứu Quyên Gavoye tiết lộ về “100 năm lật lại hồ sơ Nguyễn Ái Quốc ở Paris”9
■ Ý KIẾN - GÓC NHÌN	
LÊ DOãn HỢP	Phải biết đột phá để kích dậy văn hóa dân tộc15
MAI NAM THẮNG	Nhân tài và hiền tài17
■ KÝ	
ĐÀO THÚY HOA	Xuân về trên Khu Di tích Kim Liên20
TRẦN HỮU VINH	Từ làng Sen về thăm Pác Bó24
HỒ NGỌC THẮNG	Trên những nẻo đường mẹ tôi đã đi qua29
VĂN HIẾN	Nhớ Tết hòa tuyến35
LÊ NHUNG	Làng tôi ngày ấy, bây giờ38
■ TRUYỆN NGẮN	
TỔNG PHƯỚC BẢO	Ngọt như gió Tết.....43
TRẦN NGƯỠNG	Cu Khải50
HOÀNG CHÍNH	Vụ kiện55
ĐỨC HẬU	Mẹ của anh60
NGUYỄN THỊ NHƯ HIẾN	Đợi mùa xuân tới68
TẠ THỊ THANH HẢI	Lỡ chuyến nhân duyên73
THANH HUYỀN	Tóc buông vai gầy80
TRÁC ĐIỂM	Chiếc khăn dong.....89
TRẦN KHOA VẤN	Mùa xuân đến muộn94
■ THƠ - NHẠC	
BÙI SỸ HOA: Đá dối (tr.99) • BÙI THỊ NHÀI: Tiếng đàn (tr.100) • NGUYỄN VĂN HÙNG: Cổng thơ Trường Sơn - Hơi ấm (tr.100) • XUÂN GIANG: Hồn sông (tr.101) • YẾN THANH: Bí bầu thành phố (tr.101) • ĐÀM CHU VẤN: Người bán vé số (tr.102) • ĐÀO AN DUYỄN: Ý nghĩ tháng Giêng (tr.102) • HOÀNG LIÊN SƠN: Vô biên - Tôi (tr.103) • CAO XUÂN THƯỜNG: Tết niên (tr.104) • HOÀNG CẨM THẠCH: Tự tình Hồ Xuân Hương (tr.104) • LÊ NGUYỆT: Tình xuân - Men xuân (tr.105) • LÊ QUANG TRẠNG: Đọc lịch cuối năm (tr.106) • NGÔ ĐỨC HẠNH: Chải bếp (tr.106) • LÊ THÁNH NGHỊ: Tây Hồ đêm - Hoa Ngọc Hà (tr.107) • PHAN QUỐC BÌNH: Khi tôi ở trong bụng mẹ - Cuối năm, thơ chợt hiện (tr.108) • PHAN THỊ DIỄN: Lời ru mùa đông (tr.109) • PHAN TÌNH: Thổi từ hương vị Tết xưa - Lập đông (tr.109) • THẠCH QUỲ: Những con chim loạn giờ sinh học (tr.110) • VƯƠNG LONG: Có một bài thơ (tr.110) • THÁI TÂM: Chiếc lá non xanh - Lắng nghe lá rụng (tr.111) • TRẦN THỊ HUYỀN TRANG: Điểm tựa - Viết khi chờ bóng bạch hạc nở (tr.112) • TRỌNG LĨNH: Ánh sáng - Để tôi cay mặn đợi chờ (tr.113) • TÙNG BÁCH: Sáng đầu xuân - Năm mới (tr.114) • VÕ NGỌC SƠN: Mầm thời gian - Thế là xuân (tr.115) • TRƯƠNG QUANG THỨ: Làng Trấp (tr.116) • VÕ THỊ THÚY VÂN: Phố hẹn (tr.116) • LÂM BẰNG: Ô cửa sổ (tr.117) • TỬ ĐỒNG VẤN: Viết trong ngày hội trường (tr.117) • THÁI KHẮC CUNG: Ngày mới trên quê hương (tr.120) • TIẾN DŨNG - NGUYỄN THẾ TRUNG: Về với quê mình (tr.121) • LÊ ANH HẠ: Sắc đào Mường Lống (tr.122) • PHAN THANH CHƯỜNG - TRƯƠNG QUANG THỨ: Bốn phía mùa xuân (tr.123)	

■ TIẾNG THƠ ĐONG LẠI	
LƯƠNG KHẮC THANH	Đợi em ngày giáp Tết.....118
■ TẢN VẤN	
ĐINH VĂN HÀO	Trên những chuyến tàu124
■ ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ	
NGUYỄN ĐÌNH CHÚ	Hồng Khê cư sĩ - nhà Hán học cuối mùa Hán học trên đất Nghệ126
LÊ ĐÌNH CÚC	Đi tìm bến đò Cổ Xín.....138
LÂM THY	Huyền thoại về Bà chúa Nhâm144
■ CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM	
PHẠM ANH XUÂN	Nước lá mùi già - Xông nhà148
TRẦN LAN	Ông gói bánh chưng148
VÕ THU HƯƠNG	Mun và bé Còi149
■ CHÂN DUNG VĂN NGHỆ	
ĐĂNG TIỂU	Nhà thơ Hoàng Trung Thông: nhập cuộc và chênh vênh.....152
NGUYỄN THANH KIM	Phan Xuân Hật - Tạ người thế gian156
CHÂU LA VIỆT	Kỷ niệm với tác giả bài hát “Xa khơi” bất hủ.....160
■ ĐỌC VÀ NGẮM	
HỮU BẰNG SƠN	Đeo chuông cổ mèo163
■ NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH	
LÊ THANH NGÀ	Hồ Xuân Hương trong mắt Nguyễn Huy Thiệp164
TRẦN HỒNG GIANG	Mẹ và Tết quê - hình ảnh đầm đầm nổi niếm trong thơ Trần Mạnh Hào.....171
ĐẶNG HUY GIANG	Để gì quên được thương yêu177
NGÔ THẾ LÂM	Hình tượng con mèo trong văn học dân gian180
■ GIỚI THIỆU SÁCH	
BÙI NGỌC	“Lời ai điệu của thầy mo” - bộ sách dày công của Nghệ nhân Ưu tú Sám Văn Bình....182
■ SỔ TAY NGHỀ VĂN	
HỒ ANH THÁI	Vấn nhiều Tây An Nam - Lục bát Việt - Anh - Gã, y, thị.....185
■ VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI	
TRƯƠNG GIÀ	Bông hoa hư cấu189
MỸ THUẬT: BÁ SIẾU, TẠ TÂM, ĐÌNH TRUYẾN, MINH CHÂU, HOÀNG HẢI THỌ, HỒ THIẾT TRINH, HỮU TUẤN, HOÀNG PHƯỢNG VỸ.	
ẢNH: HỒ NHẬT THANH, NGỌC CƯỜNG.	
BÌA 1: VĂN SONG: Bình minh • BÌA 2: MINH CHÂU, TẠ TÂM, ĐÌNH TRUYẾN, HOÀNG HẢI THỌ, ĐẬU QUANG TOÀN, HỒ THIẾT TRINH • BÌA 3: PV, NHẬT THANH • BÌA 4: LÊ THẮNG, HỒ CHIẾN, LÊ QUANG DŨNG, QUỐC KHÁNH, THANH YẾN, DUY SƠN	

Can đảm vượt thoát khỏi những cũ mòn

TRANG ĐOAN

Triết gia Bernard Williams có câu nói rằng “Ngày mà thượng đế tạo ra hy vọng chắc hẳn cùng ngày ngài tạo ra mùa xuân” (The day the Lord created hope was probably the same day he created Spring). Mùa xuân, bằng một cách nào đó, luôn mang đến cho người ta khát khao sống, khát khao yêu thương và niềm hy vọng vào những điều tốt đẹp. Có lẽ, cũng bởi thế mà ta luôn yêu và chờ đợi mùa xuân trong niềm rạo rức, hân hoan.

Cũng dễ hiểu thôi khi xuân đến đồng nghĩa với một năm mới bắt đầu; khi năm cũ đã khép lại cùng giá rét để chào đón những lộc biếc, hoa tươi, nắng ấm và nhựa sống căng tràn. Như chồi non tựa mình thức dậy trên nhánh cây khô cằn sau bao ngày đông giá, năm mới đến là lúc ta có quyền hy vọng vào những đổi thay, hy vọng vào điều tốt đẹp sau một năm đã qua với đủ thăng trầm.

Năm 2023 sẽ là một năm đầy sóng gió với quốc tế cũng như trong nước khi chúng ta tiếp tục đối mặt với nhiều vấn đề nan giải. Đó là những xung đột và căng thẳng chưa có dấu hiệu hạ nhiệt ở nhiều khu vực trên thế giới; là nguy cơ đối diện với gia tăng nạn đói và khủng hoảng lương thực toàn cầu; là khủng hoảng năng lượng, là lạm phát và giá cả tăng cao đẩy thế giới đứng trước bờ vực suy thoái kinh tế; là những thảm họa khó lường từ biến đổi khí hậu... Trong nước sẽ ngày càng thấy rõ hơn tác động của những bất ổn trên thế giới mang lại, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế. Tuy nhiên, chính trong khó khăn chúng ta sẽ càng thấy rõ khả năng, sức mạnh của mình; như trong bóng tối mới thấy vẻ đẹp lung

THỜI LUẬN

linh của những vì sao, mới nhận ra sự diệu kỳ của ánh sáng. Hơn lúc nào hết, đây là lúc Đảng, Nhà nước chúng tỏ sự sáng suốt, bản lĩnh trong lãnh đạo, quản lý, phát triển đất nước. Với những gì đã đạt được trong năm 2022, chúng ta có đủ niềm tin và hy vọng sẽ vượt qua mọi thách thức trước mắt.

Mùa xuân cũng là thời điểm nhắc ta nhớ về một sự kiện có ý nghĩa to lớn - ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Suốt 93 năm qua, trong những thời khắc quan trọng và có tính quyết định, chúng ta đã thấy được vai trò của Đảng. Và, hôm nay, ta có quyền đặt niềm tin vào công cuộc chinh đồn Đảng, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên. Ta tin và mong Đảng sẽ có những bút phá trong công cuộc phòng chống tham nhũng để lấy lại niềm tin nơi Nhân dân. Lịch sử đã chứng minh niềm tin của dân quyết định tới vận mệnh, sự hưng vong của mỗi triều đại. Nếu chúng ta không chăm lo chinh đồn Đảng để giữ vững niềm tin ấy thì khó có thể nói trước được điều gì sẽ xảy ra trong tương lai bởi một khi mất đi niềm tin là mất tất cả. Để những mùa xuân lại rạng ngời trên non sông, để Đảng tiếp tục sứ mệnh của mình thì chắc chắn phải giữ cho được niềm tin của nhân dân. Lịch sử dạy rằng, chúng ta chỉ đạt được điều đó khi ý Đảng hợp với lòng Dân, khi nói đi đôi với làm; khi lợi ích của Nhân dân, của Tổ quốc được đặt lên trên hết; khi dân được bảo vệ và được tôn trọng!

Năm 2023, dẫu sẽ có nhiều khó khăn trước mắt nhưng Việt Nam vẫn đặt ra những chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội khá ấn tượng. Có thể kể đến như: tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 6.5%, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.400 USD, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5%, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm 1-1,5%, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 4%,... Hy vọng, bằng quyết tâm và nỗ lực, chúng ta sẽ hoàn thành và vượt chỉ tiêu đề ra. Tuy nhiên, hy vọng không có nghĩa là ngồi yên mơ về tương lai. Để đi đến mục đích cuối cùng luôn cần phải hành động, bởi, như nhà văn Ray Bradbury đã từng nói “hành động là hy vọng” (action is hope). Tất cả những thay đổi, những mong chờ trong tương lai bắt đầu từ chính điều ta quyết định làm hôm nay.

Muốn hoàn thành những mục tiêu đề ra, tất nhiên, ngoài cần sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, Nhà nước còn cần niềm tin, nỗ lực và thay đổi của mỗi người dân. Trong thế giới phụ thuộc lẫn nhau và cạnh tranh gay gắt như ngày hôm nay, nếu mỗi cá nhân không thay đổi để thích nghi, không sáng tạo và bản lĩnh thì chắc chắn sẽ bị bỏ lại phía sau. Khó khăn, thách thức đòi hỏi chúng ta không chỉ biết dùng kinh nghiệm của mình và các quốc gia khác để giải quyết mà còn cần phải sáng tạo để chủ động ứng phó. Trong cuốn sách “Tầm nhìn thay đổi quốc gia”, Quốc vương Mohammed bin Rashid Al Maktoum đã viết “*Chúng tôi tin rằng con đường ngắn nhất tiến đến tương lai tươi sáng mà chúng tôi đang tìm kiếm nằm ở phương pháp tiếp cận sáng tạo và tiên phong.*” Đất nước Dubai của ông đã vượt qua được giai đoạn khó khăn, làm nên nhiều kỳ tích như hôm nay chính là nhờ sự sáng tạo và tầm nhìn chiến lược ấy. Họ là minh chứng cho sự cần thiết phải đổi mới, sáng tạo, dám bút phá vươn lên để phát triển, để không bị bỏ lại phía sau.

Và, có lẽ, sẽ không có gì hợp hơn khi mùa xuân đến, khi một năm bắt đầu chúng ta lại nói về đổi mới và sáng tạo. Bất cứ lĩnh vực nào cũng cần sự sáng tạo nhưng với văn học nghệ thuật thì nó mang ý nghĩa sống còn. Không có sự sáng tạo, không dẫn thân và đổi mới thì chúng ta sẽ không có những tác phẩm giá trị. Tại Hội thảo khoa học toàn quốc “*Nhìn lại 15 năm thực hiện Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*” do Hội đồng Lý luận, Phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương tổ chức vào ngày 19/12/2022, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương Nguyễn Trọng Nghĩa cũng đã đề nghị cải thiện môi trường sáng tạo, môi trường làm nghề của văn nghệ sĩ, trong đó vấn đề tự do sáng tạo cần phải được thể chế hóa, góp phần giải phóng tư tưởng, phát huy tiềm năng, kích thích năng lực sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ. Điều đó cho thấy chúng ta đã nhận thức được tầm quan trọng của sáng tạo đối với văn học nghệ thuật. Tuy nhiên, quan trọng hơn cả là chính mỗi văn nghệ sĩ phải dũng cảm bước ra khỏi vùng an toàn và những nỗi sợ của chính mình; tích cực tìm tòi, học hỏi, khám phá để sáng tạo. Nếu mỗi văn nghệ sĩ tự mình không có khát khao sáng tạo, không đổi mới tư duy làm nghề thì không có phương cách nào giúp ích được. Năm 2022 vừa qua, những lùm xùm xung quanh một số bức tranh, triển lãm đã đẩy lên câu hỏi “*Thế nào là sáng tạo?*” “*Đâu là giới hạn của sáng tạo?*” “*Có phải cái mới nào cũng là sáng tạo?*” Thiết nghĩ, đó là những câu hỏi mà văn nghệ sĩ phải nghiêm túc nhìn nhận. Sáng tạo, dù thế nào đi chăng nữa, muốn đạt được chiều sâu và có giá trị thì luôn đòi hỏi sự tìm tòi, nghiên cứu công phu, có hệ thống, có đầu tư.

Cải thiện môi trường sáng tạo cho trí thức, văn nghệ sĩ như Trưởng Ban Tuyên giáo Nguyễn Trọng Nghĩa đã đề cập là hết sức cần thiết nhưng quan trọng không kém là chính các trí thức, văn nghệ sĩ cũng cần cải thiện lại “*môi trường*” bên trong mình. Đó là thay đổi tư duy, là chăm sóc trái tim. Họ phải vượt thoát ra khỏi quan niệm cũ kỹ, phải mở rộng tầm nhìn của mình ra với thế giới và phải biết hòa vào nhịp sống, hơi thở của thời đại. Chỉ khi làm được điều đó thì mới có thể sáng tạo ra những tác phẩm có giá trị. Osho đã từng nói “*Sáng tạo có nghĩa là yêu cuộc sống. Bạn có thể sáng tạo chỉ khi bạn yêu cuộc sống đủ để muốn tôn lên vẻ đẹp của nó, bạn muốn mang thêm một chút âm nhạc cho nó, một ít thơ cho nó, và một chút vũ điệu đến cùng nó.*” (To be creative means to be in love with life. You can be creative only if you love life enough that you want to enhance its beauty, you want to bring a little more music to it, a little more poetry to it, a little more dance to it.) Khi trí thức, văn nghệ sĩ đủ niềm yêu tha thiết với cuộc sống, với đất nước, với Nhân dân; khi họ biết rung cảm và trăn trở trước mỗi biến chuyển của thời đại thì chắc chắn cảm hứng sáng tạo sẽ đến với họ.

Đổi mới, sáng tạo tưởng chừng chỉ là chủ đề được khơi nguồn cảm hứng từ mùa xuân như một câu chuyện đầu năm nhưng kỳ thực đó lại là vấn đề mang tính sống còn cho hôm nay và cho tương lai. Chúng ta đã trải qua và chứng kiến sự bảo thủ, lỗi thời trong tư duy cản trở quá trình phát triển như thế nào. Chúng ta đã thấy chất lượng của nền văn học nghệ thuật nước nhà ra sao khi vắng bóng

THỜI LUẬN

sự sáng tạo. Và, không có cách nào khác, để không lạc hậu, không tụt lại phía sau thì ngay từ hôm nay chúng ta phải nghiêm túc nhìn nhận về sự thay đổi mang tính đột phá.

Quốc vương Mohammed bin Rashid Al Maktoum đã viết trong cuốn sách “Tầm nhìn thay đổi quốc gia” rằng: *“Ở châu Phi, mỗi ngày mới, linh dương thức dậy và hiểu rằng hoặc nó phải chạy nhanh hơn con sư tử nhanh nhất, hoặc là nó sẽ bị ăn thịt. Cũng lúc đó, con sư tử tỉnh giấc, đuổi thân mình và biết rằng nó phải chạy nhanh hơn con linh dương nhanh nhất, hoặc nó sẽ chết đói. Điều này không khác với cuộc đua tranh của con người. Cho dù bạn nghĩ mình là linh dương hay sư tử, đơn giản bạn phải “chạy” nhanh hơn những người khác để tồn tại”*. Trong thế giới ngày nay, mọi thay đổi diễn ra rất nhanh chóng và nếu không ý thức được điều đó, không nắm bắt xu thế, không nỗ lực và tìm ra phương cách để trở thành người “đủ nhanh” trong cuộc đua, chúng ta sẽ thất bại, sẽ tụt hậu. Có thể, những người hoạt động trong lĩnh vực công nghệ, kinh doanh sẽ cảm nhận rõ hơn điều này còn với văn học nghệ thuật, phần lớn chúng ta chưa thấy rõ điều đó. Nói cách khác, văn nghệ sĩ, đặc biệt là văn nghệ sĩ ở địa phương chưa nhận thức hết được sự cần thiết phải đổi mới tư duy và phát huy sáng tạo; chưa nhạy cảm với những thay đổi của thời cuộc.

Bởi vậy, để mùa Xuân sẽ tới cùng những điều tốt đẹp thì ngay từ hôm nay chúng ta phải dám rũ bỏ những cũ kỹ trên mình để bước sang một chương mới như cái cách mầm cây xé toạc những lớp vỏ xù xì và vươn lên kiêu hãnh. Ta có quyền tin mùa xuân cùng với mạch nguồn sức sống căng tràn của nó sẽ thức dậy và thấp lên ngọn lửa đam mê, khát khao thay đổi trong mỗi người để họ đủ can đảm vượt thoát khỏi những cũ mòn lâu nay vẫn bao phủ trên mình. Và, bằng cách đó, chúng ta sẽ cùng nhau thấp lên hy vọng về một năm 2023 tươi sáng cho nền kinh tế cũng như văn hóa - xã hội, văn học nghệ thuật nước nhà.



Nhà nghiên cứu

QUYÊN GAVOYE

tiết lộ về “100 năm lật lại hồ sơ
Nguyễn Ái Quốc ở Paris”

■ **Quyên Gavoye (tên thật là Phạm Thị Thanh Quyên), sinh năm 1980, chuyên gia di sản, hiện đang sinh sống và làm việc tại thành phố Besançon, Cộng hòa Pháp nhưng giữ mối liên hệ thường xuyên với Việt Nam khi tích cực viết sách, cộng tác với nhiều tờ báo trong nước và mới đây loạt bài “100 năm lật lại hồ sơ Nguyễn Ái Quốc ở Paris” của chị đã vinh dự nhận giải thưởng toàn quốc về thông tin đối ngoại lần thứ VIII. Loạt bài đó chỉ như phần nổi của tảng băng, bởi Bộ hồ sơ “Nguyễn Ái Quốc bí danh Hồ Chí Minh (từ 1911 đến 1955)” dày 9000 trang mà Quyên Gavoye dày công nghiên cứu có rất nhiều tư liệu chưa từng được biết. Trước thêm năm mới 2023, Quyên Gavoye đã chia sẻ về công việc này.**

Tập hồ sơ có nhiều chi tiết chưa được công bố về cuộc đời Bác Hồ

Vì sao chị có duyên tiếp cận hồ sơ “Nguyễn Tất Thành bí danh Nguyễn Ái Quốc, bí danh Hồ Chí Minh (từ 1911 đến 1955)” rất đồ sộ và nhiều mảng tư liệu? Thật khó chọn “cây” giữa “rừng” tư liệu ấy, nhưng cảm giác của chị khi tiếp cận bộ hồ sơ này là gì và chị muốn tìm hiểu sâu vào mảng tư liệu nào nhất?

Là một người làm trong ngành văn hóa với vai trò là chuyên viên bảo tồn di sản và văn hóa thư viện, tôi có điều kiện tiếp xúc với rất nhiều tài liệu thuộc lĩnh vực này. Vì đặc thù của công việc và xuất xứ của bản thân nên tôi thường xuyên quan tâm đến các tài liệu liên quan Việt Nam.

Bộ hồ sơ “Nguyễn Ái Quốc bí danh Hồ Chí Minh (từ 1911 đến 1955)” là một trong những tài liệu di sản có tính chất lịch sử đang được lưu trữ tại Cục Lưu trữ quốc gia hải ngoại của Cộng hòa Pháp là một trong những tài liệu mà tôi tiếp cận khá sớm ngay sau khi vào nghề. Ngay từ đầu tôi đã rất ấn tượng với mức độ đồ sộ, tính chi tiết và sự vẹn toàn của tập tài liệu, và vì thế nên tôi luôn ao ước được khai thác tập hồ sơ một cách hiệu quả nhất. Đó là điều tôi đang làm và sẽ tiếp tục làm.

Là một người làm di sản thì mọi tài liệu đối với tôi đều quan trọng dù những chi tiết trong đó rất nhỏ nhưng nó có thể trở thành một mắt xích trong chuỗi những sự kiện, vì thế khi tiếp cận tập hồ sơ, tôi quyết tâm tìm hiểu tất cả mà không chọn lọc hay bỏ qua một phần nào trong đó. Do đây là ghi chép của mật thám nên chúng chứa đựng rất nhiều yếu tố riêng tư vì đằng sau mỗi mật thám là một con người như chúng ta với những cảm xúc rất cá nhân. Đó chính là yếu tố hấp dẫn của tập hồ sơ. Chúng cho ta thấy được hình ảnh thật sự của Nguyễn Ái Quốc thông qua con mắt của những con người đứng bên kia chiến tuyến.

Mặt khác khi nghiên cứu di sản thì một chi tiết nhỏ cũng đủ để người làm di sản quan tâm vì chúng giải tỏa được rất nhiều bí ẩn trước đó. Tôi lấy một ví dụ nhỏ, trong một báo cáo của mật thám De Villier, người được phân theo dõi Nguyễn Ái Quốc năm 1923, trong một số trang, những người nghiên cứu đầu tiên đã có những nhận định về chi tiết và ghi nó vào bên lề bằng chữ viết tay và chỉ gói gọn trong một vài từ. Bây giờ những nhận định đến lượt nó trở thành một phần của tập hồ sơ, giúp chúng ta sáng tỏ một số chi tiết mà nếu không đọc chúng thì khó có thể hiểu được tại sao. Với lý do đó, những người làm di sản hiểu được tại sao chúng tôi không thể chọn mà luôn tìm mọi cách để có thể làm hoàn chỉnh một công việc.

Rất nhiều người Việt Nam đã biết về sự tồn tại và nội dung của tập hồ sơ này nên khi tiếp cận hồ sơ, ngoài sự háo hức còn có sự thận trọng bởi đây là một nhân vật huyền thoại nên mọi chi tiết đều phải được trả lại đúng giá trị để làm sáng tỏ những điều mọi người còn chưa rõ. Vì thế khi tiếp cận hồ sơ, linh cảm duy nhất của tôi: đây sẽ là một việc nan giải nhưng vô cùng thú vị. Sau nhiều năm nghiên cứu tập hồ sơ, thì đây là công việc đòi hỏi nhiều sự đầu tư về thời gian để tìm hiểu nhất mà tôi đang làm. Cảm giác như đang đứng trước một mỏ quặng nhiều vỉa cần khai thác từng chút một để tránh không bỏ sót những viên đá quý.



Hồ sơ lưu trữ Nguyễn Ái Quốc tại ANOM



Ảnh Nguyễn Ái Quốc lưu trữ tại ANOM



Hồ sơ lưu trữ Nguyễn Ái Quốc tại ANOM

Tài liệu về chính sách thực dân của Pháp tại Đông Dương

Thực ra không chỉ có tập hồ sơ này mà mọi tài liệu khác cũng thế. Một người làm di sản sẽ hiểu, không có chi tiết thừa chỉ có chi tiết chưa được đánh thức đúng giá trị. Khi mới bắt đầu tập hồ sơ, có nhiều đêm tôi làm quên ngủ, chồng tôi, một người gốc Pháp, hỏi tại sao lại có thể say mê đến thế, tôi đã trả lời rằng, bất cứ người Việt nào có cơ hội như em cũng sẽ say mê như em.

Sự đồ sộ của bộ hồ sơ làm chị nghĩ gì về cuộc đời Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - một cuộc đời tưởng như đã được “bạch hóa” nhưng thực ra vẫn còn những góc khuất cho những nhà nghiên cứu như chị tìm hiểu, khám phá?

Như đã nói ở trên, tập hồ sơ là cả một kho báu với nhiều chi tiết mà cho đến nay vẫn chưa được công bố về cuộc đời của Bác. Vậy nên càng đi sâu vào tìm hiểu thì càng có nhiều điều để kể hơn. Những điều đó sẽ giúp trả lời những thắc mắc vẫn còn đọng lại về những năm tháng hoạt động tại hải ngoại của Người. Thực ra tôi không bắt ngờ khi phát hiện ra những chi tiết mới mẻ về cuộc đời của Nguyễn Ái Quốc ở Paris vì đó chính là bản chất của người làm công tác di sản văn hóa, đào bới và tìm ra những điều chưa được biết tới. Mặt khác tôi luôn tâm niệm rằng không ai có thể biết hết được những bí mật của cuộc đời của một con người, nhất là một người đã trở thành huyền thoại. Cũng có thể với tâm lý đó nên tập hồ sơ luôn cho tôi cảm hứng nghiên cứu, bởi càng tìm hiểu thì càng có thêm những chi tiết mới. Đêm qua tôi đã mất ngủ vì đọc được một trang báo cáo của mật thám Désiré khá thú vị.

Có những giai đoạn Nguyễn Ái Quốc bị theo dõi 24/24h

Chị có thể chia sẻ về những điều thú vị khiến chị mất ngủ?

Đó là một bản báo cáo vào tháng 10 năm 1923, khi đó Nguyễn Ái Quốc đã rời Pháp sang Nga được vài tháng. Nhưng mật thám vẫn đeo bám các đồng chí của Nguyễn Ái Quốc, trong đó có luật sư Phan Văn Trường. Trong rất nhiều báo cáo về Sở Mật thám và Bộ Thuộc địa, Désiré yêu cầu Sở Mật thám cần hành động gấp. Trong đó có việc từ chối cấp hộ chiếu để Phan Văn Trường không thể xuất ngoại. Trong báo cáo thứ nhất, họ không thể không cấp cho luật sư Phan Văn Trường vì ông chưa từng làm điều gì phạm luật. Trong báo cáo thứ hai, họ thừa nhận ngay cả khi không có hộ chiếu như Nguyễn Ái Quốc thì việc đi qua biên giới vẫn dễ như không. Trong báo cáo thứ ba: chúng tôi không thu thập được những bằng chứng có lợi chống lại Nguyễn Ái Quốc. Chúng tôi Nguyễn Ái Quốc và Phan Văn Trường luôn hoạt động hợp pháp. Lý thuyết này rất có ý nghĩa khi dùng hoạt động hợp pháp để đấu tranh chống lại nhà nước.

Tập hồ sơ này ngoài việc liên quan trực tiếp đến quá trình hoạt động và trưởng thành của một Hồ Chí Minh tương lai, nó còn là minh chứng cho một giai đoạn lịch sử đấu tranh của rất nhiều người Việt Nam yêu nước khác ở bên ngoài lãnh thổ, trong đó có Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Văn Ái. Họ cùng là đồng chí trong Liên hiệp các thuộc địa và Ban Biên tập tờ báo “Những người cùng khổ”.

Khi giải mã hồ sơ, có những chi tiết tưởng như nhỏ, chưa ai biết đến nhưng nói lên nhiều điều. Đó là tình hình sức khỏe của Nguyễn Ái Quốc trong những ngày ở Paris. Bác đã từng bị phẫu thuật cánh tay do hoại thương. Và một bà mẹ đỡ đầu người Pháp viết thư động viên trong những ngày Nguyễn Ái Quốc nằm viện. Điều đó chứng tỏ đó là một người vô cùng quảng giao, bởi người Pháp không cởi mở nhiều với người gốc Á. Việc Nguyễn Ái Quốc có người quan tâm và tự xưng là mẹ nuôi chứng tỏ Bác rất được yêu mến.

Chính nhờ sự đồ sộ nên tập hồ sơ khá chi tiết. Hồ sơ cho thấy có những giai đoạn hoạt động của Nguyễn Ái Quốc bị theo dõi 24/24h. Tôi đã bật cười một mình vì có lần đọc xong bỗng liên tưởng hình ảnh của một mật thám thập thò theo chân Bác.

Giúp thế hệ tương lai tiếp cận với “một phần ký ức” của dân tộc

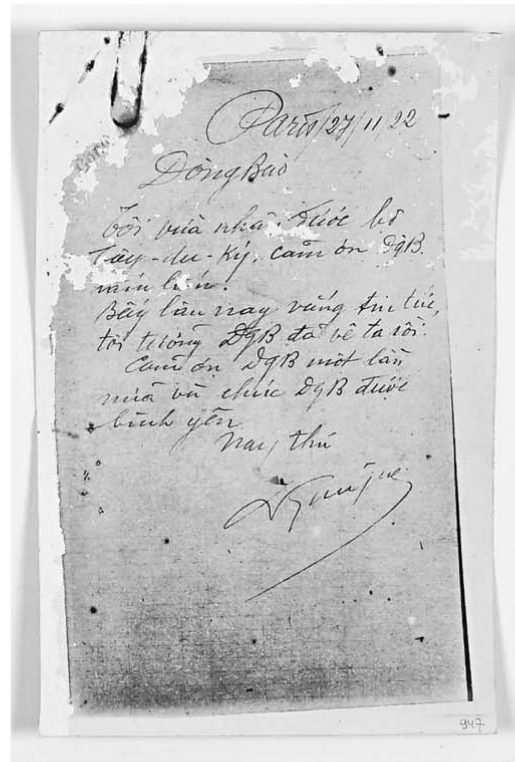
Văn hào Gabriel Garcia Marque từng viết: *“Cuộc sống không chỉ là quãng thời gian ta đã sống, đã tồn tại, mà còn là những gì ta sẽ để lại dấu ấn của mình trong cuộc đời này. Trên chặng đường đó, ta được ước mơ, được trải nghiệm, được vượt qua thử thách, được thể hiện và sống thật với chính mình, cùng những nỗi buồn, hạnh phúc, sai lầm và nỗi đau. Để cuối cuộc đời chúng ta có quyền nhớ lại, hồi tưởng và kể lại những ký ức không quên đó... và chúng ta phải đấu tranh để bảo vệ những ký ức tuyệt vời đó”. Một người làm nghiên cứu di sản, chị có cho rằng mình có sứ mệnh “bảo vệ những ký ức tuyệt vời” về Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh thông*

qua nghiên cứu và kể câu chuyện của Bác Hồ cũng là một phần lịch sử dân tộc qua bộ hồ sơ đó?

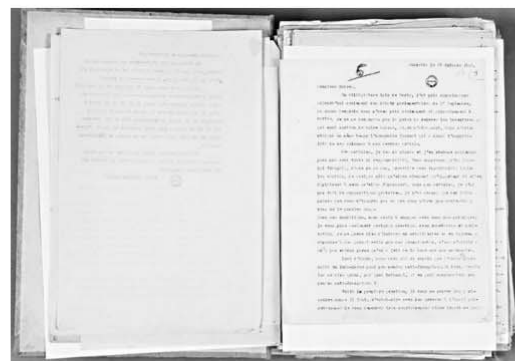
Không chỉ riêng có tập hồ sơ về Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh mới có giá trị lịch sử mà tất cả các tài liệu lưu trữ khác đều mang trong mình những giá trị thời đại. Tuy nhiên, điều khác biệt của tập hồ sơ này chính là thân thể của một con người đã trở thành huyền thoại không chỉ với dân tộc Việt Nam mà còn cả với Nhân dân thế giới bởi đó chính là một trong những tia sáng đầu tiên trong công cuộc đấu tranh lật đổ chủ nghĩa đế quốc. Cũng chính vì sự quan trọng đó mà đôi khi tôi cảm thấy bị áp lực bởi không dễ dàng cho bất cứ ai tìm hiểu và làm sáng tỏ những chi tiết về một con người tưởng chừng như đã trở thành thân thuộc với tất cả mọi người. Nhưng cũng chính những khó khăn tạo thêm động lực cho tôi tìm hiểu sâu sát hơn và cẩn trọng hơn. Mặt khác tôi làm việc này với tinh thần của một người con của đất nước sống ngoài biên giới chứ không phải làm với trách nhiệm phải hoàn thành công việc nên những khó khăn đó chỉ giúp tôi thêm tự hào và hứng khởi.

Hiện tại tôi đang hoàn thành bộ truyện tư liệu dành cho thiếu niên về cuộc đời của Nguyễn Ái Quốc ở Paris giúp những thế hệ tương lai tiếp cận được với “một phần ký ức” của dân tộc thông qua những câu chuyện với nhiều tình tiết hấp dẫn. Hi vọng rằng đây sẽ là phần đóng góp của tôi với quê hương với tư cách là một tác giả và một người làm công tác văn hóa di sản.

Làm công tác nghiên cứu di sản, chị đánh giá thế nào về ý nghĩa của việc hồi hương những di sản văn hóa Việt Nam như ấn vàng Hoàng đế chi bảo từ Pháp về nước cũng như vai trò của di sản đối với việc xây dựng văn hóa hôm nay?



Thư viết tay của Bác



Bức thư Nguyễn Ái Quốc gửi Outrey

Di sản chính là tài sản của quốc gia, một tài sản vô giá có giá trị mạnh về tinh thần cũng như vật chất. Vì nhiều lý do mà tài sản quốc gia đôi khi bị “thất lạc” ở một nơi nào đó ở bên ngoài biên giới của đất nước nên cần được hồi hương để bảo toàn tài sản của đất nước. Hẳn những người quan tâm đến di sản còn nhớ câu chuyện hồi hương di sản mới diễn ra hồi năm 2019 từ vương quốc Anh về nước Ethiopia. Câu chuyện bắt đầu từ 150 năm trước, 13.000 lính Anh đã bao vây pháo đài Maqdala ở Ethiopia trong trận chiến năm 1868. Chiến lợi phẩm của họ thu được chính là sợi tóc của Hoàng đế Tewodros II vừa tự sát. 150 năm sau, sau khi Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Du lịch Ethiopia đã gửi yêu cầu chính thức về việc hoàn trả những lọn tóc của hoàng đế, bây giờ được xếp vào di sản, về cho đất nước, Bảo tàng Quân đội Quốc gia của vương quốc Anh tuyên bố trả lại những lọn tóc cho Ethiopia.

Nhưng đó chỉ là một trong những câu chuyện hi hữu bởi chuyện hồi hương di sản từ trước tới nay chưa bao giờ là dễ dàng vì nó không chỉ liên quan tới di sản mà còn liên đới tới ngoại giao giữa các dân tộc. Không một nước nào muốn trao lại tài sản mà mình đang có trong tay về một đất nước khác mà không có những điều kiện kinh tế kèm theo thậm chí nhiều quốc gia, nhiều tổ chức hay cá nhân còn thẳng thừng từ chối việc trao trả di sản.

Nhưng không vì khó khăn mà bỏ rơi tài sản của đất nước, rất nhiều tổ chức cũng như những người làm công tác văn hóa di sản đã tiến hành nhiều cách khác nhau để giúp người dân của quốc gia có tài sản thất lạc tiếp cận được với di sản của đất nước. Đó là ví dụ của một công dân người Niger Adaobi Tricia Nwaubani, thay vì đột nhập lấy lại tài sản, anh ta đã chọn cách hồi hương di sản bằng kỹ thuật số. Trong vòng vài tháng, Adaobi Tricia Nwaubani đã hoàn thành một bảo tàng kỹ thuật số giúp người dân Niger có thể chiêm ngưỡng những di sản của họ đang “thất lạc” tại nước ngoài. Có thể nói đó là một câu chuyện hết sức tuyệt vời trong bối cảnh tồn tại quá nhiều hạn chế để người dân tiếp xúc trực tiếp được với di sản thì di sản kỹ thuật số chính là giải pháp tối ưu. Bởi di sản chính là phần lịch sử được thể hiện qua vật chất, chúng giúp lan tỏa niềm tự hào dân tộc, gắn kết sự đoàn kết và nhất là chúng cho phép những người trẻ hiểu rõ hơn về nguồn gốc cũng như văn hóa của quốc gia nơi họ sinh ra. Một quốc gia không có văn hóa thì đất nước cũng sớm bị lụi tàn bởi văn hóa chính là hồn cốt của quốc gia đó.

Xin trân trọng cảm ơn chị!

PHÙNG NGUYỄN (thực hiện)

Phải biết đột phá để kích dậy văn hóa dân tộc

TS. LÊ DOÃN HỢP^(*)

■ Làm văn hóa cũng như làm kinh tế, phải biết đột phá để kích dậy văn hóa dân tộc. Xây dựng hệ giá trị văn hóa cần làm quyết liệt, làm không khoan nhượng, làm không lùi bước, làm xoáy sâu vào 3 trụ cột quan trọng nhất là văn hóa gia đình, văn hóa doanh nghiệp và văn hóa công sở.

Văn hóa gia đình là nền tảng của xã hội

Gia đình là đơn vị kinh tế cơ sở, là đơn vị an ninh cơ sở và là đơn vị văn hóa cơ sở. Có thể nói, mọi sự tốt đẹp của xã hội đều bắt đầu từ gia đình và mọi điều không yên, không vui của xã hội cũng luôn xuất phát từ gia đình. Gia đình tốt thì con người tốt và xã hội cũng tốt.

Thiết nghĩ, văn hóa gia đình là nền tảng của xã hội, xây dựng gia đình văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Xét và công nhận “Gia đình văn hóa” là hình thức tôn vinh những điển hình tiên tiến ở cơ sở, là việc làm cốt lõi trong gìn giữ văn hóa gia đình, góp phần phát huy các giá trị đạo đức truyền thống và động viên cộng đồng chung tay xây dựng nếp sống văn minh.

Tuy nhiên, công tác này ở nước ta hiện nay còn mang nặng tính hình thức và bệnh thành tích. Những tập thể và gia đình được tôn vinh đạt chuẩn văn hóa không thật sự là những điển hình tiêu biểu để cộng đồng dân cư học tập, noi theo, ít có tác dụng giáo dục, nêu gương. “Gia đình văn hóa” phải thực sự tiêu biểu, xứng đáng với danh hiệu được tôn vinh, không vì thành tích của tập thể mà hạ thấp tiêu chuẩn, bình bầu dễ dãi, qua loa, chiếu lệ... Như thế mới có tác dụng làm gương, động viên cộng đồng dân cư học tập và làm theo những mặt tích cực, đoàn kết trong xây dựng đời sống văn hóa.

Văn hóa doanh nghiệp là nền tảng của kinh tế

Văn hóa doanh nghiệp là cốt cách, nền tảng cho sự phát triển kinh tế. Nếu không chăm lo xây dựng văn hóa doanh nghiệp thì làm sao có kinh tế bền vững? Làm sao có kinh tế lành mạnh?

* Nguyên Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Nghệ An, nguyên Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông

Văn hóa doanh nghiệp lệ thuộc 3 yếu tố. Thứ nhất là lệ thuộc vào văn hóa của người đứng đầu doanh nghiệp. Thứ hai là lệ thuộc vào quy chế quản lý nội bộ (trong đó có nội dung nhân sự, quản lý tài chính, tài sản và cơ chế phân phối lợi ích). Thứ ba là lệ thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Nhà nước (nộp ngân sách), đối với xã hội (công tác từ thiện, bảo vệ môi trường...), đối với người tiêu dùng (chất lượng và giá thành sản phẩm). Tuy nhiên, phần lớn vẫn lệ thuộc vào yếu tố tiên quyết của người đứng đầu doanh nghiệp.

Trong sự nghiệp chấn hưng đất nước, doanh nhân là những người con ưu tú của xã hội, có ý chí, có học thức, có lý tưởng. Trong vai trò là người thuyền trưởng “chèo lái” doanh nghiệp, họ phải đem tiếng nói của mình, suy nghĩ của mình để khơi dậy được ý chí tinh thần, nội lực của tập thể cán bộ, công, nhân viên. Điều này đòi hỏi tầm nhìn sáng suốt, cái tâm trong sáng và thái độ ứng xử đúng mực của lãnh đạo. Từ đó, hình thành nên chính sách riêng biệt, điều kiện cơ chế vận hành doanh nghiệp hướng tới một mục tiêu chung là xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân trở thành nền tảng phát triển bền vững của kinh tế đất nước.

Văn hóa công sở là nền tảng của chính trị

Văn hóa công sở chính là đạo đức công vụ. Một người có đạo đức sẽ luôn phát ra bên ngoài bằng văn hóa nên văn hóa là tinh hoa của đạo đức. Một người có văn hóa vì họ là người có đạo đức. Vì thế, văn hóa chính là đạo đức. Người ta nhìn vào một đảng cầm quyền trước hết nhìn vào văn hóa ứng xử với Nhân dân, đồng bào của đội ngũ công chức.

Ngày xưa, triều đình rất quan tâm đến cán bộ cơ sở, cấp thay mặt nhà vua hành xử với dân. Cán bộ sai là làm mất uy tín của vua, đúng như Lênin đã nói: “UBND các cấp là cơ quan trung ương đóng tại địa phương”. Nhà Vua Lê Thánh Tông cũng từng đưa ra 4 tiêu chuẩn (2 tài, 2 đức) để chọn lý trưởng (cấp gần dân nhất) là: “Học lực sinh đồ. Gia tư hảo túc. Đức hạnh ôn hòa. Ngôn ngữ khả tín”. Vì thế, văn hóa công vụ, đạo đức công chức chính là văn hóa và tín nhiệm của đảng cầm quyền.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cũng là một bộ phận của cộng đồng. Các yếu tố văn hóa ở họ cũng chính là các yếu tố văn hóa dân tộc, đạo đức của họ chính là đạo đức xã hội. Nếu công chức, viên chức có ý thức, có trình độ sẽ hiểu việc phục vụ Nhân dân là trách nhiệm và nghĩa vụ bởi họ là “công bộc” của Nhân dân, được trả lương của Nhân dân; ngược lại, nếu không nhận thức thấu đáo, tư duy quan cách, sẽ cho rằng người dân được họ ban phát..., từ đó nảy sinh thói cửa quyền, thậm chí là hịch sách, nhúng nhể. Chính vì vậy, trình độ văn hóa, ý thức đạo đức công vụ cũng chính là một yếu tố quan trọng quyết định tinh thần, thái độ ứng xử, chất lượng phục vụ của công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ.

Suy cho cùng, gốc của văn hóa con người là đạo đức. Văn hóa là tinh hoa của đạo đức. Khi đạo đức xuống cấp thì không còn văn hóa. Muốn sống yên lành là phải sống có đạo đức. Tất cả những đồng tiền chân chính bao giờ cũng giúp ta làm những điều chân chính, tất cả những đồng tiền nhor bẩn bao giờ cũng nhuộm bẩn mình và vấy bẩn sang người khác. Cho nên, xã hội tốt đẹp luôn cần hướng tới đạo đức.

Nhân tài và hiền tài

Nhà thơ **MAI NAM THẮNG**

Tháng trước, tôi được một tạp chí văn nghệ địa phương ở miền Trung mời vô dự hội nghị tổng kết công tác năm 2022, kết hợp gặp mặt cộng tác viên gần xa của tạp chí. Thật chẳng uống công vượt gần ngàn cây số tự túc tiền tàu xe, chuyển đi đã cho tôi được gặp lại mấy người bạn đồng môn đại học hơn ba chục năm trước, nay đều là những văn sĩ, thi sĩ, họa sĩ, nhạc sĩ, nghệ sĩ, tiến sĩ... Thật mừng cho các bạn!

Câu chuyện hàn huyên trong cuộc rượu hội ngộ bữa đó, chẳng rõ thể nào lại bị cuốn vào sự kiện nóng sốt vừa xảy ra ở địa phương sở tại: Nhiều bác sĩ giỏi của bệnh viện tỉnh đã và đang nộp đơn xin nghỉ việc. Hàng chục giáo viên giỏi các nhà trường phổ thông công lập ở mấy thị xã và thành phố cũng đã và đang nộp đơn xin nghỉ việc. Đặc biệt, một số cán bộ công chức mấy ngành vốn là niềm mơ ước của thiên hạ lâu nay, như: ngân hàng, tài chính, môi trường, xây dựng... cũng đã nộp đơn xin nghỉ việc. Lý do xin nghỉ đa số đều là vì sức khỏe bản thân, hoặc vì hoàn cảnh gia đình, nhưng dư luận thì biết rõ mười mươi là họ đã được các nhà trường ngoài công lập, các bệnh viện và phòng khám tư nhân, các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài chào mời, với các khoản đãi ngộ và môi trường làm việc hấp dẫn gấp nhiều lần so với vị trí hiện tại của họ.

Chuyện ấy đang là hiện tượng chung của cả nước, có gì lạ đâu? Theo tài liệu của ngành nội vụ công bố mới đây, thì từ năm 2020 đến nay, cả nước có gần 40 ngàn cán bộ, công chức, viên chức xin thôi việc hoặc chuyển sang khu vực tư. Trong đó tỉ lệ xin nghỉ ở trung ương là 18% và địa phương là 82%; tập trung nhiều nhất là ở 2 ngành y tế và giáo dục, cùng một số ngành “hot” như vừa nêu trên.

Vâng, đúng là chuyện chẳng có gì mới lạ. Cơ mà điều đáng nói là rất nhiều những người rẽ ngang, “rời ghề” ấy, trước đây từng được bao cấp đào tạo chuyên môn theo tiêu chuẩn học sinh cử tuyển; hoặc là công chức, viên chức được cử đi học hàm thụ, tại chức, nghiên cứu sinh... nhưng vẫn được hưởng nguyên lương. Tóm lại, họ thành tài là nhờ tiền Nhà nước. Thế mà nay họ mang cái tài ấy đi phục vụ khu vực ngoài Nhà nước thì có hợp lý, hợp tình không và Nhà nước phải xử lý họ như thế nào?

Thế là đám thực khách cổ nhân chúng tôi “hăng hái hùng hổ” luận bàn, ý kiến tựu trung chia thành 2 phe “đả” nhau rất quyết liệt.

Phe thứ nhất cho rằng: cần phải truy thu số tiền Nhà nước đã đài thọ đào tạo họ thành tài. Hơn thế nữa, phải xử phạt cao gấp nhiều lần chi phí Nhà nước đã đài thọ, thì mới có sức răn đe ngăn chặn vấn nạn “chảy máu chất xám” lâu nay đang là một trong những kênh lãng phí bậc nhất ở nước ta.

Phe thứ hai thì cho rằng: với cơ chế tuyển dụng và trọng dụng nhân tài như hiện nay, thì thà rằng đền bù một khoản tiền để được làm việc và cống hiến trong những môi trường lý tưởng, còn hơn “bó thân về với quê nhà” để phải đối mặt với một tương lai không sáng sủa, một môi trường khó có cơ hội thăng tiến, một *cơ chế xin-cho* cùng những cuộc đua chen của đồng tiền và quyền lực. Đây đó lâu nay vẫn nói rằng “hiền tài là nguyên khí của quốc gia” và luôn sẵn sàng “chiêu hiền, đãi sĩ”, nhưng thực tế thì...

Đến lượt tôi được góp lời: cả hai phe các bạn đều có lý và có phần đúng! Nhưng trong trường hợp này mà gọi những người được hưởng bổng lộc Nhà nước để thành tài rồi quay lưng lại với Nhà nước là “hiền tài” thì tôi không đồng ý. Vì sao ư? Vì họ có thể là những *nhân tài* nhưng nhất quyết không thể là những *hiền tài*. *Nhân tài* là những người có năng lực xuất sắc, có khả năng làm giỏi và có sáng tạo trong một công việc, một ngành, một lĩnh vực cụ thể. Còn *hiền tài* là người tài cao, học rộng và có đạo đức, một lòng một dạ vì lợi ích của Nhân dân, của Tổ quốc. *Hiền tài* không bao giờ hành xử kiêu tham bất bỏ mâm, “cạn tàu ráo máng”, thực dụng, vụ lợi... *Hiền tài* là người tài, có đức, có trách nhiệm và chỉ những người có tài, có đức, có trách nhiệm mới thực sự là “nguyên khí của quốc gia”!

Cách đây gần 600 năm, sau khi đánh đuổi hoàn toàn giặc Minh, lên ngôi vua mới hơn một năm, ngày mùng Một tháng Mười âm lịch năm 1429, Thái tổ Lê Lợi đã ban hành tờ chiếu với nội dung như sau: “Trẫm nghĩ, muốn thịnh trị, phải có người hiền tài; muốn được người hiền tài, phải do tiến cử. Người đứng đầu thiên hạ phải lo việc ấy trước tiên (...). Vậy ra lệnh cho đại thần văn võ, công hầu đại phu từ tam phẩm trở lên, mỗi người tiến cử một người, ở trong triều hay ngoài thôn dã, đã làm quan hoặc chưa làm quan (...). Ai tiến cử được người hiền sẽ được trọng thưởng”.

Quan điểm về việc tìm “nhân tài giúp nước” trên đây của tiền nhân được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục thể hiện trong bài viết “Tìm người tài đức” đăng trên

báo Cứu quốc ngày 20-11-1946: “Nước nhà cần phải kiến thiết, kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó tôi xin thừa nhận. Nay muốn sửa đổi điều đó và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân, thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết”.

Đất nước ta có được như hôm nay là nhờ những người tài đức như trên đã chung tay góp sức vì dân vì nước; cùng dân tộc vượt qua biết bao thăng trầm cam go. Và ngày nay, đất nước ta đang rất cần những người tài đức chung tay góp sức cùng làm “những việc ích nước lợi dân”; góp phần đẩy lùi những trì trệ, tiêu cực, quốc nạn... để hội nhập và phát triển; trong đó có cả việc đấu tranh đẩy lùi những hạn chế, bất cập, tiêu cực trong tuyển dụng và trọng dụng *nhân tài*. Chỉ những *nhân tài* lúc này dám chấp nhận khó khăn, cản trở; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì nghiệp lớn của dân tộc, thì mới xứng đáng là *hiền tài*! Và tất nhiên, cần kíp những giải pháp và biện pháp hữu hiệu để bảo vệ những *nhân tài* dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đừng để họ trở thành nạn nhân của những hẹp hòi, đổ kỵ, phe nhóm và những bất cập của cơ chế, luật lệ hiện hành...

Vẫn biết rằng trong thời đại ngày nay thì làm việc ở đâu cũng đều là một hình thức cống hiến cho xã hội, cho đất nước. Tuy nhiên, nếu những *nhân tài* được cống hiến trực tiếp cho đất nước, tại các cơ quan nhà nước, tại các doanh nghiệp và tổ chức trong nước... thì vẫn thiết thực và ý nghĩa hơn. Vì vậy, Nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội trong nước cần tích cực và nhạy bén hơn nữa trong việc phát hiện và bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Và cả các bạn thân mến của tôi nữa, nếu chúng ta không dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm để cùng nhau vượt lên; nếu chúng ta không làm một cái gì đó để góp sức thấp lửa thối bùng “nguyên khí của quốc gia”, mà ngồi đâu cũng chém gió chê bai chuyện “chiêu hiền, đãi sĩ” ở ngành này cấp nọ, thì bao giờ những “sĩ” này “sĩ” nọ mới được là *Sĩ phu, Kẻ sĩ*?



Quê nội Chủ tịch Hồ Chí Minh

Xuân về trên Khu Di tích Kim Liên

ĐÀO THÚY HOA

Những ngày cuối cùng của năm Nhâm Dần trên Khu Di tích Kim Liên đầy không khí nhộn nhịp của xuân mới. Sắc xuân tươi tràn khắp không gian, quang cảnh sáng rực cờ hoa và trên từng gương mặt, trong nhịp độ khẩn trương làm việc của cán bộ, viên chức nơi đây - những con người vẫn ngày ngày miệt mài, tận tụy phục vụ du khách về với các di tích Bác Hồ.

Tết Quý Mão là cái Tết cuối cùng ông Nguyễn Văn Chung, Phó Giám đốc Khu Di tích Kim Liên được cùng anh em sum vầy chộn rộn đón chờ thời khắc giao thừa, rồi cùng đi chúc Tết bà con ở làng Sen lúc bình minh năm mới. Chẳng còn nhiều thời gian nữa, sang năm 2023, ông đã nghỉ hưu rồi, đây là kỳ cuối cùng ông được cùng anh em trực Tết. Tết hay ngày lễ là dịp để các gia đình Việt được sum vầy, nhưng với nhân viên của Khu Di tích Kim Liên lại là những ngày bận rộn, làm việc bằng 200 phần trăm so với ngày thường. Với ông Chung và anh em nơi đây, nhiệm vụ này đã như một lễ tất nhiên mà nếu bây giờ không làm

ông thấy hụt hẫng, là lạ, vì hơn 30 năm gắn bó với Khu Di tích này, ông đều đã thực hiện như vậy. Bắt đầu từ ngày 28 cho đến 05 Tết toàn cơ quan sẽ chia thành 2 kíp trực đón khách, thuyết minh, bảo vệ. Ngày 30 đến 03 Tết, việc phục vụ được thực hiện thông tầm từ 7h sáng đến 18 giờ chiều để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách. dịp này việc phòng chống cháy nổ và đảm bảo an ninh trật tự đòi hỏi yêu cầu cao hơn nên nhóm trực bảo vệ phải duy trì liên tục 24/24 giờ. Ông Chung chia sẻ: Chúng tôi là nam giới, thời gian trực có nhiều hơn chút đỉnh, nhưng chị em phụ nữ cũng bận lắm, vừa phải chu tất việc nhà nội, nhà ngoại, vừa phải lo việc cơ quan. Đầu chỉ dịp Tết mà suốt cả năm anh em ở đây cũng hiếm khi được nghỉ ngày Chủ nhật. Phụ nữ được ưu tiên hơn chút nên có vài ngày nghỉ trong tháng, còn lại hầu như chỉ bố trí nghỉ bù vào những thời điểm ít khách. Vậy nhưng, ông Chung cười: Vất vả song ai cũng gắn bó với công việc, với tập thể này, kể cả hai năm dịch Covid căng thẳng là thế, tiền lương cho các nhân viên hợp đồng gặp nhiều khó khăn nhưng cũng không ai bỏ việc. Tất cả mọi người cùng chia sẻ khó khăn, cùng gánh vác công việc. Chị Nguyễn Thị Huyền, người đã có trên 20 năm thuyết minh tại Khu Di tích Kim Liên cũng vững lòng khi nói về công việc của mình: “Chúng tôi thấy vui khi được làm việc tại quê Bác. Biết sắp xếp hài hòa việc nhà việc cơ quan thì mọi việc đều tốt đẹp cả. Nhiều khách muốn nghe thuyết minh để hiểu về quê hương, về Bác, có nghĩa là công việc của chúng tôi đã góp phần hữu ích cho cộng đồng.”

Những ngày giáp Tết, dù lượng khách về quê Bác có ít hơn thường ngày, nhưng anh chị em ở Khu Di tích Kim Liên vẫn vô cùng bận rộn. Khi chúng tôi về đây thì cả cơ quan đang chuẩn bị cho các công việc việc đón Tết. Đoàn Thanh niên và công đoàn đảm nhận các nhiệm vụ tạo không khí bằng xây dựng các trực quan Tết xưa, Tết sum vầy với pano, áp phích, cờ, cây nêu và những đào hoa, giỏ hoa tại 3 điểm di tích: Khu mộ bà Hoàng Thị Loan, quê nội và quê ngoại của Bác và trên các con đường dẫn vào di tích cho du khách vừa tham quan vừa check in. Đây là một nét mới của Tết này nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan di tích và vui xuân của du khách. Việc tổng dọn vệ sinh toàn bộ cảnh quan cũng đã được lên kế hoạch cho toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động cơ quan cùng thực hiện để đảm bảo Tết đến, các khu vực, các điểm trong mỗi di tích đều thật sạch đẹp, làm sao cho du khách hài lòng nhất. Số chị em lo chuẩn bị lễ thắp hương, mâm cơm cúng đêm giao thừa và trong 3 ngày Tết tại nhà tưởng niệm Bác, mộ bà Hoàng Thị Loan, nhà cụ Nguyễn Sinh Sắc cũng đang khẩn trương vào việc. Mỗi người mỗi việc, ai cũng tất bật trong không khí thật khẩn trương. Dù đang trò chuyện cùng tôi, nhưng chị Bùi Bích Đảm - Trưởng phòng Tuyên truyền đã phải mấy lần xin lỗi để nghe điện thoại chỉ đạo công việc. Chị cũng “khoe” một chút với tôi, rằng năm nay chị là người được cử ra Quảng Ninh nói chuyện chuyên đề về Bác, theo lời mời của đơn vị Hải quan Cẩm Phả. Từ một số cá nhân ở Hải quan Cẩm Phả về thăm quê Bác đã đề đạt cơ quan mời thuyết minh về giới thiệu trực tiếp để toàn thể viên chức Hải quan Cẩm Phả được hiểu thêm về Bác và quê hương Nghệ An. Chị Đảm đã dành khá nhiều tâm huyết cho bài nói chuyện để có thêm các tư liệu về Bác với Quảng Ninh giúp bài nói chuyện được phong phú và gần gũi hơn với mọi người ở đây. Kết quả thật tốt đẹp khi anh chị em Hải quan Cẩm Phả đã dành cho chị những lời khen ngợi và tình cảm nồng ấm.



Học sinh Trường tiểu học Sơn Thành, Yên Thành nghe thuyết minh tại quê nội của Bác

Xuân này, Khu Di tích Kim Liên cũng thật vui khi báo công lên Bác, bởi có nhiều điều khởi sắc được làm nên từ nội lực của toàn thể anh em. Những tháng đầu năm khi dịch bệnh còn căng thẳng, bộ phận thuyết minh đã cố gắng hoàn thành lớp học tiếng Anh, tiếng Pháp được triển khai từ năm trước, gần đây lại mở thêm lớp học tiếng Lào. Nhờ đó, năm nay đơn vị đã phục vụ nhiều đoàn khách nước ngoài, nhất là các đoàn của nước bạn Lào bằng tiếng nói của chính họ. Có thể vẫn còn nhiều điều phải tiếp tục để hoàn thiện nhưng đây là một sự cố gắng rất lớn từ việc phát huy nội lực hướng tới phục vụ khách nước ngoài bằng tiếng của du khách, trong điều kiện nhiều năm nay chưa thu hút được người có trình độ ngoại ngữ chuyên sâu về làm thuyết minh. Cũng thời điểm dịch đang diễn biến phức tạp, đơn vị đã chủ động phối hợp với các cơ quan, trường học, địa phương như Trường Chính trị tỉnh để thuyết minh online về các di tích trên quê hương Bác Hồ. Trong năm qua, Khu di tích đã đón trên 1.210.000 lượt khách tham quan. Hoạt động truyền thông cũng được tăng cường trên các trang thông tin của Khu Di tích Kim Liên như trang thông tin điện tử, face “Thuyết minh quê Bác”, fapage “Động tranh non nước” thu hút gần 150 ngàn lượt truy cập. Từ các trang thông tin này, đông đảo Nhân dân khắp cả nước và ở nước ngoài đã cập nhật được các hoạt động của Khu Di tích Kim Liên, tìm hiểu được sâu hơn về quê hương, con người và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trung tâm dữ liệu di sản phi vật thể của Khu di tích được thành lập năm 2005, nhưng gần đây đã được bổ sung rất nhiều nhờ số hóa. Từ hai đợt triển khai đã số hóa trên 10.500 file ảnh, tài liệu, hiện vật và trên 3.000 tài liệu tham khảo tạo rất nhiều thuận lợi cho công tác lưu trữ và tuyên truyền. Tại nhà truyền thống, hiện nay du khách đã chủ động trực tiếp tìm hiểu thông tin mình mong muốn về Khu Di tích từ việc vào thực hành công nghệ màn hình chạm...

Anh Nguyễn Văn Tuấn, nhà ở Hà Tây đã rất nhiều lần về thăm quê Bác, lần này đưa 5 người nhà tới tham quan, anh cho hay: tôi rất mừng vì hôm nay chúng tôi, dù không nghe thuyết minh cũng hiểu khá sâu những điều mình muốn biết về các di tích trên quê Bác bằng việc vào màn hình chạm tự chọn.

Anh Lâm Đình Hùng - Trưởng phòng Sưu tầm, kiểm kê và bảo quản của Khu Di tích cũng phần khởi khi chia sẻ, năm nay chúng tôi đã tập trung làm được việc lớn, đó là hoàn thành 4 bộ triển lãm: Hồ Chí Minh với di sản văn hóa; chuyên đề Khắc sâu tình hữu nghị Việt Nam - Lào; Hồ Chí Minh - đẹp nhất tên Người; Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khu Di tích còn hoàn thành bộ triển lãm “Những di tích và tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Việt Nam và trên thế giới” trưng bày dịp kỷ niệm 35 năm UNESCO vinh danh Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất (1985-2022). 5 bộ phim tư liệu online cũng kịp phát hành trên trang thông tin tổng hợp của Khu di tích. Một khối công việc lớn như vậy đã được những người con của Khu Di tích Kim Liên cần mẫn làm nên trong một năm đều xuất phát từ sự mong mỏi đáp ứng được nhiều hơn nhu cầu tìm hiểu của Nhân dân Việt Nam và du khách quốc tế.

Vào một ngày của tháng cuối cùng năm 2022, tôi may mắn được gặp đoàn tham quan là các em học sinh Trường Tiểu học Sơn Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An. Các em đã thật hào hứng khi nghe thuyết minh. Bài thuyết minh cũng rất phù hợp với các em qua phương pháp đan xen giới thiệu và hỏi - đáp lặp lại nhiều lần để vừa nhấn mạnh vừa kiểm tra, giúp các em nắm chắc chắn các thông tin cần nhớ. Tôi khá bất ngờ từ phương pháp hỏi đáp này, khá nhiều em đã nhớ và nắm được những thông tin về quê ngoại của Bác mà các em vừa được tham quan trước đó. Thêm may mắn nữa, trước khi rời Khu Di tích Kim Liên, tôi được gặp đoàn của nhạc sỹ Nguyễn Cường, tác giả “Ly cafe Ban Mê” và những ca khúc nổi tiếng về Tây Nguyên cũng về thăm quê Bác. Tôi để ý, nhạc sỹ rất trầm lặng tham quan kỹ từng di tích, từng hiện vật. Rất nhiều lần, ông lặng lẽ lau nước mắt sau những lời thuyết minh đầy xúc động. Ông chia sẻ với giọng nghèn nghẹn khi dòng cảm xúc vẫn chưa lắng lại: Qua 3 cụm di tích, Mộ bà Hoàng Thị Loan, quê ngoại đến quê nội của Bác, tôi đã được nghe 3 cô hướng dẫn thuyết minh. Lời thuyết minh của các cô gây ấn tượng mạnh đối với tôi. Đây thực sự là một chuyến về thăm quê Bác đầy ý nghĩa và sâu sắc đối với chính tôi.

Những lời bộc bạch rất giản dị ấy là phần thưởng to lớn, là sự động viên vô cùng giá trị giúp các nhân viên Khu Di tích Kim Liên làm tốt hơn những công việc mà họ gắn bó, yêu quý.

Những hạt mưa xuân lất phất nhẹ rơi trên những mầm xanh và trên những đóa hoa khoe sắc khắp các điểm di tích làm lòng người man mác, lâng lâng. Hương xuân, sắc xuân đã căng tràn trên mọi cảnh vật. Tình xuân trong tâm hồn những con người đang từng ngày âm thầm phục vụ du khách ở Khu Di tích Kim Liên đã tiếp cho tôi dòng cảm xúc ngọt ngào và tươi mới. Tôi mừng tượng, rồi sẽ có một ca khúc của nhạc sỹ Nguyễn Cường, có thể rất đậm chất Tây Nguyên về quê Bác và về những người con quê Bác chăng? Có thể lắm! Xuân luôn chất chứa hy vọng và những điều bất ngờ thú vị!

Từ làng Sen về thăm Pác Bó

TRẦN HỮU VINH

Trời đã sang đông, nhưng ngày về thăm Pác Bó của các văn nghệ sĩ từ làng Sen quê Bác trời như chiều lòng người. Cái nắng hanh hao nơi địa đầu Tổ quốc làm cho không khí cuộc hành hương càng thêm rạo rức. Chúng tôi về thăm Pác Bó, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chọn miền đất này làm căn cứ địa kháng chiến từ tháng 1/1941 đến tháng 5/1945. Quan trọng hơn, đây là nơi mà những kế hoạch lớn giải phóng đất nước của một con người vĩ đại đã ra đời và được thực hiện.

Thăm tình bè bạn

Chúng tôi đến thăm Hội VHNT Cao Bằng, nơi cách đây gần 20 năm, thời cổ nhạc sĩ Mai Cường - Chủ tịch Hội Liên hiệp VHNT Nghệ An và nhà văn Đoàn Lư - Chủ tịch Hội VHNT Cao Bằng, Hội VHNT của hai tỉnh đã cùng nhau kết nghĩa. Hai bên đã có nhiều kỷ niệm đẹp bởi sợi dây kết nối mà Bác Hồ đã đem lại. Chị Phan Thanh Bình - Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức của Hội, kể lại: năm ấy, hai bên thường xuyên có những chuyến giao lưu, phối hợp công tác rất ý nghĩa và thiết thực. Hai Hội thường xuyên tổ chức những hoạt động đi thực tế ở Nghệ An và Cao Bằng, những lần gặp nhau ấy là những ngày đáng nhớ của văn nghệ sĩ cũng như cán bộ văn phòng Hội chúng tôi.

Không phải ngẫu nhiên mà chị Bình và các chị em văn phòng Hội VHNT Nghệ An nhớ từng cái tên, từng gương mặt anh chị em văn phòng Hội VHNT Cao Bằng. Sau bao năm xa cách, ai cũng háo hức khi trở về thăm người xưa chốn cũ.

Sau 3 ngày ngồi xe, vượt qua muôn nẻo đường đồi núi từ Tuyên Quang lên Hà Giang ai cũng mệt lử. Khi xe đi qua những cung đường Hà Giang, tôi liên tưởng đến Vạn Lý Trường Thành của đất nước Trung Quốc xa xôi, một công trình vĩ đại mang tầm nhân loại. Tôi cho rằng, tinh thần vượt khó và ý chí người Việt mình cũng không thua kém bất cứ quốc gia nào. Hàng chục ngàn km đường vắt quanh sườn núi ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta cũng là một công trình mà phải nhiều thế kỷ mới tạo dựng được. Tuy mọi so sánh đều khập khiễng nhưng Vạn Lý Trường Thành hay những cung đường núi phía Bắc nước ta đều có chung một mẫu số ấy là sức dân làm nên tất cả. Nhà phê bình văn học Nguyễn Đình Anh thì trầm trồ thốt lên khi xe lên đỉnh đèo Mã Pì Lèng: “Nhân dân vĩ đại”.

Trên đường từ Đồng Văn về thành phố Cao Bằng, chị Phan Thanh Bình nhận được điện của chị Hoàng Thị Hạnh - Phó Chánh văn phòng Hội VHNT Cao Bằng, chị Hạnh gửi lời của nhạc sĩ Nguyễn Việt Hùng - Chủ tịch Hội VHNT Cao Bằng, mời đoàn công tác Nghệ An ăn cơm tối. Trên xe, PGS.TS Đinh Trí Dũng hỏi ý kiến anh em, ai nấy đều muốn về nghỉ ngơi sau những ngày mệt mỏi. Chị Bình gọi điện khước từ nhưng không được. Chị Hạnh cho biết, cơ quan đã lên kế hoạch đón tiếp các bạn Nghệ An từ lâu, mọi người sẵn sàng chờ đoàn về cùng giao lưu dù có muộn. Các văn nghệ sĩ và cán bộ Hội chúng tôi ai nấy đều xúc động trước tấm chân tình của những người bạn Cao Bằng. Thế là cả đoàn nhất trí xử lý nhanh các vấn đề để mọi người không phải chờ đợi quá lâu. Nói vậy là để thấy một trong những cử chỉ thân thiện mà các văn nghệ sĩ Cao Bằng dành cho Nghệ An.

Đón chúng tôi là nhạc sĩ Nguyễn Việt Hùng, nhà báo Phạm Thanh Thắng - Phó Chủ tịch Hội, kiêm Tổng Biên tập Tạp chí Non nước Cao Bằng, chị Hoàng Thị Hạnh cùng nhiều anh chị em cơ quan Hội VHNT Cao Bằng. Mọi người vui vẻ trò chuyện rôm rã như những người thân sau nhiều năm gặp lại.

Nhạc sĩ Nguyễn Việt Hùng tâm sự: tôi và anh Phạm Thanh Thắng mới được điều về công tác tại Hội (trước khi về Hội, hai anh đều công tác tại Ban Văn nghệ Đài PTTH Cao Bằng), chúng tôi được biết hai Hội chúng ta đã có truyền thống kết nghĩa từ lâu nhưng không hiểu sao một thời gian khá dài gián đoạn. Chúng tôi rất trăn trở và tự hỏi, tại sao chúng ta lại không tiếp tục kết nối để cùng nhau phối hợp, giúp đỡ nhau trong công việc và tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ hai địa phương giao lưu. Thế là tôi đã trao đổi với anh Hồ Mậu Thanh - Chủ tịch Hội, anh Đinh Trí Dũng - Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp VHNT Nghệ An, và hai bên thống nhất sẽ ký kết biên bản ghi nhớ phối hợp tổ chức hoạt động sáng tác VHNT.

Nhà báo Phạm Thanh Thắng tiếp lời: ngày trước, đại diện Ban Tuyên giáo hai tỉnh đã ký kết văn bản phối hợp giữa hai bên, cho nên đây không chỉ là sự kiện quan trọng của hai Hội mà còn là sự kiện quan trọng của hai tỉnh Nghệ An và Cao Bằng.

KÝ

Phạm Thanh Thắng vui vẻ kể về những chuyến đi về Nghệ An, anh từng được uống rượu cần của đồng bào dân tộc Thổ ở Nghĩa Đàn, từng dự đám cưới người Thái ở Kỳ Sơn... Nghệ An đã để lại nhiều tình cảm đẹp trong lòng người nghệ sĩ trẻ này.

Sáng 30/11/2022, tại văn phòng Hội VHNT Cao Bằng, Hội Liên hiệp VHNT Nghệ An và Hội VHNT Cao Bằng đã ký kết biên bản ghi nhớ phối hợp tổ chức hoạt động sáng tác VHNT trong không khí vui tươi, ấm áp, thắm tình anh em. Hai bên đã thống nhất những vấn đề cơ bản làm nền tảng cho phần công việc cụ thể sau này như: luân phiên tổ chức các đoàn văn nghệ sỹ đi thực tế, mở trại sáng tác tại hai địa phương để học tập, trao đổi kinh nghiệm trong sáng tác. Tổ chức các chương trình giao lưu chuyên môn để thông qua đó góp phần tuyên truyền, quảng bá hình ảnh thiên nhiên, con người và những nét văn hóa đặc sắc của mỗi địa phương tới đông đảo công chúng. Tổ chức trao đổi tác phẩm, giới thiệu tác phẩm mới của các tác giả trên tạp chí văn nghệ của hai địa phương...

Về chốn non nước thiêng liêng

Sau khi từ Hà Giang về Cao Bằng, chúng tôi được hai nữ cán bộ Hội VHNT Cao Bằng là Hoàng Trang và Dương Liên dẫn đoàn đến thăm Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó, huyện Hà Quảng, cách thành phố Cao Bằng độ 50 km.

Hôm trước, trong câu chuyện giữa hai đoàn, nhạc sĩ Nguyễn Việt Hùng đặt vấn đề khá thú vị: thế hệ chúng ta biết Pác Bó là căn cứ địa kháng chiến của những năm đầu cách mạng mà chưa hiểu vì sao Bác lại chọn Pác Bó chứ không phải một nơi nào khác; chẳng hạn Hà Giang, nơi có địa thế hiểm trở, có hang sâu, núi cao, rừng rậm; tại sao Người không chọn Lạng Sơn, cũng là một tỉnh miền núi lại gần với Hà Nội, tiện việc đi lại với thành phố và đồng bằng; tôi cũng không hiểu vì sao Bác không chọn Quảng Ninh, nơi phong trào công nhân phát triển mạnh, lực lượng cách mạng tiềm năng đông hơn, có đồng bằng, có rừng núi, có biển và cũng gần Trung Quốc để nhận được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản... tất cả vẫn đang là những bí ẩn lịch sử. Tất thấy chúng tôi đều lấy làm tâm đắc với vấn đề mà nhạc sĩ Nguyễn Việt Hùng đặt ra.

Đoàn đến dâng hương tại đền thờ Bác Hồ, ngôi đền không quá rộng lớn nhưng trang nghiêm nằm trên lưng đồi, cao ráo và khoáng đạt. Tại đây, chúng tôi được xem những tư liệu lịch sử về Pác Bó trong nhà trưng bày theo 05 chủ đề: giới thiệu vị trí địa lý Pác Bó, truyền thống yêu nước, cần cù lao động và tinh thần đấu tranh chống áp bức, chống ngoại xâm của Nhân dân các dân tộc Cao Bằng trước khi có Đảng; chi bộ Đảng Cộng sản được thành lập, lãnh đạo phong trào cách mạng ở tỉnh Cao Bằng phát triển; lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng tại Pác Bó, Bác và Trung ương Đảng xây dựng căn cứ địa của cách mạng Việt Nam; sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và tinh thần đấu tranh của Nhân dân ta cũng như vị trí quan trọng của Cao Bằng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 -

1954); truyền thống đấu tranh cách mạng hào hùng của Nhân dân được thể hiện qua thắng lợi chiến dịch Biên giới 1950.

Chúng tôi theo chân cô gái hướng dẫn viên vào thăm hang Cốc Bó, nơi năm xưa Người làm việc và ẩn náu sự truy tìm của bọn thực dân. Đường đi quanh co, uốn lượn, hai bên là cây cối xanh tươi, những con dốc thoai thoải nay được rải nhựa êm đềm dẫn lối chúng tôi đến suối Lênin, núi Các Mác, những địa danh mà đa số chúng tôi mới chỉ được nghe qua thơ Người: “Non xa xa, nước xa xa/Nào phải thênh thang mới gọi là/Đây suối Lênin, kia núi Mác/Hai tay gây dựng một sơn hà” (*Pác Bó hùng vĩ*).

Có đến đây mới hiểu được phần nào cơ duyên mà Người chọn chốn này làm nơi hoạt động. Tôi tưởng tượng hình ảnh một bậc hiền nhân giữa chốn bồng lai, dòng suối mà Người đặt tên là suối Lênin chảy giữa hai bên là rừng xanh, dòng nước trong veo mát lạnh tự muôn đời vẫn thế, những ghềnh đá tạo nên những con thác nhỏ vừa xôn xao vừa trầm mặc. Chúng tôi phải đi qua 179 bậc đá để lên hang Cốc Bó. Để thuận tiện cho việc tham quan du lịch, các bậc đá nay đã được xếp đều, bằng phẳng. Tôi hiểu, năm xưa đoạn đường này gồ ghề và khó khăn biết nhường nào. Cô gái hướng dẫn viên là người dân tộc Nùng cho biết: năm xưa, để giữ bí mật, Bác không dùng dao phát cây mà dùng một cây gậy rẽ lối đi, khi Người đi qua thì cây cối hai bên khép lại. Bác đi một đường thì về một đường để không tạo lối mòn.

Một đoàn du khách miền Nam cũng lên thăm hang Cốc Bó. Mọi người mệt mỏi bước trên những bậc đá cheo leo, một cô nói giọng miền Nam: “Bác ơi, cháu còn trẻ mà đi còn thấy mệt, không biết năm xưa Bác vất vả chừng nào.” Mọi người nhìn cô cười thông cảm và tán đồng.

Hang Cốc Bó không sâu, trong hang tỏa ra hơi lạnh bởi không khí mùa đông và hơi ẩm từ đá núi. Bếp lửa và cái ấm năm xưa Bác hằng nhóm bếp pha trà và sưởi ấm được tái hiện gợi lên chút hơi ấm mong manh. Tôi nhớ đến những câu thơ của nhà thơ Tố Hữu trong trường ca “*Theo chân Bác*”: “Hang lạnh nhớ tay Người đốt củi/ Bập bùng lửa cháy suốt đêm thâu/ Ai hay ngọn lửa trong hang núi/ Mà sáng muôn lòng vạn kiếp sau”.

Trong hang, không một chỗ nào bằng phẳng để có thể nghỉ ngơi, không biết năm xưa Bác đã phải trải qua những ngày đông rét buốt nơi hang sâu như thế nào? Cô thuyết minh kể: năm 1997, con trai cố Tổng thống Mỹ John Kennedy đã đến thăm Khu Di tích lịch sử Pác Bó. Vị khách đặc biệt này đã có yêu cầu đặc biệt là xin được ở lại trong hang một đêm để được trải nghiệm cuộc sống hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau khi về Mỹ, ông đã nhận xét trên tờ Washington Post: “... Tôi nghĩ mãi mà vẫn không hiểu tại sao trong một cái hang nhỏ hẹp, tối tăm và ẩm thấp như vậy mà ông Hồ Chí Minh lại có thể nghĩ ra cả một kế hoạch lâu dài để giành lại đất nước”.

Phía cuối hang có hai móm nhũ đá trông tựa hình người, ấy là móm đá mà năm xưa Bác đã cố công tạc lại cho giống Lênin và Các Mác, những lãnh tụ của phong trào công nhân toàn thế giới mà Người kính trọng.

Đoàn lại theo chân cô gái hướng dẫn viên đến thăm bàn đá năm xưa Người ngồi làm việc. Chúng tôi phải qua một quãng suối khá gập ghềnh, hiểm trở. Ai nấy cẩn trọng bám vào những móm đá để đi. NSNA Lê Quang Dũng mang trên mình chiếc máy ảnh khá to, vất vả lắm mới bò sang được bên kia bờ suối. Bàn đá năm xưa Bác Hồ ngồi làm việc nằm bên bờ suối, chung quanh đã phủ rêu xanh, mặt bàn khá phẳng vẫn còn sáng lên màu đá. Bên trên là những tán cây rừng bao phủ, tiếng suối róc rách hòa điệu cùng tiếng chim rừng riu rít như ở chốn bồng lai tiên cảnh, một cõi tiên giữa đời được sáng lên bởi tâm thế nhà cách mạng kiên cường được thể hiện trong thơ Bác: “Sáng ra bờ suối, tối vào hang/ Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng/ Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng/ Cuộc đời cách mạng thật là sang” (*Pác Bó hùng vĩ*).

Đây cũng là điểm dừng chân cuối cùng của đoàn chúng tôi tại Khu Di tích Pác Bó. Trời đã về trưa, sau nhiều chặng đường di chuyển và leo đèo, lội suối, ai cũng thấm mệt nhưng nghĩ đến Bác suốt 5 năm trời ở chốn núi rừng hiểm trở, hoang vu, lạnh lẽo và đầy khó khăn này mà Người vẫn ánh lên một niềm tin chiến thắng thì chút mệt nhọc của những du khách như chúng tôi chẳng thấm vào đâu.

Hai địa danh làng Sen xứ Nghệ quê tôi và Cao Bằng quê bạn cách nhau hàng trăm km, một ở miền Trung duyên hải, một ở núi rừng Đông Bắc nhưng sao thấy thân thương, gần gũi lạ thường. Gần gũi vì sợi dây kết nối chúng tôi là Bác, một người con ưu tú của xứ Nghệ và non sông đất nước, đã chọn miền đất này là quê hương thứ hai của Người. Gần gũi còn bởi tấm chân tình mà các bạn vẫn ở miền sơn cước Cao Bằng thân thương, triu mến dành cho chúng tôi.



Tác giả cùng Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Nguyễn Văn Thông và các cán bộ tham quan rừng Pù Mát

Trên những nẻo đường mẹ tôi đã đi qua

HỒ NGỌC THẮNG

Trong lần về quê vào tháng 10/2022, tôi được anh Nguyễn Văn Thông, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Nghệ An, mời đi thăm một số nơi ở miền Tây tỉnh nhà. Thấy tôi kể chuyện, mẹ tôi mừng lắm. Bà bảo: “Tuyệt vời quá, đi đi con. Mẹ có nhiều kỷ niệm không thể nào quên với miền đất này. Giờ mẹ muốn biết bà con ở đó sống như thế nào, làng xóm ở đó có thay đổi nhiều không? Tuổi cao sức yếu, mẹ không thể đi cùng, con đi rồi kể cho mẹ nghe nhé. Mẹ quan tâm chuyến đi của con, cố gắng thường xuyên gọi điện thoại về nhà để mẹ yên tâm”. Tôi hiểu nỗi lòng của mẹ mình. Và chính tôi, vì muốn biết tường tận tại sao một thời mẹ tôi gắn bó với miền đất này nên nì nèo mẹ kể cho biết càng nhiều càng tốt. Mặc dù đã 96 tuổi, mẹ tôi vẫn còn minh mẫn và trí nhớ tuyệt vời, bà say sưa kể như đọc chuyện cổ tích. Còn tôi thì say mê đi cùng câu chuyện mẹ kể, như nuốt từng câu, từng chữ, không cần ghi chép hay ghi âm.

Mẹ tôi kể thời Pháp thuộc, vì cuộc mưu sinh mà cả nhà ông bà ngoại của tôi đã di cư sang Xiêng Khoảng, một tỉnh của Lào giáp với Việt Nam. Ở đó, không chỉ có người Việt mà rất đông người Trung Quốc và Ấn Độ sinh sống bằng rất nhiều nghề khác nhau. Trong cộng đồng người Việt, người có quê gốc ở Nghệ An và Hà Tĩnh là đông nhất. Ông ngoại tôi là người thông minh, tháo vát và thành thạo tiếng Pháp nên được một ông chủ người Pháp nhận làm nhân viên phụ trách các công việc trong một đồn điền. Với đồng lương của ông, cả nhà ông bà ngoại tôi với sáu người con có cuộc sống tạm đủ, bác Minh - con trai cả, được đi học tại trường nội trú ở Viêng Chăn. Tháng 3.1943, ông chủ đồn điền giao cho ông nhiệm vụ về Thọ Xuân - Thanh Hóa học cách ép và chế biến dầu trẩu. Không may trên đường trở về, chiếc xe chở khách bị nổ lốp và đâm vào gốc cây. Ông ngoại tôi ngồi ở hàng ghế đầu nên bị thương. Do điều kiện y tế hồi đó còn kém nên sau một tuần ông ngoại tôi qua đời ở tuổi 39. Sau khi ông mất, cả nhà rơi vào tình cảnh vô cùng khó khăn, bà ngoại phải buôn bán để nuôi các con. May mắn, trong khuôn viên của nhà có một vườn chè rất to, bà ngoại hái lá chè ra bán ở ngoài chợ. Bảy tháng sau khi ông ngoại tôi qua đời, một chuyện buồn khác lại xảy ra. Tháng 10/1943, người con út của ông bà là di Lan bị ốm, sốt cao, di chỉ được chữa bằng các loại lá cây. Nên sau 7 ngày thì di hôn mê và mất, khi đó di mới 7 tuổi. Trong Chiến tranh Thế giới thứ hai, quân đội Nhật lật đổ chính quyền của thực dân Pháp ở Lào. Sau khi Nhật Bản đầu hàng Đồng minh thì Pháp trở lại nắm quyền. Do biến động lớn trong xã hội Lào khi đó, đặc biệt sau khi một nhóm dân tộc chủ nghĩa tuyên bố Lào độc lập và đưa ra những chính sách không được người Việt ở đó đồng tình, nên nhiều người Việt đã hồi hương, về quê cha đất tổ. Trong dòng người đó có bà ngoại tôi cùng bác Minh, bác Tuyết, mẹ tôi - tên Nguyệt, di Hoa, di Huệ. Lúc đó bác Tuyết đã có chồng và có con gái là chị Thu. Chồng bác Tuyết là bác Cầu, một kỹ sư cầu đường được đào tạo thời Pháp, không đi cùng được vì trước đó phải về Việt Nam theo ngã khác. Sau này mẹ tôi mới biết, bác Cầu cùng anh Thi, một người anh em trong họ hàng của bác quê ở Quảng Nam, chạy vào rừng và rất có thể, anh Thi đã bị quân Pháp hạ sát.

Vất vả và vượt qua bao nhiêu rủi ro, cả nhà bà ngoại mới rời được lãnh thổ Lào để về đến Nghệ An qua Nậm Cắn trên biên giới Việt - Lào. Dọc đường, bác Minh dùng xe đạp chở quần áo và gạo, mọi người thì gồng gánh trên vai. Lúc đó, chị Thu còn nhỏ không thể tự đi bộ, nhưng may mắn, trong đoàn có một anh thanh niên khỏe mạnh quê Ninh Bình công chị suốt chặng đường. Mẹ tôi không nhớ rõ cung đoạn đường thủy này có phải là sông Cả hay không, chỉ nhớ nhiều ngày đi thuyền xuôi dòng về phía Vinh, nhưng phần lớn là đi bộ, qua Mường Xén, Cửa Rào, đêm xin nghỉ lại nhà dân ven đường. Trước khi về đến Vinh, thì Con Cuông và Đô Lương là hai nơi dừng chân lâu nhất của đoàn người. Chính nơi đây, mẹ có cơ hội làm quen với con người xứ Nghệ hiền lành, chân thật và mến khách. Nếu không có tình yêu thương đồng bào "lá lành đùm lá rách" thì cả nhà mẹ không thể hồi hương được. Sau gần hai tháng, cả nhà về đến Vinh, thờ phào nhẹ nhõm. Ở Vinh một thời gian, bác Tuyết, chị Thu vào Nhà Trang hội ngộ với bác Cầu. Bà



Thung lũng Bình Chuẩn, Con Cuông - Ảnh: HỒ NHẬT THANH

ngoại tôi cùng các con ra Thanh Hóa, quê gốc của ông ngoại, quê của bà ngoại là Bắc Ninh. Sau này ba mẹ tôi kết hôn ở Thiệu Hóa, nơi mà ba tôi làm việc trong Ủy ban Kháng chiến tỉnh Thanh Hóa. Con gái đầu là chị Nga của tôi, ra đời năm 1950 ở Thiệu Hóa. Nhưng rồi một nỗi buồn khác lại đến với gia đình, đặc biệt là bà ngoại. Di Huệ của tôi xin phép mẹ vào thăm gia đình bác Tuyết ở Nha Trang. Di chưa kịp trở ra thì bị mắc kẹt, phải ở lại miền Nam, vì đất nước tạm thời bị chia cắt theo Hiệp định Giơ-ne-vơ. Cuối năm 1975, khi tôi đang học ở Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội để chuẩn bị sang học Đại học Luật ở CHDC Đức, bác Tuyết từ Nha Trang ra Thanh Hóa với hy vọng được gặp lại mẹ, anh trai và hai người em gái sau hơn 20 năm xa cách. Ra đến Thanh Hóa, bác Tuyết mới biết bà ngoại tôi đã đi xa 15 năm về trước. Tôi đèo bác Tuyết trên xe đạp, đưa bác đi thăm mộ bà ngoại nên được chứng kiến nỗi buồn và sự đau xót của bác sau mấy chục năm mòn mỏi chờ đợi ngày đoàn tụ. Trong gia đình bên ngoại, tôi là đứa cháu duy nhất được sống bên bà ngoại trong những năm tháng cuối đời của bà.

Năm 1958, bà ngoại và ba mẹ tôi mua mảnh đất thuộc xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, nay là phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn. Bà ngoại mở quán giải khát. Sát bên nhà bà là nhà của ba mẹ. Lúc đó ba tôi là Hiệu trưởng Trường Hải Ninh, mẹ tôi bán hàng xén. Năm 1960, bà ngoại tôi mất, thọ 60 tuổi. Và năm 6 tuổi, lần đầu tiên trong đời tôi cảm nhận sự đau đớn vô hạn khi mất đi một người ruột thịt. Kỷ niệm về bà in đậm mãi trong tôi. Càng đậm hơn vì hàng ngày cấp sách đến trường cấp 1 Hải Ninh, tôi vẫn đi qua nghĩa trang Cồn Hờ, nơi bà yên nghỉ.

Mẹ tôi có thói quen đi ngủ từ lúc 8h tối. Nhưng hôm tôi đi miền Tây Nghệ An về, mẹ đợi tôi để hai mẹ con cùng ăn bữa tối lúc 9h tối rồi trò chuyện đến khuya. Ngày trước đó, khi vừa đến Con Cuông tôi gọi điện cho mẹ báo đã đến nơi an toàn, và kể sẽ nghỉ ở khách sạn Mường Thanh. Mẹ liền đáp “thế à!” và kể ngày xưa đó là một nơi heo hút nằm giữa thung lũng, xung quanh có núi đá vôi không cao bao quanh và dòng sông chảy xiết trong mùa nước. Từ những hồi ức của mẹ mà ngày hôm sau tôi chỉ quanh quẩn ở nhà và trò chuyện với mẹ. Như mẹ tôi kể thì đã hơn 10 năm rồi bà chưa vào Vinh, lần cuối bà vào là dự đám cưới, nên bà muốn tôi kể tỉ mỉ về hành trình của tôi đến Vinh, đặc biệt là chuyến đi miền Tây Nghệ An. Lúc đầu, bà hỏi, đến Cầu Giát con có ghé thăm gia đình anh Trung và chị Sáu không. Tôi đáp “có chứ mẹ”. Vợ chồng anh Trung chị Sáu hiện kinh doanh đồ điện, có cửa hàng riêng. Ba của anh Trung là một trong ba người anh trai của ba tôi. Vào những năm 70 của thế kỷ trước là chủ của một hiệu ảnh có uy tín ở Cầu Giát. Đến Vinh, trước tiên tôi đến nhà anh Hồ Đình Chiến. Bác Viên, ba của Chiến là anh trai của ba tôi đã mất ở Cầu Giát. Rất tiếc thời gian không nhiều, vì chú Hồ Thắng, cán bộ Ban Nội chính tỉnh còn đưa tôi đến Văn phòng Tỉnh ủy. Ở đó, tôi đến phòng làm việc của anh Nguyễn Văn Thông, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Nghệ An. Tôi bất ngờ khi bước vào phòng làm việc của anh, đó là một căn phòng nhỏ, giản dị, đơn sơ, không giống như người ta ở phương Tây vẫn kể về nơi sống và làm việc của các “quan Việt Nam”.

Điểm đến đầu tiên trong hành trình của tôi hôm đó là cùng anh Thông, chú Khang, chú Thắng đến Kim Liên, quê Bác Hồ. 7 năm về trước, tôi đã dành cả ngày để thăm nơi sinh ra và lớn lên của Người. Điều đặc biệt, đây là lần đầu tiên tôi được đến viếng Đền Chung Sơn, đền thờ gia tiên Bác. Với chỉ đôi dòng, thật khó diễn tả sự tuyệt vời của các công trình kiến trúc do các bàn tay tài hoa của những người thợ Việt đã tạo nên một công trình uy nghiêm hòa mình vào phong cảnh tuyệt đẹp với cánh rừng thông quanh năm xanh biếc. Điểm đến thăm tiếp theo là di tích Truong Bồn đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích Lịch sử cấp Quốc gia. Để tri ân và tưởng nhớ sự hy sinh của các anh hùng liệt sĩ, đồng thời giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau, UBND tỉnh Nghệ An đã quyết định cho đầu tư xây dựng công trình bảo tồn, tôn tạo Khu Di tích lịch sử Truong Bồn. Tôi vô cùng xúc động khi nghi lễ được tiến hành và vòng hoa với những bông hoa tươi thắm có ghi tên tôi là khách viếng thăm từ CHLB Đức đặt trước ngôi mộ tập thể của các Anh hùng liệt sĩ Thanh niên xung phong. Như đồng cảm với cảm xúc của tôi khi đó, một cơn mưa đổ xuống khi chúng tôi đến và đi. Những giọt mưa cứ trôi trên má hòa lẫn với nước mắt, tôi không thể nào cản lại được.

Tôi kể tiếp với mẹ, khi mặt trời sắp lặn, chúng tôi đến Con Cuông. Tôi quá bất ngờ vì đường từ Vinh lên đó rất tốt, khoảng 120 km đủ rộng và được rải nhựa hoàn toàn, các ngã ba, ngã tư đều lắp đặt hệ thống đèn giao thông. Dọc đường, tôi không biết chán khi ngắm xóm làng nằm hai bên đường với những ngôi nhà khang trang xinh xắn. Thật thích thú khi xe nhiều lần đi qua những cổng trường

vào giờ tan trường, từng đoàn học sinh tan học trở về trên những chiếc xe đạp điện hoặc xe máy, các em mặc đồng phục, nét mặt rạng rỡ. Những chi tiết này cho thấy ở vùng sâu vùng xa, người dân hôm nay có cuộc sống sung túc không kém nơi thị thành. Bữa ăn tối và ăn sáng ngày hôm sau được tổ chức trong bầu không khí ấm cúng, vui vẻ, thoải mái, với sự tham gia của các cán bộ địa phương, phần lớn họ là những người con của các dân tộc thiểu số. Ngồi bên cạnh tôi là các anh người dân tộc Thái. Lần đầu tiên trong đời tôi có cơ hội trò chuyện và làm quen với những con người miền Tây Nghệ An cũng như phong tục, văn hóa của họ, hơn thế nữa, được thưởng thức món ăn dân dã của họ, đặc biệt là các món xôi khác nhau, canh cá mát có vị hơi đắng. Trong câu chuyện, tôi được nghe nhiều chuyện vui buồn đã xảy ra ở địa phương, đặc biệt là trận lũ lụt cách đây vài năm làm sập một cây cầu, một em bé 7 tháng tuổi của một cặp vợ chồng trẻ bị nước cuốn trôi...

Theo đúng chương trình, sáng ngày thứ hai ở Con Cuông, chúng tôi đi thăm Vườn Quốc gia Pù Mát. Trên đường đến đó, xe của chúng tôi chạy qua trung tâm Con Cuông và tôi có cơ hội chứng kiến một cuộc sống sôi động, hai bên đường san sát các cửa hàng bán quần áo, đồ điện như tủ lạnh, máy giặt, máy điều hòa, TV khổ lớn, và cả một siêu thị xe máy. Rõ ràng, người dân nơi đây, hôm nay không phải lo việc “ăn no mặc ấm” mà là cuộc sống chất lượng của thế giới hiện đại trong thế kỷ 21. Tôi nghe và đọc nhiều về Vườn Quốc gia Pù Mát - một khu rừng đặc dụng. Tiếng Thái, Pù Mát nghĩa là những con dốc cao. Được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/11/2001 về việc chuyển hạng Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Mát thành vườn quốc gia, Vườn Quốc gia Pù Mát hiện được xác định là vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An đã được UNESCO công nhận năm 2007. Do thời gian eo hẹp, chúng tôi chỉ có thể “cưỡi ngựa xem hoa” ở đó. Tại Nhà bảo tàng, ban lãnh đạo Vườn Quốc gia Pù Mát đã giới thiệu qua các hiện vật, sự đa dạng của thế giới động thực vật ở đây. Rồi cùng Bí thư Huyện ủy và Chủ tịch huyện Con Cuông, chúng tôi đi thăm Công ty cổ phần Dược liệu Pù Mát. Bà chủ Hồ Thị Ái đã giới thiệu một cách cặn kẽ quy trình trồng thảo dược, thu hoạch, chế biến và tiếp cận thị trường. Tôi thật sự ấn tượng về sự táo bạo, thông minh, cần cù và linh hoạt của tập thể những con người đã xây dựng, phát triển công ty này. Việt Nam nói chung, Nghệ An nói riêng rất cần những con người và đơn vị kinh tế như thế. Với cách làm ăn này, tôi tin Công ty cổ phần Dược liệu Pù Mát sẽ ngày càng phát đạt, đặc biệt là sản phẩm của công ty sẽ sớm có mặt trên thị trường các quốc gia châu Á, châu Âu.

Hành trình tiếp theo là đến thăm thác Khe Kèm nổi tiếng, cách thị trấn Con Cuông chừng 25km. Thác này được ví như món quà mà thiên nhiên ban tặng cho Vườn Quốc gia Pù Mát. Người dân địa phương còn gọi thác với cái tên là Bỏ Bỏ, tiếng Thái có nghĩa là “dải lụa trắng”. Vì thác có độ cao hơn 500m, độ dốc chừng 800m, đứng từ dưới chân thác nhìn lên, dòng nước chảy vô cùng mạnh mẽ, uyển chuyển tựa một dải lụa trắng giữa núi rừng tự nhiên. Các nhà khoa học khẳng định đây là thác nước hoang sơ bậc nhất của Nghệ An nói riêng và

Việt Nam nói chung, vì chưa có sự tác động của bàn tay con người. Với vẻ đẹp hoang sơ, đầy thơ mộng, thác Khe Kèm rõ ràng là điểm dừng chân yêu thích của khách du lịch gần xa. Thật thú vị, khi đi qua những bản làng có nhà sàn ở đó làm cho tôi nhớ đến những ngày huấn luyện tân binh năm 1972 ở tỉnh Hòa Bình, tôi đã được chung sống với đồng bào người Mường ở đó. Trên đường trở về, chúng tôi được Huyện ủy Anh Sơn mời cơm trưa tại trụ sở của cơ quan. Xin nói thêm, Anh Sơn là nơi có Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc tế Việt - Lào, nơi tập trung phần mộ của hơn 11.000 liệt sĩ là cán bộ, chiến sĩ tình nguyện, chuyên gia quân sự Việt Nam đã hy sinh trên chiến trường nước Lào anh em. Nghĩa trang bên thị trấn Anh Sơn, cách thành phố Vinh khoảng 80 km. Rất tiếc, vì thời gian có hạn và đường về Thanh Hóa của tôi còn dài nên không thể đến thắp hương cho các anh hùng liệt sĩ.

Sau khi nghe tôi kể về chuyến đi hai ngày tới miền Tây Nghệ An, mẹ tôi bảo đúng là “ở hiền gặp lành”, nên con có may mắn và hạnh phúc để thay mặt gia đình tìm lại những chặng đường hồi hương năm xưa của mẹ. Ở thế giới bên kia, bà ngoại, bác Minh (qua đời ở tuổi 98), bác Tuyết (qua đời ở tuổi 97), dì Huệ (qua đời ở tuổi 89) chắc hẳn rất vui và tự hào về con, biết nói gì hơn trước tấm lòng cao cả và thủy chung của con người xứ Nghệ, từ bao đời nay vẫn thế. Tôi nói với mẹ, nhưng cũng phải nói cho đầy đủ mẹ à, để người dân hôm nay có cuộc sống ấm no hạnh phúc như thế, trước hết phải nói đến sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Nhà nước Việt Nam, của các cơ sở Đảng và chính quyền các địa phương. Đảng và chính quyền các cấp cùng người dân Nghệ An đã làm nên những kỳ tích không chỉ trong thời kỳ đấu tranh giành lại và bảo vệ nền độc lập, mà cả trong xây dựng và phát triển quê hương hôm nay.

Nhớ Tết hỏa tuyến

VĂN HIỂN

Nhớ mãi mãi với Ban Chỉ huy Tỉnh đội Nghệ An, mùa khô 1972 - 1973, tôi với chức danh phóng viên quân sự Báo Nghệ An mới được chấp nhận bám đuôi đoàn dân công hỏa tuyến sang chiến trường Trung Lào. Hơn 1.000 dân công trẻ trung chân đất, vai trần có nhiệm vụ chuyển 600 tấn lương thực, thực phẩm, đạn dược từ Trạm 50 đặt tại bản Chù Lù (Kỳ Sơn), cách cửa khẩu Nậm Cắn, Noọng Hết không đầy 10km sang Xiêng Khoảng. Anh, chị em dân công hỏa tuyến đợt ấy hầu hết quê ở Thanh Chương, Đô Lương, Anh Sơn. Họ được biên chế thành 10 đại đội sinh hoạt, công tác như một đơn vị chiến đấu, phục vụ chiến đấu ngay từ lúc hành quân lên mặt trận. Mang theo túi lương khô 702, con dao găm và chiếc ba lô cóc, bao gạo chéo vai, tôi hăm hở vượt dốc, theo sát đoàn dân công. Những cánh rừng khộp, rừng le rói rít đổ lá bật mầm râm ran. Sương như bưng kín mắt, tay vuốt mặt liên tục. Rét tê cứng bàn chân trong đôi dép lốp. Vào sát vùng giáp ranh mặt trận, mọi người nhắc khẽ, chú ý phỉ Vàng Pao phục kích, rải mìn vướng, mìn lá sát thương.

Rõ ràng vượt đường rừng nửa tháng trời, chiếc gậy trúc toe toét, tôi cùng đoàn dân công hỏa tuyến cũng tới được La Cai, căn cứ tiền phương của Đoàn 772, mặt danh của Ban Chỉ huy lực lượng quân tình nguyện mặt trận Xiêng Khoảng - Bôlykhamxay. Hoa pí-niêng, giống như cánh hoa dong riềng nở tung bừng quanh khu rừng đóng quân của Tiểu đoàn 43 - tiền thân là Tiểu đoàn vinh dự mang tên "Nghệ An đỏ". Đơn vị phần đông là con em Xô viết, đã có bao nhiêu cán bộ chiến sĩ chiến đấu, ngã xuống vì nền độc lập của Nhân dân các bộ tộc Lào. Từ cuối năm 1969, họ đã có mặt ở chiến trường Trung Lào, nhằn nạy bám bản, vận động bà con dân tộc Lào Thương, Lào Lùm không theo bọn phỉ Vàng

Pao. Nhiều gia đình nghe lời bộ đội Cụ Hồ vào rừng gọi chồng con bỏ phi, trở về ủng hộ Pathét (Lào), giúp quân tình nguyện đánh bại âm mưu “dùng người Lào đánh người Lào” của đế quốc Mỹ. Biết tôi từ hậu phương tới, các anh hỏi có sách, báo gì không. May quá, tôi có mang theo cuốn tiểu thuyết *Trước giờ nổ súng* của nhà văn Lê Khâm và mấy số tạp chí Văn nghệ Quân đội. Thế là cánh lính trẻ bảo tôi “đọc truyện đêm khuya” cuốn tiểu thuyết cho họ nghe hàng đêm. Theo gợi ý của Tiểu đoàn phó Trần Văn Chi, tôi mài miết đọc lần lượt từng chương cho các đại đội. Mấy đêm liền, lính mê mải nghe đọc tiểu thuyết khắc họa chân dung anh bộ đội Cụ Hồ tình nguyện giúp cách mạng Lào, chống thực dân Pháp, giành độc lập. Họ nằm, ngồi nghe bên ngọn đèn dã chiến được làm từ ống tiêm tẩm bông quân y, cắm vào lon sữa đã đổ lưng lửng dầu hỏa. Đêm nào người lính cũng háo hức chờ đến lượt nghe đọc *Trước giờ nổ súng*. Cánh lính trẻ phần đông được học hành tử tế, thao thức bình phẩm nhân vật tiểu thuyết trong tiếng gió chạy rầm rập như ngựa lồng cao nguyên. Cả khu rừng trú quân như chìm xuống thao thiết tiếng chim từ quy khắc khoải gọi bạn tình phía thung lũng Tha Si. Chưa nghe trọn cuốn tiểu thuyết, cả tiểu đoàn đã phải hối hả rạo rức chuẩn bị vào chiến dịch chống lấn chiếm vùng giải phóng Mường Mộc của bọn phái hữu và lực lượng phi Vàng Pao. Đích tiến công của chúng là đánh chiếm cao điểm 600 Phù Heo. Đây là một vị trí hiểm yếu có thể khống chế toàn bộ thung lũng Tha Si, tạo bàn đạp chiếm lại vùng giải phóng Mường Mộc thuộc tỉnh Xiêng Khoảng. Thung Lũng Tha Si nằm gọn trong vành đai núi đá vôi cao chót ngất, đất đai trù phú, dân cư đông đúc, giàu có lương thực, thực phẩm. Qua lời các anh kể, bọn phái hữu phản động và lực lượng phi Vàng Pao có căn cứ tại Long Chặng được Mỹ trang bị vũ khí tinh nhuệ, viện trợ tận răng, nuôi “báo cô” cả gia đình từ quan đến lính. Chúng thường sử dụng chiến thuật biệt kích, tập kích bất ngờ. Khi giáp trận bọn phi rất liều lĩnh. Chúng có biệt tài lườn lách địa hình rừng núi. Đối với chúng khó đánh tiêu diệt đội hình mà phải tìm cách triệt phá căn cứ, diệt chỉ huy, xóa sổ từng tổp nhỏ, kết hợp gọi hàng. Đối mặt Tiểu đoàn 43 trong trận này là Binh đoàn 226 do tên phi Ma-ni-chăn khét tiếng tàn ác, lì lợm chỉ huy.

Những mong chúng kiến trận đánh phòng ngự trên đỉnh Phù Heo, tôi xin anh Trần Ngọc Ninh, Chỉ huy trưởng mặt trận 772 theo Đại đội 5 lên chốt nhưng anh thẳng băng từ chối. Anh còn bảo: “Nhà báo lớ ngớ dễ ăn đạn của Vàng Pao lắm”. Còn anh Nguyễn Văn Tự, Chính ủy thông cảm, khuyên tôi ở lại tuyến sau quan sát, theo dõi trận đánh tại sở chỉ huy tiền phương cũng nắm rõ tình hình rồi. Tôi đành phải ở lại, theo dân công cùng họ sẵn sàng chuyển đạn dược, cáng thương binh khi trận đánh nổ ra.

Quả vậy, tại đài quan sát, từ sáng ngày 17/2/1973, thung lũng Tha Si chìm ngập trong khói bom của lũ máy bay cường kích AD6. Tiếng gầm gào, rú rít chói tai của đạn ĐKB và cối 81 li dội hết đợt này tới đợt khác vào vách đá. Tiếng súng AK đỉnh đặc điểm xạ trong hoảng loạn, điên cuồng, òng ọc của súng tiểu liên cực nhanh AR15.

Suốt ngày 17/2, bọn phi Vàng Pao liều lĩnh tấn công 17 đợt hòng chiếm kỳ được đỉnh Phù Heo. Ngày 18/2, đơn vị quân tình nguyện Việt Nam giữ chốt bị bom sát thương gần hết, bọn phi chiếm được cao điểm. Không cho địch có thời gian củng cố trận địa chốt giữ, Ban Chỉ huy mặt trận 772 quyết định tổ chức một bộ phận đặc công, chia ba mũi đánh vỗ mặt lực lượng phi do tên Đại úy Ma-ni-chăn chỉ huy. Phát hiện cần ăng ten vô tuyến ẩn hiện sau vách đá dựng đứng, Tiểu đoàn phó Trần Văn Chi gọi xạ thủ B40 phóng liên tiếp hai quả. Sau quãng lửa da cam trùn lên, tiếng súng AR15 của bọn phi tắt ngấm. Trong giây lát, từ ba phía, bộ đội ào ạt lao lên chiếm lại căn cứ Phù Heo. Trong một ngách hào còn nòng nặc hơi bom, khói đạn, xác tên Ma-ni-chăn cháy thui đổ ập lên người tên lính mang máy vô tuyến điện. Trận đánh thắng thủ đoạn liều lĩnh chiếm cao điểm 600 của phi Vàng Pao vào những ngày cuối năm 1972 của Tiểu đoàn 43 đã góp phần giữ vững vùng giải phóng rộng lớn từ nam tỉnh Bôlykhamxay tới bắc tỉnh Xiêng Khoảng. Chiến thắng cũng đã tạo thế chủ động cho đoàn đại biểu lực lượng cách mạng Lào đỉnh đặc bước vào ký kết “Hiệp định Viêng Chăn - Lào”, ngày 21/2/1973. Hiệp định thắng lợi, lực lượng cách mạng Lào giành lại đất trời độc lập, tự do, hòa bình trên đất nước Triệu Voi mà bao nhiêu năm các bộ tộc Lào khao khát, mong đợi,

Sau chiến thắng, trong đội hình Tiểu đoàn 43 và Đại đội Pathét Lào 125 Mường Mọc do Đại đội trưởng Bun Đi chỉ huy, chúng tôi cùng đoàn dân công hỏa tuyến Nghệ An về La Cai đón Tết Lào. Rừng Lào vàng rực màu tranh Levitan, dưới tán rừng khớp gió mây mấy làn da thiếu nữ Lào Thương, Lào Lùm. Các cô gái Lào trong bộ váy áo sắc sỡ háo hức bước nhảy lăm vòng theo điệu lăm tới Xa-ma-khi (đoàn kết) cùng anh bộ đội tình nguyện.

Chiến thắng nào mà chẳng có đổ máu, hi sinh. Đêm ấy, từ mặt trận Phù Heo trở về hậu cứ, đơn vị chủ công trận đánh quyết liệt vắng đi nhiều gương mặt lính trẻ, quả cảm. Như muốn xua tan bầu không khí khốc liệt trận mạc, tiếc thương đồng đội, Tiểu đoàn phó Trần Văn Chi quả quyết nhắc tôi hãy đọc tiếp *Trước giờ nổ súng* cho số cán bộ, chiến sĩ chưa kịp nghe.



NSUT Phan Quang Hạnh đang thi phạm một vai tuồng. Ảnh: NGỌC CƯỜNG

Làng tôi ngày ấy, bây giờ

LÊ NHUNG

Thọ Bằng là tên làng tôi biết từ khi được sinh ra. Trước đây, làng có tên là Thạch Trụ. Theo cuốn “Lịch sử Đảng bộ và Nhân dân xã Đức Thành”, cuối thế kỉ XIX, làng tôi là một đơn vị hành chính thuộc tổng Quỳnh Trách, phủ Diễn Châu.

Làng Thọ Bằng xưa có đền Đức Ông thờ Cao Sơn Cao Các, đền Đức Bà thờ Bạch Y công chúa, có đình làng thờ Thành hoàng và là nơi hội họp của làng... Làng có một vị Tú tài Cung Đình Dương, một Sinh đồ Cung Đình Quán, một thầy thuốc Bắc là Cung Đình Bá. Thật đáng tiếc, khi thế hệ hậu sinh như tôi lớn lên thì những di tích đình, đền trong làng trải qua bao thăng trầm, biến thiên của lịch sử đã không còn nữa. Ở vị trí ngôi đình làng xưa, nay xây dựng nhà văn hóa, là nơi hội họp, tổ chức các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ của làng. Đôi câu đối “Công đức hộ dân thiên tịnh thọ. Y quan văn vật địa lai bằng” (tạm dịch: có công giúp

dân trời cho tuổi thọ. Có áo mũ văn vật nhiều bạn bè tới chơi) được khắc đá trước nhà văn hóa ngày nay vốn là đôi câu đối làng được cụ Nguyễn Xuân Vĩnh (con cả cụ Nguyễn Xuân Ôn) thông gia họ Lê trong làng, đề tặng khi xưa. Cũng nhờ mối quan hệ thông gia này mà Thọ Bằng trở thành một trong những nơi trú ngụ của nghĩa quân Nghè Ôn ở huyện Yên Thành trong phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX. Hòn Ó là bãi tập của nghĩa quân ở làng. Hai ngôi đền Đức Ông và Đức Bà ngày nay được dân làng phục dựng trên nền đất cũ nhằm khôi phục lại một trong những phong tục, tín ngưỡng của làng.

Duy nhất giếng làng (bà con thường gọi giếng đình) vẫn trường tồn cùng thời gian. Giếng nằm sát bên đình làng xưa, quanh năm nước trong xanh. Chẳng biết giếng làng tôi có từ bao giờ, chắc là khi có người đến khai cơ lập ấp. Đến năm Tự Đức 18 (1865) thì giếng được tu tạo lại, thành giếng được làm bằng đá. Bỏ tôi kể, trong xã còn mấy cái giếng làng, nhưng đây là giếng làng có thành đá đẹp nhất. Phía ngoài thành giếng được chạm trổ đầu rồng rất công phu, phía trong thành giếng có tấm minh bia, trong đó đề câu “Thọ Bằng thôn tu tạo. Tự Đức thập bát niên”. Cái tên làng Thọ Bằng cũng có từ năm đó. Có lẽ, bất cứ người con nào của làng cũng đều có một thời gắn bó với giếng này. Đây là nơi tụi nhỏ chúng tôi khi xưa thường tụ tập để đánh ô, đánh thẻ; là nơi các anh các chị hẹn hò; là nơi các bà, các mẹ chiều chiều quảy thùng lên gánh nước về nhà. Vào những mùa hạn hán, giếng nhà nào cũng cạn trơ đáy, chỉ duy nhất giếng làng vẫn đầy ắp, cung cấp nguồn nước sinh hoạt cho cả làng. Thời đó, khoa học công nghệ làm gì đã phát triển, vậy mà các cụ chọn được nguồn mạch tốt để đào giếng làng thật đáng thán phục. Ngày nay, nhà nhà có thêm giếng khoan, bể cạn, nguồn nước không còn hiếm như trước nữa, nhưng giếng làng vẫn đứng đó như người mẹ hiền luôn mở rộng vòng tay đón những đứa con. Riêng tôi, mỗi khi đi qua về lại, thường ghé thăm giếng làng, ngồi dưới bóng cây xanh, ngắm nhìn dòng nước mát lành, thấy lòng mình nhẹ nhàng với bao kí ức tuổi thơ.

Làng có nhiều dòng họ khác nhau, nhưng họ Cung và Lê chiếm đa số hộ dân, đây cũng là hai dòng họ có mặt sớm nhất, từ khi lập làng. Theo gia phả họ Cung, người có công khai ấp lập làng là cụ Cung Phúc Hữu, là con cháu ông Cung Toại, người huyện Bột Hải, Trung Quốc, theo sứ quân sang trấn thủ An Nam năm 1413. Có mặt sau họ Cung là họ Lê, tổ tiên là cụ Lê Văn Tư đến khai ấp ở làng năm 1548. Gia đình tôi có một điều đặc biệt, là bố họ Lê, mẹ họ Cung. Tôi thường đùa “nhà ta anh em cả làng”. Cho đến nay, mỗi dịp Tết hay các ngày lễ họ như rằm tháng Giêng, rằm tháng Bảy, hai dòng họ vẫn thường tổ chức giao lưu, thi đấu thể thao nhằm tăng thêm sự gắn kết giữa các dòng họ trong làng.

Làng tôi là vùng bán sơn địa với những ngọn núi được sắp xếp khéo léo theo hình vòng cung như rú Gây, rú Hòn Gạc, rú Hòn Lim, rú Làng... bao quanh chở che làng. Trước mặt làng là những cánh đồng bằng phẳng, tít tắp. Có lẽ vì diện tích rộng lớn, để dễ nhận diện, dân làng đã đặt tên cho những cánh đồng với những cái tên gọi thật quê kiểng mà gần gũi như đồng cựa, cồn sim, nương khoai, đá đen, bầu trà, bộ đội, chân rú, nương khoai... Tuổi thơ chăn trâu, cắt cỏ

của tôi cũng như những đứa trẻ sinh ra từ làng đều gắn bó, lăn lộn nắng mưa trên những cánh đồng làng. Hình ảnh con trâu, cái cày, nươg ngô, ruộng lúa thân quen đã nươg vào trí nhớ mỗi đứa con làng xa quê chúng tôi, để rồi khi bắt gặp nó đâu đó trên những nẻo đường lại bồi ngùi nhớ làng, nhớ quê da diết.

Tôi vẫn thường lang thang trên những con đường làng mỗi dịp về quê, quan sát xem làng có gì thay đổi. Quả thật, làng tôi như cậu bé Thánh Gióng vươn vai đứng dậy, chỉ cần ít tháng không về thăm làng thôi đã thấy nhiều đổi thay, người đi xa lâu năm trở về thì vô cùng ngỡ ngàng, không hỏi thăm có thể lạc nhà, lạc đường. Đâu còn những ngôi nhà tranh vách nứa, những ngôi nhà ngói vảy thấp lè tè nấp dưới những vườn cây um tùm; đâu còn những con đường đất sỏi rợp bóng tre xanh; đâu còn bóng dáng đàn trâu, đàn bò thung thăng gặm cỏ, chiều chiều từng đàn lại theo nhau về nhà... Thay vào đó là những ngôi nhà mới khang trang, những ngôi nhà cao tầng đua nhau vươn lên xen giữa những tán cây khoe màu ngói mới; là những con đường bê tông trải dài mọi nẻo đường làng; là những bờ rào bê tông bao quanh ngăn cắt nhà nọ với nhà kia; cánh đồng làng chỉ thấy máy cày máy kéo mỗi khi vào mùa vụ. Chứng kiến sự đổi thay đó, trong tôi đan xen nhiều cảm xúc, phần vui vì quê hương ngày càng mạnh giàu, phần lại luyến tiếc những gì đã thuộc về kí ức một thuở, thuộc về miền kỉ niệm thân thương, trong đó không phải không mất đi những nét văn hóa đẹp.

Để hiểu hơn về lịch sử làng, tôi hay lân la chuyện trò cùng các bậc cao niên. Một trong những người đó là ông của tôi. Mặc dù đã gần 90 tuổi, nhưng dường như những câu chuyện về làng vẫn in dấu mồn một trong trí nhớ của ông. Ông hay



Giếng làng tôi vẫn trường tồn cùng thời gian. Ảnh: LÊ NHUNG

kể cho tôi nghe về làng, với tôi những câu chuyện ấy chẳng khác nào chuyện cổ tích. Theo lời ông, năm 1959, làng chỉ có 50 hộ, nhà ở rất thưa thớt, chủ yếu nằm sát chân núi; khi thành lập Hợp tác xã (HTX), chỉ hơn mười hộ trong làng vào HTX. Cuộc sống bấy giờ kham khổ lắm. Ông bà làm 8 mẫu ruộng mà quanh năm vẫn không đủ ăn, phải ăn mì hột, cơm chủ yếu độn sắn, độn khoai. Làm ruộng khi đó năng suất thấp, mỗi sào chỉ được 2 yến lúa, có khi không đủ đóng thuế. Nhà nhiều ruộng còn có cái ăn, nhà ít ruộng thì vay ăn quanh năm. Vậy mà nay làng đã có 250 hộ, nhà nhà san sát chẳng khác gì phố phường, nhà làm lan ra cả vùng thấp hơn mà trước kia vốn là đồng ruộng. Đất chật, người đông. Vì lẽ đó mà làng có thêm một xóm nhỏ ở cách xa khoảng nửa cây số thường gọi là xóm Đồng Bàu, trước chỉ dăm bảy hộ nay đã trên chục hộ, người lạ ở xa đến có khi không biết cùng chung một làng.

Mọi thứ vận hành theo quy luật phát triển. Năm 2005, làng tôi vinh dự đón nhận Làng Văn hóa cấp tỉnh, bây giờ đã là nông thôn mới, đời sống bà con được nâng lên. May mắn thay, tình làng nghĩa xóm vẫn vẹn tròn như xưa và càng biểu hiện rõ hơn mỗi khi làng gặp khó khăn. Còn nhớ những mùa lũ lụt, nước nhấn chìm mọi thứ, nào lúa, ngô, khoai, nào lợn gà, trâu bò... Những lúc như thế dân làng lại chung tay hỗ trợ nhau chạy lụt, cứu người, cứu của. Tháng 10/2022 vừa rồi, trận lụt lịch sử khiến 2/3 làng chìm trong biển nước. Nhìn thấy hình ảnh về làng được chia sẻ trên Facebook, những đứa con ở xa như lửa đốt trong lòng. Trong tình cảnh đó, bên cạnh sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, các hộ gia đình trong làng đã nương tựa vào nhau để qua cơn hoạn nạn. Có những gia đình như hộ ông Đường, ông Thuận đã lo từ chỗ ở tới miếng ăn cho hàng chục hộ dân cùng mấy chục con người trong nhà suốt mấy ngày lụt lội. Không những thế, họ còn nấu cơm để vận chuyển ra cho những hộ không di tản được. Những thứ tưởng chừng quen thuộc, quá đỗi bình thường như hạt cơm thối, lúc này lại trở thành của hiếm. Ở xa, biết tin người làng nấu cơm chia sẻ hỗ trợ nhau khiến tôi cay cay nơi khóe mắt. Thật đúng là “một miếng khi đói bằng một gói khi no”, chỉ hạt cơm thối cũng đủ ấm lòng. Chị Phan Thị Hiền rưng rưng xúc động khi chia sẻ với tôi những gì đã trải qua trong trận lụt vừa rồi. Chị kể: “Chồng chị đi làm ăn xa. Trận lụt vừa rồi nước lên quá nhanh, chỉ mấy tiếng thôi nước đã dâng lên gần 2m, chị vừa lo cho 2 con, vừa một mình xoay trở với cái cửa hàng tạp hóa nên không kịp. May có anh em, bà con làng xóm xúm vào, người xúc lúa vào bì, người vận chuyển lúa và hàng hóa đi cất, người kê đồ đạc lên cao. Thế nên thiệt hại cũng đỡ phần nào, không thì mất trắng”. Có lẽ, với một cô gái từ phương xa về làm dâu làng tôi như chị, cái nghĩa tình trong lúc hoạn nạn như thế càng được nhân lên gấp bội. Tôi cảm nhận rõ điều đó trong ánh mắt, trong lời kể có chút nghẹn ngào của chị. Tôi trở về làng khi cơn lũ đã qua, nước đã rút nhưng không khi nào thấy mẹ ở nhà. Hỏi ra mới hay mẹ đi nếp dạn và phơi lúa giúp mấy gia đình trong xóm bị ngập ướt. Mẹ than thở “nhiều nhà tội lắm, nước ngập lúa ướt hết, phơi phóng rồi vớt vát cho gà ăn hoặc bán rẻ thối con ạ”! Nghe mẹ nói thế,

lời mẹ ru con năm nào lại văng vẳng trong tôi “Bầu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”!

Dường như luôn có một sợi dây vô hình nào đó níu giữ để những người con của làng đi xa lại trở về làng. Trong số đó có Nghệ sĩ Ưu tú tuồng Quang Hạnh. Ông vốn quê gốc ở Hà Tĩnh, nhưng theo gia đình về làng tôi sinh sống từ khi còn nhỏ. Mặc dù sau này lập nghiệp và định cư ở miền Nam nhưng ông vẫn thường xuyên về thăm làng, thăm già, hỏi trẻ. Ông tâm sự với tôi, “năm nay ông đã 85 tuổi và chọn quê là nơi an dưỡng tuổi già. Với ông làng Thọ Bằng rất nhiều ân nghĩa, đã cứu mang, nuôi dưỡng ông và gia đình. Ông muốn gửi gắm những ngày tháng cuối cùng của đời mình và làm một điều gì đó cho mảnh đất thân thương này”. Từ lúc còn nhỏ, tôi đã thấy ông hay mang áo, mũ, hia... về quê, rồi đi biểu diễn tuồng cho bà con trong làng, xã xem. Về hưu, để tiếp tục nuôi dưỡng và truyền ngọn lửa đam mê bộ môn nghệ thuật tuồng, ông thường tình nguyện đi truyền dạy cho các câu lạc bộ tuồng trên địa bàn huyện Yên Thành. Phải chăng đó cũng là cách giữ gìn văn hóa của những người con của làng! Làng là thể đó, là nơi chúng ta đi để trở về! Ai còn quên làng là quên đi nguồn gốc của mình!

Không rêu phong cổ kính cũng chẳng xa hoa diễm lệ, nhưng chừng ấy thôi cũng đủ để những đứa con của làng tôi đi xa đều muốn trở về mỗi khi có dịp.

Những lúc về làng, tôi thường ra ngồi và ngắm cây đa được trồng ở nhà văn hóa xóm. Ông nội tôi đại diện người cao tuổi của làng đã tham gia trồng cây vào dịp khánh thành nhà văn hóa xóm vào năm 2001. Cây nay đã cao lớn, cành lá sum suê. Còn ông nội đã là người thiên cổ! Tôi hiểu rằng, những gì chúng tôi có được hôm nay là của tiền nhân xây đắp nên, con cháu phải ra sức giữ gìn, phát huy cho mai sau, để làng ngày thêm vững mạnh, phát triển như cây đa làng!



Minh họa: BÁ SIẾU

Ngọt như gió Tết

TỔNG PHƯỚC BẢO

1.

Bắc cuối mùa, chỉ còn sót lại dăm ba cơn lạnh se se lên miệt bưng biển. Chập gọi mấy cơn gió đồng hong khô đám đất ruộng. Mớ lá biếc xanh lan dài trên bờ đậu thưa trước hiên nhà. Ngoại nhìn con nước rút sau mùa nổi rồi nhăm tính. Non tháng nữa là Tết hen Mừng Tám. Dịch dã còn treo lơ lửng xứ mình. Biết cái Tết này có đủ đầy cháu con không bây? Ngoại hỏi trông không giữa một hôm thiên hạ ì ùng rào rào ngoài chợ Giữa. Người thì đón con, người thì khoe cháu. Tụi nó sợ dịch nên về sớm, chích đủ hai mũi, cách ly đúng mười bốn ngày rồi nghen. Mấy công ty trên Sài Gòn cũng nghỉ sớm vì đâu còn hàng hóa gì mà làm. Một năm ngoảnh lại nhìn thấy toàn thất bát. Nhưng mà

may là vẫn còn quy hồi cổ hương. Ngoại kể ròn rọt chuyện bà Hai The khoe hồi sớm mới. Sớm mới của mấy bà già miệt này thường ròn rọt nhất trong ngày.

Gà còn chưa kịp gáy, ngoại đã trở mình, úng mớ trấu nấu bếp, bắc ấm nước nóng pha miếng trà, rồi tư lự nhìn con nước đập đình ương nắng liêu xiêu chớm ứng của buổi bình minh trên con sông Cổ Giang. Đợi đâu chừng mấy tiếng xuống đuôi tôm chạy lạch bạch ngang nhà là y như rằng xách cái giỏ, đội nón lá, mặc thêm cái áo bà ba màu nâu sẫm vào rồi lội ra chợ. Chợ sớm đái bơi tiếng mua bán, nhưng lại ra rả tiếng thăm hỏi nhau, nhiều câu chuyện xóm giềng cũng từ đó mà lan ra, mà thành nhiều cái hít hà, xa xót, hay mừng thương rưng rức.

Như nay nè, Mừng Tám bơi xuống đi chợ rước ngoại địa như mọi khi, chuyển về lòng xuống toàn tiếng thở dài thườn thượt. Mừng Tám ngó mấy đám rau mác ven bờ sông đang đâm lá nõn. Chèn ơi, rau mác mà hái ăn với cá thòi lòi nướng chắc hết sảy hen! Giá mà giờ út Tới ở đây, thể nào hai cậu cháu cũng lai rai vài xị rượu gạo Nha Môn. Ngồi nghe út Tới hát vọng cổ là sướng còn gì bằng.

Nhưng mà mấy năm rồi, út Tới không về. Thoảng khi những lúc rỗi rãi, ngoại biểu Mừng Tám gọi điện cho út Tới coi thằng con út của ngoại sao rồi. Mừng Tám giả là nói khỏe ru à ngoại. Hay nó tự bịa ra cái câu chuyện bọn bề cơm áo gạo tiền nơi xứ lạ xí gạt ngoại. Cũng có khi nó thấy ngoại lủi thủi nhìn mấy cái bằng khen của út Tới, mắt ngoại rưng rưng thì Mừng Tám hí hửng khoe, út Tới mới gởi tiền về cho ngoại nè. Tiền giỗ ông, tiền mua cái ghế mát-xa cho ngoại, tiền sửa lại cái buồng phía sau, hay tiền ăn Tết nè ngoại. Năm nay ăn Tết ngon lành ngoại ơi. Mà miết bao năm như vậy. Nhiều khi bận lễ tết, giỗ quải cái khó của Mừng Tám là suy nghĩ câu chuyện làm sao cho ngoại ưng lòng.

Hể ngoại gật gù cười bồm bẻm, coi vậy mà cậu bây giỏi hen Mừng Tám, là thằng cháu nhẹ nhõm an lòng. Ở giỏi quá chừng luôn đó ngoại. Mấy bận vậy, Mừng Tám hay ra ngồi ngoài bến, mình ên với miếng khô cùng chai rượu để mà chắt lưỡi cái khà. Miệt Cổ Giang bung biển hun hút gió. Nên mấy cái nhớ nhung u hoài cũng mang mang đập diu trên ngọn bần, trên tán gáo. Rồi lao xao theo sóng nước Cổ Giang mà lênh khênh khắp châu thổ.

2.

Xóm giềng bắt đầu đông lúc nhúc người từ thị thành xuôi về. Chuyển về mừng mừng tủi tủi nhưng cũng đáng đốt nổi niềm ngược cánh thiên di. Bận Tà Lọt chạy qua thăm Mừng Tám đâu cũng tầm giữa Chạp. Thằng bạn thân hồi ba vá miếng dưa lên thị thành mong cầu cuộc mưu sinh đổi đời. Nhưng lần về này là về luôn nghe mầy. Giữa những ngày đình dịch, quần quanh với bốn bức tường lòng cứ thất thểu nổi thềm xứ thương quê. Minh tay trắng lên đất lạ, chừng ngay cơn nguy biến mới thấm thía đâu là nhà, xứ nào là quê. Bưng biển coi vậy mà lội sông xúc được mớ tép, bắt được vài con cá, là cũng xong bữa. Hay rào một vòng vườn nhà, hái mớ rau tập tàng cũng qua ngày đoạn tháng. Hai thằng ngồi trên bến sông quê giữa cổ ực ly rượu gạo Nha Môn mà nghe cái nồng ấm quê hương râm ran trong lòng.

Bữa ngoại thấy Tà Lọt ghé nhà, tiếng vông cứ kéo cà kéo cột suốt chiều hôm. Ngoại nhắc Mừng Tám tước lá mai. Ngoại xem đám bầu trái lúc lú trấu giòn. Ngoại nhìn mớ bí đao xanh rì to bằng bắp tay rồi chếp miệng tiếc rẻ. Bờ đậu Khiết Bông bắt đầu ra những chùm bông non hồng phơn phớt. Tầm đưa ông Táo thể nào cũng xum xuê tạo thành cái cổng hoa cho coi. Rồi thêm tuần nữa, Tết lấp ló hiện nhà là đám hoa đỏ rực rỡ. Ngoại tính ngày đếm Tết.

Ngoại lựa dừa sên mứt. Ngoại hái mận ủ đường. Ngoại chọn gừng non gọt vỏ. Mấy thứ hoa trái vườn nhà theo bàn tay khéo léo của ngoại thành mấy món mứt ngọt ngào dành cúng ông bà hay tiếp đãi chòm xóm sang chúc Tết. Ngoại cặm cụi làm, mẹ nào cũng thiệt nhiều. Bạn Mừng Tám hỏi ngoại làm chi cho nhiều. Cực thân muốn chết. Rồi lại đau nhức mình mẩy. Ngoại hơn bảy chục, xương khớp có còn như hồi trẻ đâu mà bày biện. Mà thời này ra chợ mua chẳng thiếu thứ gì. Bánh mứt gói trong hộp xanh hộp đỏ, nơ to nơ nhỏ, bắt mắt lại ngon cũng chẳng kém nhà làm. Hay cả cái chuyện nấu bánh đêm giao thừa, trời thần, cực thí mỡ luôn. Rồi cúng kiếng, ăn uống có bao nhiêu đâu, để ế hể mấy ngày Tết. Nói thì nói vậy, cần nhằn cứ nhừ miết, nhưng bao năm trường ngoại cũng làm. Ngoại làm để gia đình cậu tư Tấn về thì cũng có chút quà quê lên tặng bạn bè. Hay cậu hai An có cái để đem về sui gia bên đó. Mà tía má mầy ghiền cái món mứt gừng của ngoại lắm à ghen! Còn út Tới thì nó chỉ thích mỗi cái món bánh phồng của ngoại mà thôi!

Mấy cái kí ức xưa xa cũ càng của ngoại cứ như một cuộn băng cát-xét, mỗi độ Tết nhứt là tua đi tua lại. Dây thanh băng lâu ngày thì bị nhéo nhẹ nhéo nhệt. Ngoại lâu dần thì bạc thếp màu sương mai lên từng sợi tóc. Giọng nói ngập ngừng mông tang ướn nhẹp thể như có nước trong đó. Vậy mà nét ăn của mấy đứa con thì ngoại vẫn rõ mồn một.

3.

Có lần ngoại nói cậu hai An coi vậy mà sống nội tâm nhất nhà, tánh tình làm li ít nói chứ kì thực biết để ý nhiều thứ lắm. Tỷ như hồi cậu còn nhỏ xíu, mâm cơm nhà nghèo xơ xác, năm ba hôm mới có được miếng thịt, lần nào cậu cũng lắc đầu nguậy nguậy bảo chẳng ưng thịt, cậu chỉ thích cá. Vậy là mấy đứa em tha hồ mà gắp thịt vào chén. Hay như mùa nước tràn đồng, chiều chiều cậu bơi xuống dọc bờ kinh hái bông điên điển non, nụ còn búp búp đem về cho ngoại làm bánh. Miếng bánh đầu tiên thể nào cũng dành cho con em kể là má thằng Mừng Tám. Con nhỏ được thăng anh cưng nhất nhà.

Hay bạn cậu tư Tấn vào đại học, tiền học tiền trọ hay mấy thứ linh tinh một tay cậu hai An lo hết. Cậu làm ban ngày, tối đến thì đi dạy kèm, có khi đi phát tờ rơi. Mấy chuyện cậu hai An làm toàn là tự mình chứ chẳng nói với ai, chẳng bao giờ kể lể. Tới lúc đã yên bề gia thất bên miệt tứ giác Long Xuyên, cũng luôn dòm ngó đám em cháu, hay mấy chuyện vườn tược ruộng đồng của ngoại. Cậu hai An thềm nhất cái món bánh tết lá cẩm của ngoại. Tết năm nào về thăm mà không có là buồn so. Hồi tới hồi lui sợ ngoại yếu rồi hồng có sức gói. Vậy nên mấy dạo Tết gần đây, cậu hai An ưa về từ ngày Hai

bảy, Hai tám. Cậu dọn dẹp nhà cửa, cậu đánh bóng bộ lư đồng, rồi bơi xuống đi kiếm lá dong, cậu học ngoại sên như bánh, cậu thử làm nước cốt lá cẩm. Cậu nhìn ngoại ngồi bên bếp lửa mà mắt cứ ầng ậc nước. Mấy lúc khê khà canh bánh chín, cậu cứ xao xác đầu còn bao lâu nữa được ăn bánh ngoại gói!

Hay như hồi Mừng Tám xin tía má về quê ở với ngoại, cũng nhờ cậu hai An nói vào. Chứ tía má nào đâu ưng. Ai đời thằng con kì công học cho xong cái bằng kỹ sư nông nghiệp lại xếp đó mà về tuốt luốt bùng biển xa xôi này để phụng dưỡng ngoại mình. Đàn ông chí lớn bốn phương. Về với ngoại biết đường nào mà phát triển. Nhưng Mừng Tám giấu nhem chuyện nó chân ướt chân ráo vào cái viện nghiên cứu tía má lo cả trăm triệu, tưởng là yên ổn, ai dè đầu đá, phe phái, tranh giành, không đứng hạ giáng xuống đầu mình. Trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chịu trận khơi khơi. Mừng Tám thấy hình như cái gốc phèn dân dã quê mùa của mình hợp với ruộng đồng sông nước bùng biển hơn. Về với ngoại coi vậy mà dễ sống dễ thở. Cậu hai An bận đó cũng bỏ công việc từ Long Xuyên về nhà gặp thằng cháu, uống bữa rượu rồi bảo cả bốn đứa con đâu ai ở cạnh ngoại, giờ Mừng Tám về là phải cảm ơn nó chứ trách móc gì. Anh em mình bất hiếu hết trơn. Lấy vợ lấy chồng cũng như sáo sang sông. Sáo sổ lồng mấy đời mà quay về lại chứ. Thì thôi để thằng nhỏ sống cuộc đời nó đi. Hồi đó má cũng đâu có bao giờ o ép đám anh em mình. Vậy nên mình cũng đừng bao giờ bắt con cái sống cho cái lý tưởng cuộc đời mình. Thời này mà, đứa thích phở thì ra phở mà bôn ba, đứa thích quê thì về quê mà nhàn hạ neo sào sống.

Vậy là Mừng Tám về với ngoại, ngót chừng chục năm. Hồi Mừng Tám về cũng là lúc cậu út Tới giành cái giải thưởng ca hát bông lúa vàng gì đó. Tiếng hát út Tới từ miệt Cổ Giang lan tận chín nhánh sông phù sa, lan ra khắp lục tỉnh miền Tây. Bạn có người trên Sài Gòn mời lên đó hát. Hát đâu chừng vài năm thì út Tới bảo bên nước ngoài có người rước đi. Giọng hát út Tới cứ vậy mà trôi xa miệt bùng biển này. Út Tới càng nổi tiếng thì cánh võng ngoại càng đong đưa kéo kẹt, tóc ngoại càng bạc trắng và ánh mắt ngoại càng xa xăm thẳm sâu.

4.

Hai bảy Tết thì cậu hai An về với ngoại. Ngoại cười móm mém khi nhà lại rào rào tiếng nói mấy đứa cháu. Mâm cơm chiều lại thêm phần rộp rẻng khi tía má cũng kịp sắp xếp công việc buôn bán trên thị trấn mà về. Người quét mạng nhện, kẻ lau bàn thờ. Nhà trong thì úng trấu nấu nước luộc gà, nhà ngoài đám con nít lại rân trời mây trò lô tô inh ỏi. Trong buồng má xếp lại mớ quần áo Tết cho ngoại.

Hình như cũng chục năm rồi, ngoại vẫn giữ cái nếp chẳng sắm đồ mới mặc Tết. Dầu má cứ gởi về mấy khúc vải gấm, rồi nhung, rồi lãnh Mỹ A. Nhưng bận nào về cũng thấy mấy khúc vải còn nguyên. Má la Mừng Tám sao hồng chớ ngoại ra chợ Giữa may đồ mới. Tết nhứt mà để ngoại mặc đồ cũ coi sao đặng. Má cần nhàn miết, nhưng ngoại lại cười hề hà. Con Lành mảy khéo lo, đồ má còn mới tinh. Nè mảy thấy hông cái áo bà ba ba màu mận này là hồi tía bảy còn sống mua cho má đó. Chưa rách một chỗ nào. Chưa bao giờ sút bâu luôn. Nè cái quần lãnh Mỹ A này là hồi thằng Tấn đi đâu qua xứ lỵ Tân

Châu nó mua về má mặc cũng chưa bao giờ vá một đường chỉ. Ờ thì có chẳng là phải lên lai. Bị má càng già càng lụm cụp, cái lưng nó bắt đầu hơi còng. Mấy mớ xương cốt hình như nó sụm dần nên lên lai mặc cho hồng có lòi thoi lét thết. Khúc vải mới này hen, má để dành mai mốt Mừng Tám lấy vợ má cho cháu dâu má. Thì cũng là con dâu mầy đó Lành. Ngoại lại cười. Nhưng mà má của thằng Mừng Tám thì hồng cười. Má Mừng Tám nín thinh.

Hồi má Mừng Tám lấy tía nó cũng là thời còn cơ cẩu. Bộ đồ cưới là xấp áo dài màu trắng, ngoại nhờ người ta vẽ hình mấy chùm Khiết Bông lên cho đẹp. Xấp vải hồi ông đi Sài Gòn ghé chợ vải nức tiếng Soái Kinh Lâm mua về tặng ngoại. Bao nhiêu thứ đẹp nhất, bao nhiêu điều tốt nhất, suốt cuộc đời ngoại đều làm của để dành cho cháu con.

Bận ngoại nói vậy, má ra ngoài bên ngồi lặng lẽ. Gió Tết ngọt thí mồ mà mắt má cay xè.

5.

Cái hồi út Tới về nhà lần cuối để thừa với ngoại chuyện đi nước ngoài hát. Đêm cuối cùng ngồi trên bến sau nhà, út Tới dặn dò Mừng Tám đủ điều. Ngoại sanh út Tới khi tuổi đã chớm muộn mằn. Má Lành của Mừng Tám lại lập gia đình sớm. Thành thử ra hai cậu cháu xem xem tuổi nhau, vậy là thân nhau. Mọi chuyện cũng dễ dàng nói nhau nghe.

Út Tới mê vọng cổ, trời phú cho cái chất nghệ sĩ. Cứ ôm đờn lang bạt kì hồ khắp sông nước Cổ Giang dăm ba ngày rồi lại về với ngoại. Đám tiệc người ta kêu thì ôm đờn đi. Cúng đình hay vía Bà, hoặc lễ kỳ yên thì rong ruổi có khi cả tháng trời. Bận người ta biểu hát trăm ăm mợc mợc vậy nè, cái giọng ngọt như phù sa châu thổ ngấm vào người sao hồng đi thi. Lên tỉnh thì mà có giải, hát nhiều tiền hơn. Mà thiệt ra hát đình hát đám người ta cũng chỉ kêu thằng đờn con đào, chứ có cái giải này nọ hen, người ta kêu hai tiếng nghệ sĩ trước cái tên mình, nghe nó oách hơn, nghe mới đã cái nư của người đờn hát.

Út Tới nghe mũi lòng, bận đó cũng liều mình thi đại. Út Tới rao đờn vào hò, xuống xè, rồi miết dây đờn lên hần cung liú. Tiếng ngân lạnh lốt khắp miết bụng biển. Người ta trao út Tới cái giải nhất, cũng đồng nghĩa là út Tới thành anh nghệ sĩ nổi tiếng của Cổ Giang. Út Tới quần lấy cái nghiệp đờn ca rồi ôm trong mình chí lớn. Phàm càng được thứ này thì lại ngó sang thứ kia. Thiên hạ biểu hát hoài chi mầy cái xứ mứt chỉ cà tha này, chỉ chừng bi nhiêu người nghe. Nghe hoài đâm chán. Vài ba năm lại tắt lịm thôi. Ông trời cho người ta có một cái thời, vậy nên phải tung hoành cho biết đá biết vàng.

Út Tới lừng khừng rồi thì cũng ưng. Định bụng lên Sài Gòn thử thời vận, nếu hồng được quay về. Ai dè, xuống đưa ra khỏi dòng Cổ Giang thì bị cái xanh đỏ đèn màu phù hoa của thị thành mà níu chân út Tới chẳng thể về. Những chuyến thăm ngoại thưa dần rồi thì chỉ còn nghe giọng út Tới qua điện thoại. Tết nhứt thì lại càng khó tìm, út Tới chạy sô mê mết. Tiền út Tới gởi về đều đặn. Thiên hạ gặp ngoại hơn hớ khen thằng út Tới nay lấy nghệ danh gì đó hay lắm! Ngoại chưng hửng hỏi Mừng Tám bộ cái tên Nguyễn Văn Tới nó hồng có hay hả con? Cái tên của cha mẹ ông bà đặt là cũng gởi

gắm vào đó nhiều nỗi mong cầu mà. Mừng Tám chẳng biết trả lời ngoại ra sao. Chỉ biết gãi đầu cười cười chắc mấy cha bầu sô đặt đó ngoại. Ai làm nghệ sĩ cũng phải có nghệ danh mà. Giống như mấy ông nhà văn phải có cái bút danh đó ngoại. Cái lệ thường của nghề này mà. Chứ út Tới về với ngoại thì cũng là út Tới chứ đâu có bao giờ thay tên đổi họ mà ngoại lo chi cho mệt.

Nhưng lần này thì khác rồi. Út Tới được bà bầu sô nào đó bên nước ngoài chăm sau cái lần về Sài Gòn ghé rạp hát nghe út Tới ca. Bà bầu chịu chơi mời út Tới qua nước ngoài 6 tháng, bao tiêu tất cả. Út Tới cũng bắt đầu học được cái khôn lanh của nghề hát, cái toan tính của danh phận. Út Tới nhấp ly rượu cái ọt tí tẻ với Mừng Tám. Tao biết bà đó bà kết mô-đen tao nhen mây. Tao cũng đưa đẩy để bà bảo lãnh tao qua đó. Chừng qua tới bến tao dự kết hôn giả, tao định cư lại luôn. Xứ thiên đường mà trời, đời đâu phải ai cũng có cơ hội này. Chừng tao vang danh đó hen, nhà mình cũng nức vách chứ hồng chơi. Mừng Tám nghe vậy thì hay vậy. Nhưng có điều thiên đường có thiệt hay không làm sao Mừng Tám biết. Chỉ toàn nghe người ta nói. Ai cũng rồi bỏ Cổ Giang đi tìm thiên đường, hèn chi sông quê cứ bên bồi bên lở, đất quê cứ bạc màu nứt nẻ.

Út Tới làm thiệt, út Tới qua đó đâu chừng năm ba tháng là gởi về tiền thiệt nhiều cho ngoại sửa sang, coi nới nhà ra. Út Tới dặn Mừng Tám từ nay khỏi lo chuyện tiền nong, để út lo hết. Ruộng vườn chẳng cần làm chi cho cực. “Út đi sô bên này ngon lắm con!” Vài năm đầu út Tới hồng về, bảo chừng nào có cái quốc tịch hẳn về cho nó sang. Năm, ba năm sau thì út Tới nói ly hôn bà bầu sô vì bà ghen um sùm làm nhục út Tới, bà chặn đường sống, bà đuổi cổ út ra khỏi nhà. Xứ này khắc nghiệt hơn út tưởng.

Hồi mùa dịch bên đó căng thẳng, út Tới điện thoại dặn như trăng trời. Út dính rồi con ơi. Đừng báo ngoại để thêm lo. Út ráng thu xếp khỏe rồi út về. Nhớ nhà lắm rồi con. Thiệt tình chẳng có nơi nào thiên đường hết đó mầy ơi. Cất cò 10 đồng một giờ. Táp vự rửa chén, lau chùi quét dọn thì 12 đồng. Cầm cái móng chân thiên hạ lên ngồi giữa thì cũng chỉ 30 đồng một bộ. Cật lực mà cày suốt để trả cái hóa đơn tiền nhà, tiền ngân hàng, tiền chi phí xong đôi khi cũng chỉ còn lại mấy trăm à. Cực thấu trời, nhưng giờ muốn về mà hồng dám. Cái vé cũng cả 2000 đô. Thiên đường hay không là ở lòng mình đó con. Nơi đâu cũng là tạm bợ chỉ xứ mình mới thiệt là quê. Bởi thế mấy ông già, bà già bên đây thèm về lắm. Cứ độ tuyết rơi là nhắm tính Tết quê mình. Mà đâu phải muốn về là về. Nhiều thứ nó nhiều khô, đắng đốt lòng người.

Bận Mừng Tám nghe giọng út Tới đổ hột như nhựa đường, trĩu trĩu như đòn ai rớt xuống cung xẻ. Mừng Tám im bật chuyện út Tới với cả nhà từ đó.

6.

Chập the thất ngày cận cùng, đám khiết bông kết chùm đỏ bởi bởi. Đỏ như ánh mắt của ngoại bữa chiều Ba mươi. Nhà trong gói bánh, ngoại hiên lạo xạo tiếng bắc bếp. Chái sau mấy đứa nhỏ huyên náo. Ngoại nấu nước lá. Đám lá ngoại trồng vườn nhà mỗi năm chỉ để chờ con cháu về chiều Ba mươi gội rửa những hư hao của một năm trường. Ngoại cắt mớ lá ngò rí, thêm lá chanh, chục cọng sả, mấy củ gừng, dăm ba thanh quế và mấy giọt hương nhu. Nồi nước lá của ngoại bốc lên một mùi thơm dặt

đều thanh tao. Hồi còn lắm xa ngoại tằm mấy đứa con, giờ thì đến mấy đứa cháu. Ngoại dội từng gáo nước âm âm từ trên đầu xuống, vuốt đều mái tóc rồi nói mấy lời tựa thể căn dặn hay như cầu nguyện cho một năm mới đám cháu con học hành giỏi giang, sức khỏe dồi dào. Tiếng xối nước rào rào lẫn tiếng kêu ang ác của đám sẻ về tây sau một ngày xoải cánh bôn ba.

Chiều thắm trời chưa kịp dọn mâm cơm đã nghe tiếng thằng Tà Lọt í ới trước rào nhà. Mừng Tám ơi, trời thần ra coi nè. Có tiếng bước chân rì rầm, có tiếng lạo xạo rân trời. Mừng Tám chưa kịp chạy ra ngoài hiên thì đã thấy cái bóng đáng quen thuộc của chục năm trời vắng xa. Cái bóng đáng ù chạy vào chái sau nhà, nơi ngoại đang xối nước gội đầu. Là nước rơi hay là ngoại khóc? Mừng Tám hồng hồng biết nữa. Chỉ biết phía sàn lãng ngoại run run cầm gáo nước gội đầu cho thằng con xa xứ đang quỳ thụp xuống chân ngoại.

Tối trời, khói trầm bát ngát miệt bung biển. Nồi bánh sôi ùng ục. Nhà trong, ngoại sắp mớ trái cây lên bàn thờ. Hiên nhà, cánh đàn ông ngồi canh bánh chín. Tà Lọt đem qua mấy chai rượu gạo Nha Môn, khoái chí ngồi nghe mùi bánh bốc lên lừng lừng thơm. Nay là cái Tết vui nhất sau bao biến thiên thời cuộc hen. Anh em xóm giềng tụ lại quanh nồi bánh. Kể mấy chuyện dặm trường mưu sinh. Nổi nhọc nhằn thì thôi mình để qua hết một bên. Tết mà. Tết là phải sum vầy. Tết là nói hết mấy cái vương vius năm cũ để thông dong mà đi vào năm mới chứ.

Như út Tới nè, chỉ khi đi qua cơn nguy biến chốn tha hương mới cồn cào nỗi thèm xứ mà quyết lòng phải về. Út Tới chẳng dám báo ai, cứ vậy mà đập máy bay, mà cách ly cho đủ ngày, rồi trầy trật kiếm chuyến xe muộn để kịp chiều Ba mươi Tết về với gia đình. Chặng đường dài lắm nỗi âu lo mõi mòn nhưng đâu có bằng cái nỗi nhớ quê thèm xứ. Phải chục năm mới cánh thiên di, khi thấu lẽ đời mới ngược dòng mà tìm về cố hương.

Bên nồi bánh lửa đỏ vờn tí tách, út Tới nhấp ly rượu gạo, rao dây đờn, xuống xê câu vọng cổ. Tà Lọt vỗ đùi cái đét. Chục năm trời mới nghe út hát cái điệu xàng xê này hen. Mấy cậu mắt rướm rướm theo ánh lửa đỏ vờn quanh. Cúi chấy tí tách. Lẫn trong tiếng gió Tết là mấy câu ca thất thèo bung biển: *"Tiếng đờn Việt đờn lên cung nhạc Việt. Hồi những người còn biển biệt xa xăm. Nước nhà mà chưa kịp về thăm. Nghe câu vọng cổ là đêm nằm nhớ quê"*.

Mừng Tám thấy bên cánh vông ngoại vén áo bà ba màu mận đỏ chậm đôi mắt. Miệng cười bồm bẻm. Gió Tết năm nay ngọt quá chừng. Cháu thổ mùa này thương như câu vọng cổ trở đầy phù sa.



Minh họa: TẠ TÂM

Cu Khái

TRẦN NGƯỠNG

Làng tôi có một người tên là Khái. Tên cũng lạ như người. Khái là cách gọi khác của hổ. Sở dĩ phải gọi chệch đi bởi vì hổ là chúa sơn lâm nên trước đây không ai dám gọi thẳng tên. Ngoài cái tên liên quan đến khái ra thì sau lưng hắn có những vết sẹo dài và sâu do một lần chạm trán chúa sơn lâm để lại. Ai không biết hỏi nó thì nó chỉ cười trừ ngơ ngác đến tội nghiệp. Còn ai đã biết thì đều tránh nhắc đến vì gắn với nó là một câu chuyện đau lòng.



Viên cứ đi ra lại đi vô. Đây là lần thứ ba con khaki giết chết con mồi của gã. Lần này chúa sơn lâm dùng móng vuốt kéo ghim con bê ở trong cũi sắt và dùng lưới để uống máu tươi của con mồi. Nó khéo léo tránh cái bẫy đã được nguy trang cẩn thận và chỉ bỏ đi khi con bê đã chết khô. Con thì bị chết, con bị giết. Hết mồi, gã và Quân, đưa thợ phụ đành lui thủ thu dọn đồ nghề về lán. Đã qua mười đêm không có thứ gì để vào rừng, gã thấy ngứa ngáy chân tay lắm. Hết nhìn Quân rồi nhìn thằng Cu đang nghịch những sợi dây được tháo ra từ bẫy, gã chợt nảy ra một ý nghĩ ác độc. Viên gọi Quân lại dặn dò:

- Quân này, chiều mi chở cũi lên rú đặt lại bẫy.

- Dạ. Nhưng ta làm gì đã có con mồi ạ.

- Có rồi, chuyện đó mi không phải lo!

Viên là con của một chủ phường săn, quê ở Tuần nhưng theo nghiệp cha cùng phường săn lên vùng Phú Quỳ. Sau này có chính sách bảo vệ động vật hoang dã, việc kiểm soát vũ khí, chất nổ càng ngày càng ngặt nên phường săn tan, Viên đành chuyển sang nghề bẫy thú. Gã lấy vợ muộn, chung sống được một thời gian chưa kịp có con thì vợ lão không chịu được cảnh sống lang bạt, săn bắt, giết chóc nên bỏ về dưới xuôi. Nghe nói sau này cô ta lấy chồng rồi buôn bán dưới phố huyện. Để có người giúp, Viên nhận Quân làm thợ phụ. Quân mồ côi cha từ nhỏ, khỏe mạnh, nhanh nhẹn. Nhà nghèo nên học hết cấp hai là Quân bỏ học ở nhà giúp mẹ. Biết hoàn cảnh nên Viên đã đến bàn với mẹ Quân cho con trai theo mình làm ăn. Ngoài công việc bình thường ở nhà, thì những dịp đi rừng, Quân nấu nướng ngoài lán trại và giúp chủ đi đặt mồi, làm bẫy thú. Mồi được đặt trong một cũi sắt khá lớn, chắc chắn. Xung quanh nơi đặt cũi, Viên thiết kế những vòng dây thừng lớn và mấy cái ngoàm kẹp bằng sắt, dùng lực nén của những lò xo lớn để cài, đặt bẫy xung quanh. Mọi việc giao dịch, tiền nong, chợ búa Viên đều tự đảm nhiệm hết. Được cái, mỗi khi bẫy được thú rừng, Viên đều trả cho Quân rất hậu nên Quân thỉnh thoảng cũng gom được tiền gửi về cho mẹ. Viên có bệnh là hay bị bóng đè. Dân phường săn bảo đó là bị ma rừng trả thù. Viên biết nên không dám ngủ một mình. Gã sắp xếp để Quân ngủ ngay sát phòng mình, dặn khi bị bóng đè ứ ớ thì lập tức sang lay gã dậy.

Cứ định kì một vài tuần Viên lại xuống chợ Tuần để gom mua hàng chuẩn bị cho chuyến đặt bẫy. Một lần, gã đang chờ mục chủ quán đẩy đờ gói hàng thì thấy đứa bé chơi một mình ở góc chợ. Đứa trẻ nhem nhuốc nhưng được cái bụi bặm. Thấy Viên chăm chú nhìn đứa trẻ, mục chủ quán tặc lưỡi:

- Con nhà ả Từ đó. Khổ, bị chồng bỏ để lại đứa con, giờ để nó sống như cỏ như cây rữa.

- À, rứa ả Từ đi mô?

- À cũng bán hàng trong chợ, sống lay lắt qua ngày thôi, không ăn thua chi cả. Giá như có ai nhận nuôi cho thì tốt!

Thế là Viên tìm đến chỗ quán ả Từ để hỏi thăm. Ý định của gã là xin nhận nuôi đứa bé, để sau này có thêm người làm và cũng có người giúp đỡ hành nghề. Không biết gã lân la thuyết phục và ngã giá với mẹ đứa bé thế nào nhưng chiều hôm đó, phía sau xe lão là chuyển hàng công kênh còn phía trước chở thằng Cu trên tay cầm mấy món đồ chơi bắt bắt.

Cứ vài tháng Từ lại lặn lội mang ít quà lên thăm con nhưng chỉ được một hai năm đầu. Khi thằng Cu lớn, tính cách cũng lỳ lì ít nói, nó không vồ vập khi được gặp lại mẹ nữa nên cũng thưa dần.



Quân đưa cái cũi sắt kênh cang lên thùng kéo sau xe máy rồi chạy vào rừng, nơi đặt bẫy. Biết là đặt bẫy khải nên Quân cẩn thận làm thật chắc chắn và khẩn trương để xong trước khi chiều buông. Còn phần Viên, độ nửa tiếng sau, gã bồng thằng Cu ra xe. Cu hỏi đi mô rứa bố, Viên trả lời tỉnh bơ: “Bố đưa con vô rừng chơi!” Đến chỗ đặt bẫy, Quân đã đặt xong cũi sắt xuống bệ đất và cột bốn góc cũi vào bốn cọc chôn dưới đất để phòng con thú lớn xô đổ cũi. Trên nắp cũi cũng được che một tấm ni-lông để con mồi không bị sương, khi gặp mưa không bị ướt. Lần này, Viên lệnh cho Quân chằng thêm những dây thép móc lại với nhau như lò xo. Những sợi dây như thòng lọng sẵn sàng bung ra tóm giữ lấy con thú bị sập bẫy. Sau khi sắp đặt xong xuôi, lão Viên dặn Quân dọn đồ đi về trước. lát sau, lão bồng thằng Cu bỏ vào lồng sắt. Thằng Cu vẫn chưa biết được chuyện gì đang xảy ra với nó, tưởng bố chơi đùa, cười khanh khách. Nhưng khi thấy bố đóng cửa lồng sắt khóa lại, thằng Cu mới hoảng hồn, òa khóc, giãy giụa lao ra xô cửa. Nhưng Viên vừa đe dọa vừa dỗ dành:

- Con mà lại gần cửa lồng là khải ăn thịt đó. Ở ngoan trong đó, bố canh gần đây, có khải đến con cứ hét thật to, bố sẽ đến cứu.

Sau đó, mặc tiếng kêu gào của thằng Cu, Viên trở về lán sắn. Quân thấy Viên về một mình không khỏi ngạc nhiên hỏi thì Viên chỉ trả lời gọn lỏn, “làm con mồi” và nói “yên tâm, nó không sao đâu!”

Quân đứng sững, định nói gì đó nhưng lão Viên hắt một ánh nhìn sắc lạnh:

- Mi thích ra làm mồi cho khải hay thích chết?

Tuy đã quen với tính tình dị hợm của lão Viên nhưng lần này Quân cảm thấy thực sự bất nhẫn. Quân biết Viên nói đúng, giờ này mà ra đó chắc cũng chỉ làm mồi cho khải mà thôi. Thế là Quân gắng nuốt bát cơm, thu dọn đồ đạc đi ngủ để sáng mai ra thật sớm.

Sáng hôm sau, Viên và Quân ra chỗ đặt bẫy thì thấy mọi thứ vẫn nguyên. Thằng Cu nằm co ro ở chính giữa lồng. Quân lao lại mở lồng để đưa thằng Cu ra. Thấy động, thằng Cu giật mình choàng tỉnh, kêu gào giọng khản đặc:

- Bố ơi! Cứu con với!

Viên lên giọng ngon ngọt:

- Được rồi, con nín đi. Bố đưa con về.

Viên đi một vòng quan sát và kiểm tra rất cẩn thận, cố gắng không bỏ sót một dấu vết nào. Xong xuôi, lão khoát tay ra hiệu cho Quân đi về. Vừa đến nhà, thằng Cu trốn vào góc phòng nằm khóc rưng rức. Lão Viên dỗ mãi không được bèn hừ lên một tiếng:

- Mi có nín đi không, tau lại đưa ra ngoài cũi bây giờ.

Thằng Cu mím môi, nín bật. Một lát sau, thấy thằng Cu đã nằm quay ra ngủ, Quân hỏi khẽ:

- Ông ạ, răng lại để thằng Cu làm mỗi được, lỡ có chuyện chi thì răng?

- Được rồi, để tau tính.

Thế là Viên dắt xe xuống chợ với dự tính mua con mồi, nhưng đi được nửa đường gã lại tắc lười. Linh tính và kinh nghiệm hàng chục năm trời mách bảo gã là con khải đã đến gần khu vực này nhưng nó đang đề phòng. Giờ đổi con mồi đôi khi lại hỏng chuyện. Nếu bẫy được con khải này mình kiếm được bộn tiền, lúc đó tha hồ mua con mồi khác. Thế là gã cố tình đi lòng vòng rồi trở về khi trời sẩm tối.

Thấy Viên trở về chỉ với mấy món đồ lặt vặt và một ít thức ăn, Quân không khỏi ngạc nhiên:

- Con mồi mô rồi ông?

- Hôm nay hàng quán chán quá, tao tìm cả chợ mà không được.

Quân biết Viên đang nói dối, liền bàn:

- Hay để mai có con mồi rồi ta đặt bẫy nhé ông.

- Không được, tối nay không có mồi ở đó, khải sẽ bỏ đi. Phí lắm!

Nghe lén được câu chuyện, thằng Cu chạy lại, không hiểu nó học được ở đâu liền quỳ sụp xuống vái lạy bố nó như tế sao.

- Bố ơi, bố thương con với. Con sợ lắm. Đừng bắt con đi.

Nước mắt nó giàn giụa, giọng đã thất thanh nhưng lão Viên vẫn lạnh lùng:

- «Thôi, nốt lần này nữa thôi», rồi lão dặn Quân, «Mi chuẩn bị đi đi để tau canh chừng nó cho. Tối ni, tao chắc kiểu chi con khải cũng bị sập bẫy».

Tối hôm đó, sau khi đã thực hiện mọi thứ như chủ sắp đặt, Quân lừa bát cơm khô khốc mà không khỏi lợm giọng. Quân không thể tưởng tượng lại có người mất nhân tính đến mức lấy con, dù là con nuôi của mình làm mồi để bẫy khải. Nhưng Quân biết, nếu mình làm trái ý, không chừng Viên sẽ quy là phản bội và bắn mình ngay. Tính Viên là như thế, nếu không làm theo luật hắn định ra thì sẽ trở nên tàn bạo. Đợi Viên ngủ say, Quân lập tức men theo lối đi xuyên rừng đến trạm kiểm lâm huyện gần đó. Nghe Quân trình báo nhanh sự việc, đồn trưởng cùng ba chiến sỹ lập tức đánh xe lên đường đi ngay. Mới đến gần khu vực đặt bẫy

đã nghe thấy tiếng gầm gào của con mãnh thú át luôn cả tiếng động cơ xe. Quân nói khẽ: “Con khải đã bị mắc bẫy”, năm người mới yên tâm tiếp cận con hổ.

Thấy động, con hổ lập tức yên lặng rình rập. Ánh đèn pin rọi từ xa phản chiếu lại đôi mắt xanh biếc. Nó đang quần quai sát bên cũi sắt, một chân bị ngoàm sắt kẹp chặt, quanh người bị những sợi dây to quấn xung quanh. Đồn trưởng nói: “Nó đã bị thương. Tuy thế ta phải tiếp cận nó một cách an toàn, nếu cần có thể tiêu diệt nó để bảo vệ cháu bé” và chỉ đạo các hướng tiếp cận con thú. Đồn trưởng nhắc khẽ: “Phải đi cẩn thận không vướng bẫy!” Năm người cẩn trọng tiến nhanh tới mục tiêu. Khi đã ở vị trí tốt, một loạt tiếng súng nổ và con hổ gầm lên những tiếng dữ dội, đau đớn. Cả vùng đất bị nó giầy dẫm, phá nát.



Hai tay, hai chân Viên giờ đây nặng trĩu như đang bị cột vào đá. Hình như Viên đang bị nhốt vào chính cái cũi sắt của hắn. Không gian như một khối đen ngòm đặc quánh lại khiến Viên không thể thở nổi. Hắn cảm thấy như bị một con thú to lớn đang đè lên người mình. Trong khi hắn cố thở dốc thì bỗng trong đầu vang lên tiếng kêu cứu khản đặc của thằng Cu. Những tiếng kêu như xé buốt tâm trí hắn. Thằng Cu hét van khóc lại sụp xuống vái lạy Viên. Hắn ngoan cố lắc đầu nhưng không cử động được. Hắn vẫn cố trừng mắt dọa dẫm. Khuôn mặt thằng Cu méo xẹo, phẫn uất. Rồi tiếp theo, vọng đến tiếng gầm rú của những con khải bị mắc bẫy. Những cặp mắt xanh lè lớn vờn quanh hắn. Ánh mắt vằn lên những tia máu dữ tợn đến mức bắn ra ướt đầm đĩa người hắn. Một con mãnh thú xuất hiện, đi vòng quanh hắn như đang vờn con mồi. Viên muốn kêu cứu, van xin như thằng Cu nhưng không thể cất nổi tiếng. Hắn trơ mắt tìm Quân. Nó đâu rồi, sao không đến để lay hắn dậy? Hình như có một cái bóng đen phía trên đầu Viên. Hắn gọi to: “Thằng Quân!”, nhưng chỉ có thể gọi trong ảo giác, bóng đen ấy cứ đứng sững. Viên bắt lực vùng vẫy mỗi khi con mãnh thú lao vào vồ lấy hắn. Hắn ú ớ. Hắn hoảng sợ đến tuyệt vọng.



Khi cơ quan điều tra đến bắt Viên thì thấy gã đang nằm bất động trên giường, miệng sùi bọt mép. Hai mí mắt nhắm không hết lộ ra con ngươi trắng dã. Đoán là Viên đang giả bệnh để trốn tội, đội điều tra liền đưa gã về bệnh viện huyện để khám, nhưng qua giám định, Viên đã bị tâm thần phân liệt rất nặng. Người ta đưa gã vào trại tâm thần nhưng nghe nói mãi không khỏi. Còn thằng Cu được trả về cho mẹ và lại tiếp tục sống ở làng như cỏ cây. Tự nhiên, từ đó, ở làng ai cũng gọi hắn là Khải, cu Khải.



Minh họa: MINH CHÂU

Vụ kiện

HOÀNG CHÍNH

Nửa đêm về sáng trời se se lạnh. Ông Thắm kéo chiếc chăn hoa lên trùm đầu, tập trung tư tưởng theo dõi hơi thở ra vô, miệng niệm a-di-đà, chân tay ông thẳng đơ, bất động như khúc gỗ, hai mắt khép lim dim mong giấc ngủ trở lại. Vậy mà, tiếng gáy con gà trống choai ngoài chuồng trâu vẫn kéo dài dèo quẹo, len lỏi vào tâm trí ông. Rồi ý nghĩ về vụ kiện cáo xung quanh chuyện đất vườn như đàn ong vù vù bầu quanh. Sáng mai chính quyền sẽ làm việc ấy, bỏ công vợ chồng ông trông mong nhưng bây giờ nó đến ông lại thấy ngại ngại. Nhất là cái cô giáo Hường, bị đơn, của nguyên đơn Hoàng Thị Quát, vợ ông - sao mà thấy tội tội thế nào ấy. Ý nghĩ này như một giọt dầu hỏa nhỏ xuống chậu nước, lan nhanh.

Về miếng đất đang làm tình làm tội ông mấy hôm nay, có câu chuyện buồn rắc rối mà nhiều khi ông không hiểu tại sao nó lại thế. Cách đây ba chục năm, vùng đất nhà ông đang ở vốn là khuôn viên của nhà trẻ thời hợp tác bao cấp. Khi thực hiện khoán ruộng cho xã viên nó bỏ không, xuống cấp, sập sệ như con gà mái ấp. Hợp tác xã Song Thịnh thanh lý bán rẻ cho vợ chồng ông với giá ba tạ thóc, nói là để mở cái quán bán hàng thuốc tây.

Phía đông của nhà trẻ giáp mảnh vườn ấy là căn nhà cấp bốn, lợp ngói vảy nhưng cột chôn của lão Kiệt. Nhà lão không có con trai, cùng đường phải đi ở nhờ con gái út lấy chồng mãi trong Nam. Lão đi rồi, duyên trời cho, vợ chồng ông biến mảnh vườn đó thành đôi tượng khai phá, mở rộng lãnh thổ, khi thị trường giá đất đang lên vù vù.

Sau ba năm tích cực khai khẩn, nhất là vào những đêm trăng, vùng đất của ông đã tiến sát cái dốc nhà lợp ngói vảy của lão Kiệt. Chỉ còn cái sân ghép gạch nơi cổng vào nhà lão là chưa thôn tính được. Thành ra vùng đất nhà ông có hình thù giống cái súng lục, mà phần “báng” thuộc đất nhà ông còn phần nòng giáp sân gạch nhà cô giáo Hường.

Cô giáo Hường hỏi mua nhà đất lão Kiệt vì nó gần trường cấp ba huyện Kỳ Lân đóng trên địa bàn. Tìm hiểu khách mua nhà lão, bà Quát biết cô giáo này dạy Văn cấp ba, bị chồng bỏ, nuôi đứa con trai đang học cuối cấp phổ thông. Cô giáo này nghe nói còn theo đòi thơ thần. Nói chung là hạng hâm hấp dở người. Ví như bà nghe nói, cô ấy mở lớp bồi dưỡng dạy thêm, gào nói cả ngày mà không thu tiền học sinh nghèo. Lạ lắm, trong nhà ngoài vắng, xà treo đầy bằng khen của hai mẹ con nhưng tivi là hăng bet toàn nhấp nháy muối. Cũng lạ lắm, bàn trải nilon và luôn có lọ hoa tươi với vô số tranh tượng.

Theo bà Quát, chị này tỏ ra chơi trội nên thường đóng tiền cho trẻ ăn rằm Trung thu, hay cho các cụ tập múa bằng tiền cả xóm quyền góp. Cô lại có dáng đi xấu, ai đời còn trẻ, chừng ba lăm chứ mấy mà đầu khi đi cứ cúi xuống, đứng ngồi cũng vậy, cô ta hay nhìn ngón chân cái. Dạy Văn giỏi đâu không biết chứ sống với xung quanh lảng giềng ai cũng cho là hơi đàn, hơi “chập mạch”. Ai bảo gì cũng như cái máy “dạ, vâng ạ”. Bà Quát theo dõi và thấy điều lạ. Mẹ con nhà này ngày ăn mỗi buổi tối, rồi chong đèn đến khuya. Sáng bảnh mắt đã giục nhau lên xe máy rồi đi, mãi đến xẩm tối mới về.

Nhiều lần bà Quát chê búng chê beo thế, nhưng ông Thẩm vẫn thấy bình thường. Người ta là nhà giáo, là tri thức, người ta có cá tính thế thì đã sao. Hồi trước ông hay giải thích vậy nhưng bà Quát ghen ông, nói ông bệnh đàn bà lảng giềng không có chồng, nhằm mục đích không trong sáng nên ông không dám nói ra lời. Kệ bà Quát nói thế nào, kệ dân làng nói lung tung, ông vẫn thấy quý con người vô sự, chứ không động tí là quang quác mồm như vợ mình.

Tính vô sự của cô giáo thể hiện rõ, ngay cả vòng đất của cô ngày nào cũng bị lấn chiếm ít một như tầm ăn lá dâu, cô vẫn vô tư như người đến ở trọ. Hai lần bà

Quát làm đơn kiện lên trên vu cô giáo lẩn đất ở của bà, làm thành cái hình sừng lục ai cũng thấy, cô giáo biết tin vẫn im. Đến khi nhà trường cắt danh hiệu cô giáo ưu tú, vì người địa phương tố cáo, cô vẫn như không. Lần này thì khác, có lẽ là lần cuối cùng, xã báo cho gia đình ông và cô giáo sáng mai, tức là buổi sáng ông đang nằm đây, đúng bảy giờ sẽ có địa chính xã về đo đất, coi như lễ cái nhọt bọc mừng mủ bấy lâu nay. Chính vì có chút lo ngại ấy mà ông Thẩm không ngủ được đêm qua. Giờ thấy vợ trở mình, biết là bà đã tỉnh giấc, ông liền ướm hỏi:

- Mẹ nó này, thức rồi chứ? Tôi hỏi khí không phải, bà nó thấy ta kiện là chắc thắng chứ?

- “Sao lại không?” Bà Quát tung chăn, ngồi thẳng dậy nói như dao chém đá, “ông không thấy cái sân gạch nhà cô ta lổm vào đất nhà mình đấy à? Đó là chưa nói, trường hợp hạn hữu có đo đạc lại thì thằng Kế con nhà đi Tư lại không “trồng tre che phía” à? Ông thì cứ nhất gan, “lo bò trắng răng” mãi”.

Trước khi dậy khỏi giường chờ đoàn cán bộ đo đất đến nhà cô giáo làm việc với hai nhà, ông hỏi vợ thêm một câu nữa, để vững thêm tinh thần, để biết đường mà xử lý:

- Mẹ nó cho tôi hỏi một câu tình huống nhé. Giả dụ, đoàn họ đồng ý cắt thẳng cho ta để mảnh đất ta vuông vắn, mà như thế phải cắt cái sân gạch ấy của nhà cô giáo. Nếu người ta bắt ta phải đền bù, nói cách khác là mua cái sân gạch tám mét vuông ấy, chừng mấy chục triệu thì ta chấp nhận?

- Thì đất mấy cũng mua chứ sao nữa! Tám mét vuông theo giá khởi điểm đất ở trong làng này là mười triệu đồng mỗi mét vuông. Cô ấy có đòi tám mươi triệu đồng chứ hai trăm triệu đi nữa ta cũng chấp nhận. Vì sao à? Vì rằng địa thế đất ta chỉ xây được một nhà. Nếu lấy được cái sân gạch thì đất vuông, ta xây được hai nhà ông cho con trai sắp cưới vợ một nhà nữa. Ông thừa biết lại còn...

Được lời như cởi tấm lòng, ông Thẩm ăn sáng qua loa, uống ly cà phê cho tỉnh táo, rồi ông đi trước bà theo sau, sang nhà cô giáo Hường.



Kết thúc việc đo đạc, đối chiếu bản đồ và thực địa, ba cán bộ trên về yêu cầu vợ chồng ông Thẩm và cô giáo ngồi lại với nhau để bàn việc phát sinh ngoài dự kiến.

Ngay từ khi vào cổng nhà cô giáo Hường, bà Quát nhìn xéo vào gian nhà ngoài của chủ thấy trong ba thằng thì một thằng lạ hoắc, mà không thấy thằng Kế, bà đã giật mình. Bà chua chất chẳng khác công chăm bẵm gà đến hôm đem đi chợ thì lại què. Trong đoàn của xã hôm nay bà thấy mặt anh nào cũng vẻ khó đảm đảm, còn thằng Kế nghe bảo đi họp huyện, bà đã thấy bất lợi. Nhưng một người từng trải, lại hay xem bóng đá ngoại hạng Anh như bà, bà vẫn cố an ủi mình rằng, đến phút tám chín vẫn cứ còn hy vọng. Biết đâu thằng Kế trước khi đi họp huyện đã bố trí đâu ra đấy rồi? Có điều bà vẫn hơi run khi nhìn cái thằng cầm bản đồ to như chiếc chiếu cuộn lại, nghe nói người trên huyện, điệu bộ có vẻ lì

lì như con gấu khiến bà cũng kinh kinh. Còn hai thằng đàn em cầm sỏ, cầm dây, cầm cọc mắt láo liên hay nhìn trộm bà thì lạ gì. Chúng nó chả đã mấy lần cùng thằng Kế nốc bia với cả rá trứng vịt lộn tại quán bà rồi.

Bà Quát liếc xéo sang chỗ ngồi cô Hường. Cái cô mặc áo dài, chấm hoa nhỏ màu tím hoa cà, trông chẳng khác nàng dâu, chẳng khác mọi hôm đi dạy. Trước lúc có thể nguy mà vẫn thấy tươi vui, mắt đầm thắm, cười cười mới lạ. Hai tay cô luôn chụm nước, mời mọc ân cần với khách như không. Điều bộ ấy làm bà Quát thêm quan ngại.

Trái lại, bà nhìn đáng chồng e sợ như kẻ cấp bị bắt quả tang mà phát buồn. Mặt ông nhăn nhúm lo sợ, vẻ lúng túng mất tự nhiên, ngữ ấy là lạy ông tôi ở bụi này. Bà Quát thì trái lại, tự nhủ lòng: thằng cha trưởng đoàn là người ở đâu đến thì cóc biết lịch sử miếng đất này. Còn cô giáo Hường cũng không đáng ngại, trí tuệ văn chương thơ phú giỏi giang đâu không biết chứ kinh nghiệm từng trải và mẹo luật cái lý thì có mà xách dép cho bà cũng chưa đáng. Chả thế, chiều qua thằng cháu Kế và trưởng thôn báo cho biết, sáng mai cô Hường xin nghỉ dạy một buổi, để ở nhà giải quyết cho xong vụ kiện, cô ta cứ ngơ ngơ:

- Hay là để hôm khác được không hở chú? Ngày mai đội tuyển trường cháu đang bồi dưỡng kiến thức buổi cuối cùng để đi thi.

- “Cô này hay thật”, trưởng thôn quắc mắt quát to, “Chuyện kiện cáo là chuyện pháp luật không phải chuyện chơi nói hoãn là hoãn”.

Cô giáo tần ngần một lúc rồi rụt rè hỏi:

- Vậy, hay là... Đoàn giải quyết sao cháu nghe vậy, được không?

- Cô này dở hơi như người ta nói thật rồi. Chuyện đấu tranh quyền lợi mà cứ đứng đưng...

- Thế thì, thế này vậy, nhờ bác thưa với đoàn tiến hành sớm cho để cháu còn kịp dạy tiết hai được không? Trăm sự nhờ bác, hoàn cảnh cháu...

Ông xôm trưởng lắc đầu quầy quậy:

- Người đâu mà vô tâm vậy, chả trách người ta...

Bây giờ, anh Cường, tổ trưởng tổ đo đạc thay anh Kế, cũng nghe lời ông trưởng thôn, rút ngắn cuộc đàm thoại lại. Anh nhìn lướt một lượt, e hèm, nhổ bãi nước bọt vào góc nhà, nói dần từng tiếng, vẻ trịnh trọng:

- Thế này nhá, chúng tôi làm nhanh để theo yêu cầu cô giáo kịp đi dạy. Đã báo xin nhà trường nghỉ một buổi thì có chết ai, vậy mà như mèo cháy l...Xin lỗi!

Thôi thì, ngắn dài là do ở cô ấy mà ra cả. Tôi báo cho cô giáo hay, trước đây cô là bị đơn, bị bà Quát đây kiện là lấn đất bà ấy. Giờ trái lại, đối chiếu bản đồ đo bằng máy lưu lại đây thì cô lại là nguyên đơn. Vì sao à? Vì theo đó thì nhà ông bà Thắm đã lấn sang đất nhà ông Kiệt, tức bây giờ là đất nhà cô giáo Hường đây, 3 mét rộng, nhân với chiều dài tám mét, vị chỉ đúng hai tư mét vuông. Bây giờ tùy cô

giáo quyết, cô được chọn một trong hai cách. Một là, thỏa thuận giá đền bù diện tích bị ông Thẩm chiếm dụng tính theo giá đất hiện thời. Hai là, ông bà Thẩm cắt trả diện tích đất đó về cho cô giáo. Cô chọn phương án nào cũng được, nói ra để chúng tôi ghi biên bản.

Cô giáo Hường bên lên đứng lên, mặt cô đỏ bừng như học sinh lên bục giảng không thuộc bài hay phạm lỗi bị phạt. Cô nói lí nhí nhưng về sau cũng rõ ý tứ mong muốn của cô. Đoạn đầu người ta vẫn nghe nhưng không hiểu vì nó ngược với người đời, trái với hai câu hỏi lựa chọn mà trưởng đoàn nêu ra. Bây giờ đoạn sau lại càng trái khoáy:

- Thưa mọi người, cháu đã làm phiền ạ. Nói thật từ lâu cháu thấy nhà bác Thẩm sắp cưới vợ cho con trai, cũng như các bậc làm cha làm mẹ khác muốn cho con yên bề gia thất mà không được, kể cũng tội. Cháu biết hai bác ao ước rằng, giá không có cái sân gạch nhà cháu “nhô sang” phía đông, thì thừa đất nhà hai bác vuông vắn, từ đó xây được hai cái nhà ống, một cho mình, một cho con, đúng không? Cháu biết nhưng không lẽ cháu nói ra mà đợi hai bác ngó lơ rồi giúp, nhưng không thấy nói gì cả. Cháu đoán do ý định đó mà bác gái Quát “sinh sự, sự sinh”...

Càng nghe cô giáo bày tỏ ông Thẩm càng thấy nhà mình đại quá, cả mình cũng ngu hơn con lợn. Người ta tốt thế, nếu mình mở mồm ra thì đã không lâm vào tình huống khó xử, bất lợi hiện giờ. Mình đã kiện cáo, vu khống người ta lấn đất thì, cô giáo cũng sẽ tự ái mà phản công lại. Làm như bà vợ mình lâu nay chẳng khác tự mình lấy ngón tay chọc vào mắt, tránh sao khỏi đau đến mù. Phải mất ít nhất tiền trăm triệu mới khỏi bị đập tường đốc ngôi nhà hai tầng đang ở. Nhưng kìa... tai ông nghe rõ ràng một bất ngờ khác, từ miệng cô giáo:

- “Thưa hai bác, cháu sẵn lòng biếu không hai bác cái sân gạch này để vuông mảnh đất, làm được ngôi nhà nữa giúp bác. Cháu nói thật đó, vì cháu rồi đây cũng chỉ ở có một mình, cháu Nam chắc chắn sẽ đi đại học. Còn khi con cháu về, hai mẹ con ở trong căn nhà ba gian cấp bốn này cũng đủ rộng. Vì sao cháu lại làm thế thưa chú?” Cô Hường nói với cái anh đứng tuổi, lờm chờm râu quai nón, trưởng đoàn, “vì như cháu đã nghĩ và trình bày lúc nãy rồi. Thêm nữa, cháu trộm nghĩ, người ta còn làm từ thiện đến hàng tỷ đồng cho những người xa lạ, thì huống chi cháu chỉ giúp người hàng xóm cạnh vách mình, một thẹo vườn!”

Mọi người đang phân vân sao gió đổi chiều nhanh đến vậy thì cô giáo Hường vừa ngửa tay xem đồng hồ, vừa thông cảm, như muốn chấm dứt câu chuyện:

- Nếu không còn gì nữa thì, xin lỗi, cháu phải dạy tiết hai, không dám để các cháu chờ.

Nói rồi cô ôm cặp, đẩy xe ra sân, ngồi lên yên, phóng nhanh ra cổng.

Vợ chồng ông Thẩm nhìn theo, ngơ ngác. Cửa ngõ cô giáo vẫn mở toang. Cô đi làm vô tư, tin cậy như tấm lòng rộng mở với đời.

Nước mắt bà Quát bỗng ứa ra, bà nhìn ổ khóa, nhìn mọi người, rồi nhìn nhanh xuống nền nhà đất, y như đang muốn tìm một lỗ nẻ để chui xuống.



Minh họa: HOÀNG HẢI THỌ

Mẹ của anh

ĐỨC HẬU

Nga ra mở cổng cho Hạnh. Cô trợn mắt làm bộ ngạc nhiên:
- Anh đi xe máy à? Xe anh đâu?
Hạnh thông thả dắt xe vào cái sân rộng thênh thang có nhiều chậu cây quý. Nga khoác tay Hạnh thật tự nhiên, lại nũng nịu hỏi:

- Xe đâu mà anh đi xe máy?
- Có hơn cây số việc gì phải đi ô tô. Mà ô tô của cơ quan chứ của mình đâu.
- “Nhưng em muốn bố mẹ thấy anh đi ô tô biển xanh đến cơ”, Nga tỏ vẻ không hài lòng.

- Để làm gì? Em muốn anh tỏ ra sang à?

Nga ngúng nguẩy: “Nói chuyện với anh chán lắm”. Bố Nga xuất hiện ở hàng hiên cao vợi vợi của ngôi biệt thự, tươi cười vẫy tay:

- Đây là chú Hạnh phải không? Chào phó chủ tịch huyện, tuổi trẻ tài cao.

Nga dắt tay Hạnh đến giới thiệu, “Thưa bố, đây là...” Ông bố ngắt lời:

- Bố biết rồi. Các con vào nhà đi.

Hạnh chào ông bố và theo ông vào nhà. Ngôi nhà to rộng, phòng khách bày la liệt những đồ gỗ quý hiếm. Bố Nga tóc hoa râm, người đầy da, có gương mặt phương phi, đôi mắt sắc lẹm. Ông giữ vẻ trang trọng, mỉm cười thiện cảm đưa chén trà thơm phức cho Hạnh:

- Mời chú. Nay chú về họp trên tỉnh à?

Hạnh nhận chén trà và cảm ơn. Bà mẹ Nga từ trên gác đi xuống, mỉm cười gật đầu chào Hạnh. Bà trang điểm khá cầu kỳ, mặc bộ váy sang trọng, nhưng vẫn không giấu được vẻ quê mùa. Hạnh cảm thấy cuộc tiếp đón anh hôm nay đã được gia đình Nga chuẩn bị trước. Chào hỏi xong, bà mẹ kéo tay Nga bảo: “Vào đây giúp mẹ một tay làm bếp, để bố con tiếp khách”. Hai mẹ con làm bộ rón rén vào trong nhà. Ông bố Nga hỏi giọng thân mật như đã từng quen biết nhau lâu:

- Chú Hạnh ở hẳn cơ quan hay hàng ngày đi về?

- “Cháu ở cơ quan, cuối tuần mới về. Cho tiện công việc bác ạ”, Hạnh nhỏ nhẹ.

- Kể cũng vất vả nhỉ. Có định sớm về tỉnh không?

- “Do tổ chức phân công chứ mình định làm sao được ạ”, Hạnh cười.

Ông bố Nga cũng cười:

- Thế mà mình cũng có thể chủ động được đây chú ạ.

Hạnh hơi giật mình vì câu nói của ông. Nhưng định thần lại, Hạnh nhớ ra là đã nghe anh em nói loáng thoáng về ông, một người tay không bắt giặc, không học hành bằng cấp gì mà bỗng chốc trở nên giàu có, là tay chạy dự án số một của tỉnh, chơi bời với toàn sếp bự. Có người còn bóng gió nói Hạnh yêu Nga là vì ông bố. Không biết ông vô tình buột miệng nói ra hay có ý gì. Hạnh bỗng cảm thấy mất tự nhiên. Anh nói nhỏ nhẹ: “Cháu thì chịu bác ạ”. Ông bố cười thành tiếng:

- “Là nói vui thế thôi. Mọi chuyện đều phải từ từ theo năm tháng mà chú”, rồi ông chuyển chủ đề, “Theo ý chú thì con Nga nhà này nên cho vào Nhà nước hay ở nhà làm với bố? Cho nó học để có cái bằng đại học thôi, chứ sao cho nên người thì là chuyện khác. Cho vào nhà nước tôi cũng đã thu xếp, nếu nó thích. Tôi cũng dành chỗ cho nó ở công ty của tôi rồi”.

- Chuyện đó thì tùy bác với em Nga chứ cháu biết thế nào mà tham gia ạ.

- “Thì coi chú như người nhà tôi mới hỏi chứ. Nhưng thôi, để tôi từ từ tính. Nó cũng mới tốt nghiệp nên phải tính rồi”, ông bố tỏ vẻ không hài lòng.

Bà mẹ Nga từ nhà trong ra vui vẻ nói:

- Mời hai ông con vào ăn cơm cho nóng. Xong cả rồi.

Ông bố ra hiệu cho Hạnh cùng vào nhà trong. Phòng ăn rộng rãi và sáng choang, điều hòa mát rượi. Một mâm cỗ sang trọng toàn những tôm hùm với cua biển đặt nhà hàng. Ông bố mở tủ rượu, lấy ra mấy chai và hỏi Hạnh:

- Đây là rượu Tây, đây là nếp cái hoa vàng, đây là vang Ý, chú Hạnh uống loại nào?

Hạnh cười ngượng ngùng:

- Xin lỗi, cháu không biết uống rượu bác ạ.

Ông bố ngạc nhiên:

- Ấy chết, làm lãnh đạo mà không biết uống rượu thì tiếp khách làm sao? - “Họ cũng thông cảm bác ạ. Cháu chỉ cảm cốc nước khoáng để chúc. Rồi cũng quen bác ạ”, Hạnh thành thật.

Ông bố Nga mở chai Whisky rót ra bốn cốc yêu cầu mọi người cùng nâng, và nói:

- Ai uống được thì uống, không thì để lại, tôi uống giúp, hôm nay tôi vui.

Ông uống cạn ly của mình, cạn ly của vợ, rồi quay sang Hạnh:

- Chú Hạnh ạ, tôi có cơ ngơi ngày nay là nhờ biết uống rượu đấy. Chú hỏi bà nhà tôi xem. Thân tôi với bà ấy từ bùn đất, rơm rạ mà ra đấy.

Nga cầm chén rượu của mình đi vòng sang chỗ Hạnh ngồi, đưa chén của Hạnh cho anh, khoác tay anh và nói:

- Em với anh nhấp môi cho bố vui nào. Bố ơi, con lại thích anh Hạnh không biết uống rượu như này. Đàn ông không uống rượu là người đầy ý chí đấy bố ạ.

- Thế mà bảo bố không có ý chí à?

- Ấy chết, con không có ý đó. Bố là đặc biệt, không ai so với bố được. À, hôm nay mẹ đặt nhiều món đặc sản, nhưng con vẫn mua cho bố món bố thích đấy.

- Con bé được. Món lòng lợn phải không?

- Bố tỉnh thể. Con biết bố vẫn thích uống rượu với món đó mà. Con kể cả nhà nghe, hôm nay con mua lòng xong, còn thừa năm nghìn, con không lấy lại, bảo cho bà bán lòng. Nhưng bà ta cứ chạy theo trả lại, nhất định không nhận. Người mua hàng đang đợi, người đi đường nhìn vào, con bức quá quát bà ta “Tôi cho bà kia mà”. Bà ta cũng nhất định trả lại bằng được. Có bức không?

Bà mẹ giờ mới lên tiếng: “Sao lại khoảnh thế nhỉ?” Nga nói tiếp: “Vâng, đã nghèo lại còn sĩ”. Ông bố cứ thân nhiên uống rượu. Hạnh hỏi Nga:

- “Bà ấy bán ở đâu?”

- Cái bà ngồi ở vỉa hè trường Minh Thành ấy.

Hạnh hỏi bằng giọng cố nén: “Sao em bảo bà ấy trả lại tiền là sĩ?”

- “Đã nghèo, người ta cho tiền còn trả lại, không phải sĩ thì là gì? Làm em ngượng với bao nhiêu người. Bực không chịu được”, Nga gay gắt.

- Cửa cho không bằng cách cho. Giữa bao nhiêu người em tuyên bố cho bà ấy mấy nghìn tiền thừa thì bà ấy không nhận là phải. Lại còn bảo người ta sĩ. Có phải em giàu có thì em có quyền coi thường người nghèo đâu!

Cả nhà bỗng lặng đi một lúc. Ông bố cầm chén rượu đưa cho Hạnh, đoạn ông nâng chén của mình lên, đổi cách xưng hô: “Uống với bác một chén thôi, cháu. Chuyện đàn bà con gái chấp làm gì”.

Nga chảy nước mắt, vùng vằng với Hạnh: “Anh làm như em có lỗi vì là con nhà giàu ấy”. Hạnh nhìn Nga thật lâu, rồi lại nhìn bố mẹ Nga. Không ai nói gì. Hạnh nói chậm rãi, rành rọt: “Xin lỗi em nếu anh lỡ lời khiến em không vui. Vì anh vốn con nhà nghèo mà”. Nói rồi Hạnh uống một hơi hết chén rượu, đập chén đánh chát xuống mặt bàn. Mọi người giật nảy mình, không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Ông bố ngồi lặng đi. Là người từng trải, lọc lõi, ông biết thế là bữa tiệc hỏng rồi. Đã có va chạm giữa hai nhân vật chính của bữa tiệc, và mất hết không khí rồi. Bà mẹ ngồi lặng lẽ ôm vai con gái đang khóc rầm rức. Ông bố đứng lên cầm tay Hạnh, nói nhỏ nhẹ: “Bác cháu ta ra ngoài uống nước”. Chưa ai kịp ăn gì. Hạnh ngồi bàn nước với ông bố, Nga và bà mẹ vẫn ở trong phòng ăn. Khoảng mười lăm phút, Hạnh xin phép về. Ông bố tiễn Hạnh ra tận cổng. Nga và bà mẹ không ra tiễn và Hạnh cũng không vào chào hai người.



Hạnh về nhà thấy mẹ đang ngồi ăn cơm một mình. Anh sà xuống mâm vui vẻ:

- Mẹ cho con ăn với.

- Hôm nay con đi ăn cơm khách kia mà.

- Con đi gặp người quen rồi về ăn cơm với mẹ. Nay mẹ về sớm thế?

- Hôm nay hết hàng sớm nên mẹ về sớm. Quý hóa quá, nay con trai lại có thì giờ ăn cơm với mẹ.

Mẹ lấy bát đĩa, xới cơm cho Hạnh. Cơm của mẹ có canh cua, cà muối và cá bóng kho. Lâu lắm Hạnh mới được ăn những món ngon của mẹ. Lần đầu uống chén rượu Hạnh thấy cồn cào choáng váng, cộng với tâm trạng nặng nề khi ở nhà Nga khiến anh rất mệt mỏi. Vậy mà húp bát canh cua của mẹ thấy nhẹ cả người. Mẹ âu yếm chan canh và gấp cá cho anh như thời còn đi học. Mẹ nói:

- Lúc sáng em nó điện cho mẹ, bảo nó sắp đi thực tập, mấy tháng nữa mới về thăm mẹ thăm anh được.

- Cuối năm nay em Bổng tốt nghiệp đại học rồi. Thế là mẹ đã hoàn thành việc nuôi dạy anh em con rồi. Từ nay mẹ nghỉ bán hàng cho khỏe mẹ ạ. Giờ con đi làm có lương rồi, con sẽ chăm lo cho em, mẹ đừng lo.

- Mẹ cũng mấy lần định nghỉ, nhưng mấy bác quen mua hàng của mẹ cứ yêu cầu mẹ bán tiếp. Có hôm nghỉ, các bác ấy đến tận nhà yêu cầu đấy.

Hạnh nhìn mẹ mà lòng rưng rưng. Mẹ đã dắt anh em Hạnh qua những năm tháng nghèo khổ cùng cực để đến được ngày hôm nay. Hạnh không thể quên buổi chiều định mệnh ấy. Hạnh đi học về, thấy ngõ và sân nhà mình đông chật người, đông mà vẫn im lặng, ai nói gì với nhau cũng thì thầm. Bác Tấn, anh trai của bố, thấy Hạnh về, lặng lẽ cầm tay cháu dắt rẽ đám đông vào nhà. Trong gian giữa ngôi nhà ngói ba gian chật hẹp kê cái giường một, trên đó có một người nằm, mẹ trùm khăn ngồi cạnh, em Bổng bé nhỏ nép cạnh mẹ. Bác Tấn mở tấm vải trắng che mặt người nằm ra. Bố! Mặt bố bình thản như đang ngủ. Bố chết do tai nạn lao động. Năm ấy cả bố và mẹ mới ngoài ba mươi tuổi, Hạnh mới học lớp bốn. Lo tang cho bố xong, mẹ ốm hàng tháng; không khóc gào, không than thở, chỉ lặng lẽ đi ra đi vào. Hạnh nhớ, dù làm công nhân vất vả và nghèo, nhưng mẹ là một phụ nữ khá đẹp. Cũng từ đấy, mẹ vừa là mẹ, vừa là cha tần tảo, vật vã nuôi hai anh em Hạnh ăn học. Ngày ấy cả xã hội nghèo đói, mẹ con Hạnh lại càng nghèo hơn. Bố mất ít lâu thì xí nghiệp đóng cửa, mẹ thất nghiệp. Làng quê bố mẹ cách thị xã năm cây số, hàng ngày mẹ dậy sớm nấu ăn và để phần cơm trưa cho anh em Hạnh rồi đi bộ về quê. Mẹ làm thuê chỗ này chỗ nọ, ăn nhờ nhà ông bà. Làng ngày đó rất nghèo nên chả ai giúp được ai. Chiều muộn, mẹ mang theo nhúm gạo và mấy củ khoai, vội vàng đi bộ về thị xã lo bữa tối cho hai con. Hai anh em Hạnh đi học về đứng chờ mẹ ở đầu ngõ. Ba mẹ con ôm nhau trong ánh chiều nhập nhoạng. Mẹ nổi lửa nấu cơm, rồi dắt em Bổng ra giếng tắm giặt, còn Hạnh thì tự lo được. Cuộc sống của mẹ con Hạnh cứ diễn ra như vậy một thời gian dài. Khi học cấp hai, Hạnh đã lớn nên thỉnh thoảng tự về quê một mình. Một buổi chiều, Hạnh đi bộ về quê tìm mẹ. Đang ngày mùa, người đi gặt, người gánh lúa rất đông. Hạnh đi trên cánh đồng mà lòng náo nức một cảm giác vui thích. Đang đi, Hạnh bỗng thấy một người đội cái nón mê lom khom làm gì đó bên vệ đường. Hạnh dừng lại, người đó ngẩng lên.

- Mẹ! Sao mẹ lại ở đây? Mẹ đang làm gì thế?

Mẹ cười, bỏ cái nón mê ra quạt: “Con xem đây, mẹ đã nhặt được gần chục cân thóc rồi này”. Mẹ chỉ cho Hạnh xem một thúng đầy các nắm đất to bằng nắm tay. Mẹ đã lấy đất dẻo đập xuống bờ ruộng, bờ đường có thóc rơi thóc rụng, thóc dính vào nắm đất của mẹ. Về nhà bà ngoại, mẹ mang ra ao đãi sạch đất còn toàn thóc mẩy. Mẹ bảo, mùa này mẹ vừa mót lúa, nhặt thóc rơi kiểu này được năm thùng thóc rồi đấy. Mẹ khoe với Hạnh và cười vui vẻ. Nhìn mẹ nón mê áo vá mà vẫn xinh đẹp, Hạnh bỗng thấy thương mẹ đến thất lòng. Mẹ lại khoe: “tối nay mẹ con mình có cơm cá ăn rồi con trai nhé”. Mẹ lấy cái giỏ để trong thúng cho con trai xem. Trong đó có mấy con cá rô, cá giếc, mấy con trê hoản. Mẹ bảo lúc

mót lúa ở khu ruộng trũng thấy có cá mẹ đã be bờ tát cạn bắt được mớ cá này. Hai mẹ con về nhà bà ngoại. Thúng đất nhứt thóc nặng nên Hạnh đội cho mẹ. Hạnh đợi mẹ ra ao đãi hết thúng đất rồi hai mẹ con xin phép ông bà về thị xã. Mẹ nói đúng, chỗ đất đó mẹ đãi được khoảng mười cân thóc. Mai bà sẽ phơi khô và cất giữ cho mấy mẹ con.

Bữa cơm tối hôm đó mẹ không dọn khoai, mẹ bảo ngày mùa cho các con ăn cơm trắng. Mẹ lấy vỏ hành khô trên gác bếp kho cá, cho cá vừa thơm vừa có màu và ngon hơn. Tuy công phu của mẹ như vậy nhưng chỉ được một đĩa cá nhỏ. Lúc ăn cơm, mẹ cứ lấy đũa gấp cá cho em Bổng, lại gấp cho Hạnh. Mẹ gấp vỏ hành ăn và bảo:

- Mẹ thích ăn vỏ hành, vỏ hành ngon hơn cá.

- “Vỏ hành ngon hơn thật hờ mẹ?” Em Bổng ngây thơ hỏi.

- Hạnh nhìn mẹ một lát rồi nói: “Không phải đâu, mẹ nhường anh em mình đấy”.

Em Bổng bỏ bát, ôm lấy mẹ khóc nức nở. Mẹ cũng ôm em khóc lặng lẽ. Một lúc sau mẹ nói một mình: “Các con của mẹ đã lớn thật rồi”.

Một hôm, bác Tấn sang chơi nói với ba mẹ con: “Tôi mới xin được giấy phép mở hàng thịt lợn, nghĩa là được phép giết lợn. Từ mai thím sang lấy lòng lợn về bán, khỏi phải đi làm thuê vất vả. Lúc đầu chưa quen, sau rồi sẽ quen. Tôi chỉ để vốn cho thím thôi. Cố gắng lên nhé.” Thế là một cuộc mưu sinh mới bắt đầu. Đêm nào mẹ cũng dậy từ ba giờ sáng sang nhà bác Tấn lấy lòng lợn về làm, rồi tìm địa điểm bán. Năm lần bảy lượt bị đuổi, bác Tấn can thiệp mãi mới có được chỗ ngồi bán ở vỉa hè. Hồi đầu chưa quen, chưa có kỹ thuật chế biến nên chưa thu hút được khách. Nhiều hôm ế đến nửa, mẹ mang về chia ra các túi nhỏ, giao cho anh em Hạnh mang biểu hàng xóm. Mẹ đi hỏi kinh nghiệm nhiều nơi, rồi khách của mẹ đông dần. Bao nhiêu năm qua, chỗ vỉa hè nơi mẹ ngồi thành địa chỉ của món lòng lợn nổi tiếng. Trước có mình mẹ, sau này thêm hai người nữa nhưng khách chỉ mua hàng của mẹ, hết mới mua hàng bên cạnh. Bác Tấn nghĩ giết lợn, mẹ lấy hàng chỗ khác. Rồi người ta làm sẵn mang đến cho mẹ bán, nên mẹ đỡ vất vả hơn nhiều. Bao năm tháng qua, mẹ đã bán lòng lợn nuôi anh em Hạnh học hết đại học và trưởng thành. Một phóng viên tờ báo tỉnh có bố hay ăn lòng lợn của mẹ đã viết bài khen mẹ chỉ có một nỗi lòng lợn ngồi vỉa hè mà nuôi hai con học đại học. Hạnh đã hỏi mẹ nghĩ sao về bài báo đó, mẹ cười bảo đó là sự thật chứ sao. Mẹ tự hào vì mình sống lương thiện, mẹ ngẩng cao đầu vì các con học hành thành đạt và ngoan hiền. Hôm nay, sau bữa cơm, mẹ hỏi Hạnh:

- Sao con lại muốn mẹ nghỉ bán hàng? Bây giờ con đã là lãnh đạo, liệu mẹ tiếp tục bán lòng lợn có ảnh hưởng gì đến thanh danh của con không?

- Mẹ là người mẹ vĩ đại trong mắt anh em con, thế là đủ. Mẹ làm gì cũng không ảnh hưởng đến con hết. Con muốn mẹ nghỉ vì mẹ tuổi cao rồi, phơi sương phơi nắng không tốt cho mẹ, mà người đời lại chê cười chúng con để mẹ vất vả. Việc của mẹ nuôi chúng con khôn lớn và ăn học xong rồi mẹ ạ.

- Điều mẹ mong nhất bây giờ là con sớm lấy vợ, sinh cho mẹ đứa cháu để mẹ bế. Con đã ngoài ba mươi rồi, đã có người yêu chưa, đưa về đây cho mẹ gặp.

- “Con sẽ tìm cho mẹ một nàng dâu thật vừa ý, mẹ nhé”, hai mẹ con cùng cười, Hạnh hỏi, “Hôm nay mẹ bán hàng có chuyện gì phải không?”

- Sao con hỏi vậy?

- À, là vì con thấy mẹ khang khác. Mẹ “À” lên một tiếng:

- Con tính thật, đúng là có tí chuyện hơi bức. Có một cô gái rất xinh đẹp, ăn diện vẻ giàu có lắm, mua hàng xong, trả lại tiền thừa cô ta không lấy, bảo cho mẹ. Mẹ dứt khoát trả, đùn đẩy mãi rồi cô ta quát mẹ sao bà sĩ thế? Mẹ nhét bằng được mấy nghìn bạc vào tay cô ta. Mẹ giận lắm, nhưng lại nghĩ nó chắc con nhà giàu quen được chiều chuộng nên mới hư thế.

Hạnh dăm chiêu khá lâu rồi hỏi mẹ: “Nếu con tìm được nàng dâu xinh đẹp như thế mẹ có ưng không?” Mẹ nhìn Hạnh hỏi lại: “Con nói thật đấy à?” Hạnh nhận ra ánh mắt thất thần của mẹ lóe lên rồi tắt ngay. Anh đã hiểu tất cả.

Đêm hôm ấy, Nga gửi email cho Hạnh rất dài, rồi lại nhắn tin điện thoại liên tục về chuyện va chạm giữa hai người. Nga trách Hạnh: “Anh đã coi thường bố mẹ em, làm bố mẹ em rất buồn”. Hạnh trả lời: “Anh xin lỗi em và cho anh gửi lời xin lỗi hai bác”. Nga lại nhắn: “Em cần gặp anh ngay ngày mai”, Hạnh không trả lời. Sáng hôm sau, Hạnh về họp ở Ủy ban tỉnh. Hết giờ họp, đi xuống cầu thang đã thấy Nga đang đứng chờ. Nga nói:

- Em biết anh ăn cơm hội nghị, nhưng hãy đi ăn trưa với em. Em muốn nói chuyện với anh.

- Nhưng chiều anh còn họp tiếp.

- Không sao, ăn xong anh về họp. Em rất cần nói chuyện với anh.

Hạnh đành đi theo Nga. Ngồi trong nhà hàng sang trọng do Nga đặt, Hạnh không biết nói gì, chỉ nghe Nga nói. Nga nói Hạnh không hiểu Nga, quá khe khắt bắt bẻ Nga. Nga nói Nga yêu Hạnh rất nhiều. Vì quá yêu Hạnh, Nga đã đòi bố mẹ tiếp Hạnh thật sang trọng tại nhà. Thế mà Hạnh đã bỏ về làm bố mẹ Nga rất giận và buồn. Rồi Nga lại khóc thút thít. Hạnh đưa giấy cho Nga lau mắt và xin lỗi về tất cả. Nga chợt đề nghị: “Anh đã đến nhà em, biết bố mẹ em rồi. Em biết anh không còn bố, nhưng hãy cho em thăm mẹ anh, được không?” Hạnh suy nghĩ hồi lâu rồi quyết định nói thẳng:

- Cái bà bán lòng lợn em cho tiền không lấy, mà em bảo là sĩ ấy, là một bà góa, một mình nuôi hai đứa học đại học bằng nỗi lòng lợn ngồi vỉa hè đấy. Một trong hai đứa con của bà ấy đang ngồi trước em đây.

Nga giật nẩy người, rồi từ từ đưa hai bàn tay bưng mặt. Chờ rất lâu không thấy Nga nói gì, cũng không bỏ tay che mặt ra, Hạnh đành nói:

- Như vậy em đã gặp mẹ anh rồi, không cần gặp lại nữa nhé. Cảm ơn em, anh phải trở lại chỗ họp.

Nga thần thờ trở về nhà. Bố Nga đang ngồi uống trà ở phòng khách, thấy con gái như người mất hồn đi từ ngoài vào, định đi thẳng lên gác, liền gọi giật lại: “Nga, ngồi đây bố bảo”. Nga miễn cưỡng quay lại, ngồi xuống bên bố.

- Con đã gặp lại cậu Hạnh chưa? Nga khẽ gật đầu. Ông bố lại hỏi: “Tình hình thế nào?”

- “Không ngờ bà bán lòng ấy lại là mẹ anh ấy bố ạ”, Nga nói lí nhí.

Ông bố ôm vai con gái, nói đầy hiểu biết:

- Bố biết rồi. Bố đã cho người của bố điều tra. Bà ấy đã được đăng báo đấy. Người mẹ ấy đã tần tảo ay trắng một mình nuôi hai con nên người. Bây giờ đây những kẻ cơ hội, hãnh tiến chỉ biết có danh lợi, bất chấp tình người. Bố lăn lộn trên trường đời bố biết, những người có nhân phẩm thường thiệt thòi nhưng vững vàng và bền lâu nhất. Thanh niên thời nay được như cậu Hạnh là hiếm lắm. Cố gắng mà giữ lấy tình cảm của nó con ạ. Người ta nói phụ nữ sợ nhất là chọn nhầm chồng, đàn ông sợ nhất là chọn nhầm nghề. Bố mong con với Hạnh có tương lai. Bố sẽ đầu tư cho nó.

- Khó lắm bố ạ. Con đã làm tổn thương anh ấy.

Ông bố nhìn con gái, cười buồn không nói gì.

Mấy hôm sau, Hạnh nhận được cuộc gọi của số điện thoại lạ. Người gọi nói giọng thân mật: “Bác là Nghinh, bố em Nga đây. Hôm nay cháu có về thành phố không? Bác muốn mời cháu ăn trưa với mấy người bạn của bác, toàn người quen cả mà”. Hạnh chưa hiểu gì về lời mời nên lưỡng lự: “Cháu cũng chưa quyết được, vì có chút việc chưa xong bác ạ”. Khoảng nửa tiếng sau, anh Toàn phó chủ tịch tỉnh điện cho Hạnh: “Này chú, trưa nay bố vợ tương lai của chú mời anh với mấy ông bạn uống rượu bàn chuyện của chú đấy. Chú phải lên nhé, anh đợi đấy.” Bây giờ thì Hạnh hiểu ra rồi. Có muốn về tỉnh không? Có muốn lên chúc không? Hạnh chợt nhớ đến mẹ. Anh không được làm gì để mẹ phải tủi hổ về anh. Anh điện cho anh Toàn xin lỗi vì bận việc ở huyện không về được, hẹn anh khi khác.

Nga nhắn cho Hạnh mấy tin liền. Tin cuối cùng ngắn gọn: “Em nhớ anh!”

Hạnh suy nghĩ một lát rồi nhấn nút xóa.



Minh họa: HẢI THỌ

Đội mùa xuân tới

NGUYỄN THỊ NHƯ HIỀN

Tâm nằm thiếp trên tấm chiếu trải giữa phòng trọ, hơi men làm anh chệnh choáng sau khi uống vài ly rượu trong cuộc nhậu với cánh đàn ông dây trợ lúc chiều. Phòng trọ giờ này ồn ã, tiếng nói cười xôn xao mà Tâm cũng không buồn dậy. Bỗng điện thoại trong túi quần đổ chuông. Tâm đưa tay lôi chiếc điện thoại cũ mềm ra, bấm nút nghe trong khi hai mắt vẫn nhắm nghiền.

- Ba, ba ơi! Tết về nhớ mua cho con hộp bút chì màu có 24 cây nha ba. Y như bạn Phương lớp con ấy. Bạn Phương nói trên thành phố mới có chứ ở quê làm gì có hộp chì màu 24 cây xịn như thế...

Cu Bin nói liến thoắng một hồi. Tâm ừ, hứa với con khi nào về sẽ mua hộp chì màu. Cu Bin đưa điện thoại cho mẹ. Quỳnh hỏi giờ này anh ăn cơm chưa, đi làm hôm nay có mệt không. Quỳnh nói còn ít tuần nữa là tới Tết rồi đó anh, tới rằm tháng Chạp anh nhớ nhắc em lật lá mai, em lu bu hay quên lắm, lật không trúng

ngày Tết bông không nở kịp... Tâm trả lời qua quýt rồi cúp máy. Cuộc gọi của đứa con trai lên 7 tuổi và vợ đột nhiên làm lòng Tâm dâng lên một nỗi buồn khó tả. Tâm ngồi dậy, thấy cổ họng đắng nghét. Phòng tối thui, mà Tâm không buồn bật điện. Đàn ông cô đơn nhất lúc tỉnh dậy sau một cuộc nhậu, nhận ra mình có một mình, vợ con thì xa lơ xa lắc. Mùi cơm chín, tiếng cười nói xôn xao của mấy phòng bên vọng lại như làm rộng ra sự trống trải của Tâm lúc này.

Cùng lúc đó Thắng về, vừa huýt sáo vừa đưa tay lên công tắc bật điện. Thấy Tâm ngồi bần thần, Thắng cảm râm bảo anh uống ít thôi, vừa hại người vừa tốn tiền. Chẳng cần nghe Tâm đáp lại, Thắng vừa huýt sáo vừa đưa tay lên sào đồ gắn trên tường kiểm bộ quần áo rồi vào phòng tắm. Tiếng nước xả ào ào, cộng với tiếng huýt sáo của Thắng làm lòng anh thấy vui vui. Thắng độ 25, nhỏ hơn Tâm cả chục tuổi, quê đâu ở tút Cà Mau, cả hai quen nhau khi cùng làm công việc đẩy hàng cho chợ đầu mối, rồi rủ nhau thuê chung phòng trọ ở cho rẻ. Tâm hỏi, “sao lúc nào mày cũng vui như thế?” Thắng ngoác miệng cười hết cỡ, “bộ nghèo không được vui sao anh?”

Tâm có hai đứa con. Cu Bin 7 tuổi, còn một đứa trong bụng vợ sắp chào đời. Lúc vợ mới cần bầu thì Tâm bắt xe đò lên thành phố kiếm việc làm. Ở quê nghèo, mưa bão liên miên, mấy đám ruộng thất thөө không đủ tiền nuôi vợ con nên Tâm bàn với vợ bắt xe đò ngược vào Nam kiếm việc làm. Tâm thấy mọi người đi vào đó ai cũng bảo dễ kiếm tiền hơn quê mình. Quỳnh nhìn cu Bin, xoa vào cái bụng bầu, mắt đỏ hoe rồi gật đầu đồng ý. Quay qua quay lại, vậy mà cũng hơn nửa năm rồi Tâm chưa gặp vợ con.

Ở phố cũng như ở quê, nơi nào cũng đổ mồ hôi mới kiếm được đồng tiền. Ông Bảy ở đầu dãy phòng trọ nói như thế. Ông Bảy nói mấy năm trước ông chạy xe ôm ngon ơ, từ hồi có xe công nghệ, cả ngày mới kiếm được mấy chục ngàn mua cơm đổ vào miệng. Tâm mới đầu đi giữ xe, làm bảo vệ cũng trầy trật mới đủ tiền trả trọ, tiền ăn chứ chẳng dư được đồng nào... rồi anh được người quen giới thiệu cho công việc đẩy hàng, bốc vác ở chợ đầu mối nông sản.

Hai giờ sáng là lúc chợ đầu mối đông đúc nhất. Đó là khi những xe tải rau củ ầm ầm đổ về chợ. Tiếng còi xe ting ting, tiếng thương lái mặc cả, tiếng người ồn ă. Công việc của Tâm và Thắng là cong lưng đẩy những thùng bắp cải, cà chua, dưa leo, cà tím... hay những thùng trái cây nặng trĩu từ xe tải về cho tiểu thương trong chợ. Đẩy nhiều ăn nhiều, đẩy ít ăn ít. Bữa nào không dậy nổi hay ốm sốt thì bữa đó không có tiền... Độ rày sắp Tết, chợ ngập trong các loại củ kiệu, dưa hành. Rồi từ chợ này, các mặt hàng rau củ trái cây sẽ được phân phối khắp thành phố như một mạng nhện.

35 tuổi, ở quê quen với chuyện ruộng đồng, vác lúa, cuốc đất nên chân tay Tâm chắc nụi, khỏe khoắn. Những xe đẩy chất những thùng rau củ cao đến ngực cũng không làm khó được Tâm. Chợ đầu mối đèn điện sáng choang, những bà tiểu thương cổ đeo dây vàng, đếm xoăn xoẹt những tờ polymer trả tiền hàng. Sau mỗi chuyến xe đẩy, mồ hôi ứa ra dính bết vào áo Tâm làm vòng lên khuôn

ngực khỏe khoắn. Bà chủ tiệm trái cây tuổi trung niên còn trẻ lắm, vừa đếm tiền trả Tầm vừa nhìn vòm ngực đàn ông cười bảo: “Bữa nay đẩy được hai mươi lăm xe, Tám thưởng thêm cho 100, bồi bổ. Người khỏe thế, Tám thích lắm. Hay là về làm luôn cho Tám đi, Tám nuôi...”. Nói xong Tám cười to hô hô, những ngón mỡ dưới nọng cầm lắc lư.

Trời hưng hửng sáng, công việc bốc dỡ hàng ở chợ đầu mối hầu như đã hoàn tất. Lúc đó, Tầm và Thắng thường kiểm quán cơm tấm hay ngồi xì xụp bát mì úp rồi về phòng trọ ngủ bù. Cánh tài xế lúc đó cũng rảnh rang, thường ngồi nghỉ xả hơi uống cà phê, hút thuốc tám chuyện trên trời dưới đất trước khi quay đầu xe tiếp tục hành trình. Thỉnh thoảng, Tầm thấy một gã tài xế râu ria bặm trợn kéo một cô gái vào thùng xe rồi chốt cửa thật nhanh. Không nói cũng biết họ vào thùng xe làm gì. Từ thùng xe phát ra những tiếng động khiến ai đi ngang cũng đỏ mặt. Ban đầu Tầm có vẻ thắc mắc, không hiểu, tại sao cánh tài xế lại làm chuyện đó ngay trong xe. Càng thắc mắc hơn khi thấy những người xung quanh có vẻ coi chuyện đó quá đỗi bình thường. Thắng bảo cánh tài xế rong ruổi theo những chuyến xe hàng, xa vợ dài ngày, quanh chợ đầu mối này đầy những cô gái bán hoa nên họ kiếm chỗ xả hơi. Thắng hỏi anh, “có phải đàn ông có vợ xa nhà thường dễ lạc lòng, sa ngã như thế không?”



Quỳnh gọi điện vào nói ở quê dạo này lạnh hơn năm ngoái. Gió thổi ngược thổi xuôi qua cánh đồng lạnh căm, chỉ còn trơ gốc rạ mùa cũ. Lạnh lắm nhưng người làng cũng đã bắt đầu ra đồng để dọn ruộng cho vụ mới. Nay bụng to, không ra đồng được, Quỳnh đã thuê chú Năm hàng xóm dọn giúp rồi. Đến Tết anh về chắc ruộng nhà mình lên cỡ một gang tay đó anh... Tầm bảo vợ ở nhà cố thu xếp, chuyện nặng nhọc không làm được thì nhờ người này người kia ở quê, rồi anh sẽ gửi tiền về.

Thắng hỏi Tầm, “chị Quỳnh có đẹp không?” Tầm gật đầu, “đẹp!” Quỳnh với anh sát nhà, là thanh mai trúc mã cùng lớn lên, cùng học trường làng. Tóc Quỳnh dài, đen mượt, thơm mùi của những loại lá thường nấu gội đầu. Thắng cười, “đúng là vợ mình đẹp nhất anh nhỉ!” Thắng nói đến Tết này là mình để dành được tiền, ra Giêng cưới vợ.

- “Cũng tại nhà em ở dưới Cà Mau không có ruộng vườn nên phải lên thành phố kiếm sống. Vợ sắp cưới của em cũng đẹp lắm anh”, Thắng cười to, “chắc ăn đứt chị Quỳnh nhà anh đó! Gái miền Tây anh biết rồi, giọng nói thì ngọt ngào, da thì trắng bóc. Cô ấy cũng cứ gọi điện lên cho em hoài, nói Tết này em mà không về cưới là cô ấy đi theo người khác cho em vừa lòng. Cô ấy nói về ăn canh chua cá kho tộ, về chèo xuống đi bứt bông súng chấm mắm kho... Chắc qua Tết em về cưới vợ rồi ở luôn dưới Cà Mau kiếm công chuyện mần chứ không lên Sài Gòn nữa. Em nghĩ rồi, đi hoài cũng đến lúc dừng lại một chỗ để lo vợ lo con anh hen!

Câu nói của Thắng làm Tâm suy nghĩ. Anh đốt điều thuốc, ngồi ở bậc thềm cửa trọ ngó xa xăm. Nửa năm xa quê, cũng nhớ nhà nhớ vợ con đến quận lòng. Đứa con sắp chào đời là con gái. Quỳnh nói sẽ đặt tên con là Hoài Thương - nghĩa là thương hoài, thương mãi. Tâm nghĩ, đâu ai muốn dứt áo rời quê mà bỏ ba tận xứ người. Ở đây cùng cảnh ở trọ nhưng nhìn người ta có vợ có chồng, xúm xít bên mâm cơm mỗi chiều mà thấy mình cô đơn quá. Đến Tết này anh cũng đành dùm được chút ít, chắc về quê nuôi gà, thêm vài con heo, trồng thêm ít cây ăn trái kiếm thu nhập để gần vợ, gần con... Cu Bin nói đã đánh dấu bằng bút chì màu đỏ tờ lịch ngày ba sẽ về. “28 Tết hả ba? Ba nhớ mua cho con hộp bút chì màu 24 cây nha!”



Chủ sạp trái cây hơn Tâm vài tuổi nhưng không thích Tâm gọi bằng chị. “Tám không thích gọi chị đâu, Tám thích xưng tên với Tâm hà. Mà Tâm đứng xích lại đây mà coi, so ra Tám với Tâm đâu có cách biệt tuổi tác gì đâu. Mà Tám với Tâm, tên lại gần giống nữa chứ...” Đó là Tám nói với Tâm thôi, còn như những người đẩy xe, bốc vác khác, lúc nào môi bà cũng cong lên, chực chờ xổ ra một tràng chửi dài khi thấy họ chậm chạp.

Xong phần việc, Tám thường dúm vào tay Tâm thêm một hai trăm gọi là bồi dưỡng thêm. Có khi thêm một phần ăn đầy ắp thịt bò, hải sản. Mỗi bận trả tiền công, bà thường cười giả lả vuốt tay Tâm, bảo

- Sạp Tám đang cần người, ở lại phụ trông coi với Tám luôn, rồi mỗi tháng Tám trả cho bọn tiền.

- Tâm lắc đầu, “sắp Tết rồi, có khi qua Tết anh ở luôn ngoài quê, giờ nhận làm cho Tám ra Tết sợ lờ đờ công việc”.

- “Ngoài miền Trung nghe nói giờ lạnh lắm. Mà Tâm về làm gì cái xứ nghèo xơ nghèo xác đó, ở đây không sướng hơn sao?” Tám trề môi.

Tám càng ngày càng không giữ kẽ với Tâm. Mỗi lần nói chuyện là đứng sát rạt, hai bầu ngực căng tròn cứ như cọ vào người Tâm vậy. Sự đóng đưa trong cách nói năng khiến Thắng cũng nhận ra chị ta có tình ý với Tâm. Thắng kể, “bà Tám chết chồng mấy năm rồi. Bà giàu lắm, có mấy căn biệt thự to đùng trong trung tâm. Em dòm là biết bà thích anh”. Thắng đá lòng nheo, “cơ này anh sa vào vòng tay bà là cả đời không lo chuyện ăn chuyện mặc à nha”. Tâm sa sầm nét mặt bảo thắng đừng có đùa.

Một bữa đầu giờ tối, Tám đã điện thoại giục Tâm đến sạp vì có lô hàng trái cây Tết trên Đà Lạt xuống sớm. Tâm khoác chiếc áo rồi leo xe buýt đến chợ. Đến nơi thấy Tám bày đồ ăn sẵn, có mấy con tôm luộc đỏ chót nằm cạnh mấy lon bia. Chợ vắng vì mới 7 giờ tối, phải 2 giờ khuya chợ mới đông. Thấy mặt Tâm dài thườn ra, Tám ngoắc Tâm ngồi xuống, bảo mình ăn một mình buồn nên gọi Tâm ra ăn cùng cho vui. Tám lấy con tôm, bóc vỏ, chấm vào chén muối ớt chanh đưa cho Tâm, rồi bật nắp lon bia, bảo Tâm uống đi. Tâm nghĩ dù gì Tám cũng là chủ, cũng là người

trả tiền cho miếng cơm manh áo của mình, từ chối thì kỳ nên ngồi xuống. Tâm ăn con tôm, nhấp ngụm bia. Rồi Tám lại bật thêm lon khác, giục Tâm uống đi.

Tám nói chồng chết cũng 5 năm rồi, Tám cô đơn. Con cái lớn hết, có đưa đi du học, bỏ mình Tám với mấy căn nhà to đùng mà lạnh lẽo. Tám nói giàu mà cô đơn thì cũng vô nghĩa. Tám thêm có bờ vai người đàn ông bên cạnh, thêm có người quan tâm, chia sẻ ngọt bùi, thêm có người ghé vai san sẻ cơ ngơi để mình bớt cực. Tâm ậm ừ nghe, chẳng biết Tám đã ngồi sát bên mình từ lúc nào. Tám nói, “Tâm về cái xứ thất thểu, khi ho cò gáy đó làm gì. Ở thành phố không sướng sao, không mưa nắng, không thiên tai, không bão lụt. Ở với Tám, mỗi tháng Tám gửi cho vài chục triệu tiêu xài. Mà Tâm có vợ con rồi cũng không sao, Tám gửi cho ít tiền gửi về nuôi con, miễn là ở đây với Tám, được không?”

Cùng với tiếng “được không” Tám choàng tay ôm lấy Tâm, Tâm hốt hoảng chưa kịp đẩy ra đã thấy thịt da lộ lộ trước mắt. Chiếc áo buông lơ lửng hờ hững, để lộ bầu ngực trắng nõn... Tâm hoa mắt, quá bất ngờ chưa biết làm gì đã thấy bầu ngực ấy áp sát lại mình.

“Ba ơi, ba về mua cho con hộp bút chì màu nha ba. Hộp bút chì màu 24 cây nha, ở quê mình không có”. “Tết anh về ruộng nhà mình lên cỡ 1 gang tay đó anh. Mai mốt sinh con em đặt tên con gái mình là Hoài Thương nha anh...”. Bất chợt, Tâm nghe tiếng vợ con mình văng vẳng bên tai. Trước mắt như trái dãi màu xanh của cánh đồng quê mình mùa xuân non mướt. Cây mai trước sân, nở vàng rực rỡ mỗi độ Tết về... Mồ hôi trên trán Tâm đầm đìa. Tâm dùng hết sức đẩy thân hình phốp pháp của Tám ra ra chạy ù khỏi chợ. Sau lưng hình như có tiếng Tám tức giận, đòi đuổi việc anh. Tâm bỏ ngoài tai, Tâm không nghe gì hết...

Tâm bắt chuyến xe buýt quay ngược lại nhà trọ. Cu Bin đang đợi Tâm mang hộp bút chì màu về. Quỳnh cũng đang đếm từng ngày đợi chồng. Cả nhà đang thấp thỏm đợi mùa xuân đến, Tâm đâu thể bỏ lỡ điều quan trọng nhất đời mình.



Minh họa: ĐÌNH TRUYỀN

Lỡ chuyến nhân duyên

TẠ THỊ THANH HẢI

Tôi vừa dừng xe cạnh bàn bán vé thì chiếc phà xinh xịch rời khỏi bờ. Vậy là lại lỡ chuyến rồi. Chỉ một lát, xung quanh đã có thêm cả chục chiếc xe trờ đến. Những khuôn mặt đợi chờ xám như tro bếp vì vừa đi qua một quãng đường gió bụi hay vì sắp phải đối diện với những nỗi bất an ở chặng đường tiếp theo?! Chạm phà là do mình, sao ai cũng muốn đổ vấy đổ vá sự bức dọc sang người khác. Có tiếng gắt gỏng của bà vợ khó tính, tiếng phàn nàn của mấy người đàn ông về cái dự án vành đai gì đó thấy nói đã vài năm nay mà đến giờ vẫn chưa có cây cầu nào bắc ngang để dân còn phải trầy trật lên xuống phà thế này.

Tôi lơ đãng nhìn những con sóng dập dờn lẫn vào bờ. Tiếng gió hun hút đập vào rặng chuỗi hột ven bãi át đi những tiếng cầu nhau than trách. Tại chiều đông

đẹp hanh hao khiến lòng bỗng nhẹ thênh hay tại những chuyện vừa xảy ra đã hút rộc sinh lực khiến tôi không còn đủ sức để bực bội được nữa. Cuộc đời cứ mãi miết trong vòng xoáy hư vinh, đôi khi trễ muộn một lần như cơ hội hiếm hoi được sống chậm, đắm mình trong cái hoang hoải xác xơ của những tháng ngày xa lắc bị bỏ quên.

Quê loi nhoi nhuốm màu sắc phố thị, sặc sỡ và ồn ã, quen mà lạ. Chỉ có những vạt gió đông tràn từ trên đê xuống bến phà nhuộm sẫm cả cánh đồng dong riềng bạt ngàn là vẫn không thể phai nhòa trong kí ức của tôi. Mỗi lần về quê, như một thói quen đã ăn sâu trong tiềm thức, lên đến dốc đê, tôi lại dừng xe bần thần nhìn xuống cánh đồng bãi ngút ngát, nhìn lại đoạn đường xuống bến phà đã được trải bê tông phẳng phiu. Con đường ấy từng trơn trượt suốt những mùa đông ầu thơ của tôi. Một chiều mưa lạnh căm căm, cả nhà cố đi dỡ nốt ruộng dong riềng xa nhất để xát mẻ bột cuối cho vụ miễn Tết. Nhá nhem tối, tôi cấp thúng mủng đi trước, bố mẹ đẩy xe củ dong đi sau. Bố tôi bám chân xuống bùn lầy gồng mình đẩy chiếc xe thô lên dốc. Có cảm giác xe mỗi lúc một nặng dần, bố cầu nhàu hỏn hển. Bánh xe ị ạch nhích thêm được một vòng lại như tụt lùi hai vòng, bố mất đà ngã khụy xuống, chiếc xe đổ kênh, hai sọt dong riềng văng tứ tung xuống mặt đường nhoe nhoét. Bố toan gắt lên thì chợt quay đầu nhìn lại phía sau, mẹ tôi đã ngã dúi xuống từ lúc nào, đang nằm co giật bên vệ đường. Bố lao đến công mẹ chạy tới Trạm xá xã. Bùn đất lấm lem khuôn mặt xám ngắt của mẹ, bết bết trên vàng trán đầm mồ hôi của bố. Đó là chuyến đẩy xe cuối cùng của mẹ. Biết bao chiều đạp xe trên con đê chênh vênh, nhìn xuống vạt dong riềng xanh ngắt, tôi cứ tưởng tượng ra bóng mẹ trong tấm áo nâu bạc phếch nhỏ thó như một vệt lá khô lạc giữa khoảng mênh mông ngút ngát ấy. Ngay cả lúc này, cái cảm giác chênh vênh vẫn khiến tôi nghẹn thở...

Trời sầm sập tối. Cổng nhà vắng hoe vắng hoắt. Tôi tắt máy, dắt xe qua đoạn ngõ dài ngoằng. Mấy khóm dong riềng lá to phàn phật xanh thắm đơm vài bông hoa muộn đỏ quạch nhoi lên khỏi cái giậu khúc tần xén bằng chần chặn. Trong nhà có tiếng ho khàn khàn quen thuộc của bố, tiếng bà nội rí rả nói một mình. Tôi bỗng thấy lòng mình như chiếc phen tre trong vại cà nén, nặng nề và xa xót. Góc sân có một đồng củ dong mới dỡ còn hăng mùi đất. Nghe tiếng gặt chân chống xe, dì Hin lật đật từ bếp chạy ra:

- Ô, chị May về sao không báo trước để đi chợ...

Tôi thoáng sững người. Ở cơ quan, mọi người gọi tôi là Elsa Mai. Về căn chung cư lấp lánh tiện nghi, chồng gọi tôi là Mai Mai. Chỉ về đây tôi mới được gọi với cái tên thật mộc mạc quê mùa ấy. Thấy thằng Vui thập thò sau cánh cửa gỗ sứt sọc, tôi vẫy nó ra và đưa cho cu cậu mấy cuốn truyện song ngữ. Nó len lét nhìn dì Hin rồi chìa tay ra ngập ngừng. Thằng bé lên lớp 8 mà bé quắt như đứa lớp 5. Cả làng vẫn bi bời "cha già con cọc", vậy mà thằng bé học tiếng Anh rất giỏi. Nhớ hồi còn son rỗi, thi thoảng tôi về nhà, nằm trong buồng bật điện thoại xem phim có phụ đề, cu Vui lúc đó mới vào lớp 1, hé mắt qua khe cửa mê mẩn như nuốt

từng lời thoại. Nhà có mỗi chiếc ti vi màu cũ rích, chẳng ai biết nó vẫn thường bật kênh VTV7 và háo hức với những bộ phim hoạt hình tiếng Anh. Lên lớp 5, nó đã nói tiếng Anh khá trôi chảy. Tôi hiểu rằng năng lực ngôn ngữ của một đứa trẻ thường được di truyền từ mẹ và cũng thấy mừng vì điều đó.

Di Hin người huyện dưới, học hết cấp hai, nhà nghèo, tập tễnh theo chúng bạn đi buôn, chẳng may bị bán sang bên kia biên giới, trao qua đổi lại qua bao nhiêu nhà thổ, mãi sau mới trốn thoát và lang bạt đến tận Đài Loan, lấy một ông già gần năm mươi, để liền tù tì hai đứa con gái. Khi đứa con lớn lên 5 tuổi thì ông chồng già đột ngột qua đời, mấy chú em chồng xúm vào chia chác đất đai đẩy mẹ con đi ra đi tay trắng. Chặt vật mãi ba mẹ con mới trở về được Việt Nam. Gần chục năm bươn bả xứ người, vốn liếng duy nhất di có được là khả năng nói thành thạo tiếng Trung. Di đi làm công nhân cho công ty liên doanh trên tỉnh, thi thoảng tay quản lý nhờ di làm phiên dịch bắt đắc dĩ. Một lần, gã chủ người Đài gọi di lên báo sẽ cho di làm phiên dịch chính thức. Di chưa kịp nói lời cảm ơn thì lão chốt chặt cửa toan giờ trò bĩ ối, di vớ chiếc bình hoa sứ đập vào đầu lão, máu túa ra vạt áo trắng che cái bụng phệ. Vụ ấy khiến bà mẹ già của di phải bán cả mảnh vườn để đền kiện. Di về quê buôn bán lật nhật nuôi con, qua mai mối mà nên duyên với bố tôi. Cảnh rỏ rá cạp lại gá nghĩa duyên môn chẳng thoát khỏi những định kiến hẹp hòi của người làng quê. Bà nội tôi cứ chiều tôi lại tập tễnh lết đôi chân đã teo lại vì căn bệnh viêm khớp mãn tính, đi từ xóm trên xuống, ngồi đầu hiên xem di Hin thái miến, miệng vừa nhai trâu vừa thê thọt: “mấy đời bánh đúc có xương...”

Di Hin làm tất cả những công việc của mẹ tôi trước kia, từ trông dong đến xát bột trắng miến, hong miến thái sợi rồi bó thành từng đọn gọn ghề chở xuống chợ huyện giao cho các mối hàng quen. Di làm một cách thành thạo khiến có lúc tôi nghĩ sự xuất hiện của di trong nhà này để thay thế mẹ tôi là một sự sắp đặt hữu duyên của số phận. Thậm chí có chiều đi học về, tôi giật mình đứng ngây nhìn di đang khom lưng đảo bể bột mà suýt bật lên tiếng gọi “mẹ ơ!” Nhưng ngày ngày nhìn bố và di tíu tít gánh gánh gồng gồng, hàng hàng họ họ từ sáng sớm đến tối khuya, tôi co mình lại trong nỗi cô độc của thân phận mồ côi. Mỗi lúc vô tình nghe tiếng cười giòn tan của di hay trông thấy ánh mắt lấp lánh của bố múc nước giềng khơi lên cho di giặt quần áo, tôi nghe như có cái gì đó rôm rôm vỡ trong mình. Đêm, tôi lấy mảnh bìa chụp vào cái bóng điện đỏ quạch và ngồi học ở góc nhà. Trong tiếng kêu ra rả của những con đế gọi bạn tình ngoài vườn, thi thoảng có tiếng thì thầm nũng nịu, tiếng cười cổ nén của di Hin phát ra từ chái buồng bên kia. Tôi lăm lăm lấy kéo cắt vụn tấm áo mà di vừa mua cho, rồi lại vội vàng nhét vào cái bọc vải, giấu sâu dưới đáy tủ. Nước mắt tôi lại giàn giụa, thất lòng nhớ hình ảnh mẹ nằm co quắp trên vũng bùn lầy xám lạnh. Trái tim của đứa con gái mười bốn tuổi cứ vẫn lên cảm giác đau đớn ấy. Những đồng quà tấm bánh chẳng thể kéo gần khoảng cách của di với tôi. Bố tôi sinh tật uống rượu và có vẻ khó tính hơn, hay kiểm soát gắt gỏng với di Hin, có lúc lâu bầu quạu cộ cả bà nội. Bố chỉ không to tiếng với một mình tôi thôi.

Hai năm sau, dì Hin sinh cu Vui. Dì xin phép bà nội mang hai đứa con gái về nhà tôi. Mẹ đẻ dì mới mất, anh trai dì bị thua nợ phải bán nốt phần nhà đất còn lại đất diu vợ con vào Tây Nguyên. Bà không phản đối nhưng vẫn có cái kiểu nói thê thọt mà như xát muối vào lòng người ta. Tôi gom quần áo lên ở với bà nội. Mà kể cả dì Hin không mang con về đây thì việc tôi lên ở với bà cũng là hợp lẽ, khỏi mang tiếng “mẹ ghẻ con chồng”, “con anh con tôi”. Nhà bà nội cách nhà tôi một con sông, có cây cầu sắt bé tẹo hoen rỉ bắc ngang. Hai đứa con gái của dì Hin mất một mí, da trắng xanh, tần ngần theo tôi ra đến cổng, con bé lớn rụt rè bám vào yên xe, giọng như hụt hơi: “Chị sang bên đó, thi thoảng lại về đây nhé. Đây là nhà chị mà...” Nó kém tôi hai tuổi mà tôi tưởng như nó già dặn gấp đôi mình. Tôi đặt chân lên bàn đạp, ngoái đầu lại dặn: “Hai đứa mà nấu cơm thì nhớ cho nhiều nước chút, bố bị đau dạ dày...” Vòng xe đi qua cây cầu sắt nặng trĩu nghe tiếng xóc xách, keo kết đến rợn người. Nắng tháng Tám hắt rất mật, khô rong cả những giọt nước mắt chảy lẫn vào dòng mồ hôi mằn mặn, lạo xạo nhưc buốt.

Bao năm nay đây vẫn là nhà tôi. Chưa bao giờ tôi có cảm giác xa lạ khi trở về, chỉ có tình cảm giữa tôi và dì Hin là vẫn gương gạo. Khoảnh sân nhỏ lát gạch nghiêng và đoạn ngõ dài ngoằng. Khóm dong riềng tốt um bên bể nước mưa lún phún rêu. Bộ đồ nghề tráng miến cũ hoen trong cái chái bếp hẹp ngang. Tất cả vẫn gọn ghẽ nhờ bàn tay của người đàn bà “tứ chiếng” ấy. Học đại học, thi thoảng chiều cuối tuần đạp xe từ trường về, tôi tạt qua nhà ngồi nhặt rế dong riềng với hai đứa em mất một mí, nghe tiếng bố khúc khắc ho trong nhà, tự dưng trào lên cảm giác hàm ơn. Nhưng càng thấy được sự tảo tần của dì, tôi càng nhớ mẹ đẻ rồi cứ buộc lòng mình trong nỗi hờn lầy âm thầm. Đứa con gái lớn của dì vừa tốt nghiệp cấp ba, bảo đợi đứa bé học xong rồi hai chị em sẽ xin làm công ty. Tôi hỏi thờ ơ: “Sao hai đứa không thi đại học?” Con bé cười gượng: “Tụi em học làng nhàng lắm, nhảm chẳng đậu nổi đại học, thôi cứ đi học nghề để mau kiếm được việc.” Tôi biết nó nói chống chế vậy thôi chứ năm ngoái về trường cũ, tôi nghe nói mấy thầy cô đều muốn chọn nó vào đội tuyển học sinh giỏi. Nó nghỉ học để bớt đi một khoản lo, để đầu mỗi kì học bố lại lọc cọc đạp xe mang sang cho tôi một cuộn tiền. Tôi biết đó là số tiền bố và dì gom góp từ những phen miến. Còn tiền trang trải chi tiêu gia đình và thuốc thang cho bố là nhờ thúng xôi và bàn trà đá dì bán mỗi sớm trước cổng công ty chế biến rau củ ở xã bên. Từ ngày có cu Vui, bà nội cũng bớt hà khắc với dì Hin. Bố kể thi thoảng dì mang sang biếu bà tám quả bánh hay vài thuốc bổ, không thấy bà mát mẻ thê thọt nữa. Giọng bố trầm đục dễ dặt mà ấm áp. Nhưng bố đâu biết rằng mấy vi thuốc bổ ấy bà vẫn gói lại để dành dúi vào đáy ba lô cho tôi mang lên trường.

Tôi ra trường với tấm bằng giỏi, ở lại thành phố làm kế toán cho một công ty liên doanh có những chi nhánh lớn ở Nhật và Đài Loan. Hai đứa em mất một mí đã đi làm công nhân trên tỉnh. Bố tôi thuyết phục bà nội về ở cùng nhưng bà nhất định không chịu. Tôi vẫn qua lại cả hai nhà nhưng dường như tất cả cứ rời rạc, khiến cưỡng, chẳng thể gắn kết được với nhau theo tình thân đúng nghĩa. Bố, dì Hin và cu Vui đã là một gia đình riêng và tôi tôn trọng cái quyền riêng tư ấy.



Minh họa: HỒ THIẾT TRINH

Có lúc tôi bỗng sợ cái sự rời rạc, thấy nó còn xa xót hơn cả vẻ nghiệt ngã hà khắc trong quan niệm “mẹ ghẻ con chồng”.

Tôi lao vào kiếm tiền. Tôi nhận lời làm vợ Chang, Quản lý nhân sự của công ty, người Đài Loan, đã qua một đời vợ và chỉ kém bố tôi tám tuổi. Để làm gì? Để mua được một căn chung cư và đón bà nội lên ở cùng. Để mỗi lần bố đi khám bệnh sẽ có chỗ tá túc trong lúc đợi chờ kết quả. Để hai đứa em gái mất một mí sẽ phải trăm trở ngưỡng mộ. Để dì Hin rụt rè nói rằng mai này cu Vui lên học đại học sẽ có chỗ cậy nhờ. Một chút hả hê tự phụ khi nghĩ rằng mình sẽ là chỗ nương tựa cho cả nhà.

Đám cưới tôi là một lễ báo hỉ linh đình nhất xóm quê. Lúc trao cho tôi chiếc lắc vàng, dì Hin cầm chặt tay tôi, ánh mắt vời vời thao thiết. Món quà hồi môn này chỉ bằng một tháng lương của tôi nhưng lại là bao nhiêu năm tích góp của dì, vì thế nên tôi cứ day dứt mãi với cái nắm tay ấm áp ấy. Nhưng khi nghe bố kể lại có lần dì bảo: “Trông cậu Chang có vẻ gì đó không đáng tin lắm, mà sao chị May lại vội vàng thế. Trẻ trung xinh đẹp vậy mà...”; tôi đã nhếch mép cười, thoáng nghĩ rằng có khi dì ích kỷ, ghen tị thay cho hai đứa con gái hẩm hiu của mình nên không ưng lòng với hạnh phúc mà tôi đang có chăng? Dì đâu có máu mủ ruột rà gì với tôi, sao lại có những lo lắng dự cảm kì quặc như thế?

Sau đám cưới tôi, bố lên đón bà về nhà. Thi thoảng tôi dẫn Chang về quê, dì Hin và Chang giao tiếp với nhau khá suôn sẻ. Có lần Chang bảo đi cho hai đứa em

gái lên thành phố, Chang sẽ xin cho làm tạp vụ ở Công ty, nếu có thể sẽ giúp hai đứa về Đài Loan tìm lại gốc tích gia đình. Dì lắc đầu quảy quậy. Chang có vẻ tự ái, không đủ động đến chuyện ấy nữa và cũng ít về quê với tôi hơn...

Gần một năm nay tôi mới về quê, lại đi một mình bằng xe máy. Chắc dì Hin lạ lắm. Sau bữa cơm, tôi ngồi tần ngần xem dì lui cui trắng miến, dì mới khẽ khàng:

- Cậu Chang bận hay sao mà May về một mình? Hay là ngày mai, dì đưa May lên ông lang Tư nhé. Biết đâu hợp thầy hợp thuốc...

- Chúng con... sắp ly hôn dì ạ.

Tôi nói như thờ ơ hất ra, chợt thấy lòng nhẹ bẫng. Nỗi niềm cố nén bấy lâu giờ bỗng bùng ra như dòng nước ứ đầy gặp lúc bờ kè đột nhiên suy yếu. Vì tôi còn có thể tâm sự được với ai nữa đâu. Bà đã già và lẩn cẩn lắm rồi. Bố thì cứ đắm mình trong những cơn say. Tôi đã đánh đổi phôi phôi thanh tân để có được về nhưng lựa hào nhoáng. Nhưng rồi tôi cay đắng nhận ra mình chỉ là chốn ghé chân của Chang. Ngay cả cái quyền làm mẹ tôi cũng không có được. Chang nhớ chu kì của tôi còn hơn cả chính tôi. Hai lần mang bầu, tôi được Chang chăm sóc bằng đủ món ngon bổ dưỡng. Nhưng cả hai lần cứ ăn xong món gà ác hay món chim câu hầm thuốc bắc thì tôi thấy râm ran đau bụng và chỉ vài tiếng sau, đứa con chưa kịp thành hình lại quặn quại trôi ra theo dòng lũ đỏ ối. Lần nào Chang cũng xoa dịu động viên tôi bằng vẻ mặt hối lỗi, tự nhận mình "có tuổi rồi" nên không thể tặng tôi những đứa con khỏe mạnh. Tôi bẽ bàng hiểu rằng Chang đã có ba đứa con nết tẻ để huê nên không muốn vướng bận thêm nữa. Tôi cố dần lòng nuốt cay đắng vào trong, âm thầm nuôi hy vọng vào sự bất cần của Chang và sự cần thận của mình nếu có lần sau.

Năm ngoái, khi biết tin vợ cũ lấy chồng mới, Chang về Đài Loan mang hai đứa con trai sinh đôi sang đây. Hai đứa trạc tuổi cu Vui. Tôi cố gắng chăm sóc chúng thật chu đáo nhưng chúng vẫn giữ khoảng cách với tôi. Tại vì tôi không thể chăm chúng bằng bản năng người mẹ hay tại vì bố chúng giàu có, uy quyền mà chúng chỉ coi tôi như một người giúp việc không hơn? Nhận ra mối bất hòa ấy, Chang mua một căn nhà hai tầng rộng rãi và mang con sang đó, đưa cô tạp vụ trẻ ở công ty về làm giúp việc. Chang cứ đi đi về về giữa hai nhà. Tôi cũng vậy. Chang vì trách nhiệm. Còn tôi vì những bầu vú âm thầm đắng đót bởi đã trót đâm lao?!

Một trưa cuối tuần, tôi ghé qua siêu thị mua cho mấy bố con ít đồ ăn. Tôi mở khóa cổng đi vào nhà, bắt gặp cô bé giúp việc mặc áo hai dây xộc xệch trễ nải bước ra từ phòng Chang, bần mặt non choẹt vểnh lên khiêu khích. Trong phòng, Chang nằm quay ra, tấm lưng trần còn phập phồng mùi khoái cảm. Không hiểu sao tôi chỉ cười nhạt rồi lẳng lặng ra về như thể cái cảnh ấy đã từng mường tượng trong tâm thức. Hôm sau tôi gửi đơn ly hôn vào email của Chang. Bức thư hồi đáp đến nhanh hơn tôi tưởng, trông trọc hai chữ "tùy em". Tôi gọi điện cho một người bạn là luật sư để biết thủ tục ly hôn cũng chẳng phức tạp lắm. Chỉ có điều căn nhà mà tôi đang ở phần lớn là mồ hôi công sức của tôi nhưng lại đứng tên

Chang vì lúc đó tôi mua theo suất ưu đãi ngoại giao của anh ta. Tôi bài hoải rã rời, chẳng còn đủ sức để chắt ra những giọt nước mắt buốt xót ê chề.

Đêm trôi nặng nề. Nồi bột dong sôi lăn tăn trên bếp. Di Hìn mãi miết múc từng gáo bột lên tấm áo phên, mồ hôi rịn trên trán dính đắp những sợi tóc loăn xoăn chóm bạc. Làng bắt đầu vào vụ miến Tết. Trời tháng Mười hanh khô, nhà nào cũng tranh thủ tráng miến trâu đêm kéo sang tháng Chạp trời mưa phùn gió bắc miến sẽ ẩm ướt dễ mốc. Tôi tự hỏi lòng mình về sự hồi hã của dòng đời. Phải chăng cứ tranh thủ lúc mưa thuận gió hòa thì sẽ có tương lai đủ đầy hạnh phúc? Tôi cũng đã tranh thủ tuổi thanh xuân và nhan sắc của mình mà sao chỉ chuốc về những cay đắng bẽ bàng thế này?!

- Vạn sự tùy duyên May ă. Cái gì đã cổ truội khỏi tay mình thì chẳng nên níu giữ làm gì cho đau lòng thêm. Con vẫn còn có công việc tốt, có bà nội và bố. Còn di, chỉ có gia đình này làm chỗ tựa lưng. Hai em Yến, Oanh tháng sau đi xuất khẩu lao động sang Đài theo đơn hàng của công ty. Biết đâu chúng muốn tìm lại cội nguồn mà có khi chẳng về với di nữa...

Tiếng di Hìn khê khàng chìm vào màn đêm u tịch. Tôi nghiêng người lấy thanh cời chọc vào bếp lò, bần thần nhìn những tàn than lóe sáng trước khi rơi xuống. Lâu nay tôi luôn tỏ ra mình sống tốt, chưa bao giờ muốn giải bày với ai kể cả khi thấy lòng mình yếu mềm nhất. Hóa ra tôi chỉ như những đóm than cố sức lóe sáng trước khi rớt thành tàn tro. Giờ đây, tất cả những hào nhoáng tôi từng cố công thể hiện bỗng trở nên vô nghĩa trước ánh mắt thao thiết và cái thờ dãi cổ nén của người đàn bà mà bấy lâu tôi vẫn coi là người đứng này.

Tôi lặng nhìn tấm lưng khum khum của di bỗng thấy lòng mình quặn xoáy như con nước lạc mùa ngoài bãi. Bấy lâu nay tôi cứ mãi miết chạy theo hư vinh, cứ vô tình coi nhà là nơi thỏa mãn tính ngạo mạn ích kỉ của mình. Đến khi rạc lòng với những trái ngang mới nhận ra đây là chốn bình yên cho lòng mình lắng lại. Ngỡ rằng mình như một mạch nước dồi dào đắc ý gieo hạt phù sa vào căn nhà tuềnh toàng này bằng cọc tiền xanh lét giúp bố lát lại cái nền gạch men, sửa sang lại cái mái và coi thêm khoảnh bếp cho di có chỗ hong miến, bằng những món quà thị thành sặc sỡ mang về trong mỗi dịp lễ tết; mà hóa ra mình về đây để cuốn theo những hạt phù sa mang đi. Ấy là lòng bao dung đồng cảm của người phụ nữ "nạ dòng" này.

Gió đầu đông heo hắt. Ngoài vườn, những vạt lá khô lạt xạt rơi, vẩn lên mùi ẩm mốc của đám lá mục và bã dong riềng vùi dưới gốc cây táo, cây cam. Tàn dư xác xơ ấy sẽ ủ ấm cho những chồi non lộc biếc khi xuân sang. Dòng đời chảy trôi, đoạn nhân duyên này qua đi như một chuyến phà đã lỡ. Bao hờn lầy trở trần xa xót như ngưng lại, nhường chỗ cho niềm tin nhen nhóm đợi chờ. Đêm vẫn bình thản trôi. Bóng của di hắt lên liếp cửa quen thuộc như bóng mẹ tôi thừa nào. Ánh mắt di rưng rưng triu mến, ấm áp tha thiết như một vòng ôm.



Minh họa: BÀ SIẾU

Tóc buông vai gầy

THANH HUYỀN

Những vòng xe trượt dài trên con đường thườn thợt. Bờ đá trái dọc, găm những rãnh nhỏ, nhọn sắc. Bánh chậm chạp liếm những mảng cỏ hoai hoải nằng gió, chồn chồn như cổ họng Son nhưng nhức. Son muốn bước xuống để tránh những ì ảm của động cơ cũ rích, của song sóc đường rừng và để cái dịu dịu của gió biên giới đưa chị trôi theo nỗi nhớ vu vơ mờ nhòa.

Sóc nhỏ nũng nịu dụi đầu vào lòng chị. Nửa tỉnh nửa say, trí nghĩ của Son chồn vờn theo những cánh hoa vàng dập dềnh trong gió. Khăn lụa che mắt, khăn lụa mở rơi. Mắt đợi mỏi, mắt quay về. Tựa vào ghế, liu riu mộng mị, chiếc áo khoác nhẹ trễ nải, để lộ tấm vai trần mềm mại và nhỏ nhắn. Má chị ánh lên màu phớt hồng. Không biết màu của áo hay màu tươi tắn nhờ ái ân.



Nắng nhảy nhót bám vào mái đá, mẹ chạy vào nhà gọi:

- Bua ơi! Dậy sớm còn đi học.

Tôi vâng dạ nhưng vẫn làm nũng với chiếc gối trước khi trườn khỏi tấm nệm hoa. Chị đang cùng mẹ bỏ xôi vào cóong. Đôi tay mềm mại như nòn chuối trên cây sau nhà, chị đơm những hạt mảy, dẻo và vàng tươi. Chị cất tiếng gọi con, ngỡ chim rừng gọi ban mai thức giấc. Chỗ gối nóng hổi, phả lên khuôn mặt chị những làn hơi nghi ngút và thơm mùi gạo mới. Má chị căng mọng, hồng hào tựa trái sơn tra chín, đôi mắt thêm lấp lánh như vì sao đêm thảo nguyên.

Chị hơn tôi gần ba tuổi. Một ngày mưa, anh dẫn chị về và nói với mẹ: “Son đã có chứa với con, làm đám cưới thôi không người ta biết!” Mẹ ngơ ngác. Chị Son thì cúi gằm. Sau này, khi anh đi xa nhiều, tôi hay lân la nói chuyện với chị, mới biết. Chị làm cho quán ăn, phải rót rượu mời khách. Hôm đó, anh đưa bạn bè đến, trong màn “uống rượu khát vọng”, một tay anh vòng qua eo chị, tay kia ngoắc tay cùng nâng uống ly rượu mềm. Thấy khuôn mặt chị ửng hồng, đẹp xinh, anh thì thào:

- Chút tan bữa tiệc, anh có việc quan trọng nhờ em. Mong em giúp anh.

Không ngờ, hôm đó là anh đánh lừa để có được chị. Biết mình có thai, người yêu thì đi học xa, chị nghe lời cha mẹ lấy anh. Chị nghĩ, thôi thì “lấy trước yêu sau”, miễn sao đứa bé có cả cha và mẹ. Tôi nghe mà thương chị. Rõ là anh tôi đã cướp đi những tháng năm tuổi trẻ đẹp nhất của chị. Thanh xuân người ta được đan dệt bởi những yêu tin và mộng ước lứa đôi viên mãn thì chị lại phải xa anh, cô đơn mỗi đêm về. Thi thoảng chị làm mướn để có đồng ra đồng vào nuôi con.

Con bé nghe gọi đã chạy ra ôm lưng mẹ. Chị âu yếm con, nó thì nghịch lộn tóc búi giữa đỉnh đầu của mẹ, cười rất yêu. Nhớ lại, ngày chị sinh cháu, tôi đi học về thấy mẹ ngồi ghế mây giúp chị hơ con bên bếp hồng. Đôi mắt chị mới mệt, nhìn con ngập tràn yêu thương nhưng cũng đọng những hạt sâu thẳm. Anh Pọm, chồng chị vẫn chưa về. Đạo đó, anh cứ đi những chuyến dài. Bố mẹ thì bênh con trai, nói giữa mâm cơm: “Nó theo người Kinh làm ăn, đừng gây phiền phức cho nó!” Chị cúi mặt, không nói gì. Thế rồi, sau vài lần anh về, thoáng qua với những yêu thương lại là sự ra đi rất xa và rất lâu của anh. Chiếc xe anh hùn vốn làm ăn và ngày đêm mài miết theo đã bị giữ bởi có hàng cấm. Từ khi anh vướng vào vòng tù tội, kinh tế gia đình sa sút, cha mẹ tôi đau khổ. Còn chị, đôi mắt lúc nào cũng ầng ầng nổi sâu, lời ầu ơ buồn thương bay lên mái đá, im lìm cùng khâu cút giữa mệnh mông triền rừng.



Tôi không đi xa tìm ước mơ phía chân trời mây thẳm như một số đứa bạn con nhà có điều kiện. Hết cấp hai, tôi vào học trường nghề. Tôi cần một cái nghề. Mẹ vẫn khen chị Son mọi mặt, nhưng với tôi, chị vẫn có nhược điểm lớn, đó là chưa có nghề. Cũng như cha mẹ tôi, nghề nghiệp bấp bênh, xưa ruộng nhiều,

giờ ruộng bị lấy để làm các dự án lớn, họ quay về với rừng. Rừng cũng là của nhà nước. Vậy nên, cần cù nhưng cũng chỉ đủ ăn.

Hoàng hôn cuối tuần rơi những giọt la cà trên mép núi. Tôi trở về. Mẹ không đáp lời chào, nhìn bảo tôi:

- Con tập làm dâu thảo giống chị Son đi! Mai mốt về nhà chồng, người ta nhìn vào nhận xét, mẹ còn mắt mày mắt mặt.

Tôi trả lời lào xào cho qua cái ngại, rồi muốn lảng đi. Nhưng chỉ vài bước đã nghe mẹ lớn giọng:

- Con mang lược đây! Lấy tạm cái trâm này tập búi tóc đi. Tục lệ tăng cầu của người Thái đen là bắt đi bắt dịch với nhà mình bao đời nay. Nét đẹp các cụ truyền lại sẽ giúp con hiểu về sự cần thiết của lòng thủy chung.

Nghe mẹ nói, tôi nhớ ngay đến cô gái trong câu chuyện mẹ từng kể. Rừng mình cảm giác cây nứa xiên vào đôi trai gái đang tư tình ngoài luồng. Tôi không chống đối lời mẹ.

Thấy chị đang đứng nhìn, tôi rủ cả mẹ và chị đi ra suối gội đầu. Tôi biết, họ sẽ nhận lời, bởi trời nhá nhem, ánh trăng non nớt, mềm oặt phía non cao sẽ không soi rõ mặt người. Và sẽ không ai nhìn từ xa để biết được họ buông tóc.

Ngay trước mắt chúng tôi, dòng thác bạc đổ xuống một màu sữa. Và trên bờ đá, chị Son đã cởi xong lớp cúc bướm bằng bạc. Chiếc váy nhung mềm mại được chị cuốn khéo léo che đôi vú căng đầy. Chị đưa hai cánh tay thon thả lên rút chiếc trâm cài đầu. Cả mái tóc huyền mượt mà buông xuống bờ vai hao gầy, trắng nõn và tấm lưng con ong của chị. Như nước suối sóng sánh dưới trăng. Như dải lụa mềm mại dưới bàn tay dịu dàng của chị. Nó ánh lên cái màu phản quang ít ỏi từ ánh sáng trời, đất và nước đang quện hòa rơi vào.

Cả ba chúng tôi khỏa nước. Nước suối nhột nhòa và lành lạnh. Khi ánh điện từ các ngôi nhà sàn được bật lên hòa vào ánh lửa hồng đang múa nháy cũng là lúc những mái tóc bay lên vẽ vòng cung rơi xuống ngàn giọt bạc. Và tấm màn nhung từ rìa rừng tuột lưng chừng ven suối vội co lại, chưa kịp chạm vào những mái tóc huyền thướt tha.

Vài ngọn gió mơn man thổi về từ lưng đồi âu yếm tấm ngực mây mẩy còn vương vẩn nước. Đi sau chị Son, tôi nhìn rõ hơn tấm áo lụa màu ánh trắng và chiếc váy nhung đỏ. Kiểu cách thật mới mẻ, tôi khá thích. Chị cũng rất ý tứ là chỉ mặc nó khi đêm xuống để khỏi lo ánh mắt của bà con lối xóm. Suốt quãng đường về nhà, là sự im lặng. Lòng tôi băng khuâng, vẫn vương vẩn theo những lọn tóc mềm bay bay trên lưng chị. Không biết, chị có đang như tôi...?!



Đêm trôi. Dế nỉ non xa gần, trăng vàng màu sữa non. Có tiếng lật người và chạm nhẹ vào vách gỗ. Là chị Son không ngủ được. Thế nào mà chị chẳng hoài mong tình yêu sau những ngày ngắn ngủi ở bên chồng. Cơ thể đẹp tươi kia đang tràn

trẻ sinh lực. Cún con lại vằn vện, mun mót cái nhũ hoa vằn hồng hồng, làm sao mà những nhớ nhung lại chẳng về bên chị. Có bao giờ cái sức mạnh đang chảy như mạch suối nguồn trong người sẽ khiến chị phản bội anh trai tôi? Tôi bỗng đỏ mặt, vội trách mình nghĩ vớ vẩn và xua tan ngay. Tôi quay lại trách anh tôi. Những gia đình khác họ yêu cầu ở rể, còn anh tôi lại được nhà chị chiều theo ý muốn đi làm ăn nên không thể ở rể. Vậy mà, chút máu làm giàu nhanh đã khiến anh mù quáng. Càng nghĩ tôi càng thấy thương chị.

Còn tôi, tình yêu đang hé nụ bên người đầu tiên mình cảm mến. Tôi mới đưa anh về ra mắt. Khút điển trai, hiền lành, mẹ thích nhất ở anh cái tính chăm chỉ như con trâu cày; còn chị dâu lại chăm điểm chân thật; cha thì bảo, không gì hay bằng sự dũng cảm của thằng Khút. Tôi lại nghĩ, quan trọng nhất, hai chúng tôi có hiểu và yêu thương nhau. Khút vừa học xong lâm nghiệp. Anh cũng giống cha tôi, yêu rừng từ khi còn bé. Khút bày tỏ niềm vui trước việc cha nhận giữ rừng bởi anh đang làm rừng ở Lào nên có nhiều hiểu biết về gỗ để chia sẻ. Chiều đến, sau khi từ rừng về, anh đưa cha tôi xuống thị trấn làm thẻ chi trả dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản.

Tôi đang miên man nghĩ thì thấy chị Son trở dậy. Biết chị chưa ngủ, tôi sang trò chuyện. Chị kể cho tôi về mối tình đầu trước khi làm vợ anh Pọm. Thì ra, chị đã từng yêu một người con trai bản bên. Anh rất chân thật. Và chính sự chân thật đó đã khiến anh mất chị. Anh đi học, chị xin đi làm ở quán ăn đặc sản dân tộc. Trước khi đi xin việc, chị có hỏi, “anh đồng ý không?” “Có sợ anh nào tán tỉnh mất em không?” Anh đã trả lời bằng giọng đầy tin tưởng: “Anh yêu và tin em! Mà em là hoa có chủ rồi, ai tán. Em đi làm chứ ở nhà là buồn. Khi nào học xong, anh sẽ xin ở rể. Lúc đó, em có chạy đằng trời nhá!” Anh chị cứ vậy mà cười vui trong hạnh phúc. Tình yêu đầu đẹp thế đấy! Nhưng sao nhanh chia lìa là vậy.

Chị khóc, tôi nắm tay an ủi. Hai con người im lặng. Lắng nghe tiếng đêm rơi trong miền u tịch nơi triền núi, xem nó có u buồn như lòng người. Chị thiêu thiêu ngủ, tôi mới trở lại buồng.



Tiếng chọc sần đúng chỗ nằm. Biết là Khút, tôi trở dậy mặc áo đi xuống. Chúng tôi ngồi bên nhau dưới gốc cây bó phốn. Mùi hương thơm ngào ngạt quyện vào lời trò chuyện. Khút bày tỏ sự ngạc nhiên khi nghe cha tôi nói rừng biết khóc, biết nhìn, biết trả ơn và báo thù. Tôi mỉm cười kể cho anh nghe câu chuyện cha kể hồi còn nhỏ. Cha được bà nội sinh ra ở rừng, lấy lá làm tã quấn. Khi bà ôm cha về, cỏ cây dưới chân cứ tự tản ra mở lối. Bấy khi con nhe răng cười, ngỡ chúng trêu, vậy mà, về đến nhà, bà bỏ chiếc giỏ đeo bên sườn ra mới biết, chúng thả vào đó ba quả vú sữa. May thay, đúng lúc bà chưa có sữa nên bóp quả để dòng nước mát chảy vào miệng đứa bé mình mới sinh đang quấy khóc. Vì vậy, trong lòng cha luôn ngập tràn niềm biết ơn với rừng.

Hôm nay, tôi đã sang tuổi hai mươi. Tôi cố ý ngả đầu vào vai anh, nhìn những sắc vàng mờ ảo trên cây bó phốn được ánh điện dịu dịu hắt vào. Khút không dám ôm tôi. Anh tôn trọng và muốn giữ gìn cho người con gái bên mình hay anh thấy nét mặt tôi hơi nghiêm nghị? Anh có biết, con gái ai cũng có sự yếu mềm không? Tôi biết, mình đã có tình cảm hơn với Khút. Nhưng chưa hẳn là tình yêu. Đó là niềm tin. Niềm tin vào con đường anh chọn sẽ không như anh trai tôi và tương lai ở anh sẽ tốt đẹp hơn cha tôi, anh tôi.



- “Hoa bó phốn đã thơm ngát rừng mà con vẫn đi sao?” mẹ nói với chị bằng giọng buồn rầu tha thiết.

Chị im lặng.

Mẹ lại nói...từng lời, nghe rõ hơn:

- Nhà ta nghèo nhưng vẫn còn có vụ mùa cho gạo để ăn. Sao con phải đi làm thuê làm mướn cùng cái Thơi? Nó là đứa từng bị nói là đi làm gái đấy!

Những lời muôn thừa, kiểu như, phụ nữ chăm cái nhà, cái bếp và thêu thùa, dệt vải, thỉnh thoảng đan cái ghế, cái giỏ cho gia đình hoặc khách du lịch qua đây mua là được. Chị không nói gì, lặng lẽ đi về sau góc nhà, đôi mắt xa xăm. Sốc nhỏ bám dưới chân và ngược đôi mắt ướt lên. Sốc biết, bên kia núi là một miền xa có mật ngọt quyến rũ. Đêm đêm, chị vẫn trở mình, nổi khao khát những si mê cứ bùng cháy như thể chị vừa uống xong một vò rượu cần. Và thứ nước men say ấy cứ chảy giàn giụa lên rồi lại giàn giụa xuống trong cơ thể chị. Nó tràn trề, ứ đọng như thừa ruộng ăn no nước mà máy bơm vẫn hoạt động. Nó làm chị bối rối. Nó khiến tâm hồn chị cứ mê mãi trong cõi hoang hoải đang đưa.

Từ khi được chị cứu dưới hốc cây thông trong một bện rừng cháy, sốc nguyện theo chị, như một cách trả ơn. Sốc hiểu từng bước chân chị qua ruộng, qua nương, qua cánh rừng, qua con suối. Gió ru hồn chị hay cướp đi hồn chị, sốc đều hiểu. Và sốc cũng hiểu rằng, ngày mai chị sẽ lại đi. Về bên kia biên giới. Trên con đường mòn, lau sậy và những dây cỏ lào đang tung tỏa màu trắng cuối mùa, phát phơ niềm u sầu.

Tôi định bước ra để đi về trường thì nghe tiếng chị nói với mẹ: “Con đi làm nốt lần này thôi!” Rồi chị cầm chiếc túi thổ cẩm màu tươi bước ra. Bóng chị bước chậm rãi qua lối mòn, chiếc khăn lụa vương một phần ra ngoài túi khe phấp phới theo gió. Người, túi và khăn uyển chuyển hòa vào sắc trắng rực tận ngút ngàn.

Chị đang nghĩ chị cần gì? Có giấc mơ nào thoáng qua, để lại dư vị khiến chị phải đi tìm ở thật xa. Một số tiền để tích lũy hay một cơn mưa tình thỏa khát khao tuổi trẻ? Hay là cả hai? Sốc bối rối hỏi bằng ánh mắt. Chị giật mình ôm sốc vào lòng. Đó có là một lý do. Người ta cần những bến đỗ của ái tình? Chị đi như trốn chạy hay cầu mong hạnh phúc cho người, sốc ơi? Chị sẽ đi hay trở về? Đôi mắt bản thân trước ngàn bông trắng đang đua nhau phô sắc để kết thúc sứ mệnh mà tạo

hóa giao phó. Có bông cổ núm mình với đất trời, vươn lên mà hỏi tại sao đời sinh ngắn ngủi? Có bông chẳng thêm ai oán, cúi rũ chờ phút phôi phai. Chị khóc nấc lên gọi mình giữa thình không.

Có người phụ nữ đi đến. Chị ta cũng vượt rừng, nghe tiếng than và hiểu tâm trạng Sơn. Hai con người vừa đi vừa trò chuyện. Thì ra, chị ấy lấy chồng bên kia biên giới. Chị vẫn hay về thăm cha ở ngọn núi cách nhà Sơn ba quãng đường. Đôi mắt vô hồn của chị nhìn những bông lau bay lá lướt trong gió hoang. Chị kể. Ngày xưa, mẹ của chị từng đi tuốt bông lau làm gối và chăn để ngày cưới mang về nhà chồng. Mẹ đã đi nhiều lần, chiếc giỏ ấp đầy mới chịu về. Khi đã đi lấy chồng, đêm nào ngủ bên gối lau, mẹ cũng nghe tiếng thủ thi của một cô gái. Cô nói, mái tóc mẹ tăng cầu một búi nặng quá, đè lên gối làm cô đau. Mẹ giật mình tỉnh giấc, gỡ vội chiếc trâm và xòa tóc ra. Rồi mẹ phát hiện, đó chỉ là giấc mơ. Sớm, nhìn mặt trời đã lên quá ngọn thông, biết mình dậy muộn, mẹ vội vàng chạy đi làm việc mà quên mất mình phải cuốn lợn tóc lên đúng với phong tục. Bữa đó, mẹ bị nhà chồng đuổi đi với lý do, chồng đi làm sớm còn vợ ở nhà buông tóc tư tình với trai tơ. Mẹ đi. Lúc chị tròn một tuổi.

Vừa kể chị ấy vừa khóc. Chuông điện thoại báo tin. Có sóng, nghĩa là đã qua đoạn đường hoang vắng và sang bên kia biên giới rồi. Thấp thoáng vài mái nhà gỗ của dân. Sơn đưa tay định rút chiếc trâm cài trên lợn tóc mềm nơi đỉnh đầu. Bỗng chị dừng tay. Có điều gì vô hình mà chất đắng đang giằng tay chị lại.

Người phụ nữ kia mời Sơn vào nhà. Ngôi nhà đơn sơ nhưng hạnh phúc trong tiếng con trẻ đùa vui, í ới cả hai thứ tiếng. Sơn hỏi chồng chị đâu? Chị trả lời: “Anh ấy vận chuyển ma túy qua biên cho người ta, bị bắt và tử hình rồi!”

Người chồng ra đi để lại bảy đứa trẻ cho chị nuôi. Một chút lần bán bên người phụ nữ mặc bộ váy cũ mềm có khuôn mặt chân chất, Sơn lấy một nửa số tiền dành dụm được đưa cho chị. Sơn nhìn qua mái lá liêu xiêu, thủng lỗ chỗ những ánh sao đêm thưa thớt đang dần định vị trong vũ trụ của riêng nó. Sơn không về chốn cũ, nơi đèn nền như sao sa. Từ sớm, chị đã nhắn tin từ chối vị khách duy nhất của mình mỗi khi sang đây. Chị gác tay lên trán, nghĩ miên man. Anh ta thật kì lạ và cũng rất quen. Với chiếc khăn lụa che mắt, Sơn không được nhìn bất cứ điều gì nhưng sao lòng chị thì ấm áp và êm đềm vô cùng khi ở bên người ấy. Tấm khăn lụa đượm hương hoa bó phớn được đan trong những ngón tay, bung sánh áp vào má của chị.



Sau hôm chị dâu đi làm xa, nhà Khút đã đem trâu cau đến, cha hỏi tôi có đồng ý không? Tôi chỉ im lặng và gật đầu. Tiếng cha nói gia đình tôi đồng ý vừa dứt thì ngoài sân ông mo và Khút đã bước vào cùng hai con gà trống tơ, một con trắng, một con đỏ với năm chai rượu. Mo nhoẻn cười xin với cha mẹ tôi, hôm nay ngày đẹp, cho Khút bắt đầu thực hiện khước quán, nghĩa là ở rể. Đó là điều cha tôi mong lắm nên tất nhiên là ông đón nhận đầy nồng nhiệt. Với tôi, cả hai ở gần

nhau sẽ vui vẻ hơn. Còn Khút, anh nói, chỉ cần gặp nhau là hữu duyên rồi. Lòng tôi cũng cho là vậy.

Khút thích khám phá những cánh rừng mới. Chúng tôi có chuyến đi về Pa Thơm. Nếu không được ngắm nhìn sự hùng vĩ của núi non cùng người thương sẽ thật thiệt thòi cho bất kì ai. Khút nắm tay tôi ẩm áp trên con đường mòn hun hút. Đúng như chúng tôi mong đợi. Một địa điểm săn mây lý tưởng. Những cụm mây trắng bồng bênh trôi ra từ cổ tích chờn vờn cùng muôn lá. Mây núi quần quýt như đôi lứa bịn rịn. Khút lấy sáo ra thổi. Tôi hát theo. Người bản là vậy, cứ khi nào tâm hồn thanh thoi là tiếng sáo, câu hát lại cất lên đầy ngẫu hứng, bay bổng. Ông và cha của anh đều là những nghệ nhân dân gian về pí (sáo). Chính Khút cũng từng đạt giải cao trong những cuộc thi nhạc cụ dân tộc. Anh say mê với sáo từ nhỏ. Lớn lên tiếng sáo đi theo anh cả khi vui, khi buồn và nhất là lúc nhớ người yêu. Anh vẫn nói với tôi như vậy. Và tôi biết, nhiều cô gái nghe tiếng sáo của anh mà ngẩn ngơ, thậm chí thương trộm nhớ. Khung trời riêng của hai đứa ngày hôm nay, tôi đang nghĩ, sẽ để vào trong tim. Rồi khi tạm xa nhau vì chuyện học hành, tôi lần giở nó ra cho ẩm áp nỗi nhung nhớ.

Tựa vào vai Khút, tôi rong mắt chơi vơi phía trời xa. Đôi đám mây cuộn bồng khiến tôi mỉm cười. Nhưng sao nó lại mau dạt về hai phía? Gió thổi cây lá oạt ạo. Nụ cười vụt tắt. Khút tưởng tôi buồn, lại nói lời hứa quen thuộc, sẽ là người làm ăn đúng pháp luật. Giờ anh chủ động ở rể đã được ba tháng, cũng không sang Lào làm ăn nữa, lòng tôi đã yên tâm. Trái tim có lẽ nào lại như ngọn cây trước gió kia?

Mặt trời trốn tìm sau áng mây đầu non, những vệt nắng cuối ngày vắt vẻo trên đũa muôn lá trước khi tắt hẳn. Ra về, Khút cầm tay tôi, như thể sợ tôi đi lạc. Đến sát gần bản, tôi đi về trước để phụ mẹ làm cơm, Khút nói anh rẽ lên rừng mạn Tây tìm cha về cùng. Nhìn chiếc trâm cài tóc trên đỉnh đầu tôi, Khút mỉm cười, nói to: “Em nhớ nghe lời mẹ nấu ăn cho ngon nhé! Như nghe lời mẹ để quyết định tăng cầu ấy!”



- Chị Sơn ơi! Chị đâu rồi?

Tiếng tôi gọi như gió qua nhà trống, vọng vào thính không, rồi trả lại là sự im bật.

Đi học hai ngày, mẹ gọi, tôi vội về nhà, thấy cả gia đình, mặt ai nấy đều buồn. Thì ra, đã có kết quả xét xử của tòa án về tội danh của anh Pọm. Tôi ngược mắt nhìn bầu trời nham nhở màu xám. Tôi tự trấn an, lúc này, mình cần cứng rắn và tỉnh táo nhất để động viên cha mẹ và chị. Tôi muốn chị hiểu hoàn cảnh của anh Pọm. Nghe mẹ kể về nỗi đau buồn và lời xin phép “ngày mai cho con về bên cha mẹ đẻ” của chị, khiến tôi nhận ra, bản án chung thân ở một trại giam xa xôi của anh đồng nghĩa sự tử hình tình chồng vợ trong chị.

Mấy ngày trước, mỗi bận ngồi ăn cơm, chị vẫn cuốn chiếc váy cho thật kín và cố giấu mình. Hay là chị đã linh cảm được tin dữ về chồng? Cả tôi và Khút đều nhận ra, đôi mắt chị buồn. Và chúng tôi cũng buồn theo.

Chị đi đâu, khi ngày mai chị đã rời xa ngôi nhà này? Căn buồng gỗ đã đượm hương nồng của mái tóc chị, giờ chị đi, nó sẽ trống vắng biết bao. Tôi lang thang trên vạt cỏ sâu, đếm những bông lau màu khói hoàng hôn. Lại một mùa hoa chín rộ. Chín rộ để đi đến tử biệt một đời bị coi là xơ xác.

Tôi trở lại nhà lấy đèn soi. Thấy bóng mình in hằn trên bóng lá loang loáng ảo ảnh của bóng ma. Tôi hãi hùng chạy nhanh. Bóng cứ đuổi theo tôi không rời. Vệt điện sáng làm bóng dứt đi. Cứ như thể nước suối đang cuộn lên cùng lau sậy bãi bồi giận dữ. Màn đêm nhanh sập xuống, muốn chụp lấy thân thể tôi mà nuốt. Và cái bóng bóng đầu xuất hiện đòi buộc chân tôi lại.

Nghe tôi kể, mẹ sờ tay lên trán tôi, thốt lên: “Cảm rồi con ơi! Mau lên giường nghỉ, để mẹ đi lấy gừng giúp con đuổi nó!”

Bên gian buồng của chị Son vẫn yên tĩnh đến lạ. Bé con được ông đưa đi chơi, sóc nhỏ cũng chẳng thấy. Mà tại sao Khút lại về nhà cha mẹ để đúng những ngày này cơ chứ? Tôi bỗng thấy cô đơn và rùng mình bên chiếc li đỏ nửa tối nửa sáng.

Mất nhú lại...Tôi thấy mình đang cùng Khút bước qua con đường thăm thẳm, nhìn về vách đá. Tiếng sáo du dương theo nhịp bước chân tôi đến với nơi có cây sla to đang xòa cành phủ kín một vùng. Bỗng tiếng sáo tắt. Trời tối. Tôi không thấy lối đi. Khút cũng đi đâu rồi. Tôi cố leo và chơi với trong không trung bên những cành sla...

Bật dậy. Là mê. Điện thoại. Là chuông. Hai cuộc gọi nhớ của mẹ Khút. Tôi gượng ngồi dậy và ấn gọi lại. Đầu bên kia, mẹ Khút nói:

- Nhà có bác lên chơi. Con và Khút mai về cả bên này để ăn cơm nhé!

Đầu óc quay cuồng. Tôi chỉ biết đáp vâng.

- Thế Khút đâu rồi hả con?

-...Dạ...anh Khút đang bận chút ạ!

Sau tiếng chào, tôi nằm vật ra. Nóng rực và bồn loạn bởi bởi. Khút không về nhà, có việc gấp là đi đâu? Điện thoại thì tắt máy. Tôi gượng sang buồng chị Son, cách nơi tôi nằm một phen gỗ mỏng. Tôi chưa bao giờ muốn làm phiền đến riêng tư của chị, vì vậy cũng chưa bao giờ hỏi những cái bém kia có gì? Kỷ vật yêu nhau, của hồi môn hoặc là gì nữa tôi cũng không đoán. Nhưng sao lúc này tôi tò mò. Tôi vội vàng mở nhanh một bém. Ngoài gương lược và sợi xà tích trang trí eo váy, có một chiếc hộp. Tay tôi run run cầm hộp mở ra. Hoa tai, vòng tay và chiếc túi thổ cẩm màu tươi. Một thứ gì ở trong túi và mùi hương hoa bó phón ngan ngát. Như bị thôi thúc tìm kiếm, tôi mở nhanh. Những cánh hoa vàng rơi ra. Một tấm ảnh chị chụp cùng một chàng trai, nhưng đó không phải là anh Pọm, mà là Khút.

Mặc cho bước chân mẹ đang đi lên phía tầng quán và mùi gừng tỏa ra khắp nhà. Tôi chạy nhanh từ phía tầng chạn qua cầu thang chín bậc mà cha đeo từ cây bương lớn trên rừng. Gió vẫn khê rít lên từng hồi từ khe núi về. Tay tôi có đèn pin.

Xa xa, trên phía ngọn sla vời vợi, trăng đã lơ lửng treo nghiêng. Nhàn nhạt, trắng trắng, vàng vàng. Mắt tôi hoa lên nhưng chân tay thì không yên. Tôi vẫn bước đi về hướng có cây sla. Con đường thăm thẳm, lòng tôi chơi vơi. Khe khẽ. Đèn pin chiếu sát đất.

Lối đi này đã từng được lời hứa hẹn của Khút. Cây cối vẫn như cũ sau một năm và lưu giữ bàn chân người mà tình tôi sao chỉ như bóng mây trên bầu trời kia. Xa bay. Nhoèn nhoẹt.



Sốc đang sột soạt nhai quả thông. Nó gặm ngon lành quá! Như thể bị bỏ đói lâu ngày và khao khát được thưởng thức cái vị mình mơ ước. Lau sậy phát phơ một màu trắng, rữ rươi và nham nhở khiến tôi giật mình khi chạm má vào. Vừa lúc bình minh nó còn khoe vẻ luột là cơ mà. Cái bông lau cuối mùa sao kì vậy?

Tôi đứng như chôn chân. Đôi mắt trần trần nhìn lên phía núi có cây sla khổng lồ. Tôi thấy nó đang biến hình kỳ quái. Những cành cây như trăm cánh tay dài vẫy vẫy. Phía bên kia con đường, Khút như hóa đá. Tôi thì cứ bước đi trên con đường để nhìn cây sla gần hơn. Có phải nó đã hóa thành cây thần của chốn rừng thiêng?

Xa xa. Con đường. Bước chân nhè nhẹ. Bàn tay nồn chuối mịn màng.

Chân nhẹ, tay mềm, sắc nhung huyền ảo, khăn lụa bay bay. Tất cả đang du dương theo bản nhạc của gió vờn cỏ lau. Sốc nhỏ kéo chiếc váy đỏ của chị. Nhưng chị vẫn bước đi về phía con đường thăm thẳm. Tóc chị đã buông xõa xuống đôi vai gầy, thoang thoảng mùi hương hoa bó phớn.

Khút đuổi theo chị và nói trong gió thoảng với tôi: “Anh thương chị quá!” Khút đi qua, để lại tôi một mình. Từ trước tới giờ, Khút vẫn luôn thương chị và nhìn chị với đôi mắt u sầu, long lanh. Tôi từng rất sợ. Lúc này đây, Khút đã đuổi theo chị thật rồi. Nhưng sao tôi không cảm thấy buồn sợ nữa, mà thấy vui, niềm vui mơ hồ ấy rất khó diễn tả. Tôi buông tóc. Tóc xõa xuống mảnh vai gầy, nhẹ như những bông lau trong gió.

Chiếc khăn dong

TRÁC DIỄM

Tháng 11 âm lịch, những cơn mưa kéo dài lê thê ngày này sang ngày khác. Mưa không lớn, cứ dầm dề nên cái lạnh càng thấm đẫm vào làn da thô thịt. Màu trời xám, nét xám không u buồn mà chỉ gợi lên bao lãng mạn cho những ai hay hoài niệm về những câu chuyện xưa cũ.

Xóm nằm dưới một vệt đồi vòng cung toàn những rặng mít cổ thụ trải qua ba, bốn đời người, tán trùm xum xuê che lấy những nếp nhà khiêm tốn. Bên hông bếp, từng lọn khói luồn ra thơm đượm mùi lá khô. Cảm nhận cái rét được xua đi bởi tình thương của khói. Và mùi khói sẽ nương theo ta đi suốt cuộc đời, để rồi mỗi lần nhớ lại khóe mắt cứ cay cay.

Nhà tôi và nhà ông Hiệp chiếm hết một phần đồi Kỳ Sim. Đến mùa tháng Năm, tháng Bảy là đồi tím lịm những sim, mua. Qua màng đất mỏng nâu xám, chỉ cần một cơn mưa đông trút xuống là lộ ra những lớp đá tảng xếp chồng lên nhau, cứng ngắc. Vì thế, để lấy được mạch nước uống thì nhà ai cũng phải đào giếng sâu hơn hai chục mét. Được cái nước giếng ở đây rất ngọt, mát lạnh, trong vắt. Đi làm về khát cháy cổ chỉ cần múc một gàu lên uống là cảm nhận cơ thể như vừa được tiếp một bầu linh được từ trời rót xuống. Sáng khoái vô cùng tận.

Tôi ngồi xem ông Hiệp đang cặm cùi mài giữa từng lưỡi dao. Những con dao rỉ sét mà chỉ một lúc sau sạch bong như được rèn mới. Nhìn ông miết lia lia đầu ngón cái lên lưỡi dao sắc lẹm mà thấy rợn người. Một luồng hơi lạnh dâng lên tận óc khiến tay chân tôi quẩn quít lại.

- Ông Hiệp ơi, ngày nào đi hái lá dong để cho con Mén nhà tui theo với?

Mạ tôi đứng bên hàng rào hoa mướp nói vọng sang.

- Cứ chuẩn bị đồ đoàn cho đầy đủ, nội trong tuần này sẽ đi.

Ông Hiệp giơ con dao lên cao dưới ánh sáng ngày để soi cho rõ độ sắc bén của lưỡi dao. Và những âm thanh xoèn xoẹt lại tiếp tục phát ra dưới cục đá mài màu xám. Dòng nước đỏ sậm ri rỉ chảy ra sau mỗi lần ông Hiệp lật ngả lật nghiêng lưỡi dao cọ quẹt vào cục đá mài đến vệt lõm. Bàn tay vạm vỡ, gân guốc vục vào chậu, khoát nước cuốn sạch lớp tạp bẩn. Ông mỉm cười, hiện rõ nét hài lòng trên gương mặt. Những con dao sáng loang, lấp lánh như một đàn cá bạc.

- Xong rồi, ông Hiệp mài dao cho cháu với nhé. Mạ cháu nói lúc nào đi thì sẽ chuẩn bị suất cơm cho hai ông cháu ta luôn. Ông Hiệp không cần phải nấu nữa nhé.

- Ừm, nói với thằng Mẫn, con Xồm, con Bé... đứa nào muốn đi nữa thì cứ chuẩn bị tinh thần nhé. Đợt này có khi ba, bốn ngày mới về lận.

Tôi nhớ đến vài cái Tết trước, mỗi lần theo đoàn ông Hiệp, ông Ninh,... đi lấy lá, tôi thường hái được ít lắm, chỉ vừa đủ cho mạ tôi gói được đâu khoảng mười cặp bánh chưng bánh tét, chủ yếu là các bác ấy về san sẻ cho thêm. Có năm mưa rả rích kéo dài, đường rừng trơn trượt, nhầy nhụa, sên vắt bắn ra như trấu. Chưa kể lũ muỗi rừng từng đám đen kịt lao ra chích đốt khắp cơ thể. Nắng rồi lại mưa, mưa rồi lại nắng...thời tiết cứ ảm ương đảo lộn khiến con người ta rất dễ bị cảm. Đúng năm mưa đó, các bác ấy quyết định không cho lũ con nít đi theo, chỉ tội thêm vướng víu tay chân mà hái lá cũng chẳng được bao nhiêu. Lũ trẻ đành phải ở nhà, riêng tôi thì vẫn cứ năn nỉ xin được đi theo, được đoàn đồng ý bởi có cậu Bảo là cậu ruột của tôi đi cùng, nên có gì cậu tôi sẽ đứng ra can thiệp. Tiết trời khắc nghiệt là thế, mưa gió, rét buốt căm căm. Hai hàm răng va lập cập vào nhau như đánh đàn. Mười đầu ngón chân quíu chặt vào đôi xà cạp nhằm bám thật chắc vào mặt đường quện dẻo như hồ. Có những đoạn đường, trọng lực cơ thể hầu như được dồn hết vào cây gậy vót nhọn một đầu để hỗ trợ khi đi xuống dốc, chỉ cần sơ sẩy bước chân một cái là trượt nhào xuống vách núi ngay. Ai lo lắng mặc kệ, tôi năn nỉ đi là cũng bởi vì quá mê mẩn những bông hoa chuối rừng. Dọc đường đi, đầu tôi cứ hiển hiện hình ảnh trong bài tập đọc hồi nhỏ *"Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi/ Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng"*. Cảnh sắc đẹp như thơ, chỉ khác là không phải mùa xuân.

Đoàn dừng lại ở đầu rừng Gia Hoa, Gia Chiêm rồi sau đó men theo con đường nhỏ dẫn sâu vào bên dưới, qua những tán chuối rừng xanh thẫm, cọ quẹt, ướm ắt. Những buồng chuối chín vàng lơ lửng treo trên cao, quả nhỏ đều rậm rạp. Xưa chả ai thèm lấy chúng làm gì, để chín nẫu cả một vùng thơm lừng. Còn nay người ta lại rất chuộng thứ chuối rừng này để đem về ngâm rượu. Tôi vô cùng choáng ngợp bởi cảnh sắc trù phú của rừng, sự ban tặng của thiên nhiên dành cho con người thật hậu hĩnh. Tưởng chừng như quãng tôi lại đây vài tuần cũng chẳng thể nào đói khát. Dòng suối trong vắt uốn lượn dưới những tàng cây, xanh ngắt đôi bờ rau dớn cong vồng như những lưỡi câu, đàn cá thi nhau túa ra khi nghe bước chân lội tới. Đàn gà rừng trên cây gáy vang và cả lũ chồn đèn như mũi tên lao ra từ những lùm dừa dại. Mồi tôi tím lịm, thè lưỡi vòng quanh liếm láp những mật, dấp dính vị thơm quả ngọt của rừng. Nón tôi đầy ắp những muông chu, chúp mao, mịn gà... còn có cả hạt nài, hạt sót, hạt dẻ... Tôi quên mất việc



Minh họa: HOÀNG HẢI THỌ

chính của mình là đi lấy lá, cứ bươn bả rời xa đoàn người. Càng đi sâu vô rừng mọi thứ càng trở nên lạ lẫm. Mưa ngớt, mặt trời xuyên qua tầng cây thả những sợi nắng vàng chanh dịu ngọt. Lúc này cánh rừng trở nên biếc xanh như được rưới mỡ, những bông hoa chuối đỏ rực thấp lửa. Rồi hoa chạc chiu trắng xóa li ti, bung mùi hương đậm đặc quyến rũ. Tôi kết một vòng nguyệt quế đội lên đầu và vòng về trảng rừng lá dong, nơi đoàn người đang say sưa cắt lá.

Cậu tôi hót hải cầm con dao khoằm từ xa chạy lại.

- Mi biết nãy chừ tao tìm mi khắp nơi không hả? Vào rừng đừng có đi đâu ngo ngo... Mà ai bày đội hoa đội lá trong rừng chi vậy? Tháo xuống ngay!

Mặt cậu tôi có vẻ hậm hực. Tôi không hiểu vì sao cậu tôi lại bắt tôi tháo gỡ nó, nhưng nào dám mở miệng hỏi, đành ngậm ngùi nhìn vòng hoa nguyệt quế dập dềnh trôi theo con suối.

Vạt dong cao ngang ngực tôi, lá xanh bóng, mỗi cây có đến hơn chục nhánh. Có bụi lá trơ, có bụi lá phủ lớp lông mịn. Căn cứ vào đặc điểm đó mà người ta phân biệt được đâu là dong nếp, đâu là dong tẻ. Lá dong nếp hai mặt đều nhẵn nên người ta sẽ dùng để gói bánh nhiều hơn.

Mấy Tết trước mỗi lần đem lá dong từ rừng về, mạ tôi thường dựng nó trong một chậu nước lớn để giữ được độ tươi của lá. Chọn ngày nắng đẹp, mạ nhóm một

bếp lửa thật đượm bằng những khúc củi chắc nịch được trứ từ trước. Và câu nói quen thuộc “Con Mén lại rương lấy chiếc khăn dong cho mạ”. Đó là một chiếc khăn màu tím đậm được dệt từ những sợi vải mềm mịn, xung quanh có những tua rua và vài họa tiết kẻ ô. Trong rương có đến vài chiếc khăn, trong đó có chiếc khăn dù xanh của ba tôi. Sau khi rời báo Bình Trị Thiên về sống với vợ con được vài năm thì cơn nhồi máu cơ tim đến đột ngột đã khiến ba tôi rời xa gia đình mãi mãi. Chiếc khăn dù xanh giờ đây là vật kỷ niệm duy nhất mà gia đình tôi giữ lại. Chiếc khăn vương mùi đạn khói lẫn mùi mực của một thời cầm bút lặn lội trên khắp các chiến trường. Mạ rêu một roọc nhỏ làm quai nón như cách để tưởng nhớ về người đàn ông của cuộc đời mình. Tôi xin mạ cho tôi sở hữu phần khăn còn lại. Mỗi khi mùa đông đến, cái rét tái tê, tôi lại đem chiếc khăn dù quấn quanh người và cảm nhận rõ hơi ấm của ba tôi trong từng giấc ngủ.

Chỉ vài cái tết mà mạ tôi già đi trông thấy, mái tóc giờ trắng nhiều hơn đen, mắt mờ dần và dáng đi không còn được thẳng. Tôi chợt thấy mơ hồ một điều gì đó sợ hãi. Ôm chiếc khăn dong màu tím, cảm nhận mùi vị đậm đà của hương lá, mùi vị của tình thân, sự ấm áp, tôi hít hà nó một lúc thật lâu trước khi đem đến cho mạ trải rộng trên mặt nóng và đặt những xấp lá dong vào, buộc lại và bỏ lên nồi nước sôi để nhúng. Mùi lá thơm nồng quyện vào mùi khói bếp thật khó diễn tả. Dẫu nhiều năm trôi qua tôi vẫn không thể nào quên được cái mùi hương ấy. Cả những giọt nước mắt của mạ tôi chắm vào đó khi nhìn thấy đứa con của mình được công từ rừng về.

Đạn đi cuối cùng đó, cậu tôi ân hận lắm, nhẽ ra tôi cũng ở nhà như mấy đứa thì đâu xảy ra chuyện. Mà chính cậu đã đứng ra bảo lãnh cho tôi đi, để rồi điều không may mắn đã xảy đến, tôi bị rấn cần. Sau một tiếng hét thất thanh, tôi ngã vật xuống đất, con rắn trơn nhanh dưới vạt dong vừa được mọi người chặt sát gốc để mùa sau để nhánh nhiều và cho lá mới to đẹp hơn. Cậu Bảo chạy lao đến, phát hiện dấu răng của rắn trên lông tay tôi trong lúc tôi đang ngồi xếp lá để cho cậu cột lại thành từng bó. Tôi nằm im trên đất, mơ hồ thấy những bóng người xúm lại, những âm thanh nhồn nháo “Hút độc, thắt ga-rô, đừng cử động...”, “giã hạt chanh, đắp đu đủ...”, “trời đất ôi... tìm... nhanh lên”, “cháu tôi chết mất, môi hấn tím lịm rồi...”, “đã bảo đừng cho đi theo... rõ khổ chưa?”, “Giờ ai chạy ra bìa rừng xem có xe máy nhà Thi vô ở lại khai hoang rẫy thì nhờ họ chở ra giúp vài đoạn, chứ không rất nguy hiểm. Nhanh lên nhé...”

Tôi bắt đầu lên cơn sốt, toàn thân mê man. Tôi lắng nghe âm thanh rất rõ nhưng tôi không thể mở mắt ra nhìn mọi người, tứ chi bất động. Tôi nhìn thấy bóng trắng của tôi ngồi trên ngọn cây rồi bay dọt trên những trảng rừng. Tôi vui vẻ và cười nói vô tư như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Ánh nắng trải trên đầu tôi ấm áp. Tôi đưa tay hứng những búp nắng nhảy nhót, tôi thỏa sức hái bông chuối đỏ, lau trắng, chặc chiu... kết vòng hoa đội mà không hề bị ai mắng “vô rừng cấm làm đẹp, điểm trang”. Tôi nhẹ bẫng và lướt đi như gió. Đám người vây quanh chỗ tôi nằm, cậu tôi chống cằm khóc rưng rức. Sự hoảng loạn khiến cậu tôi bất lực quên mất cách sơ cứu tối thiểu, cứ nhất quyết đòi công tôi chạy đi tìm xe. Ông Hiệp từ

phía vạt dong chơm chớm sắc nhọn xách đuôi con rắn nói lớn: Đừng hoảng quá, loài rắn ráo nì cũng lành thôi. Chắc hai hôm nay hấn dầm mưa lạnh nên cũng phần nào bị cảm sốt đó, vô lán nấu cho hấn bát cháo nóng đi, qua 12 giờ sẽ ổn thôi. Tôi nghe hết, nghe rõ mồn một, nhưng sao tôi không thể mở mắt, không thể cọ quậy. Thân tôi bẹp dí đây, mà bóng tôi thì đang dạo lướt khắp nơi, chẳng màng tới sự lo lắng trên các gương mặt. Tôi còn thích thú ngắm nghía sự thương xót đang diễn ra và mỉm cười khi thấy vẻ yếu đuối của cậu tôi. Sự ích kỷ, khó tính của ông Sự khi tôi theo đoàn. Lão cứ lăm bầm mãi không thôi, “đã nói rồi, y như rằng”. Trời ơi, có phải cái chết cũng chỉ là như này không nhỉ? Vậy thì chết đâu có gì đáng sợ! Rõ ràng sau cái chết, một kiếp sống khác đang diễn ra cũng không kém phần đẹp đẽ, thú vị. Tại sao loài người phải khóc? Hãy giải tán đi, làm việc chăm chỉ và đem những bó lá dong kia ra khỏi cánh rừng. Ngoài xóm nắng chan hòa, không ẩm thấp như rừng đâu. Mau về thôi...

Tôi mở mắt, cảm nhận từng hớp cháo nóng tràn qua vòm họng, mùi bùn cháy, và cả những âm thanh lách tách từ lò bếp. Sau đó, một mùi thơm tỏa ra không thể cưỡng. Thơm lừng. Ngất ngây. Mùi gà nướng! Ông Ninh đã bắt được một chú gà rừng, lấy bùn khe đắp tròn thân nó lại rồi vùi kín trong lò bếp. Bùn đất vỡ ra từng mảnh. Con gà vàng ươm lộ rõ những thớ thịt hồng tím khi cậu vạt phần tôi nguyên một cái đùi. Tôi như tỉnh hẳn sau khi ăn hết số thức ăn. Không biết ai nhanh mồm miệng báo về mà mẹ tôi đứng ngồi không yên, mấy bận sắp ngửa đòi bằng được thằng cháu chớ vô rừng kiếm tôi. Vừa may, thấy đoàn đã trở về đầu ngõ, mẹ tôi chạy ra dìu tôi xuống từ trên lưng cậu. Mắt má sưng trụi, “Con Mến rằng rồi? Chừ có đưa lên trạm xá không?” Mẹ sờ trán tôi, rồi nắn bóp khắp cơ thể tôi một lượt, “Chỗ rắn cắn mô?” Vừa thấy sợi ruy băng thắt ngang tay tôi chưa kịp tháo, mẹ tôi lấy vuông khăn tím chấm nước mắt, “On trên phù hộ”.

Đó là chuyến đi rừng cuối cùng của tôi trong mùa lấy lá. Đã hơn hai mươi năm, giờ đây nhiều cánh rừng tự nhiên trở thành cánh rừng tràm, trảng thực vật hoa trái bên dưới đã được dọn sạch để dành chỗ cho những thùng ong nuôi lấy mật. Nhiều ngôi nhà mọc lên, dân cư xâm lấn rừng lập trang trại chăn nuôi, trồng trọt...về hoang vắng không còn. Chợt thèm nghe mùi khói... và những âm thanh hoang hoải của muông thú gọi bầy. Những khóm dong theo chân người về đồng bằng mọc lên thành vạt, thành bãi... giá cả cũng tăng vọt lên gấp hai ba lần và theo những chuyến xe ra huyện ra phố, rồi đi liên tỉnh. Giọng í ới gọi nhau đi hái lá dong từ tờ mờ sáng đã lùi vào dĩ vãng. Thèm một bữa cơm nắm đùm trong lá chuối, chấm với mè lạc, vài ba con khô, quả cà muối mà ngon đáo để. Có lẽ đó là những bữa cơm ngon nhất đời tôi cho đến tận giờ. Tôi vô thức nuốt ực một tiếng rõ to. Và chợt cay mắt khi nghĩ đến chiếc khăn dong của mẹ. Nó giờ đây đã biến thành chiếc túi đeo kiểu cách bên hông tôi trong suốt những chặng đường đi thực tế viết lách. Bên đường lau trắng xóa, ngã rạp mình theo luồng gió, tôi ngẩn ngơ nhìn cánh đồng dong xanh đang vươn những chiếc lá hiền hòa giữa dư thừa ánh nắng. Một lọn khói nhà ai len lên cao, cuộn vào tâm thức tôi niềm hạnh phúc ầm ập đến khó tả. Tôi bước đi trong những ngày cuối đông...



Minh họa: HẢI THỌ

Mùa xuân đến muộn

TRẦN KHOA VĂN

"Rồi, dặt dìu... mùa xuân theo én về"

(Văn Cao)

Tuổi thơ tôi gắn bó với quê nội cùng những trò chơi nghịch ngợm, trong trẻo; những buổi trưa không ngủ nằm trong vườn, gác mình dưới vòm lá lao xao, hay những buổi sáo diều tấu lên bản concerto chiều huyền diệu. Nhưng in đậm mãi trong tôi là những câu chuyện nội kể. Có lúc, bằng một giọng vui vui, nội bắt đầu: *"Ngày xưa, ngày xưa... tại một vương quốc nọ..."* Hay bằng giọng ưu tư, nội chậm rãi: *"Như vừa mới hôm qua thôi... ở làng bên..."*, rồi

thỉnh thoảng nội ngừng kể để thử hỏi những suy nghĩ ngây ngô của tôi. Tất cả đều mộc mạc, sâu sắc lại lung linh như huyền thoại.

Tết năm đó trời rét căm căm, qua giao thừa mà tôi vẫn còn thao thức mãi. Sau đó, bố phải bảo cả nhà đi ngủ để sáng về quê nội. Sáng mùng Một, cả nhà tôi bốn người hai chiếc xe đạp đèo nhau. Nhà nội đang đông khách lắm. Họ hàng, láng giềng ai cũng qua chúc Tết. Vì tôi là cháu ở xa nên nhiều người hỏi thăm, nhưng tôi thì hòa ngay vào đám trẻ con nghênh nghênh khắp xóm cho đến khi mệt nhoài.

Buổi tối, cả nhà quây quần trò chuyện quanh bếp lửa. Lúc này, chỉ còn lại những thanh củi rất to và đượm lửa. Những hòn than ấm rực thỉnh thoảng lại nổ lép bép. Một bầu không khí đoàn tụ, ấm áp. Lúc này tôi mới sà vào lòng nội, giành lấy nội và hỏi tíu tít. Nội làm như khó nhọc lắm, bế tôi lên và âu yếm:

- Ái chà c..h..à... ! Xem thằng Cún nghịch ngợm của ông nào. Chóng lớn q..u...á! Ông không bế được nữa mất thôi!

Tôi hãnh diện lắm, muốn nhoài cả người ra, song chợt nhớ tới một điều mà khi vừa đặt chân đến nhà tôi cứ thắc mắc mãi, liền hỏi nội:

- Ông ơi! Răng cành đào nhà ta không có hoa? Cành đào dưới nhà cháu nhiều hoa lắm, ông ạ! Không có hoa đào là không có Tết mô!

Bất ngờ, nội xoa xoa lên mái tóc hơi quần bù xù một lúc rồi mỉm cười:

- À, vì mùa xuân đến muộn, cháu ạ!

Rồi nội lấy một que củi khều cho đống than rực lên. Khuôn mặt nội trầm tư như đang suy nghĩ về một điều gì đó xa xăm: “mùa xuân đến muộn... mùa xuân đến muộn...”

Rồi nội nhìn vẻ hồn nhiên ngơ ngác của tôi, lâu, rất lâu...

- Thế cháu có biết vì sao mùa xuân đến muộn không?

- “Không ạ!” Tôi lắc đầu và ngược nhìn nội chờ đợi.

- “Ừ, được rồi”, vừa nói nội vừa hươu đôi bàn tay xương xương ra trước bếp lửa, xoa xoa chúng vào nhau, “Ông kể cho cháu nghe câu chuyện này nhé..”

Nội vui vẻ khi thấy niềm thích thú ánh lên trong mắt tôi:

- “Rồi cháu sẽ biết được vì sao mùa xuân lại đến muộn...”, nội nói rồi chậm rãi bắt đầu câu chuyện của mình...



Ngày ấy, ông giáo Năm ở cạnh nhà ta, dạy học trên làng Thượng đã đưa mấy cây đào đẹp và rất quý về trồng. Ông chăm chút tỉ mỉ, cắt tỉa hàng ngày để rồi đào thành cây, thành vườn. Khi ông giáo mất, anh Năm thay cha chăm sóc vườn đào (ở quê tôi người ta vẫn thường gọi tên cha theo tên người con đầu). Mỗi dịp đón năm mới, anh Năm chọn những nhánh đào đẹp đem biếu bà con láng giềng chơi

Tết. Trẻ con thì thích được anh Năm hái cho những quả đào bụi bầm vừa chín tới. Nhưng rồi cuộc sống ngày càng khó khăn, vườn đào của anh dần sa sút.

Những năm gần đây rộ lên thú chơi đào. Người thì thích đào Nhật Tân, kẻ thích đào phốt... Nhà bình thường thì chỉ chọn những cành đào nhỏ gọn, xinh xắn cắm vào một chiếc bình giản dị. Nhà giàu sang thì tìm mua những cành đào thật "độc" để thể hiện sự sành điệu, đẳng cấp.

Mỗi dịp Tết đến, càng ngày càng nhiều người trồng đào chở hoa về bày bán. Dần dần họ tụ họp nhau lại thành chợ đào. Chợ đào nằm trải dài dọc theo đường quốc lộ với đủ loại: đào phai, đào Nhật Tân, đào đá, cành già, cành tơ... Mỗi lần đi qua tưởng như đang lạc vào xứ sở hoa đào. Chợ nhộn nhịp cho tới tận chiều muộn Ba mươi...

Chiều Hai tám Tết năm nọ, ngày mà đào bán được nhiều và đắt nhất, anh Năm chặt mấy cành đẹp đưa xuống chợ. Bỗng một chiếc xe Camry đáp ngay trước cổng. Anh Năm ngạc nhiên nhìn hai người lạ hoắc bước ra khỏi xe, "ai vậy nhỉ?" mãi mà anh vẫn không nhận ra.

- Xin lỗi, đây là nhà anh Năm phải không?

Người trẻ hơn trông rất nhanh nhẹn, tháo vát vừa gỡ cặp kính đen vừa hỏi với vào.

- Vâng đúng rồi ạ, các anh hỏi tôi có chuyện chi không?

Không trả lời vội, anh ta quay lại lễ phép nói với người đi cùng. Đó là một người trung niên, đầy đà.

- Dạ, dạ... Đây rồi, anh ạ.

Để mặc anh Năm vẫn chưa hết ngạc nhiên, họ tự nhiên đi vào trong vườn. Vừa đi, tay trẻ tuổi vừa ướm chuyện:

- Gớm, nhà anh khó tìm thật đấy! Hỏi mãi... Ừm... nghe nói nhà anh bán đào phải không?

- "Vâng, vâng...", anh Năm gật đầu.

- Đào nhà ta đẹp thật. Chả là sắp tôi đến chọn mua cành đào ấy mà. Nhờ anh dẫn chúng tôi xem qua vườn một chút.

- À, thế ạ. Các anh vào đi.

Giờ mới vỡ lẽ, anh Năm liền đưa hai vị khách đi thăm khu vườn. Khách dạo qua bao nhiêu gốc đào nhưng vẫn không tìm được gốc ưng ý. Khi đến một cây đào rất to với những cành vươn ra khỏe khoắn, chi chít nụ và những mầm lộc xanh mướt, thì khuôn mặt đầy đầy của ông khách mới lộ vẻ hài lòng. Ông ta nói nhỏ với tay nhân viên câu gi đó. Tay nhân viên hiểu ý, vâng rồi dạ, rồi đến chỗ anh Năm, chỉ:

- Sếp tôi chọn cây kia kìa. Chúng tôi sẽ mua nguyên cả cây cho anh.

- "Các anh mua cả cây ư?" Anh Năm ngạc nhiên.

- “Vâng”, anh ta gật đầu và thăm dò, “anh bán bao nhiêu đây?”

Bán cây đào ấy đi ư? Chao ôi, đó là cây đào không những to đẹp nhất mà còn là giống đào mà cha của anh đã đưa về trồng đầu tiên. Sinh thời, cha quý nó lắm. Nó cũng gắn bó với anh từ nhỏ; trải qua những mùa hoa rực rỡ, cho đến khi anh thích thú trốn cha, lén lút hái những trái chín đầu mùa. Đã nhiều năm nay anh chưa hề bán đi một cành nào của nó. Thấy anh Năm còn ngần ngừ, tay nhân viên thuyết phục:

- Anh yên tâm đi. Cây đào đẹp thế chúng tôi không để cho anh thiệt đâu.

- Nhưng...

- “Thì anh nói giá đi xem nào”, họ thúc giục.

Anh Năm đắn đo một chút rồi nói:

- Hay là... Hay các anh chọn cây khác nhá.

-Ồ, không, cây ấy thôi. T.r.ờ.i... bán cho sếp tôi thì anh cứ yên chí!

- “Thôi được rồi”, không thể từ chối anh Năm ra giá, “cây đó... tám triệu rưỡi”.

- Thế chứ!

Không cần trả giá, gã nhân viên xoa xoa tay vào nhau với vẻ hài lòng.

Vị khách đang chấp hai tay ra đằng sau, bệ vệ vòng quanh ngắm nghía rất kỹ cây đào mình chọn. Chà...! Tuyệt thật! Thế “quần long tranh châu”, tha hồ phát tài, phát lộc. Tết mà trưng cành này trong nhà thì thiên hạ cứ là tít mắt...”.

- Thế nào?

- Dạ, thưa anh... dạ...

Nghe nhân viên của mình lại thông báo ý của chủ vườn, ông ta gật đầu:

- Ok. Giờ anh bận chút chuyện. Chú ở lại giải quyết nốt nhé.

- Vâng ạ. Anh cứ để em.

Thân mật vỗ vai tay nhân viên rồi ông ta đến bắt tay anh Năm thay cho lời chào và đi ra xe với một vẻ khoan thai, thư thái.

Anh nhân viên bấm di động. Lát sau có một chiếc xe tải đến. Những người đi theo nhanh chóng bứng cây đào lên xe. Trong khi đó, tay nhân viên rút ví đưa tiền cho anh Năm và “boa” thêm năm trăm ngàn.

- Đây là chút tiền em chúc Tết anh và gia đình. Anh đừng ngại, coi như chúng ta làm quen. Sau này anh em mình còn nhiều dịp gặp lại mà. Thế nhá!

Anh Năm thần người ra, quên luôn cả việc chào tiễn khách. Không phải vì khoảng trống lớn trong khu vườn mà anh đang cố gắng tưởng tượng ra ngôi nhà, à không, chắc chắn là khu biệt thự của vị sếp kia phải đồ sộ lắm mới đặt cả cây đào Tết như thế...

Anh Năm nhanh chóng phác ngay ra một kế hoạch trồng đào trên khu vườn của mình. “Chỉ cần có mấy vị khách như thế này là...” mới nghĩ đến đó đã đủ khích lệ anh bắt tay ngay thực hiện kế hoạch của mình. Ra Giêng, anh lục những cuốn sổ ghi chép lại của ông giáo, mua sách kỹ thuật trồng cây cảnh, dồn hết tâm trí và sức lực của mình vào việc gây dựng lại vườn đào.

Đầu hè, trên những cành đào xầu xí, quặt quẹo bị bỏ sót lại, những bông hoa đã kết thành quả. Chim chóc ở khắp nơi ríu ra ríu rít kéo về. Nhưng anh Năm lại lo hỏng vườn đào. Bực mình, anh hì hụi làm lưới, rải mồi ngon xung quanh. Những đàn chim gọi nhau sà xuống, mải mê ăn rộn rã cả khu vườn. Chờ có vậy, anh nhanh chóng sập bẫy. Mấy con chim may mắn thoát được, hoảng loạn bay tứ tán. Sau vài năm như vậy, khu vườn dần vắng hẳn bóng dáng những chú chim.

Thấm thoát đã sắp hết mùa đông, những bầy chim di cư đến phương Nam tránh rét đang quay về. Sải cánh chúng chở đầy ánh nắng ấm áp của phương Nam xa xôi. Muôn hoa chúm chím hé đôi môi mỏng mảnh cười đáp lại tiếng ríu rít mỗi khi có đàn chim bay ngang qua. Không khí ấm áp đánh thức những mầm chồi đang ngái ngủ trong thân cây. Những dòng suối đang róc rách chuyện trò nói vọng lên:

- Xin chào! Chào các bạn sứ giả của mùa xuân!

Đàn chim bay qua một vườn đào bát ngát, xanh rì. Những cây đào đang âm thầm chờ đợi tin vui của những đàn chim mùa xuân. Chúng bay chậm lại, định đáp xuống khu vườn yên bình, bỗng mấy chú chim thoát nạn ngày xưa kêu vọng lên:

- Đừng... ác... lão chủ ác lắm...!

Thế là bầy chim xôn xao: “Ác... ác lắm...”

Chúng không ghé qua khu vườn nhà anh Năm nữa mà tiếp tục bay như đang đang dở cuộc hành trình. Cả khu vườn vẫn cứ im lìm chờ đợi, chờ đợi mãi. Suốt mấy ngày anh Năm bồn chồn đi lại khắp khu vườn. Đôi mắt anh thâm quầng vì thao thức. Bao nhiêu công sức anh bỏ ra mà giờ đây khu vườn chẳng hề đổi thay. Những nụ đào vẫn chưa chịu tách đôi môi, những mầm non ngủ quên mãi trong vòng tay bao bọc của vỏ cây. Dường như chưa có chút hơi thở nồng nàn của mùa xuân phả đến sưởi ấm khu vườn. Anh Năm thần thờ, bàng hoàng ngược nhìn về phía xa xa, ở đó có những vườn đào đang rực rỡ đơm bông...



Nội ngừng kể, ngấm nhìn tôi đang thiếp đi trong vòng tay lúc nào không hay. Nội vuốt mớ tóc lòa xòa trước cái trán dô, bướng bỉnh của tôi. Trong giấc mơ, tôi thấy mình là chú chim nhỏ bay cùng một bầy chim phương Nam. Sải cánh của tôi và các bạn chở đầy ánh nắng ấm áp. Chúng tôi ghé qua khu vườn của nội, đậu lên mái ngói rêu phong và rộn rã hát những khúc điệu của mùa xuân.

BÙI SỸ HOA

Đá đối

Chìm trong giấc sâu
Đáy dòng trong đục

Không đánh thức hay gọi tên dọc thời gian và nước xiết
Tự làm bạn chìm đáy với các trại La Mã
Xác những con tàu đắm, những chiếc cầu cổ
Hàng xóm tắt đèn với những ngôi làng ma

Không quan tâm dòng nước chảy xuôi hay bất ngờ dâng ngược
Sóng khát lừng khơi hay róc rách đầu nguồn
Không tuổi không tên nào ai thấy mặt
Không mát lịm trưa hè, không cảm cập chiều đông

Không cản dòng ai, không làm đục nước
Không lắng lại phù sa, không căng gió cho buồm
Cho đến một ngày xứ lạnh 500 năm hiện lên mồn một
*"Nếu bạn nhìn thấy tôi, hãy khóc"**

Điều không mong đang hiện hình trước mặt
Sông bất ngờ cạn dòng - đá đối chính là tôi
Tôi báo động, tôi nói lời cay cực

Lời người trước nhắc người sau giấu đáy nước
Nơi đá tụt xuống sâu không muốn thấy bao giờ
Những cột mốc in hằn trên đá đối
Lại nhắc con người những năm khó từng qua**

Ngàn năm giấc đá
Bị đánh thức
Hạn hẹp giấc người

* Lời cảnh báo bằng tiếng Đức được khắc năm 1616 ở sông Enbe, bắt nguồn từ CH Séc chảy qua Đức

** Những năm hạn hán từng được khắc ghi trên đá đối: 1417, 1616, 1707, 1746, 1790, 1800, 1811, 1830, 1842, 1868, 1892 và 1893 (theo VNE, Khoa học, 19/8/2022)

THƠ

BÙI THỊ NHÀI

Tiếng đàn

Khi mười ngón tay con dạo phím tơ đồng
Là lòng mẹ ngân lên từng nốt nhạc
Cung trầm ngày mưa
Cung thanh ngày nắng
Luyến láy ảo huyền đêm trăng sao.
Mặt biển bao xa mà sóng cứ cồn cào?
Lòng hồ bao sâu mà nước hồ phẳng lặng?
Cái cò đi vắng
Câu hát ru nào ngân trong tiếng đàn con...
Tiếng đàn bay qua rừng
Cánh rừng cha khô khát
Những chồi non thơm ngát
Mọc lên... mọc lên... mọc lên...
Tiếng đàn đi qua chóp núi ngủ quên
Thấy thung sâu trầm như mắt mẹ
Tiếng đàn thành suối mát
Vỗ về dịu êm dịu êm.
Tiếng đàn con ngày một dày thêm
Những bàn tay vẫn ngón dài ngón ngắn
Mở lòng ra những yêu thương tràn trong khoảng lặng
Như nắng trong mây, như hoa sóng nở từng ngày.

NGUYỄN VĂN HÙNG

Cống thơ Trường Sơn

(Tặng CCB, nhà thơ N.H.N)

Núi gập ghềnh chân đi tước máu
Bớt quân trang, thơ vuốt lại từng tờ
Chiến trường giục xa dần quê mẹ
Ngày con về biết lấy những trang thơ!

Hơi ấm

Mấy Tết nắng nung, nay Tết rét
Nhớ cứ mệnh mông, nhớ tối ngày
Cả ngàn chúc tụng qua Facebook
Đâu bằng hơi ấm một bàn tay!

XUÂN GIANG

Hồn sông

I

Sông Lam trong
 Sông Lam ngầu nắng đỏ trời
 Sông Lam đục
 Sông Lam ngầu lũ đỏ đồng.
 Dòng đục trong,
 gió tắt mặt sông,
 nắng tấp mặt người.
 Hạt phù sa,
 ngàn năm trôi nổi,
 vạn năm đắp đổi,
 hồn sông.

II

Sông Lam vui
 Sông Lam điệu ví chày lòng.
 Sông Lam đầy
 Sông Lam chuồn ớt đỏ chiều.
 Giọt lệ khô,
 triệu năm trầm tích,
 tình sông ngân khúc
 đờ đưa.
 Sông Lam ơi,
 áo tôi trên đồng,
 áo tôi trong lòng
 người đi.
 Sông Lam ơi,
 nắng mưa đội đầu,
 dầu trong, dầu đục,
 sông ơi!

YẾN THANH

Bí bầu thành phố

Ở thôn quê, nhà mở cửa là vào
 Lên thành phố, nhà ai rào nhà nấy
 Cách một tường mười*
 Nói nghe
 Nhìn không thấy
 Mượn con đường hoa lá để sang nhau

Đáo để
 Cái nòi bí họ bầu
 Trèo leo qua tường như kẻ trộm
 Cứ xâm nhập
 Cứ âm thầm lấn chiếm....
 Gốc ở nhà này
 Hoa quả ở nhà bên

Cả phố đi qua trầm trồ khen
 Cô chủ trẻ nhà bên cười tít mắt
 Những dây bí dây bầu cũng chìa tay ngoắt ngoắt
 Tôi
 Hết nhìn tường
 Lại nhìn tôi tự trách

Sao mẹ sinh ra tôi, không sinh bí với bầu.

* Tường xây gạch chỉ 10cm, người ta gọi nôm na là tường mười

ĐÀM CHU VĂN

Người bán vé số

Tối ngày rạc cảnh khô môi
Mót nhen hy vọng, gặp người đứng dừng
Bước đi nửa vội nửa dừng
Hình như ai gọi sau lưng bóng mình.

ĐÀO AN DUYÊN

Ý nghĩ tháng Giêng

Tháng Giêng
Ngồi nhen một buổi chiều không có lửa
Dắm dòng nghĩ vụn vẩn vơ lam màu khói
Hình như bên hiên nhà đôi chim từ quy mới trở về

Tháng Giêng
Có chiếc lá nở thành mùa xuân phía rừng già
Chiếc lá khác nở theo cho chiếc lá kia không đơn độc
Mùa xuân từ đó non xanh

Tháng Giêng
Người tự cháy lun phun mưa xuân mạ non trên môi em
Bãi bờ ôm bàn chân mê mải ruộng đồng
Hạt gieo xuống, cây bật mầm thành mùa vàng ngày hạnh phúc

Tháng Giêng
Em vẫn ngồi cạnh những chiều lam khói
Dòng sông cong vào tháng Giêng lưng ong
Người như chiếc lá vừa nở vào mùa xuân non xanh rừng biếc
Thương em tự cháy trẻ trai...

HOÀNG LIÊN SƠN

Vô biên

Sớm nay
 Con đang ngồi rất yên
 Nhắm từng hộp cafe chánh niệm
 Quán chiếu tế bào có triệu nọ đang sinh triệu kia đang diệt

Tháng này
 Con vui mùa giãn cách qua đi
 Và buồn cảnh từ nay không thể zero covid
 Tiếc đã không làm nhiều hơn khi cơ hội đang còn.

Tất niên
 Con thấy đời mình thoát đáy
 Nhưng vùng lầy thì vẫn quanh quanh
 Ngấm ăn tàn còn hơn phá hại.

Con hành trì sống với bây giờ và ở đây
 Nhưng nguyện mở
 Với trọn kiếp long đong trên trái đất này.

Tôi

Tỏa sáng chỗ này
 Chiến thắng nơi kia
 Được tán dương nhỏ to rồi hết nấc
 Tôi không biết
 Đường đến đài vinh quang sẵn
 những cú sập hầm.

Tôi trong thất
 Nghe âm thanh hết nấc đang chìm
 Nhìn chồng bằng sắc nhện giăng
 Được nhớ rồi bị quên
 (Rồi cả muốn được quên)
 Bơ vơ
 Hụt hẫng
 (Rồi hoan hỉ).

Tôi ngày qua và tôi bây giờ
 Là một
 Cũng là hai.

THƠ

CAO XUÂN THƯỜNG

Tất niên

Nào thôi rũ bỏ ưu phiền
chạm nhau một chén tất niên sum vầy.
Mừng tuổi tao, mừng tuổi mày
ngọt bùi cũng chạm, đắng cay cũng mừng.
Chén này vì sự thủy chung
chúng mình từ thuở vỡ lòng có nhau.
Nào hạnh phúc, nào đón đau
cụng li chạm phải mái đầu mà thương.
Chén này gửi bạn Trường Sơn,
nắng mưa chẳng biết nắm xương có còn.
Chén này mừng vợ, mừng con
bao lo toan thế,... mừng còn có thơ.
Đừng nhìn ra ngõ mà mơ
xa xôi ai biết ai chờ mà trông.
Li này nữa cạn ngày đông,
lâng lâng chén rượu ấm nồng men quê.

HOÀNG CẨM THẠCH

Tự tình Hồ Xuân Hương

Mỗi lần lên lớp giảng bài
Lòng nghe vắng vắng tiếng ai “Mời trầu”
“Tự tình” đêm xuống canh thâu
Thời gian con sống qua cầu nước trôi
Thương đời phận bạc như vôi
Sắc tài, bản lĩnh, khóc cười, đắng cay
Một mình, một chén vơi đầy
Rượu vào thêm tỉnh, uống say quên đời
Trăng kia vàng vạc giữa trời
Một mình đối diện bóng ời, một mình
Hỏi đời sao cứ làm thinh?
Chồng chung, vợ chạ, bạc tình, cô đơn
Khát khao hạnh phúc vuông tròn
Sau cười ngạo nghễ, héo mòn ruột gan
Đêm dài nước mắt chứa chan
“Đánh đu”, “Cái quạt”, thế gian khóc cười...

LÊ NGUYỆT

Tình xuân

Con nhên nhện rút ruột giăng sợi tơ lòng hứng chiều sương
 Neo lại mùa hương dịu ngọt loang vào gió biếc
 Tia nắng rưng rưng
 Xuyên qua kẻ màn giăng giăng đi lạc.

Đàn chim di vội vã trở về sau cơn miền mãi
 Vực vào thình không tiếng vỗ cánh sẽ sàng
 Ngơ ngác vườn hoang
 Lớp lớp chồi lộc non đang cựa mình khê nhú.

Mùa dốc cạn mình uơ ử
 Chút men nồng ấm ru cuộc đời lâng lâng say
 Rây rắc vào thình không vội vội
 Nhựa xuân căng thớ dâng đầy.

Về trái hồn ban mai nghe đàn chim ca mỗi sáng
 Nụ cười vin theo hành đào phai trở nụ cuối vườn
 Nhẹ bung từng cánh mỏng
 Nghe đời lặng lẽ thơm...

Men xuân

Vực một nắm xuân thì vừa chín ngấu
 Ta khum tay đem ủ rượu men nồng
 Nhấp một ngụm nắng mật vàng sóng sánh
 Ngụm nữa đầy ru gió hát thình không.

Ngàn lộc biếc trong xù xì lớp áo
 Cựa mình căng nứt vỏ nhú xanh chồi
 Ta nhấp thêm vài ngụm... và ong bướm
 Say la đà chạm những áng mây trôi.

Buổi hôm ấy một chiều mưa rây rắc
 Bổng dòng sông thao thiết đến dịu dàng
 Sóng gợn gợn ru đôi bờ hoa trắng
 Men rượu nồng ta nhấp cạn... xuân tan.

LÊ QUANG TRẠNG

Độc lịch cuối năm

Cuối năm dừng lại vài giây
Câu châm ngôn căn dặn mỗi ngày
Tờ lịch cứ thay, chữ nghĩa qua kẻ tay lặng lẽ
Mình ồn ào nhỏ bé
Trôi...

Ngày cuối mỏng manh ngoe nguẩy
Lô nhô tiếng người nổi qua trang giấy
Ồn ào cộ xe át tiếng lá dừa
Lời hẹn vất qua giao thừa
Đoàn tàu nghỉ ở sân ga bỗng kéo còi gọi nắng.

Cuối năm nghe tiếng côn trùng gặm giấy
Nhật ký mùa qua khuyết mấy tên người
Tiếng khóc chào đời bơi trên tờ lịch
Hình như mình từng đếm ngược ngày mai?

Cuối năm thay lịch mới vào tay
Thấy những đốm hoa nở ra ký ức
Chúng bay lên như cánh diều chiều
Những câu châm ngôn nổi thành cung đường, vàng nắng lẳng!

NGÔ ĐỨC HÀNH

Chái bếp

Anh nhớ về chái bếp
nơi mẹ đun rơm thơm khói bốn mùa
con mèo lười giắc mơ tro nếp
vỏ trứng vàng đám trẻ nường lên.

Tết ngồi trông bánh rò
con gái ngủ bò lên bờ miệng
lửa nhảy hồng củi than
chái bếp nhà anh rộng ngày độ lượng.

Dưới vòm tâm tư
cành khế trùm lên xanh gió
mẹ bảo năm nay ăm no hai vụ
khế rụng ngày rở chua.

Anh đi trọn đời
chân bước ngày mai
trắng đường làng đa chiều cổ tích
con mèo lười rướn lên.

Tro bếp bay lên
ánh sáng khoan thai
giữa nền nhà những bông ngày mới
xòe bàn tay bấm đốt đời mình...

Nơi sum vầy tất cả nhớ mong
em Nam, anh Bắc
chái bếp quê nhà ti tách
chờ ngày về rỗng phía heo may.

LÊ THÀNH NGHỊ

Tây Hồ đêm

Có vạt nắng pha lê chiều rớt xuống
Vỡ tan trên thềm đá hóa thành trăng

Hoàng hôn hồ pha lê sóng mỏng tang
Giấu một cặp mắt huyền trong lá biếc

Chùng như gió kéo tiếng chim đi hết
Để làm cây rơi mấy chiếc lá buồn.

Nhưng rồi cỏ từ những bờ xa lác
Đã lấp lạnh những khoảng vắng nhân gian

Tôi đôi lần lạc giữa Tây Hồ đêm
Nhớ lối nhỏ, cỏ mềm, chân mồi

Ảo là chuông chùa, thực là sương khói
Đôi lần tôi tan trong đêm Tây Hồ.

Hoa Ngọc Hà

Làng Ngọc Hà năm xưa đầy hoa
Hương thơm bay về phố
Anh nhớ tháng mười hai lửa đỏ
B52 cháy trên vườn xa.

Làng Ngọc Hà năm nay chia đất xây nhà
San sát ban công, nhấp nhô tháp nhọn
Hương của mùa hoa vắng
Còn thơm về phố xưa.

Làng Ngọc Hà năm nay không còn hoa
Chỗ máy bay rơi thành khu du lịch
Sắt thép tan nát trong hồ như một lời giải thích
Tan nát vì nhầm bắn vào hoa!

THƠ

PHAN QUỐC BÌNH

Khi tôi ở trong bụng mẹ

Thế giới qua mắt mẹ tôi truyền vào đôi mắt tôi khi tôi trong bụng mẹ
Mẹ mang tôi đi qua ruộng đồng, núi đồi suốt chín tháng mười ngày
Tấm áo nâu mẹ mặc đã bạc màu chở che tôi khi mùa đông về lạnh giá
Tôi cảm thụ đất trời trong hơi ấm bình yên

Bàn chân mẹ bầm xuống đường trơn dưới trời mưa phùn
giữ gìn tôi mỗi ngày lớn lên trong bụng mẹ
Một thế giới mẹ mang theo
liên kết từ Tổ tiên đất nước

Xin cảm tạ ông bà đưa mẹ về làm dâu bên nội
lúc sa cơ
ngọn rau má cầm hơi
năm đói

Chín tháng mười ngày mẹ mang tôi đi qua bến đò phiên chợ nghèo xác xơ lều quán
Khói bếp vẫn bay lên.

Cuối năm, thơ chợt hiện

Sinh ra năm tháng xa xôi quê hương đời dào sinh ra ngày tháng mới
ngày tháng vẫn tươi non và vùng vẫy bão giông
tôi trở về trò chuyện với năm tháng tuổi thơ thấm đẫm âm thanh đàn ong đi kiếm mật
quỳ dưới chân núi Mồng Gà tạ ơn nơi yên nghỉ tổ tiên
quỳ dưới bầu trời quê hương nghe Ngàn Phố, sông La cất lên trong tâm hồn tôi tiếng hát
tôi mang theo mạch nguồn ra đi thức dậy mùa xuân.

PHAN THỊ DIỄN

Lời ru mùa đông

Anh nghe chẳng lời ru giữa mùa đông
 Có bông cúc ngày thu còn sót lại
 Sáng hôm nay ngân nga trong em mãi
 Một mùa đông với sợi nắng nồng say.

Lời ru mùa đông có gió heo may
 Có cánh chim chấp chới trong chiều muộn
 Lá bàng rơi nghiêng sân trường mỗi sớm
 Cả hạt sương mai đậu mái tóc mềm.

Lời ru mùa đông thấm đẫm nỗi niềm
 Có mùi thơm vài bông ngô nếp nướng
 Cùng bạn chăn trâu buổi hoàng hôn muộn
 Hơ bàn tay tím hơi ẩm nùng rơm.

Lời ru mùa đông có cả khói cơm thơm
 Nghe đâu đây vị cá đồng kho khế
 Cứ theo em dấu chân trời góc bể
 Xa lắc lư, vẫn nhớ tìm về.

PHAN TÌNH

Thổi từ hương vị Tết xưa

Thổi từ hương vị Tết xưa
 Bồi hồi ngọn gió như vừa đầu đây
 Bâng qua muôn nẻo vui đây
 Vẫn còn thỏn thức đông đầy tháng năm.

Đông tràn qua vụ rét căm
 Gói vào Tết những thăng trầm đầy vui
 Bếp hồng lửa ấm than cời
 Trong đêm trừ tịch bên nồi bánh chưng.

Giấu trong áo mới con mừng
 Mẹ đan sợi khó khâu từng nếp nhăn
 Lội qua bao nỗi nhọc nhằn
 Con đi dép mới chân trần cha mang.

Trầm hương bện khói mơ màng
 Nụ xuân ấp ủ bên hàng đậu xanh
 Quá năm vun vén dùm dành
 Tảo tần sương gió trở thành Tết xưa.

Lập đông

Dường như đông đã lay mùa
 Mưa phơn phớt lạnh, gió xưa thổi gần
 Mây lang thang phía cổ nhân
 Nửa mệnh mang đến, nửa tàn ngần đi.

THƠ

THẠCH QUỲ

Những con chim loạn giờ sinh học

Những con chim loạn giờ sinh học
Đập cánh rối bời trong đêm trắng Ac- khăng- ghen
Chúng hoảng hốt lao về phía trước
Như những mũi tên thấp thoáng, lao đi...
Cả đàn chim loạn giờ sinh học
Đập cánh liên hồi, hoảng hốt, lao đi
Cứ lao đi
Sáu tháng liền đêm trắng, những con chim ở Ác-khăng-ghen đang hoảng hốt. Tìm gì?
- Có thể có
Những niềm hy vọng
Trong thiên- đường- bóng- tối, phía sau mây...?

VƯƠNG LONG

Có một bài thơ

Có một bài thơ chưa rõ tứ
Bỗng về rung nhẹ ở trong anh
Khi mưa vừa tạnh, trời xanh mở
Gặp một mầm xuân chọt nhú cành.

Ngát cả sườn non sim tím nở
Tiếng chim thì biếc, cỏ thì xanh
Hình như hương gió đang lay khẽ
Thả phấn thông bay, nắng đắm cành.

Tôi giữa mùa xuân, xuân bốn bên
Chân đi, đất rải cỏ nhung mềm
Ơn người gieo hạt rừng xanh lại
Nghĩêng đầu, đá núi cũng làm duyên!

THÁI TÂM

Chiếc lá non xanh

Cây đào trước ngõ nhà tôi
Đêm qua chợt nhú một chồi lá xanh
Run trong gió rét mong manh
Nắng lên mầm lá long lanh sắc trời...

Mới hay xuân đã đến rồi
Nhẹ như em nói, bồi hồi, xôn xao
Phải đây xuân sớm em trao,
Nhỏ nhoi một chiếc lá đào đêm qua?

Anh đâu dám ước bông hoa
Chỉ mơ chiếc lá đêm qua trên cành
Có nghe trong những non xanh
Đầu anh dẫu bạc, tim anh chưa già!

Lắng nghe lá rụng

Từ trong đất bạc trơ đồi
Tôi nghe nhựa ngọt nói lời biếc xanh
Đất đâu chẳng phải đất lành
Chim khôn đậu xuống... đất thành rừng cây!

Lá nào không bị gió lay
Vàng rơi xuống đất, xanh bay thắm trời...
Em ơi lá hết con người
Sống xanh tươi, chết đắp bồi mai sau!

Đời tôi kiếp trước nơi đâu
Mà câu thơ cứ giục nhau đi tìm...
Nép vào dưới gốc lặng im
Tôi nghe lá rụng vào tim xạc xào!

THƠ

TRẦN THỊ HUYỀN TRANG

Điểm tựa

Đôi khi đời quá rộng
cõi chiêm bao đi về
gọi mình mình chưa tỉnh
gọi người người còn mê.

Cảm ơn cây mùa cũ
không quên người năm xưa
gửi cho mình, ngược gió
một làn hương cổ sơ.

Ngoảnh trông kia núi thăm
đang dang vai đại ngàn
thế thôi, chừng cũng đủ
tóc dài bay miên man.

Viết khi chờ bông bạch hạc nở

Ánh sáng và bóng tối
xuyên qua bức ảnh
cuối cùng của mẹ
viền mái tóc tỏa miền mây trắng
xuống một nét vai gầy.

Con chờ bông bạch hạc
nở trong tiếng mẹ kêu
bông bạch hạc bay
trắng chiêm bao
hoa đầy tay mà con vắng mẹ.

Gió nhiều lắm chắc là mẹ lạnh
con hái một ôm nắng
to hong chỗ mẹ nằm
con dặn nhỏ tháng Giêng cỏ ẩm
tháng Giêng gặt đầu ánh mắt xa xăm...

TRỌNG LÍNH

Ánh sáng

Này em
 chúng ta đang tiến về ánh sáng
 đôi mắt hé mặt trời
 buồn mầu tím ngằm vạc dầu sôi
 khối óc mừng chồi khát lạ
 những bí ẩn trên châu
 mở...

Ánh sáng
 phát ra từ vàng trắng cháy rực trong
 màu xanh của những chàng trai cô gái sức vóc núi sông
 màu nhân từ của lúa vàng ngậm sóng phù sa
 màu hương mỗi loài hoa
 màu rêu phong nét bút phượng rồng khắc vàng bia đá
 và tiếng dế động cơ chảy ngọt phẩm quà
 trong hổ phách.

Này em
 chúng ta không thể đi tới ánh sáng bằng xúc tua trần trụi
 thứ ánh sáng diệu kỳ không thể cảm nhận
 bằng mắt
 bằng tay...
 sóng sánh.

Ánh sáng
 gọi chúng ta
 hãy đào giếng sâu trong chiếc gáo
 cấy thiên nhân vào mắt trần tình sáo
 đốt lửa đấm mê lên chót đỏ tim mình
 mở hội vào lòng bằng biển khơi bụng dạ.

Kìa em
 ánh sáng chân trời lạ!

Để tôi cay mặn đợi chờ

tôi còn mầu nguồn xứ Nghệ
 trắng vàng lóng lánh phù sa

tôi buộc vào lòng câu ví
 sông Lam mạch sống quê nhà

tôi còn đôi mắt ca dao
 sắc ngọt nghĩa tình cổ giặm

điệu hò em rưng xao động
 tôi nghe tình ấy đậm đà

da vàng thơm hương xứ sở
 em đừng rửa sạch ban sơ

dân ca quê mình kham khổ
 tôi - em trọ trẹ tương cà

em còn muối gừng bỏ ngổ,
 để tôi cay mặn đợi chờ?

THƠ

TÙNG BÁCH

Sáng đầu xuân

Trái đất bắt đầu tròn
Khi Galile bước lên giàn hỏa
Nguyên nhân cháy rừng là do sự va chạm của đá
Que diêm mới sinh ra sau này.

Nếu không vì mượn nhớ - thương vay
Chắc gì đã có nền toán học ?
Con người ta vừa lọt lòng đã oa oa khóc
Đồng hồ đếm ngược từ đây...

Biển làm nên suối, sông... từ những đám mây
Đâu phải suối, sông làm nên biển
Đời thiên biến, chả thứ gì bất biến
Thượng nguồn sụt lở - hạ lưu bãi bồi .

Loài trai chết vì nổi đau hóa ngọc
Tắc kè chết không phải vì miệng vì đuôi
Sáng đầu xuân nhâm nhi ly cà phê cùng bạn
Bolero bản nhạc không lời...

Năm mới

Năm mới
Ta cũ đi chút chút
Không sao, trẻ mãi mới là phiền.

Năm mới
Ta có thêm tuổi mới
Chăn trùm, cửa khép, giấc mơ tiên.

Năm mới
Ta tìm về chốn cũ
"Hoa xuân mơ gặp bướm trần gian".

Năm mới
Nàng thơ chừng cũng mới
Phong tình cổ lục thói đa mang.

VÕ NGỌC SƠN

Mầm thời gian

Cây thời gian trút chiếc lá cuối cùng
 Đêm trừ tịch ta ngồi như tượng gỗ...
 Không trăng sao
 Chỉ vi vu tiếng gió
 Thổi vào thính không.
 Lửa bếp nhảy bập bùng
 Những chiếc bánh vua Hùng
 Chờ tiễn đưa năm cũ.

Tiếng đôi lứa chia tay đầu ngõ
 Rượu với ta thức đợi giao thừa.
 Bận vàng đầu,
 Còn có rượu và thơ?
 Nghêu ngao hát
 Lời Khuất Nguyên một thuở!

Câu ước hẹn ai quên ai nhớ?
 Sáng mai này mầm mới lại mọc lên!

Thế là xuân

Sao phải đợi tàn đông,
 Sao cứ chờ đào nở,
 Đợi chi én đập chồn trong gió,
 Khi em về là xuân đã sang!

Mạ dưới nương đã lên hết ruộng làng,
 Cả bản thơm mùi con gái.
 Váy thổ cẩm bảy màu em khóa trần bên suối
 Thế là xuân, là Tết đến cùng anh!

THƠ

TRƯƠNG QUANG THỨ

Làng Trấp

Sông nước đôi bờ loang cát trắng
Cái tên Lạch Trấp nghĩa từ đâu
Mặn mòi với bến lời tình tự
Thuyền cá đầm khoang xoài gỏi đầu.

Đồng bãi nép sau làng khiêm tốn
Cánh cò bắt chợt vội bay qua
Cô gái tưới rau chiều áp Tết
Mắt em, mắt lá đến mượt mà!

Người gánh rau xanh, người gánh cá
Tiếng cười ran riu tỏa trên sông
Gió đông rét ngọt hồng đôi má
Không có men say cũng ấm nồng.

Tôi về Quỳnh Lập thăm làng Trấp
Miền quê muôn thuở lạ gì đâu
Bồi hồi chân bước còn e ấp
Mới biết mình yêu chỉ bắt đầu!...

VÕ THỊ THÚY VÂN

Phố hện

Có ngọn heo may
Mơn bờ vai nhỏ.
Có câu hát cũ
Rộn ràng con tim.

Có lời nỉ non
Đàn ai lỗi nhịp.
Có bờ mi khép
Thả trôi tháng ngày.

Có ánh trăng gầy
Khuyết tình dang dở.
Có mùa ngang phố
Để sầu heo may.

Có chén rượu cay
Nhấp hoài không cạn.
Có hòn núi Nhạn
Để chim tìm về.

Có câu ước thề
Có lời hò hẹn
Biết người có đến
Để còn chờ mong.

LÂM BĂNG

Ô cửa sổ

Ô cửa sổ
 Lũ trẻ đánh đáo âm ỉ
 Bà góa chồng cau có vào ra
 Lắm bữa câu tục tĩu...
 Ô cửa - bức tranh.

Ông bán thuốc lò đập xe lọc cọc
 Tiếng rao khàn đục “thuốc lò ơ...”
 Điều cày rít vang đầu ngõ
 Ô cửa sổ - khúc hợp ca.

Ô cửa sổ chìm trong sương chiều
 Hơ hoắt...
 Ánh đèn ba giây đỏ kè đỏ quạch
 Để giun hắt tiếng lên thêm...

Ô cửa đơn côi trong bóng đêm.

TỪ ĐỒNG VĂN

Viết trong
ngày hội trường

Tóc đã bạc, tình yêu vẫn đại
 Chỗ tối người dùng, chỗ sáng anh mang
 Mọi điều tiếng mình anh chịu vậy
 Trái tim 20 đầu cần phải mạ vàng

Trót xinh đẹp, lỗi em là thế
 Lỗi của anh làm gì cũng muộn màng
 Nợ cơm áo, chí trai tỉnh lẻ
 Chưa thấy bến đâu, dò đã sang ngang

Mùa thu đẹp, mùa đông giờ cũng đẹp
 Trường xưa đây còn lại gốc bàng già
 Lốp trai trắng ngày nào đi đâu hết
 Hớn hờ cụ ông chụp ảnh cụ bà

30 năm không phải là quá tệ
 Em đã làm nhiều hơn thế cho anh
 Những thất vọng làm mình vững chãi
 Tóc bạc rồi mơ ước vẫn tươi xanh

Chẳng trở lại ngày xưa làm gì cả
 Nếu ngày xưa anh vẫn kẻ bên lề
 Mình cứ sống hôm nay em nhé
 Tiếc ruộng là cày cho đúng chất dân quê!

TIẾNG THƠ ĐỘNG LẠI

Đợi em ngày giáp Tết

LƯƠNG KHẮC THANH giới thiệu

Trời đã Tết. Khói xanh mờ bụi nước
Góc vườn con, hoa mạn đã đơm khuy
Lòng như đất lạnh thăm mơ dấu guốc
Cỏ thanh thiên hoa trắng đợi em về.

Thạch Quỳ

Bài thơ này, ban đầu dài hơn, chứ không phải chỉ có 4 dòng. Khi nó được đọc lên cho bạn bè nghe, được nghe bình phẩm, góp ý, và bản thân cũng suy ngẫm, trăn trở, nhà thơ Thạch Quỳ đã quyết định để khổ thơ đầu này trở thành một bài thơ độc lập, và quả nhiên, với chỉ 4 câu thơ đặc địa này, “Đợi em ngày giáp Tết” đã trở thành một bài thơ in dấu đậm sâu trong lòng bạn đọc.

Ngay từ những câu đầu, người đọc đã thấy cảm xúc hiển lộ, thăng hoa giữa không gian và bối cảnh ngày giáp Tết sao mà đẹp và nên thơ đến thế:

Trời đã Tết. Khói xanh mờ bụi nước
Góc vườn con, hoa mạn đã đơm khuy

Tình yêu được thổi hồn vào cảnh vật khiến mọi thứ hiện lên thật lung linh và xúc động. Buổi tiền đông, khói xanh mờ trong bụi nước và hoa mạn đã nhú trắng như những chiếc khuy áo vừa đơm trên cành lộc biếc. Cảnh sắc nên thơ, thanh tân như cội lòng của thi nhân. Mỗi câu chữ dường như cũng rạo rực nhựa sống và thốn thức tâm tư tác giả.

Lòng như đất lặng thầm mơ dấu guốc
Cỏ thanh thiên hoa trắng đợi em về.

Chỉ là dấu guốc của một người con gái cụ thể nào đó ư? Hay dấu guốc của bà chúa xuân chẳng? Người thơ đang chờ đợi, hy vọng vào một điều gì xa xôi lắm. Đối tượng mong đợi như thực lại như mộng vậy. Thực ở “góc vườn con”, “gốc mặn”; mộng ở “cỏ thanh thiên hoa trắng”. Hai câu thơ giản đơn thôi mà gieo vào lòng người đọc bao thốn thức, xốn xang. Không thốn thức sao được trước hình ảnh lòng người như đất ẩm với giấc mơ lặng lẽ, âm thầm...!

Bằng một vài nét chấm phá, cùng gam màu chủ đạo xanh và trắng, bức tranh thơ đã giúp hiển lộ cảm xúc thật trong trẻo trong phút giây đợi chờ. Đất trời, thiên nhiên, mọi thứ đều đang bước vào xuân với căng tràn nhựa sống, chỉ còn chờ bước em về đây là xuân sẽ tròn đầy. Không ồn ào, không dài dòng, sự khiêm nhường, lặng lẽ mà sâu sắc, mà tinh đến mức khiến người đọc cũng thốn thức theo niềm đợi chờ ấy quả chỉ có được ở một hồn thơ tài hoa như Thạch Quỳ.

Giới yêu thơ Thạch Quỳ thường quan tâm tới cái sắc sảo trí tuệ trong thơ ông. Theo tôi, trí càng sáng thì tình càng đậm mà bài thơ “Đợi em ngày giáp Tết” là một minh chứng rõ nét.

Ngày mới trên quê hương

Nhạc và lời: **THÁI KHẮC CUNG**

Nhiệt tình trong sáng



Bình minh bình minh đang lên hạt sương long lanh còn đọng lại
đường hoa đón em đến trường một ngày mới trên quê hương tôi
âm vang câu hát anh về xứ nghệ cùng em quê hương
tôi đổi mới từng ngày hương lúa thơm mùa gặt sóng lúa dập dìu
thăng cánh cò bay Mẹ tôi nụ cười rạng rỡ
hạnh phúc ấm no nông thôn mới là đây. Đẹp biết bao
bức tranh quê đêm về tràn ánh điện từng đôi trai gái đang hẹn hò
mời bạn về quê tôi đi trên con đường đổi mới theo lời Đảng
gọi xây dựng quê hương ngày thêm đổi mới xây
dựng quê hương vươn tới tầm cao.

Về với quê mình

Nhạc: NSND TIẾN DŨNG - Thơ: NGUYỄN THẾ TRUNG

Tự Hào_Tha Thiết

Qua dòng Lam xanh trong là trở về đất Mẹ Mẹ Lăng Sen yêu thương ơi
 người mẹ Việt Nam về với Vinh Thành phố bình
 minh Thành Cổ uy nghiêm vững vàng núi Quyết Bến Thủy Trường
 Bồn một thời oanh liệt về với quê mình "Địa Linh Nhân Kiệt"
 Tiếng Trống Ba Mươi lầy lũng Xô Viết lịch sử thăng trầm đất lắm nắng bão giông rừng núi bao
 đi giữa mệnh mông điệp trùng biên giới cùng về khe Kẽm Pù Mát thác Xao Va rừng núi ngát
 la ngô lúa vẫn xanh đồng mênh mông Cửa Lò thuyền ra khơi lộng gió hương cuộc đời mới đã về âm vang nhịp công trường rộn vang câu hát
 1. Câu Ví dân thương lời tỏ tình đề ngõ dòng Mai Giang anh đợi em chờ
 2. Nông thôn mới dựng xây mùa vàng trĩu
 đi giữa mệnh hạt cùng chung tay xây đắp quê mình Hai tiếng quê hương ai
 xa mà nó nhớ quê mẹ ơi sâu nặng nghĩa tình anh bên em cùng
 ngân vang câu hát Nghệ An ơi yêu tha thiết quê mình

Sắc đào Mường Lống

Nhạc và lời: **LÊ ANH HÀ**

Duyên dáng (Rock-Ballad)

Đầy Mường Lống thung lũng núi cao sương vờn mây níu kéo chân người, hương thoảng
 bay vương trên tóc ai nghiêng trước gió hoa đào cười duyên. Tiếng Trà đà xa đưa lối
 (đàn môi)
 đi, hòa tiếng suối ngày đêm mong chờ gọi mùa xuân chợ phiên ném pao, bát rượu
 nghiêng theo nhịp "tha kênh." Ở cảnh đào khoe sắc thắm
 (nhảy Khen)
 giữa núi rừng miền tây dệt gấm màu biên cương sợi tơ duyên trời đất lặng
 nghe ai hát mà hay "Củ nhí cò Có nhí củ. Cựa xia,
 (Anh yêu em Em yêu Anh).
 Vàng húa Khúa kên". Xuân đang về trên ngọn
 núi tiếng suối hát quanh bản làng, đào về xuôi tô đẹp khối phố người người
 vui bên đào miền Tây. Xuân đón Tết
 bên hoa đào miền Tây. ./.

Bốn phía mùa xuân

Nhạc: PHAN THANH CHƯƠNG - Lời, thơ: TRƯƠNG QUANG THỨ

Trong sáng-Tha thiết
♩ = 51

Mùa xuân, mùa xuân ở phía dòng sông Ai đang cấy
lúa khép đóng chiều nay. Mùa xuân, tơ trời cánh én đang
bay, nghe bên kia hát bên này vẫn vương. (Đạo nhạc) Mùa
Xuân, mùa xuân ở cuối con đường, thấp thùng trống bội nhớ
thương đi tìm. Nụ cười, nụ cười ánh mắt lung
liêng người ơi có hẹn tôi lên một lần. Râm
ran, râm ran bốn phía mùa xuân, Cây đâm chồi mới xanh
ngắn trong cây. Đất dâng hương sắc bao ngày
biết ai có đợi tôi đây chàng là? Biết ai có
Rit
đợi tôi đây chàng là *f*.

Trên những chuyến tàu

ĐINH VĂN HÀO

Có người hỏi tôi đêm trên tàu chân anh Hào để ở đâu? Tôi mỉm cười: “khi gác lên người bên cạnh, lúc đuổi, khi co”. Đã mấy mươi năm, cảm xúc trên những chuyến tàu hỏa Bắc Nam - Nam Bắc trong tôi vẫn còn đó, giờ kể lại không khỏi bồi hồi...

Tàu chuyển bánh mãi miết trong đêm. Tiếng xình xích khiến bao người chẳng ai ngon giấc, nhưng với tôi, giấc ngủ trên tàu lúc nào cũng đặc biệt. Bánh sắt nghiêng vào đường ray, tiếng ù ù thổi qua cửa, tàu xình xích đi về trong nắng nóng lẫn gió mưa. Mỗi lần đoàn tàu chạy qua hay dừng lại sân ga lại thấy kẻ xuống người lên, gọi nhau í ới. Tôi nhào người nhìn ra thấy người đứng, người ngồi chờ chuyển tàu khác, không biết họ đang đi vào hay đi ra. Gió chiều trên sân ga thổi bật lên những cơn mưa bụi, phủ lên không gian ảm đạm buồn, sân ga buồn, đường ray buồn. Qua khoảng sân, một người phụ nữ ngồi trong phòng nhìn ra, vẻ mặt buồn bã, hai mắt quầng thâm, đôi môi khô mím chặt.....

Phía sau ga là đồi núi trập trùng, chờn vờn mây và sương sớm. Ngoài đường ray, tiếng còi tàu rú lên báo hiệu đến ga. Tàu chạy qua nhanh, bỏ lại phía sau những làn khói mỏng chồng lên nhau. Sân ga trở lại trong im lặng, nghe cả tiếng côn trùng kêu da diết.

Ga Cầu Giát nhỏ và cũ rồi, chông chơ mấy cái biển báo rỉ sét nằm dọc đường ray. Phía sau ga ngày xưa có những đồi hoa sim tím, rừng xanh miên man, bạt



Minh họa: ĐÌNH TRUYỀN

ngàn cây thông. Trước sân ga có nhiều hố bom do máy bay B52 của quân đội Mỹ ném xuống vào năm 1972. Thật kỳ lạ, quãng đường từ cầu Báng đến ga chừng 3 km, bom rải thảm nhưng bom tránh ga, tránh cầu và đường ray. Bom rơi vô núi, xuống đồng lúa và khe suối.

Đứng trong sân ga, bất giác tôi liên tưởng đến bao chuyến tàu chạy dài theo đất nước những năm 1980 - 1990. Cảm xúc đi tàu ngày ấy cứ thế ào ạt ùa về. *"Đi dọc Việt Nam theo bánh con tàu quay/ Qua đèo Hải Vân mây bay đỉnh núi/ Nhớ khi xưa qua đèo qua núi/ Mà lòng anh mơ tàu qua núi cao..."*

...Đây là lời bài hát mà người đi tàu thường vừa ngân nga vừa nhìn qua ô cửa sổ ngắm núi rừng, biển xanh sóng bạc đầu. Phía xa, từng đoàn thuyền đánh cá như chiếc lá khô nổi trên mặt nước. Lưng đèo gió thổi, cây lá rung rinh; đỉnh đèo mây xám bạc, cuộn cuộn đuổi bắt nhau, như đám cháy rừng.

Đến ga Vinh, tôi đứng giữa biển người nhìn theo những xe thồ hàng, những người tay xách, vai mang, lưng gánh và cả những cô gái như mang mùa xuân về trên phố. Bất giác, tôi chợt cất lên câu thơ Nguyễn Bính *"Đã thấy xuân về với gió đông/ với trên màu má gái chưa chồng"*.

Hồng Khê cư sĩ - nhà Hán học cuối mùa Hán học trên đất Nghệ

NGUYỄN ĐÌNH CHÚ

Hồng Khê là khe nước ở núi Hồng Lĩnh. Hồng Khê cư sĩ là biệt hiệu của nhà Hán học cuối mùa Hán học Nguyễn Xuân Lâm, quê làng Kỳ Trân xưa, nay là xã Nghi Trường huyện Nghi Lộc, Nghệ An, xuất thân một dòng họ Nho giáo có truyền thống học vấn và khoa bảng nhất nhì của huyện Nghi Lộc, có 02 cử nhân, 03 tú tài (trong đó 01 vị là tú tài kép) và 02 hiệu sinh. Đặc biệt có cụ Nguyễn Năng Tĩnh, hiệu Tây Khê, đậu cử nhân, làm quan đến chức Giám sát Ngự sử (tương đương với chức tổng thanh tra của Nhà nước ngày nay) dưới triều Minh Mạng nổi tiếng công minh chính trực, sau một thời gian thì cáo quan về nhà. Dân trong vùng quen gọi là cụ Ngự, còn để lại tập thơ *Tây Khê thi tập*. Cụ là người có công nhất trong việc sưu tầm, khôi phục văn thơ của Úc Trai Nguyễn Trãi để ngày nay khoa văn học sử và sử học được thừa hưởng. Nhà thờ họ Nguyễn của Cụ ở Nghi Trường đã được xếp hạng Di tích Lịch sử Văn hóa cấp tỉnh.

Nguyễn Xuân Lâm sinh năm 1897, là con cụ Nguyễn Năng Tranh đậu tú tài năm Tân Mão 1891. Chuyện kể rằng, ngày bé Lâm lọt lòng mẹ trong một cái bọc làm cả nhà hoảng sợ nhưng bà thím xé bọc ra thì là một bé trai rất khôi ngô đĩnh ngộ, cả nhà vui sướng cực độ. Theo năm tháng, bé Lâm được gọi là Lâm Toàn lớn dần và rất mực thông minh. Vốn nghiệp nho gia nên theo đòi Hán học, học đầu

nhớ đầy, lâu lâu kinh sử, lại có năng khiếu văn chương thơ phú. Ở khoa thi chữ Hán cuối cùng năm 1918 tại trường Nghệ, Nguyễn Xuân Lâm trúng tam trường Hương thí. Nhưng vào phúc hạch (đệ tứ kỳ) thì phạm húy nên bị đánh trượt. Tuy chỉ là chân tam trường, nhưng nhiều bậc đại nho sau này vẫn nói: nếu còn khoa cử Hán học thì với Nguyễn Xuân Lâm, phó bảng tiến sĩ là điều chắc chắn. Văn hóa thời trung đại vốn mang tính chất tổng hợp bao gồm cả nho y lý số. Nguyễn Xuân Lâm sau ngày hết thi đã chuyên tâm vào Đông y. Năm 1930, ông đã cùng với các em trong họ hoạt động cách mạng gồm: Nguyễn Năng Tự, Nguyễn Ngọc Cửu, Nguyễn Thị Tân (Xứ ủy viên Trung Kỳ), Nguyễn Thị Thiệu (Tỉnh ủy viên), Nguyễn Năng Thâm cùng tham gia phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh và đều bị tù. Ông có công vận động hai em xuất dương là Nguyễn Đăng Đôn và Nguyễn Năng Quang. Hiện nay tại Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh có hồ sơ của ông Nguyễn Xuân Lâm số 4211/ CN (số phim 1637) lập năm 2005, ghi số tù của Nguyễn Xuân Lâm là 8687- 1930 đi tù hai năm gồm: 1 năm tù giam và 1 năm quản thúc. Ngoài ra ông còn có công với cách mạng như trong tuần lễ vàng đã ủng hộ 1 cây vàng và đôi bông tai vàng, cung cấp lương thực cho một đại đội bộ đội trong vòng 6 tháng. Trước khi đại đội này vào Bình Trị Thiên chiến đấu ông còn làm thịt một con lợn to khao quân, cho đến hôm nay những người cao tuổi ở quê còn nhắc lại chuyện xưa. Ngoài ra ông còn xuất hai mẫu hai sào cho dân quân làm quỹ. Nguyễn Xuân Lâm đã được công nhận là Lão thành cách mạng chiến sĩ Xô viết Nghệ Tĩnh. Năm 1936, ở Trung Kỳ đặc biệt là tại Kinh đô Huế, bắt đầu có phong trào chấn hưng Phật giáo và có cuộc thi tuyển người chuyên dịch kinh Phật, Nguyễn Xuân Lâm đầu đầu cuộc thi và làm việc tại đây cho đến khi bắt đầu có Thế giới đại chiến II (1939- 1945) thì về quê chăm lo việc gia đình và tiếp tục hoạt động và làm nghề bốc thuốc rất nổi tiếng trong vùng. Đặc biệt, ông có tài chữa bệnh vô sinh, bắt mạch để biết thai nhi trai hay gái, đoán đúng ngày qua đời của bệnh nhân nặng. Cách mạng Tháng Tám thành công, ông là Chủ tịch lâm thời đầu tiên của xã Thịnh Trường sau này tách làm hai là Nghi Trường và Nghi Thịnh. Năm 1946, ông là ủy viên Hội đồng Nhân dân xã Thịnh Trường. Cải cách ruộng đất, ông bị quy là địa chủ phải đi tù 6 tháng (1956). Sửa sai, được ra tù năm 1957, ông lại làm nghề bắt mạch kê đơn bốc thuốc tại chợ Sơn. Năm 1958 thì ra sống tại Hà Nội. Bấy giờ, Bộ Y tế có cuộc thi tuyển lớp Đông y, người dự thi hầu hết là các cụ đã có tay nghề. Một số có khoa bảng, ông Nguyễn Xuân Lâm đạt kết quả cao. Nhưng sau đó ít lâu thì ông sang làm cộng tác viên khảo dịch sách Hán Nôm cho Thư viện Viễn Đông bác cổ đã được đổi tên là Thư viện Khoa học tại đường Lý Thường Kiệt do cụ Ca Văn Thỉnh từng là Bộ trưởng bộ Giáo dục của Chính phủ Liên hiệp năm 1946 làm Giám đốc. Tại đây, có một tổ phiên dịch Hán Nôm khoảng sáu bảy cộng tác viên trong đó có cụ nghề Võ Khắc Triển quê Quảng Bình. Tôi thường lui tới đọc sách và ít nhiều được tiếp xúc các cụ. Có dịp một cụ đã nói vui với tôi: “Ông anh của anh chỉ tam trường mà ở đây chẳng có ai bằng. Chỉ cái tội là hơi coi thường bọn tôi”. Bộ sách *Dì sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu Catalogue des livres de Hán Nôm édité sous la direction de Prof. Trần Nghĩa et Prof. Francois Gros*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1993, 03 tập khổ lớn in đẹp mà tôi

từng được cụ Ca Văn Thỉnh cho chính là từ bộ sách *Thư mục Hán Nôm* gồm 5 tập và một tập Phụ lục in ronéo trên giấy nửa là công trình của nhóm cộng tác viên Hán Nôm này, trong đó có Nguyễn Xuân Lâm. Ngoài việc khảo dịch Hán Nôm cho Thư viện Khoa học, cụ Lâm còn dịch một số tư liệu Hán Nôm cho khoa Văn, ĐHSP Hà Nội mà tôi là người giới thiệu.

Trong gia đình, cụ Lâm là anh rể của tôi. Cụ lấy chị gái con mẹ cả tôi sinh được 2 trai 4 gái. Sau ngày anh tôi ra tù thời Pháp thuộc, chị tôi bị hậu sản qua đời để anh sống cảnh gà trống nuôi con ít lâu thì tục huyền sinh thêm một gái hai trai. Cả gia đình sống hòa thuận. Con trai thứ hai Nguyễn Xuân Quynh là một trong năm, sáu thanh niên của huyện Nghi Lộc có bằng Diplôme trước Cách mạng Tháng Tám 1945. Sau Cách mạng, làm hiệu trưởng của Trường cấp 1 xã Thịnh Trường, ông đã xung phong nhập ngũ từng là cán bộ tiểu đoàn chiến đấu tại Thái Bình (Khu III) năm 1952 cùng thời với Trung tướng Lê Hai, hy sinh tại thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, Thái Bình, được truy tặng liệt sĩ, đến nay vẫn chưa biết mộ phần nơi nào. Con gái đầu là Nguyễn Thị Nhu vừa đẹp gái vừa trung hậu, lấy chồng là anh Trần Văn Quang, vào Đảng từ năm 1936, sau này là Thượng tướng Thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Vừa cưới nhau được ít lâu thì anh bị bắt ở tù mãi cho đến thời Chính phủ Trần Trọng Kim (1945) mới ra tù. Chồng bị bắt ít lâu sau thì vợ cũng bị bắt giam một thời gian tại Hà Nội do làm liên lạc cho cách mạng. Sau này gia đình anh chị được quân đội bố trí sống ở số nhà 20 đường Hoàng Diệu. Anh chị đã đón bố về sống chung cho đến ngày cụ qua đời (ngày 4/12 âm lịch năm 1980). Cụ Lâm tự bắt mạch biết trước vận số của mình nên đã rời cõi tạm một cách nhẹ nhàng thanh thản. Được tin nhạc phụ đã hấp hối, ông con rể đang là Tư lệnh quân Tình nguyện Việt Nam giúp bạn Lào đã vội về để kịp vuốt mắt cho vị nhạc phụ kính yêu. Đám tang cụ Lâm được Bộ Quốc phòng tổ chức rất trọng thể. Tôi được giao nhiệm vụ viết diếu văn để đọc trong tang lễ. Diếu văn là lời vĩnh biệt một nhân cách lớn, một cuộc đời liêm chính thông tuệ mà “sinh bất phùng thời” chứ sinh vào thời hoàng kim của Hán học thì biết đâu lại không là một bậc đại khoa được sử sách ghi danh. Sau đây xin nói sơ qua về văn nghiệp của Hồng Khê cư sĩ - nhà Hán học cuối mùa Hán học trên đất Nghệ quê ta.



Trong *Tiểu dẫn* của *Hồng Khê thi văn tập*, tác giả tự kể: “Tôi bình sinh say mê văn chương, mỗi khi cảm xúc sinh tình gặp gì là viết nấy... Có một tập là *Trướng ký ca ngâm* chừng ba trăm bài, một tập là *Thi chương đối chiếu*” chừng 500 bài, một tập *Quốc âm khánh điệu* chừng 800 bài. Tuy chưa đủ sức thành một đại danh để được chư vị thưởng giám cho nhưng cũng đã có như thế. Nhưng không may gặp cơn binh hỏa đã thiêu hủy hết”. Sau này, trong thời gian sống với gia đình ông con rể, có điều kiện yên vui trong tuổi già, bằng một trí nhớ phi thường, cụ chép lại được một phần. Do đó hiện nay trong tay tôi vẫn có:

1. *Giáp Thìn xuân chí Quý Sửu xuân, Biên tập, Thất thập thất tuế, Nghệ An, Nghi Lộc. Hồng Khê thi văn tập*, Nguyễn Xuân Lâm thủ bút, Thư vu Hà Thành chi Ba Đình khách

ngụ vừa Hán vừa Nôm, vừa văn vừa thơ dày 107 tờ. Phần văn chép bằng bút lông mực Tàu trên giấy bản xơ, phần thơ chép bằng bút sắt mực đen trên giấy học trò. Trong đó mở đầu là 3 bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật hậu đề sau khi đọc *Hồng Khê thi văn tập* của Cử nhân Ngô Lập Chi quê Nam Định, Đông thôn y giả và Vương Thường Liên hiệu Hương Trì quê Bắc Ninh với những lời trân quý văn tài. Tiếp đến là *Tiểu dẫn* và *Lời tựa* của tác giả. Sau đây xin sơ lược đôi nét về văn phẩm.

Về văn xuôi chữ Hán

Thượng An Nam Phật học hội khái (Bài khái trình lên Hội Phật học An Nam), *Thượng Ngự Hồng Lô khái* (Bài khái trình lên ngài Ngự Hồng Lô), *Quá Cổ thành cảm tác* (Cảm tác nhân dịp đi qua Cổ thành), *Hạ Xuân Đình Lê công bát thập thọ trưởng* (Bài trưởng mừng Xuân Đình người họ Lê thọ 80); Bài này được một vị tiến sĩ quê Nam Đàn (không ghi tên) khen là *khôi thám văn chương* (văn chương của bậc thám hoa), *Mừng nhạc ông thất thập thọ trưởng* (Bài trưởng mừng nhạc ông - bố vợ - thọ 70 tuổi là Tú tài Hàn Lâm đại chiếu Nguyễn Huy Côn, hậu duệ của Thái sư Cương Quốc công Nguyễn Xí). Bài khái được Hoàng giáp người họ Đình (Đình Văn Cháp) nhận xét: “Đây là ngòi bút từ đầu chí cuối đã lộ rõ “chí khí hùng mại” (khí chất cứng cỏi già dặn). Tiến sĩ Nguyễn Huy Nhu cũng phê là *đại bút lực* (bút lực lớn), *Môn sinh điệu Hàn lâm Nguyễn tiên sinh văn* (Bài văn các môn sinh điệu vị Hàn lâm người họ Nguyễn là chú họ của tác giả), *Khốc gia thúc văn* (Bài văn khóc ông chú họ), *Hồ Chủ tịch sinh nhật thọ trưởng* (Bài trưởng dâng mừng sinh nhật của Hồ Chủ tịch). Bài trưởng được viết với một tấm lòng thành kính cao độ và một bút pháp rất mực thông bác kinh sử Trung Hoa xưa. Chính văn chỉ ba trang nhưng chú giải đến bốn trang. Bài trưởng mở đầu bằng câu: “Kính thám: Dao đồ nhật lệ khuê tinh chiếu văn trị chi kỳ” thì có chú giải 1: “Dao đồ: ngôn cơ đồ quang mỹ như dao ngọc” (nói về cơ đồ sáng đẹp như ngọc dao). Chú giải 2: “Tổng sử: ngũ tinh tụ khuê chỉ văn minh chi tượng, ý chí thư viện thị văn sự giả” (Sử đời Tống: năm sao khuê tụ lại là hình tượng của văn minh là chỉ chuyện văn chương). Đề cao Hồ Chủ tịch trong câu: “Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, cơ viết ngã cơ, hàn viết ngã hàn, phàm tình quân” (Lo trước điều thiên hạ lo, thiên hạ đối là ta đối, thiên hạ rét là ta rét, cùng các họ tộc đều như nhau) thì có chú giải: “Tổng Phạm Trọng Yêm vân: Sĩ đương ưu tiên thiên hạ nhi ưu. Thư vân: nhất dân cơ viết ngã cơ. Nhất dân hàn viết ngã hà, xứng Nghiêu chi đức giả” (Phạm Trọng Yêm đời Tống nói rằng: đã là kẻ sĩ thì lo trước điều thiên hạ lo. Kinh Thư nói rằng: một người dân đối là ta đối. Một người dân rét là ta rét). Đây không chỉ là chuyện chú giải riêng với bài trưởng *Mừng thọ Hồ Chủ tịch năm 77 tuổi* mà với hầu hết bài văn còn lại trong tập sách này đều có chú giải, chứng tỏ nói gì cũng có sách mách có chứng. Đúng là một trình độ thông thuộc kinh sử hiếm có.

Về thơ chữ Hán

1. Cũng xin lược ghi đôi nét về thi phẩm: *Đăng Hoàng Sơn quan cảm tác* (Lên Hoàng Sơn quan cảm tác), *Thu thiên Quảng Bình vạn thiểu* (Ngắm từ xa trời thu Quảng Bình lúc chiều hôm), *Thuận Hải khẩu cảm tác* (Cửa biển Thuận Hải cảm

tác). Bài này được Cử nhân Ngô Lập Chi khen là *diệu tuyệt* (tuyệt diệu), *Quảng Nam đạo trung* (Trên đường đi Quảng Nam), *Na Sơn hoài cổ* (Nhớ xưa Na Sơn). Bài này có tiểu dẫn về chuyện xưa của Na Sơn ở Thanh Hóa. Hồ Hán Thương lúc đến đây gặp một tiểu phu vừa đi vừa ngâm thơ rồi biến mất, nên sau đó núi bị cấm không cho ai đến nữa. Và sau ngày nhà Hồ thất bại thì Na Sơn thành nơi ở ẩn của các ẩn sĩ gia. Bài này có vị hàn lâm phê là “cao kỳ đại hữu bút lực” (bút lực vừa cao vừa lớn vừa lạ). *Linh Cảm sơn cảm tác* (Núi Linh Cảm cảm tác). Bài thơ này là sự cảm thán về một quang cảnh bốn bề tràn ngập ánh trăng là nơi đã diễn ra cuộc khởi nghĩa của lãnh tụ Phan Đình Phùng anh dũng hào hùng thế mà rồi thất bại thành cảnh thê lương. *Đăng Duệ sơn hoài Lê Quận công* (Lên Duệ sơn nhớ Lê Quận công). Hai câu phá đề: “Cái thế công danh lịch đại phong/Thiên thu lẫm lẫm thử anh hùng”... và hai câu kết: “Giang sơn hữu chủ hà nhân tại/Vô hạn bi hoài nhập mộng trung” (Công danh trùm lên cả cuộc đời đã được muôn đời ca tụng/Đây là bậc anh hùng lẫm liệt của ngàn thu... Giang sơn thì phải có chủ nhưng người đó là ai? Nổi bi hoài vô hạn tràn ngập cả vào giấc mộng). Bài thơ được Tiến sĩ Nguyễn Huy Nhu quê làng Vạn Lộc xưa, nay là phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò nhận xét: “Chỉ 56 chữ mà có dáng vẻ cứng cỏi của thơ bát đại gia đời Đường”. Xin lưu ý thêm bài thơ này là viết ở thời Pháp thuộc. *Kỳ sơn viễn thiếu* (Từ xa ngắm nhìn Kỳ sơn quen gọi là núi Cờ). Tên núi này có thể là sau khi có Thái sư Cương Quốc công Nguyễn Xí hiển hách trong lịch sử. *Hương giang dạ phiếm* (Nổi lòng ban đêm với sông Hương). Bài này được vị Hàn Lâm người họ Phạm khen: “có thể bút của bát đại gia đời Đường”. *Lữ sơn tứ tức cảnh* có tiểu dẫn mở đầu nói nơi này thuộc làng Xuân Áng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An có sông núi vây quanh, cảnh vật thanh u, là thắng cảnh thứ hai của Nghệ An, tương truyền có một tổ Lý Hồng Chương người Trung Hoa đặt tại đây. *Quá Từ Linh hoài Phan Sào Nam tiên sinh* hai bài (Qua chùa Từ Linh nhớ Phan Sào Nam tiên sinh). Bài 1: phá đề: “Học bác tài cao mệnh độc kỳ/Anh hùng như hứa thế gian hy” (học rộng tài cao tới mức kỳ lạ/Anh hùng như thế là ít có ở đời), (Từ Linh là tên ngôi chùa ở quê cụ Phan). Bài thơ đã nhắc lại câu sấm Trạng Trình: “Đụn sơn phân giải, Bồ Đái thất thanh, Nam Đàn sinh Thánh” mà người dân Nam Đàn đầu thế kỷ XX vẫn nói thánh Nam Đàn là cụ Phan. Học giả Đào Duy Anh trong sách *Ông già Bến Ngự*, Nxb Thuận Hóa thì cho biết khi có người Nam Đàn vào Huế thăm cụ Phan và nói như thế thì cụ Phan nói ngay: Thánh Nam Đàn không phải tui. Thánh Nam Đàn là Nguyễn Ái Quốc. *Động phòng hoa chúc dạ* (Đêm động phòng hoa chúc tức là đêm tân hôn của vợ chồng mới cưới). Hàn Lâm người họ Phạm quê Quảng Nam con của Hoàng giáp Phạm Như Xương khen: “văn chương diệu tuyệt” (văn chương tuyệt diệu), *Thu dạ muộn tác* (Đêm thu buồn mà làm), *Hà thành tức sự* (Cảm xúc về Hà thành), phá đề: “Lý trúc cao đô lịch đại phong/Thiên niên văn vật thuyết Thăng Long” và hai câu kết: “Chiến trường bất giải kim hà tại/Chỉ kiến trường giang thủy thượng hồng” (Nhà Lý xây kinh đô cao đẹp đã bao đời sừng sững/Đất ngàn năm văn vật này được gọi là Thăng Long... Chưa biết chiến tranh nay sẽ thế nào/Chỉ biết nước sông chảy dài kia vẫn màu hồng); *Mậu Tuất thu vãng Hà thành cảm tác* (Mùa thu năm Mậu Tuất nhân dịp qua

Hà thành cảm tác); *Đông chí* (Tiết trời ngày đông chí), *Nguyên tiêu cảm tác* (Rằm tháng Giêng cảm tác); *Xuân nhật thứ bút* (Ngày xuân thứ bút), v.v...

2. Cuốn thứ hai không đề tên sách là gì mà cũng là một văn bản chép bằng bút lông và mực tàu trên giấy trắng, 70 tờ khổ nhỏ, có thêm nhiều văn thơ khác vừa Hán vừa Nôm vừa văn xuôi vừa thơ; gồm có: *Nghị Nghi Lộc huyện kỳ siêu độ trận vong liệt sĩ văn* (Bài văn đọc trong lễ cầu siêu các liệt sĩ của huyện Nghi Lộc nhân ngày Phật đản); *Nghị Thượng Xá xã sám tạ văn* (Bài văn sám hối tạ tội của xã Thượng Xá); *Nghị gia nghiêm thọ tán* (Bài văn mừng thọ thân phụ); *Nghị nhạc ông lục thập thọ tán* (Bài văn mừng thọ nhạc phụ sáu mươi tuổi); *Tiến hữu* (Tiến bạn); *Thượng Hiệp biện Thượng thư khải* (Bài khải trình lên Thượng thư Hiệp biện); *Họa hữu nhân nguyên vận* (Họa thơ nguyên vận của bạn); *Hạ Mai Giang Bùi tiên sinh thất thập* (Mừng Mai Giang Bùi tiên sinh thọ 70); *Trung thu vọng nguyệt* (Ngắm trăng Trung thu); *Độc Phật thư ngẫu tác* (Làm sau khi đọc sách Phật); *Hàn thu dạ muộn* (Nỗi buồn trong đêm thu lạnh); *Đề sơn thủy đồ - cổ văn* (Bài cổ văn về bức tranh sơn thủy); *Nguyên tiêu cảm tác* (Bài khác); *Quá Từ Linh hoài Sào Nam tiên sinh* (Bài khác); *Kỷ Sửu niên tiến học sinh xuất dương du học* (Năm Kỷ Sửu tiến học sinh đi học nước ngoài); *Trường đoạn cổ phong xuất ngũ mỹ kỳ duyên* (Ngắn dài cổ phong với duyên lạ ngũ mỹ - năm cái đẹp); *Hữu sở tư - cổ phong* (Có điều suy nghĩ viết theo thể cổ phong); *Họa Thị độc Nguyễn Xuân Phong lưu giản* (Họa thơ của Thị độc Nguyễn Xuân Phong); *Hạ Hợp tác xã Đông y* (Mừng Hợp tác xã Đông y)... Trong tập sách nay có những bài trùng nhan đề với những bài đã có ở tập sách trước nhưng vẫn khác nhau thể này thể khác.

3. Cuốn thứ ba cũng không có tên sách, chép trên giấy trắng khổ lớn hơn cuốn thứ hai một ít, có chỗ toàn chữ Hán, có chỗ vừa chữ Hán vừa chữ Quốc ngữ, ghi đủ thứ linh tinh. Riêng về văn thơ thì có dịch một số cổ thi Trung Hoa như các bài: *Thạch hào lại*, *Đồ kinh Ly Sơn*, *Đề Tứ Hạo miếu Liệp kỵ*, *Thị tử thi* (Đỗ Phủ)... Đặc biệt có *Quảng Ngãi Cộng sản Đảng báo cáo thư - Trần Toại* (Bức thư báo cáo của Đảng Cộng sản Quảng Ngãi của Trần Toại) được chép vừa có nguyên văn chữ Hán vừa có lời dịch. Bức thư mở đầu là: "Việc đã đến rồi người nên nghĩ suốt. Thương nỗi dân ta mòn mỏi, khổ sở này tám đêm cũng khôn cùng. Thảm thay chính sách phiền hà, tội ác mo tróc đầu mà chép hết, lòng tham không chán, nghiệp ác đã đầy, bức dân chất chứa đã bao ngày, không lẽ chỉ mặt trời mà tắt nhủ. Kia như giặc Pháp, thù gì nước ta, vượt mây trùng khơi, lấy chước thực dân mà bóc lột... lấy dân ta làm trâu ngựa, lấy người ta làm tôi tớ...". Đoạn cuối là: "...Nay văn minh các nước xướng chữ bình quyền. Thế giới liệt cường, kết phe cộng sản. Hội đại đồng gặp lúc thi đua. Sao nợ người làm ta nghỉ. Cuộc tranh đấu đang cơn sóng dậy, sợ gì đây kém đó hơn. Cáo với đồng bào liệt quý. Tâm huyết này nên mạnh mẽ nổi lên...". Tiếp sau bức thư lại là rất nhiều văn thơ chữ Hán và thơ Nôm xướng họa, ví như "Họa nguyên vận bài Thúy Kiều của bà Tú Ý" (con gái Nguyễn Công Trứ).

ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ

Nguyên vận:

Giang hồ một gánh đình đình đình.
Ném quách trần duyên một tiếng sinh
Duyên chị em đeo đeo lèo đeo
Nghĩa chàng thiếp giả sạch sành sanh
Khi đi đầu đội muôn phần hiếu
Lúc lại vai mang một xẻo tình
Cái nợ trần hoàn đà giả sạch
Ôm đàn ngồi gảy tình tình tình.

Họa nguyên vận hai bài:

I

Nghĩa năng vàng son dạ sắt đình
Tiếng oan đầu đó nổi lên sinh
Ruột tằm đã rớt tơ Kim Trọng
Thân én còn vương lưới Giám Sinh
Ví biết lầu xanh là cái lụy
Thôi đem chi thắm bận chi tình
Mười lăm năm ấy bao nhiêu nợ
Mượn nước sông Tiền rửa sạch tình.

II

Giang hồ lỡ bước phải linh đình
Ôm nặng lương duyên một túi sinh
Bỏ liễu ngán gì thân vạn dặm
Đá vàng còn nặng ước ba sanh
Thương cha con phải cư mang nợ
Nể chị em thêm vắn vít tình
Đôi chữ sắc tài là lụy cả
Trần ai để mấy mắt người tình.

Có thơ Nôm thuận nghịch đọc là *Vịnh cảnh Tây Hồ*, 2 bài.

Đây là bài I:

Chơi thuyền dạo thẳng dặm thênh thênh
Nước lẫn gò kia sóng bập bênh
Khói trắng bóng chiều chim dạo mát
Biếc trong dòng nước cá dờn quanh
Đầy vơi cuộc rượu yêu vì cảnh

Đằm thắm hơi thơ mến bởi tình
Vui thú thích đây ai ấy bạn
Khơi xa bóng liễu sắc vàng xanh.

Có thơ thể liên hoàn 6 bài *Nhớ bạn tình yêu*. Đây là hai bài đầu:

Bài I

Đã mấy thu tròn vắng tiếng tơ
Nỗi niềm tâm sự nhớ sau xưa
Vì ai vàng ngọc quen gìn giữ
Để bạn bèo mây luống hững hờ
Ly biệt buồn tanh ba chén rượu
Tâm tình vương nặng một vần thơ
Kiếp này thôi thế thì thôi nhĩ
Còn kiếp lai sinh sẽ đợi chờ.

Bài II

Còn kiếp lai sinh sẽ đợi chờ
Nỗi lòng ai để thấu lòng chưa
Trăm năm duyên nợ đôi dòng lệ
Nửa bước quan hà một giấc mơ
Chết mệt cũng vì hơi gấm vóc
Sống thừa chi tưởng nổi mây mưa
Sắc tài dễ mấy khi kỳ ngộ
Mới biết khuôn xanh quá lọc lừa.

4. Cuốn thứ tư có tên sách là *Hồng Khê văn tập, Nghệ An - Nghi Lộc - Giáp Ngọ xuân* dày 99 tờ giấy trắng ghi bằng bút sắt và mực học trò. Trong đó nhiều bài đã có ở các sách trên nhưng vẫn có nhiều bài khác với nhiều thể tài thể loại và đủ ba loại chữ Hán - Nôm - Quốc ngữ. Xin lược ghi một số bài: *Họa nguyên vận bài thơ của cụ Thực* trong Hội Tào đàn của quận Hoàn Kiếm.

Nguyên vận:

Đầu xuân Quý Mão khí ôn hòa
Đông đủ Tào đàn các bạn ta
Hình tượng keo sơn lòng thiết thạc
Văn chương hoa gấm vẽ sơn hà
Ngọc châu phun nhả hương ngào ngạt
Đào mạn vui tươi sắc đậm đà
Góp sức sửa sang giới đất nước
Muôn năm rực rỡ nước non nhà.

ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ

Họa nguyên vận:

Đời mới xuân tươi tết cộng hòa
Tao đàn say thú nước non ta
Văn chương nếp sản dòng Đông Lỗ
Nhân vật thêm vui cảnh Bắc Hà
Hoa nhuộm thơ thần hương sức nước
Trăng soi ánh ngọc bóng la đà
Phấn son tô điểm đời dân chủ
Bốn biển thân yêu nhóm một nhà.

Có tập Kiều *Đưa cụ Vương Hương Trì*:

Rằng từ ngẫu nhị gặp nhau
Mấy lời hạ tứ nén châu gieo vàng.
Khen rằng giá đáng Thịnh Đường
Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu.
Nghĩ mình mặt nước cánh bèo
Theo đòi và cũng ít nhiều bút nghiên.
Nửa năm hơi tiếng vừa quen
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy
Tin nhận vượt lá thư bày
Chọn người tri kỷ một ngày được chẳng.
Tình càng thấm thía lòng càng
Một giây một buộc ai đành cho ra.
Hữu tình ta lại gặp ta
Tương tư nghĩa ấy mới là tương tư.
Họa vẫn xin hãy hôm nay
Lấy lòng gọi chút sang đây tạ lòng.
Anh hùng mới biết anh hùng
Khéo hay gặp gỡ cũng trong chuyển vần.
Vội chàng Vương vẫn đồng thân.

Lại còn có bài *Kim Trọng tư Kiều* (Kim Trọng nhớ Thúy Kiều):

Từ phen gió bén tơ đào
Hồn riêng riêng những ước ao đợi chờ.
Tạ lòng tặng mấy vần thơ
Càng ngâm ngợi đến càng ngơ ngẩn tình
Mạch sầu lai láng năm canh
Biết ai lòng có như mình hay không.

Đêm thu lạnh lẽo vắng phòng
Hồn quê theo với giấc mộng đâu đâu.
Rì rì tiếng đẽ khóc sầu
Nhớ ai như đã ở đầu sông Tương.
Trăng tà chim hót hơi sương
Tiếng gà xao xác mái tường kêu con.
Sương thu thánh thót đầu cành
Vì ai nở để tơ tình riu ro
Tái sinh đành buổi hẹn hò
Kim Sinh cũng phải đền bù làm sao.
Một ngày đăng đặng ba sinh
Ai ơi gỡ mối tơ sầu cho ai.

Có bài thơ Đề Nam Xương nữ tử miếu:

Ké tới quê hương ké bến gành
Buồn sâu như bể biết sao đành.
Tin con chồng đã sôi lời ghét
Thương gái trời còn nhớ tiết trinh
Ngọn bóng đèn khuya rơi giọt lệ
Khúc sông sóng dỗi rối tơ tình
Người về cung khuyết hồn về miếu
Gió lạnh vầy hòa bóng nguyệt thanh.

Có thơ vịnh các nhân vật: My Châu, Nguyễn Tấn Thuật, Tôn Thất Thuyết, Kỳ Ngoại hầu, Đội Cung, Tôn Trung Sơn, Trương Phát Khuê, Tống Tử Văn, Tống Khánh Linh, Tống Mỹ Linh, Uông Tinh Vệ.

Có mục *Đường thi diễn âm dĩ hạ* dịch nhiều bài thơ Đường của Trung Quốc, trong đó có *Táo phát Bạch để thành* của Lý Bạch:

Sớm từ Bạch đến chân mây
Giang Lăng ngàn dặm một ngày tới nơi.
Bên bờ vượt hót chưa thôi
Con thuyền đâu đã vượt ngoài ngàn non.

Với *Phong kiều dạ bạc* của Vương Duy:

Trăng tà chim hót hơi sương
Lửa chài thấp thoáng nằm nung giắc sầu.
Non Hàn gần cảnh Cô Tô
Thuyền đêm nghe tiếng chuông chùa tới nơi.

ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ

Với *Khuê oán* của Vương Xương Linh:

Trẻ trung nào biết chi sầu
Ngày xuân hớn hở lên lầu điểm trang.
Liếc xem sắc liễu bên đường
Phong hầu chi để cho chàng xa nhau.

Với *Bạc thái Hoài* của Đỗ Mục:

Sông Hoài khói phủ trắng soi
Đêm qua trước bến gần nơi rượu nồng.
Nước ta cô chẳng đau lòng
Khúc hoa còn hát náo nùng bên sông.

Với *Thu hoài* của Đỗ Phủ:

Tràng An nghe nói rồi như cờ
Cuộc thế trăm năm những ngẩn ngơ
Nhà cửa công hầu đều chủ mới
Áo xiêm văn võ khác ngày xưa
Quan sơn phía bắc rậm chiêng trống
Xe ngựa bình tây rộn giấy tờ
Lạnh lẽo sông thu rồng cá vắng
Nỗi niềm nước cũ dễ thương chưa.

Chính khí ca của Văn Thiên Tường cũng được dịch. Bốn câu đầu:

Thuở trời đất đúc nên chính khí
Muôn hình hài đều từ đó mà ra.
Dưới thời nước biển non xanh
Trên thời có bóng nhật tinh soi vào.

Và bốn câu cuối là:

Người hiền triết đã rồi muôn kiếp
Phép tắc còn ghi chép ngày xưa
Gió thềm mở đọc lá thư
Đạo xưa đường đã thoáng qua trước mình.

Có văn tể Nôm viết hộ người này người khác.

Thể phú Đường luật vốn là một thể loại khó có người sử dụng thành công. Nhưng tác giả Nguyễn Xuân Lâm cũng tỏ ra là cây bút lão luyện già dặn ở thể loại Nôm này với mấy bài: *Hạ nhạc đường tán* (Mừng thọ nhạc phụ 60 tuổi), *Nghĩ gia nghiêm thọ tán* (Mừng thọ thân phụ). Kể cả hai bài diễn Nôm về *Văn tạ lỗi và sám hối của xã Thượng Xá* và *Văn cầu siêu cho các chiến sĩ ngày Phật đản* đã từng viết bằng chữ Hán. Ở sách này còn có những bài thơ hưởng ứng các sinh hoạt chính trị đương

thời như bài *Kỷ niệm ngày 2/9 Quốc khánh* được viết với tâm thế và cảm hứng của một ông đồ từng là chiến sĩ Xô viết Nghệ Tĩnh, là vị Chủ tịch xã đầu tiên của xã Thịnh Trường sau Cách mạng Tháng Tám 1945:

Mừng gặp hội mừng 2 khánh tiết
 Khắp đồng bào đều nhiệt liệt hoan nghênh
 Cảnh Nhị Nùng gió mát trăng thanh
 Sống chung cuộc hòa bình trên thế giới.
 Nhờ Đảng Bác đưa đường chỉ lối
 Mười chín năm chói lợi bóng cờ hồng.
 Nào quân dân nào đoàn thể nào xương thọt nhà nông
 Đấu tranh đấu để xây chung nền dân chủ
 Ngoảnh lại miền Nam xương tan máu đổ
 Nghĩa anh em ai đó chẳng đau thương
 Bắt tay nhau quét sạch bọn sài lang
 Để Nam Bắc đôi phương đoàn kết lại
 Xã hội một ngày thêm một mới
 Dòng Tiên Rồng thêm một khối vinh quang
 Giang sơn muôn dặm về vang
 Càng vui quốc khánh lại càng thi đua
 Đua sao thống nhất dư đồ.



Hồng Khê cư sĩ - một nhà Hán học cuối mùa Hán học trên đất Nghệ quê ta là thế, là người từng có khoảng 1600 bài văn bài thơ đủ loại đủ kiểu mà bị khói lửa chiến tranh làm thất lạc. May là trong tuổi già còn nhớ và chép lại được phần nào trong 4 tập sách như thế. Hẳn là thiên hạ chẳng ai biết đến nó nữa. Ngay con cháu trong gia đình thì cũng biết đó là di báu của người ông, người cố đại tôn đại kính của mình cần được kính cẩn lưu giữ nhưng trong đó cụ thể là gì thì cũng chịu. Còn tôi là người lưu giữ văn bản trong bao năm nay và cảm thấy đây là một "lâu đài" văn chương bề thế và tráng lệ mà mình chưa thể đi sâu để nhìn cho rõ là thế nào. Ước gì con cháu có điều kiện để thuê nhờ mấy vị Hán Nôm kỳ cựu nào đó, nếu chưa phiên dịch được toàn bộ thì cũng tuyển chọn dịch thuật một số tác phẩm để bước đầu cho ra mắt bạn đọc một *Tuyển tập văn thơ của Hồng Khê cư sĩ* thì hay, thì vui biết mấy cho đời sống văn học của đất nước hôm nay. Viết đến đây tôi định dừng bút. Nhưng cái ấn tượng đã nói về ông anh rể của mình lại trỗi dậy là một kiếp người sinh bất phùng thời. Nếu ông may mắn sinh vào thời hoàng kim của Hán học thì biết đâu lại không là ông nghệ ông thám, mà không phải là loại "Ông nghệ ông thám vô mây khói" trong khi "Đứng lại văn chương một tú tài" là Tú Xương mà nhà thơ Xuân Diệu yêu quý của chúng ta nhìn hiện tượng chưa thấu đã từng hạ bút như thế.

Đi tìm bến đò Cổ Xín

LÊ ĐÌNH CÚC

Tôi sinh ra và lớn lên ở làng Kiều Thượng, xã Nam Thịnh (nay là xã Trung Phúc Cường) huyện Nam Đàn, bên cạnh bến đò Cổ Xín. Từ năm 1966 tôi là dân quân địa phương, tham gia chiến đấu, trực tiếp bắn máy bay Mỹ ở các trận địa phòng không phía nam dọc sông Lam, ngay bến đò Cổ Xín. Chúng tôi được chứng kiến, từ năm 1964 khi không quân Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc, bến đò Cổ Xín (xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên) là nơi thường xuyên bị ném bom bắn phá ác liệt. Nằm trên đường Bắc - Nam, cổ Xín (1910) và vợ là bà Phạm Thị Diện ngày đêm bắt chắp bom đạn quân thù, đã chèo đò qua sông Lam vận chuyển vũ khí, chở hàng nghìn bộ đội và thanh niên xung phong ra tiền tuyến. Đò cổ Xín cũng chở hàng nghìn công nhân quốc phòng và cán bộ, Nhân dân hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh (đặc biệt là Nhân dân các huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn và Đức Thọ) cứu hàng hóa, vũ khí bị địch bắn phá, hủy diệt trên sông Lam, thị trấn Nam Đàn, phà Bến Thủy, phà Linh Cảm, thị trấn Đức Thọ và thành phố Vinh.

Ngày 19/3/1968, trong một chuyến đò chở bộ đội qua sông, vừa cập bến thì đò cổ Xín bị máy bay Mỹ ném bom và bắn cháy. Cổ Xín hy sinh ngay tại chỗ, vợ cổ bị thương nặng, cuối năm đó cũng qua đời. Sự hy sinh anh dũng của vợ chồng cổ Xín trong chiến đấu ai cũng biết và đau xót, kính phục. Sau khi vợ chồng cổ hy sinh, các con của cổ lại được chính quyền giao nhiệm vụ của cha mẹ để lại và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cho đến ngày toàn thắng (1975). Hàng nghìn bộ

đội và thanh niên xung phong được cổ Xin chở đò qua sông Lam dưới mưa bom bão đạn và Nhân dân (những người trên 50 tuổi) ở dọc sông Lam, ở các huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn và Đức Thọ ai cũng biết sự kiện này, nhưng cho đến nay đã hơn nửa thế kỷ gia đình cổ Xin chưa được Nhà nước ghi công và có hình thức khen thưởng xứng đáng với người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đây là nội dung *Thư ngỏ* của tôi gửi Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam, Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Đào Ngọc Dung và ông Nguyễn Xuân Đường, Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An nhân ngày Thương binh, Liệt sỹ 27/7/2017^[1].

Tôi viết *Thư ngỏ* này gửi các vị trên đây bởi sau 2 năm lặn lội tìm kiếm bến đò Cổ Xin và cổ Xin. Tôi cũng đã nhiều lần viết đơn, viết báo, viết sách gửi đi khắp nơi nhưng vẫn biệt vô âm tín. Số là thế này.

Cổ Xin hy sinh tháng 3/1968, đến tháng 8 tôi xa quê. Chiến tranh khốc liệt nên cũng chẳng ai quan tâm đến việc ghi công lao cho cổ hay chưa. Hòa bình tôi nghĩ rằng đương nhiên là Nhà nước đã có chính sách với những người có công lao trong kháng chiến. Làng quê tôi bị bom đạn trong chiến tranh, lại bị bão lụt xói lở toàn bộ chìm hẳn xuống sông Lam phải di dân lên huyện Nghĩa Đàn và Hương Sơn (Hà Tĩnh). Từ đó tôi ít khi trở lại bến đò Cổ Xin và không biết gì về gia đình cổ nữa.

Năm 2009, lần đầu tôi viết về cổ Xin trong bài ký *Quê hương*^[2]. Sau 25 năm phiêu bạt, gia đình tôi lại trở về quê cũ. Sông Lam đã đổi dòng, dòng chính có bến đò Cổ Xin nay chảy sang phía nam, cách bờ ngày xưa đến 2 km. Tôi tìm đến thăm bến đò thì bến đã bồi đắp ra xa, cây cối um tùm, chỉ còn trơ gành đá mang tên gành Cổ Xin. Tìm vào nhà cổ thì mới biết 48 năm chiến tranh qua rồi (2015) nhưng gia đình cổ chẳng nhận được ghi nhận nào của Nhà nước. Tôi tìm hiểu mới hay là các con cổ Xin sống đời sông nước, trên thuyền, nay đây mai đó và không ai được học hành chu đáo nên không nắm được chính sách của Đảng và Nhà nước với người có công với cách mạng. Gia đình cũng đã nhiều lần gửi đơn từ đến nhiều cơ quan nhưng không đâu trả lời. Con trai cổ mang ra khoe với tôi, gia đình chỉ nhận được một tấm Bằng khen không ghi số, không có ngày tháng của Chủ tịch tỉnh Nghệ An tặng.

Anh Tín, con trai cổ nay đã gần tuổi 70 đưa tôi ra thắp hương cho cổ. “Sè sè nắm đất ven đường/Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh” như nắm mồ của Đạm Tiên hoang tàn lạnh lẽo nép cạnh gành đá, có con đò và người chèo đò vang danh một thời từ kháng chiến chống Pháp đến chống Mỹ. Tín đưa cho tôi xem ngót mấy chục lá đơn gửi các cấp đề nghị xét công lao của gia đình và công nhận liệt sỹ cho cha mình nhưng bị trả lại. Có nhiều công văn của xã Hưng Xuân, nơi có bến đò và cổ hy sinh, có đầy đủ chữ ký và con dấu của các cơ quan, đoàn thể đề nghị nhưng không thấu. Tôi thầm trách cấp trên... nhưng rồi lật kỹ từng trang hồ sơ mới thông cảm. Hóa ra cổ Xin nổi danh ấy không phải tên của cổ. Hồ sơ nơi thì ghi là Lưu Xuân Khuồi, nơi thì Lữ Xuân Khuồi, nơi thì cổ Xin Khuồi, có nơi là Lưu Văn Khuồi... Ngày mất càng linh tinh, năm 1972, năm 1968?^[3]

Hóa ra cổ Xin đã hóa thành huyền thoại ngay khi còn sống. Ngay lúc đó, cổ Khuồi, cổ Xin, cổ Xin Khuồi, ông Lưu Văn Khuồi, ông Lữ Xuân Khuồi, Lưu Xin Khuồi... nhắc đến tên nào cũng được, quân dân quanh vùng, bộ đội, thanh niên xung phong đã qua đây ai cũng biết, nhưng cũng chỉ là một người, ấy là cổ Xin.

Tháng 8/2015, tôi quyết định đi tìm và xin xác nhận sự kiện cổ Xin và bến đò Cổ Xin. Tôi nhờ một thầy giáo ở Đại học Vinh chở xe cùng với hai con cổ Xin là Vinh và Tín đi thị trấn Dũng (huyện Thanh Chương). Sau một ngày quần thảo và hỏi thăm chúng tôi tìm đến được nhà đại tá Nguyễn Võ Hóa, một trong 4 chiến sỹ bộ đội cuối cùng được cổ Xin chèo đò đưa qua sông trước lúc cổ bị máy bay Mỹ sát hại. Ông cũng không còn nhớ được chuyến đò ấy đã bị bắn cháy năm 1968 hay 1972. Tuần sau tôi xin gặp cụ bà Đào Thị Anh, Chủ tịch xã Hưng Xuân lúc đó, người ra mệnh lệnh cho cổ Xin chèo chuyến đò định mệnh ấy, nay đã gần trăm tuổi cũng không nhớ chính xác. Tôi đã đến huyện Nghĩa Đàn và Hương Sơn (Hà Tĩnh) tìm gặp những người cao tuổi, trước đây là dân ba làng ở cạnh bến đò, đã chứng kiến cổ Xin hy sinh thì mỗi người cũng nói khác nhau^[4]. Theo trí nhớ của tôi và các con cổ cung cấp thì ngày giỗ cổ Xin là 19-3-1968.

Vậy là tên tuổi, năm hy sinh của người anh hùng liệt sỹ này đang dần mờ ảo, khuất dần với thời gian. Để tạo dư luận rộng rãi trong xã hội, góp phần cùng chính quyền công nhận một di tích lịch sử thời oanh liệt chống Mỹ và công nhận liệt sỹ cho cổ Xin, tôi tập trung viết báo và sách về bến đò Cổ Xin và cổ Xin, coi đây là một nhiệm vụ vinh quang của đời làm báo của mình. Trong 4 năm tôi đã viết 4 bài báo và xuất bản 2 cuốn sách, mỗi cuốn dành một chương viết về cổ Xin và bến đò Cổ Xin. Ngày Thương binh, Liệt sỹ 27/7/2017 tôi gửi thư ngỏ trên cho các vị lãnh đạo cao cấp trên đây^[5].

Song song với việc viết báo và viết sách tôi cùng các con cổ Xin làm đơn gửi các cơ quan chức năng và chính quyền các cấp. Rút kinh nghiệm là phải thống nhất tên Lưu Văn Khuồi (theo chứng minh thư), quê quán xã Hưng Long. Người làm chứng tàn mác khắp nơi nhưng tên tuổi phải cụ thể chính xác, có sổ căn cước và chính quyền nơi cư trú xác nhận chữ ký... Khi đã viết xong đơn, tôi phải về Hà Nội vì bận việc nên dặn em Vinh mang đi nộp. Hai hôm sau, sốt ruột tôi gọi điện thoại về hỏi, Vinh vui mừng trả lời:

- May quá anh ơi, có một người tìm đến nhà, xưng tên là Nguyễn Văn D, người xã Hưng Đông. Ông nói là có người nhà công tác ở UBND tỉnh Nghệ An. Ông đã nhiều lần nộp giúp hồ sơ và giải quyết được chế độ cho nhiều người. Vì kính phục và nể cổ Xin nên nhận giúp đỡ, nộp giúp hồ sơ, không đòi hỏi gì cả. Đi ra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội xa xôi, xe pháo không có, tin ông ấy nên em đã đưa hồ sơ nhờ ông ấy rồi.

Nghe em nói vậy tôi băn khoăn, nghĩ ngay có ai đó lợi dụng hồ sơ của cổ Xin chứ làm sao biết được việc anh em chúng tôi làm đơn cho cổ. Tôi cũng biết Nghệ An và Hà Tĩnh là những địa phương có hồ sơ thương binh giả nhiều, lũ “cò” thương binh, liệt sỹ đông đảo làm thất thoát tiền tỷ của Nhà nước. Tôi bèn gọi điện về

những nơi tôi đã đến xin xác nhận cho cổ Xin dò hỏi xem. Đúng như dự đoán. Cái ông Nguyễn Văn D đã đến đây. Nơi nào vũng vậy. Ông đưa bộ hồ sơ của cổ Xin ra kèm theo một bộ hồ sơ mang tên người khác, xin cơ sở xác nhận cho là thương binh bị bom cùng với ông Lưu Văn Khuồi chở đồ đưa bộ đội qua sông. Cán bộ địa phương còn băn khoăn, ngần ngại thì ông ta đã liến thoắng:

- Cha ông ta đã đúc rút kinh nghiệm ngàn đời: “thuyền tam, bộ nhị”. Đi bộ đường dài bao giờ cũng đi hai người trở lên, đi thuyền phải từ 3 người trở lên, lại chiến tranh ác liệt, chèo đò vượt mưa bom bão đạn sao lại chỉ có hai ông bà cổ Xin mà phải có người này nữa chứ.

Sự việc đã gần nửa thế kỷ trôi qua, lứa cán bộ hiện nay lúc đó chưa ra đời nhưng tiếng tăm bên đò Cổ Xin vẫn còn vang vọng. Thế là nhiều nơi ký, đóng dấu xác nhận cho người có tên trong bộ hồ sơ kia.

Tôi không gặp ông “cò” Nguyễn Văn D mà gọi điện thoại cảnh cáo ông, yêu cầu trả hồ sơ cổ Xin cho chúng tôi cùng với hồ sơ giả mà ông ta đã xin đủ xác nhận, nếu không tôi báo công an. Sợ quá ông ta phải trả và hủy bộ hồ sơ giả trước mặt chúng tôi.

Nhận lại hồ sơ anh em chúng tôi cùng nhau đi nộp. Ở xã không gặp trở ngại gì nhưng khi đến cấp huyện thì mất cả buổi ngồi nghe người phụ nữ ngồi ở phòng tiếp dân thuyết trình về Luật Khen thưởng người có công trong kháng chiến chống Mỹ rồi nghị định và thông tư XYZ... mà chúng tôi ù tai chẳng hiểu gì. Tôi hỏi:

- Tóm lại chị có nhận đơn của chúng tôi không?

- Đúng như quy định của nghị định, thông tư và hướng dẫn thì tôi nhận, nếu không thì bác và chị thông cảm cho. Ặ trả lời lạnh tanh.

- Thì chị kiểm tra giúp, đúng chưa? Nếu chưa đúng xin chị hướng dẫn cụ thể để công dân thực hiện.

- Ông Lưu Văn Khuồi chở đồ đưa bộ đội qua sông có quyết định điều động không? Đưa đây.

- Người quyết định là Chủ tịch xã Hưng Xuân, bà Đào Thị Anh đang sống và xác nhận có chủ tịch xã hiện nay ký tên và đóng dấu. Chị ơi, chị còn ít tuổi không biết gì về chiến tranh ác liệt, bom đạn ai chờ có quyết định bằng giấy tờ mới ra trận.

- Thế có giấy báo tử không thì nộp. Hồ sơ phải có hai giấy này, thông tư X.Y.Z... quy định như thế.

- Quê chúng tôi bên bờ sông Lam quanh năm bão lụt ngập nóc nhà, nếu có giấy tờ gì cũng trôi mất tăm rồi, làm gì còn để bây giờ nộp cho chị. Tôi đáp.

Sau một hồi ngẫm nghĩ, ả đọc kỹ, lần từng chữ rồi nói:

- Thôi cứ để đây.

ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ

- Chị có nhận không? Nếu nhận, cho chúng tôi xin giấy xác nhận cơ quan đã nhận đơn, với nội dung và tài liệu gồm bao nhiêu trang chữ. Tôi yêu cầu...

Hóa ra những lần trước, các con cố Xin nộp đơn không có ai hướng dẫn thủ tục nên hồ sơ viết sai từ tên đương sự và cũng không lấy biên nhận, rồi "hồ sơ thất lạc" đâu đó suốt mấy chục năm.

Đến Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An mới vui. Bác bảo vệ hỏi giấy tờ và nội dung làm việc. Đúng thôi, tôi xuất trình chứng minh thư và đến nộp đơn đề nghị xét công nhận liệt sỹ cho người có công.

- Bác có họ hàng gì với cố Xin?

- Chẳng có họ hàng gì cả, tôi là công dân biết trường hợp cố hy sinh trong kháng chiến nên giúp, con cố đây. Tôi chỉ em Vinh.

- Bỏ của cô này hay là "cò" cũng nên.

- Xin bác nghiêm túc một chút.

- Tại sao anh chị đi xe biển xanh 37 của Sở Công an?

- Tại vì tháng trước tôi đến bằng xe biển trắng, bảo vệ không cho vào. Hôm nay đi vài nơi, sợ lỡ việc nên sau khi công tác ở Sở Công an tôi đi nhờ xe, may ra được việc và tôi đi xe nào không phải nhiệm vụ của bác.

Ông lừ lừ mắt, hất hàm:

- Cho vào.

Nghe tiếng gõ cửa, Giám đốc sở Nguyễn Bằng Toàn ra mở, niềm nở đón hai anh em chúng tôi. Rót nước mời khách rồi lắng nghe tôi trình bày lý do đến sở, anh trầm ngâm nói:

- Đây là việc của chúng cháu. Xin cảm ơn bác đã giúp chúng cháu. Cháu cũng đã nghe nói về bến đò Cổ Xin nhưng chưa bao giờ nhận được đơn từ, công văn gì cả để có cơ sở giải quyết. Bác xem. Anh chỉ tay vào hai bao tải to bọc đựng sát của ra vào:

- Gần trăm bộ hồ sơ giả đây bác ạ. Người thật việc thật thì không có, thương binh, liệt sỹ giả thì tới tập gửi đến. Anh nhìn tôi, tôi không hiểu, hay anh nghĩ tôi cũng là "cò" hồ sơ giả để kiếm ăn? Tôi chuyện trò lấy cớ để trình giấy tờ, như vô tình, tôi trình thẻ Đảng viên 45 năm tuổi Đảng, thẻ Cựu chiến binh, thẻ Nhà báo từ năm 1981 và chỉ ra xe ô tô biển xanh của Công an Nghệ An. Giám đốc Sở hiểu ý tôi, anh gọi thư ký đến phòng hướng dẫn em Vinh sang phòng tiếp nhận hồ sơ. Đúng thủ tục, còn thiếu vài thứ cần bổ sung thì nữ cán bộ tiếp nhận hướng dẫn chu đáo và hẹn ngày nộp tiếp.

Phấn khởi và tràn trề hy vọng. Chúng tôi ra về và chờ đợi. Mãi mấy năm vẫn chẳng thấy gì. Thôi rồi, chắc lại chìm xuống như bao nhiêu lần trước đây. Bỗng một hôm, vào năm 2020 tôi đọc Facebook của nhà nghiên cứu Thái Huy Bích

được biết Đài Phát thanh, Truyền hình Nghệ An đang làm phóng sự về bến đò Cổ Xín. Ông đã nói rất đầy đủ và thuyết phục về công lao và sự hy sinh anh dũng của liệt sỹ Lữ Văn Khuồi. Tôi gọi điện cho bà Lưu Thị Hồng Trâm, cán bộ Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An để cảm ơn. Với giọng áy náy về sự chậm trễ trong việc này và nghẹn ngào xúc động nói về những đóng góp của cổ Xín trong những ngày gian nan chống Mỹ, bà cho biết tỉnh đã có kế hoạch xây dựng Tượng đài Bến đò Cổ Xín. Công văn do Phó Chủ tịch tỉnh Hoàng Nghĩa Hiếu ký, số 1863/QĐ-UBND, ngày 11/6/2020 (Về việc phê duyệt bổ sung danh mục kiểm kê di tích Bến đò Cổ Xín, xã Xuân Lam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An) ghi rõ: “Bến đò là địa danh gắn với các sự kiện lịch sử quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Nhân dân ta, được đặt theo tên Cổ Xín - tên thật là Lưu Văn Khuồi, làm nghề chèo đò. Bến đò là nơi tập kết bộ đội, xe chở quân lương, quân dụng để qua sông vào miền Nam phục vụ chiến trường. Nhận thấy vị trí giao thông quan trọng của bến đò, máy bay Mỹ đã nhiều lần ném bom đánh phá ác liệt. Chỉ cuối năm 1967 đầu năm 1968 đã có 3 trận đánh ác liệt, hàng chục người thiệt mạng. Sau 1 lần chở đoàn bộ đội sang sông làm nhiệm vụ, đò cổ Xín bị bom Mỹ đánh trúng và ông đã hy sinh”.

Tôi vô cùng xúc động với nghĩa cử văn hóa của UBND tỉnh Nghệ An và nhiều người đã quan tâm đến những ngày gian khổ, hy sinh và oanh liệt của thế hệ cha anh trong kháng chiến hào hùng chống Mỹ cứu nước, đã không quên sự hy sinh to lớn của gia đình cổ Xín và bao nhiêu người khác để có đất nước tươi đẹp hôm nay. Ngày rằm tháng Bảy năm nay (2022) tôi lại về quê thắp hương cho cổ Xín, ra bến đò đã thấy hàng cờ đuôi nheo phấp phới bay trong gió, ấy là cờ cấm mốc nền Tượng đài Bến đò Cổ Xín đã được cấm để thi công.

Hạnh phúc và tự hào biết bao nhiêu. Trên con đường du lịch, chạy dọc đê 42, con đê được hoàng tử Lý Nhật Quang (con Vua Lý Thái Tổ) khởi đắp từ thế kỷ XI nay nối Cửa Lò đến đền Vua Mai trên núi Hùng Lĩnh, với kinh đô đầu tiên của nước ta là Vạn An, đi dọc đền thờ Nguyễn Biểu, qua quê Lê Hồng Phong, lên đến quê Lê Hồng Sơn, lăng mộ bà Hoàng Thị Loan là quê cụ Phan Bội Châu và Bác Hồ đã có một tấm biển chỉ vào đây: Bến đò Cổ Xín.

1. Xem <https://vanconghung.com/2017/07/thu-ngo-cua-pgs-ts-le-dinh-cuc...>

2. Hội Đồng hương huyện Nam Đàn... *Trường thành trong kháng chiến và Đổi mới*, Nxb Văn hóa Thông tin. H. 2009.

3. Theo Ninh Viết Giao và Thái Huy Bích, *Địa chí văn hóa Hưng Nguyên*. Nxb.KHXH. H.2009. Tr. 560 thì cổ Xín hy sinh vào ngày 19-3-1972.

4. Theo “*Biên bản xác nhận thành tích tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước*” của xã Hưng Xuân (có chữ ký của 10 vị đại diện, gồm bí thư Đảng ủy, chủ tịch UBND, xã đội trưởng, bí thư Đoàn xã.....) thì ông “*Lưu Xín Khuồi hy sinh năm 1972*”.

5. Xem Lê Đình Cúc, *Đò Cổ Xín một di tích lịch sử*. Tạp chí Thế giới di sản, số tháng 5/ 2016; Lê Đình Cúc, *Bến đò Cổ Xín*, Báo Nghệ An, số 3/4/ 2016; Lê Đình Cúc, *Đò Cổ Xín. Mai này ai nhớ ai quên*, Tạp chí Văn hóa Nghệ An, số 315 ngày 25/4/2016; Hạnh Liên, *Đò Cổ Xín*, báo Người Đại biểu nhân dân, số 139, ngày 11/7/ 2016; Lê Đình Cúc, *Vùng quê Chín Nam - địa văn hóa*, Nxb KHXH, 2018; Lê Đình Cúc, *Mai này ai nhớ ai quên*, Nxb.KHXH, 2020.

Huyền thoại về Bà chúa Nhâm

LÂM THY

■ Bà chúa Nhâm là một trong những nữ thần được thờ khá phổ biến trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Hình tượng về nữ thần được xây dựng từ những người mẹ trong đời thường nên các huyền thoại dù nhuộm đầy màu sắc ly kì nhưng vẫn tạo cảm giác chân thực, gần gũi.

Theo nghiên cứu của Giáo sư, Tiến sĩ Ngô Đức Thịnh, nữ thần là một trong ba dạng thức thờ Mẫu (Nữ thần, Mẫu thần và Mẫu Tam phủ, Tứ phủ) ở Việt Nam^[1], xuất hiện từ rất lâu đời và khá phổ biến trong dân gian. Nữ thần có thể là nhân thần (Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Võ Thị Sáu...), cũng có thể là nhiên thần (Thần Đất, Bạch Y, Thiên Yana...). Nhiều nữ thần xuất phát từ những thực tế lịch sử, cũng không ít trường hợp là kết quả của những thù hận hoang đường, phi thực tế. Suy cho cùng, việc tôn thờ nữ thần chẳng qua là cách nhân thần hóa và tôn sùng lực lượng tự nhiên. Tuy nhiên, vượt lên trên những cái thực và phi thực đó, là một sự khẳng định về vai trò và vị trí hết sức to lớn của người phụ nữ trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Chịu ảnh hưởng của Nho giáo, từ thời nhà Lê, nhất là thời nhà Nguyễn, vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội có bị coi nhẹ, cái gọi là “nam tôn nữ ti” đè nặng lên quan niệm của giai cấp phong kiến, các nhà nho và thể hiện qua luật pháp. Tuy nhiên, ở các làng xã, người nông dân vẫn sống theo các thói quen cổ truyền, kiểu “phép vua thua lệ làng”. Truyền thống mẫu hệ, mẫu quyền vẫn chi phối nhiều quan hệ trong gia đình. Người vợ, người phụ nữ vẫn giữ vai trò

hàng đầu trong tổ chức và quản lý gia đình. Cũng vì thế mà chúng ta không lạ gì khi trong đời sống tinh thần và tâm linh, nhiều phụ nữ đã trở thành các thần - nữ thần, trong đó có nhiều vị được tôn vinh là Mẫu, Thánh Mẫu^[2].

Ở Nghệ An, tín ngưỡng thờ nữ thần cũng xuất hiện khá sớm và khá phổ biến từ vùng đồng bằng đến miền trung du, với sự đa dạng của các nhân vật thờ, vừa có nhiên thần (Tứ vị Thánh Nương, Bạch Y...), vừa có nhân thần (Bà chúa Nhâm, Bà chúa Ngô, Bà chúa Lạng, Bà chúa Chè...). Đặc điểm chung của các nữ thần là mang nhiều yếu tố hoang đường, phi thực tế và đặc biệt là có công lao to lớn trong việc cứu nước, giúp dân.

Bà chúa Nhâm cũng là một nữ thần như thế. Bà được nhân dân tôn vinh là Đức Thánh Mẫu và hóa thân thành nhiều dạng nhân vật khác nhau, tùy vào mỗi địa phương: nếu Chúa Nhâm tại Yên Thành (đền Bà chúa Nhâm, xã Bắc Thành) là hóa thân của Bạch Y Công chúa, con gái Hồ Quý Ly thì ở vùng Diễn Châu, bà lại là phi tần của Chúa Trịnh Doanh. Khi tuổi cao sức yếu, nhan sắc không còn, bà bị sa thải, phải về quê đi nhúi kiếm sống qua ngày. Lúc bà mất, trời nhâm mất, gió hiu hiu thổi như tiễn đưa bà. Nhân dân gọi bà là Bà chúa Nhâm và lập đền thờ. Cũng từ đó, cứ đến ngày giỗ của bà (15/12 âm lịch) là trời lại mát mẻ.

Đáng chú ý, trong số các nữ thần mang tên “Bà chúa Nhâm” thì có một vị nữ thần có nguồn gốc, lai lịch khá đặc biệt. Đặc biệt ở chỗ dân gian đã xây dựng cho bà một lý lịch nhân thể rất rõ ràng nhưng các tình tiết lại nhuộm màu sắc ly kỳ, huyền bí. Đó chính là Bà chúa Nhâm ở xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương.

Chuyện kể rằng: vào thế kỷ XV, trong làng Yên Lại, xã Yên Lãng (nay là xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương) có một người phụ nữ của dòng họ Nguyễn Đức tên là Nguyễn Thị Sương, đã lớn tuổi mà không chịu lấy chồng. Vào một đêm trăng sáng, bà đi gánh nước ở giếng làng, thấy có một ngôi sao sa vào lu nước. Sau khi uống nước đó, bà mang thai và sinh được một bé gái xinh đẹp tuyệt trần, dưới chân hiện lên hai chữ “đại nương”, cô gái đi đến đâu cũng có một đám mây ngũ sắc che trên đầu. Người mẹ và dân làng thấy vậy đã đặt tên cho cô là Ngọc Nhâm. Theo chiết tự chữ Hán: “nhâm” là bào thai, “ngọc nhâm” là bào thai ngọc, bào thai quý.

Khi đến tuổi trăng tròn, Ngọc Nhâm được vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) nạp làm phi tử thứ 18. Trong 6 năm chung sống với nhà vua, bà đã góp phần ổn định hậu cung, để vua yên tâm lo việc chính sự. Bà còn có công trong việc đánh quân Chiêm Thành. Năm thứ 5 làm phi tần của Vua, bà mang thai và sinh được một công chúa với tên gọi là Lê Thị Ngọc Thắng. Một năm sau, hai mẹ con cùng qua đời vào ngày trùng cửu (mùng 9 tháng 9 âm lịch). Nhân dân cho rằng, bà là tiên nữ giáng trần, đã hết hạn nên phải từ biệt trần gian trở về thiên đình.

Thương tiếc người vợ xinh đẹp, nhà vua cho người mang thi thể của bà về quê chôn cất tại xứ Động Lãng (nay là xóm Đông Xuân). Hiện nay, trên nghi môn mộ vẫn còn lưu dòng chữ “Hong Đức cung lăng”. Đồng thời, Vua giao cho dân làng Yên Lại lập đền thờ phụng với tên gọi là đền Bà chúa Nhâm (hay đền Yên Lại).

Tư liệu bằng tiếng Pháp, ký hiệu số TT-TS FQ4⁰18/VIII,51, lưu tại Viện Thông tin Khoa học Xã hội cũng có đoạn chép về bà như sau:

“Thánh Mẫu hay Chúa Nhâm là một vị thần, khi sinh ra là một cô gái vốn rất xấu xí. Thời thơ ấu, bà thường phải đi chăn trâu. Nhưng có một đám mây đã theo bà đến khắp mọi nơi và che cho bà khi mặt trời mọc. Phải chăng vì vậy mà bà không bao giờ thấy nóng bức. Người đời gọi bà là Chúa Nhâm (nàng tiên bóng tối). Sau khi biết được điều lạ này, bỗng một ngày vua Lê Hồng Đức, đã đến để tìm kiếm “vị thần tiên này”. Vua gặp bà ở sông Khuôn, làng Yên Lại, tổng Yên Lãng, phủ Anh Sơn^[3], tỉnh Nghệ An. Vua hỏi: bà có muốn lấy vua không? Chúa Nhâm biết rõ Vua Lê Hồng Đức là một vị vua tốt, bà đã ưng thuận và nhận lời Vua. Sau khi tắm ở sông Khuôn, Chúa Nhâm trở nên rất xinh đẹp. Sau đó, một đám rước hoàng gia đưa bà vào cung điện. Bà sống với Vua Lê Hồng Đức được sáu năm. Bà đã giúp nhà vua trong việc tổ chức hành chính của đất nước và trong cuộc chiến chống lại người Chăm Pa và người Campuchia^[4]. Khi đang mang thai, bà đã rời bỏ thế giới nên được người đời gọi là Thánh Mẫu...”

Tại miếu mộ Bà chúa Nhâm - nơi được cho là đang lưu giữ hài cốt của bà còn lưu giữ nhiều hiện vật cổ rất có giá trị, trong đó có hai cổ vật quý, hiếm, ít thấy trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Một là pho tượng mẹ con Bà chúa Nhâm. Có thể nói, nghệ nhân đã khắc họa thành công hình tượng mẹ con Bà Chúa cả ở phương diện cung đình lẫn phương diện dân gian.

Tượng vừa toát lên sự tôn quý của một bậc cung phi, công chúa, vừa toát lên được sự gần gũi của một người mẹ, một đứa trẻ của dân làng Yên Lại.

Thứ hai là đôi hài hình chim phượng. Hài dài 15cm, rộng 5cm, phần đầu được tạo tác rất tỉ mỉ, công phu, các chi

tiết mở, mắt, mào đều hiện lên rất sinh động, phần cổ khắc họa bông cúc mãn khai. Hai cánh phượng chia ra hai bên, nghệ nhân đã khéo léo khắc họa những đường gân trên cánh, làm cho đôi cánh trở nên chân thực. Ở vị trí lưng phượng, nghệ nhân tiếp tục tạo tác một bông cúc mãn khai, từng cánh được gọt, tỉa cẩn thận, những lớp cánh chồng lên nhau rất sắc nét, đẹp mắt. Theo quan niệm của người Á Đông, phượng hay phượng hoàng là biểu tượng của đức hạnh và vẻ duyên dáng, thanh nhã. Phượng hoàng cũng biểu thị cho sự hòa hợp âm dương, là hình tượng



Tượng mẹ con Bà chúa Nhâm

của thánh nhân, của hạnh phúc. Nếu rồng có yếu tố dương, tượng trưng cho vua chúa thì phượng lại có yếu tố âm tượng trưng cho hoàng hậu và người đàn bà đẹp. Có thể nói, đôi hài hiện hữu như một minh chứng cho mối tình đẹp đẽ, hạnh phúc của Bà chúa Nhâm và đức Vua Lê Thánh Tông.

Như vậy, trên mảnh đất xứ Nghệ, huyền thoại về Bà chúa Nhâm khá phong phú, đa dạng, mỗi địa phương khác nhau lại mang những màu sắc khác nhau, thậm chí cùng một dạng hóa thân nhưng vẫn xuất hiện nhiều dị bản.



Đôi hài của Bà Chúa Nhâm

Điều này, nếu lý giải

theo quan niệm dân gian *“Trống làng nào làng ấy đánh/ Thánh làng nào làng ấy thờ”* cũng là điều dễ hiểu. Đây là nét đặc trưng về văn hóa tâm linh của các làng quê xưa ở vùng đồng bằng Bắc Bộ nói chung và Nghệ An nói riêng.

Nhìn chung, dù Bà chúa Nhâm hóa thân ở dạng nào thì chúng ta vẫn thấy bóng dáng của những người mẹ vĩ đại, táo tợn, giàu đức hy sinh trong hình hài nữ thần. Đó cũng chính là nguyên nhân lý giải cho hiện tượng tín ngưỡng thờ nữ thần ngày càng ăn sâu, bám rễ và phát triển mạnh mẽ trong đời sống văn hóa tâm linh xứ Nghệ.

1. Ngô Đức Thịnh (chủ biên), 2001, Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và châu Á, Nxb. Thế giới.
2. Ngô Đức Thịnh (GS, TS, Trung tâm Nghiên cứu và bảo tồn văn hóa tín ngưỡng Việt Nam), Văn hóa thờ cúng thần - Mẫu ở Việt Nam và châu Á, trang điện tử <https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VN>
3. Tên địa danh chưa chính xác, đến năm 1912 mới có phủ Anh Sơn.
4. Ở đây có sự nhầm lẫn: thời Lê Thánh Tông không xảy ra cuộc chiến chống lại người Campuchia mà là người Miến Điện (Myanma).

PHẠM ANH XUÂN

Nước lá mùi già

Chiều Ba mươi Tết mưa phùn
Bà nhen bếp lửa rồi đun lá mùi

Nước reo tí tách bà vui
Chiều xuân se gió bé ngồi chậu nhôm

Bàn tay bà vuốt nước thơm
Tóc đen của bé quện hương quê nhà

Tết nay ngồi nhớ Tết xa
Mẹ ngồi đun lá mùi già chiều xuân.

Xông nhà

Chiều hôm Ba mươi Tết
Bố nhâm nhi chén trà
Rồi bảo: bé hợp tuổi
Năm nay sẽ xông nhà!

Đêm bé mặc áo hoa
Rồi đứng ngoài đầu ngõ
Mẹ dặn lời chúc mừng
Bé lằm rằm để nhớ.

Pháo hoa đì đùng nổ
Giao thừa đã đến rồi
Bé xông nhà năm mới
Đi chúc Tết mọi người.

Cả nhà rộn rã vui
Tíu tít mừng tuổi bé
Năm tới con xung phong
Lại xông nhà nữa nhé!

TRẦN LAN

Ông gói bánh chưng

Nụ đào trên cây
Bắt đầu nở rộ
Trên đường xuống chợ
Nhộn nhịp người đông.

Em rửa lá dong
Cho ông gói bánh
Trời mưa phùn lạnh
Tóc ông như mây.

Sợi trúc làm dây
Tay ông thoăn thoắt
Bánh vuông buộc chặt
Khúc khích trong nồi.

Trọn đêm Ba mươi
Ông canh bếp lửa
Sáng nay mở cửa
Xuân sang ngập tràn.



Minh họa: MINH CHÂU

Mun và bé Còi

VÕ THU HƯƠNG

Tết đã qua vài tháng, cây mai tứ quý vẫn trở hoa vàng rực. Khác với giống mai thông thường nở báo mùa xuân về, mai tứ quý nở quanh năm. Cây nở bông nhiều nhất lại vào những ngày xuân chuyển sang hè, mưa chưa kịp tới, trời đất nắng nung, khô hạn. Khi ấy, nhiều cây cối xung quanh đã bắt đầu héo úa, lụi tàn. Điều đó chẳng dễ dàng gì nhưng cây mai tứ quý vẫn nở hoa kiêu hãnh, tươi xinh.

Khi những cánh hoa tứ quý rụng xuống, chúng còn cười rất tươi để tạm biệt người anh em của mình - những quả mai đen thẫm, bé xíu còn ngơ ngác trên đài hoa:

CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM

- Tạm biệt nhé, chúng tớ đã xong nghĩa vụ của mình. Hẹn gặp nhau vào mùa sau nhé!

Những quả bé xiu đáp lại bằng tiếng cười rộn rã trong veo. Hằng ngày, chúng ngó nhìn nhau với vẻ tươi tắn. Chúng nói với nhau về câu chuyện bà mẹ vĩ đại đáng ngưỡng mộ của mình đã vất vả trở hoa như thế nào trong cái nắng hè 36, 37 độ này. Dưới kia, mặt đất nóng rẫy và nứt nẻ. Chỉ cần bác chủ nhà quên tưới nước một ngày là đất trong bồn cây cũng nứt thành những đường dài khô khốc, sẵn sàng há miệng như nhai như nuốt nếu chúng rơi xuống.

- Nhưng này các anh chị ơi, mình xuống đất, rồi sẽ lại thành cái mầm, sẽ thành cái cây, mình sẽ trở thành vĩ đại như mẹ phải không?

Cả đám quả ngó về phía phát ra giọng nói. Âm thanh của nó nhỏ nhưng nghe rất chắc, rõ ràng. Tưởng ai, hóa ra bé Còi. Bé Còi là quả mai tứ quý bé nhất nhà. Chẳng hiểu vì lý do gì ngay từ lúc mới sinh ra đã còi cọc nhất nhà, lại còn vẹo vọ rất xấu. Trong khi đó hết thấy các anh chị nó đều mũm mĩm, dễ cưng. Rất ít khi bé Còi nỏ đùa cùng các anh, chị vì có lẽ nó cảm thấy sự thua thiệt, kém cỏi về sức vóc của mình.

Ngay sau khi nhận ra bé Còi, hết thấy đáp trả bằng tiếng cười ha ha cợt nhả. Bé Còi hồn nhiên quá đỗi, đâu phải quả mai, hạt mai nào cũng nảy mầm thành cây được đâu? Có hạt bị chị gà mái khó ưa đi ngang mổ mất, có hạt bị xe cán dẹp lép chả mấy chốc tan theo vào cát bụi. Dù hạt mạnh mẽ nhường nào đi nữa, không may gặp dòng nước mưa cuốn xuống cống thì cũng bị úng mà không thể nảy mầm... Huống chi nó lại là hạt mai còi nhất trong nhà. Bé Còi nằm im khi nghe các anh chị nó lao xao giải thích. Không đáp lại nhưng trong nó vẫn có những tiếng nói thầm thì chỉ riêng với mình thôi: "Nhất định mình sẽ trưởng thành và nở hoa rực rỡ như mẹ mình".

Đến ngày kia, một cơn gió mạnh thổi qua lùa hết trái mai tứ quý khô héo xuống đất. Có vài tiếng kêu lên oán trách, vài tiếng khóc thút thít khi phải rời cành. Bởi ai nấy đều thấy trước mắt mình không còn được mẹ truyền nước, truyền nhựa. Ai nấy đều thấy đón mình là những vết nứt xù xì khô hạn của đất và những tia nắng bỏng rát của trời. Chỉ bé Còi reo lên khe khẽ. Nó thầm thì chào những chiếc lá và hẹn gặp mùa sau.

Những ngày nắng hạn tiếp đó chẳng dễ gì để vượt qua. Bé Còi luôn phải động viên mình cố lên, cố lên. Trong khi đó, nhiều anh chị em nó đã héo rũ rụi và tàn lụi. Rồi cơn mưa đầu mùa cũng tới. Lúc này những trái mai đã khô héo lớp áo vỏ mặc ngoài, chỉ còn là những hạt mai be bé. Nhiều hạt đã lụi tàn từ bao giờ, vài hạt mai trơ trọi nằm lại. Những anh chị của bé Còi đang thở dốc mệt mỏi thì bất ngờ nghe tiếng hát khe:

"Chào chị mưa, tụi em chờ chị lâu quá". Đó là tiếng bé Còi. Lạ chưa kìa, tiếng hát nhỏ nhẹ, trong veo, tựa như âm thanh du dương của một loại nhạc cụ nào đó.

Vài ngày sau, những chiếc mầm bé xíu xiu xuất hiện. Rồi những chồi xanh đâm vươn lên mặt đất, uống từng giọt sương mai, tắm mình trong nắng sớm. Có một mầm non mạnh mẽ nhất, gương mặt nó luôn rạng rỡ nụ cười. Nó nói với các anh chị xung quanh, tên nó là bé Còi.



Khi nghe mẹ kể câu chuyện này, Mun nhìn xuống đôi chân cà nhắc của mình. Đám bạn chiều nay vừa chọc ghẹo nó về đôi chân không giống mọi người. Mun đã nước mắt ngấn dài, bước thấp bước cao đi về nhà. Về đến nơi, nó giẫm vào vũng nước té oạch giữa sân. Mẹ nhìn thấy nhưng không ra đỡ. Mẹ chỉ nói vọng ra: “Đứng lên nào con gái, mẹ nghĩ con sẽ tự đứng dậy được”. Mun đã rất cố để đứng lên và tiếp tục cà nhắc đi vào nhà. Cơn giận lây sang cả mẹ vì mẹ đã không đỡ nó dậy. Mun cảm nhận đầu mình nóng ngút khói.

Cơn giận ngút khói ấy biến mất sau khi mẹ kể chuyện bé Còi. Bây giờ Mun chẳng giận nữa, vì cô bé đang nghĩ rằng, mình sẽ như bé Còi, chứng minh cho mọi người biết mình sẽ trưởng thành. Mun cũng hiểu rằng, mẹ có thương Mun đứt ruột cũng chẳng thể nào theo Mun từng bước chân. Và vì thế, dù có bị té ngã đau, Mun vẫn phải tự mình đứng dậy, đi tiếp.

Còn mẹ Mun, dĩ nhiên mẹ hiểu, điều quan trọng nhất là đặt vào tay con gái bé bỏng của mình một niềm tin không bỏ cuộc, dù mình có khiếm khuyết đi nữa. Chỉ cần không bỏ cuộc thì kiêu gì cũng đến đích, thế thôi.



Chân dung nhà thơ Hoàng Trung Thông do con trai,
họa sỹ Hoàng Phượng Vỹ vẽ

Nhà thơ HOÀNG TRUNG THÔNG Nhập cuộc và chênh vênh

ĐĂNG TIÊU

Cho đến nay, nhà thơ Hoàng Trung Thông đã rời bỏ cõi tạm được 30 năm. Sinh thời ông được biết đến với những câu thơ bình dị mà độc đáo, với tính cách cương trực thẳng thắn, thậm chí “gàn”, với tâm hồn lãng mạn, với cả sở thích uống rượu và nhiều chuyện thật tưởng như đùa khác. Trong ông dường như hội tụ rất nhiều khía cạnh: vừa tài hoa nghệ sĩ vừa uyên bác học giả, vừa bộc trực, vừa kín đáo. Nhà thơ Huy Cận từng viết về

Hoàng Trung Thông: “Thông nghệ sĩ tài hoa, Thông uyên bác, Thông trữ tình, Thông tinh chất xứ Nghệ”.

Nhưng với tư cách nhà thơ, có thể nói Hoàng Trung Thông là một người nhập cuộc. Thơ ông đứng về phía những thân phận nhỏ bé, đau khổ, bất hạnh. Ông quan niệm người nghệ sĩ phải luôn gần gũi với Nhân dân, thơ ca phải có ích, có ý nghĩa với cuộc sống. Từng đảm nhiệm nhiều trọng trách (Tổng Biên tập Báo Văn nghệ, Giám đốc Nhà xuất bản Văn học, Vụ trưởng Vụ Văn nghệ thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương, Viện trưởng Viện Văn học), nhưng lúc nào người ta cũng thấy Hoàng Trung Thông trong bộ cánh giản dị thậm chí tuềnh toàng. Có lần, một vị quan chức gọi ông đến nhắc nhở: “Anh là một đại diện lớn cho văn hóa văn nghệ nhưng tại sao anh ăn mặc lôi thôi lếch thếch và suốt ngày uống rượu ở các quán vỉa hè. Như vậy liệu có làm ảnh hưởng đến uy tín của những người làm văn hóa, văn nghệ không?” Ông Thông thẳng thắn trả lời: “Nếu tôi suốt ngày ăn mặc đẹp, ngồi trên ô tô và đi rao giảng, dạy dỗ thì liệu thơ ca tôi có hiểu những tiếng nói thâm sâu của người dân không?” Ngẫm nghĩ một lúc, vị lãnh đạo kia buông một câu: “Anh Thông có lý!”

Hoàng Trung Thông sống chủ yếu ở Hà Nội nhưng viết nhiều thơ về làng quê ở Nghệ An. Những hoài niệm về làng Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu luôn quay trở về ám ảnh tâm trí ông. Nhiều năm ở Hà Nội, mặc dù đang trong chiến tranh, ông vẫn một mình lặng lẽ đi xe đạp về làng Quỳnh để được sống lại thêm một lần nữa ký ức của mình. Trái lòng về những bài thơ viết về làng quê của mình, ông từng nói với các con: “Thơ bố đã viết về nông nghiệp, các con phải làm một cuộc cách mạng về công nghiệp”. Ông là người muốn làm cách mạng triệt để với thơ. Bản thân ông cũng đã từng “chôn” Thơ Mới (“chôn” là chữ của Trần Dần).

Hoàng Trung Thông là người có học vấn uyên bác. Là con trai của ông Tú tài Hoàng Trung Quát. Hoàng Trung Thông mất bố từ khi lên 8 tuổi, song từ nhỏ ông đã được biết đến như một thần đồng về Hán học. Người ta bàn tán về ông, nói rằng “con hơn cha”, hẳn ông sẽ sớm thành đạt. Lớn lên ông học ở Quốc học Vinh. Sau này ông thông thạo tiếng Anh, Pháp, Trung (và Hán), ngoài ra còn học thêm tiếng Nga. Ông dịch nhiều thơ nước ngoài sang tiếng Việt và thơ ông cũng được nhiều nhà thơ trên thế giới dịch ra tiếng nước họ, trong đó có tập “Quê hương chiến đấu” được dịch ra tiếng Trung. Trong lĩnh vực dịch thuật, ông là người đầu tiên đưa thơ Mai-a-cốp-xki và Puskin về Việt Nam. Ngoài sáng tác, dịch thuật thơ, Hoàng Trung Thông còn viết câu đối, truyện ngắn, bút ký, lý luận phê bình văn học. Nhà thơ Chế Lan Viên gọi ông là “Trạng Thông họ Hoàng”, còn Phan Ngọc gọi ông là học giả. Theo lời kể của họa sĩ Hoàng Phượng Vỹ, con trai Hoàng Trung Thông, từ nhỏ anh đã được sống trong cả một “thư viện”. “Khắp nơi trong nhà là sách. Bố tôi đã biến nhà mình thành thư viện. Ngày đó khó khăn như thế mà bố làm được vậy, tôi thực sự thấy ngôi nhà mình trở nên lấp lánh”, Hoàng Phượng Vỹ kể lại. Bố anh hay nói chuyện nghệ

thuật với bạn bè nghệ sĩ và chính những buổi giao lưu đó đã dẫn dắt anh đến với nghệ thuật, để sau này anh quyết định từ bỏ nhiều cơ hội lớn và trở thành một họa sĩ.

Đứng về phía Nhân dân cần lao, sáng tác những bài thơ nhập cuộc, đảm nhiệm nhiều trọng trách lớn trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, đồng thời có tâm hồn nghệ sĩ bay bổng, trong Hoàng Trung Thông dường như luôn có những giằng co, mâu thuẫn. Ông đứng ở ranh giới chênh vênh giữa một người lãnh đạo văn nghệ và một thi sĩ khao khát tự do, chấp chới cô đơn. Nhưng ông đã làm tròn cả hai vai đó, một cách kì diệu. Chắc hẳn điều đó khó khăn hơn những gì một người ngoài cuộc có thể hiểu, nên nhiều điều trong cuộc đời của Hoàng Trung Thông vẫn còn là ẩn số.

Chẳng thể mà sau những “Bài ca vỡ đất”, Hoàng Trung Thông đã ít nhiều viết về những đổ vỡ trong tâm hồn chính mình. “Mời trăng” là tập thơ cuối cùng nhưng cũng là tập thơ hay và lãng mạn nhất của ông. Nếu như trước đây ông “chôn” Thơ Mới thì lúc này “Mời trăng” trở thành cuộc cách tân cho chính mình khi đổ vỡ. Đó là sự trở về với cái “tôi” đầy đau đớn nhưng cũng lắm hân hoan. Hân hoan vì được là mình.

Hoàng Trung Thông uống rượu nhiều vô kể. Giới văn nghệ vẫn còn kể lại nhiều chuyện vui vui buồn buồn của ông trong những lần uống rượu. Ở nhà thì ông vừa uống vừa ngắm trăng, còn nếu ra ngoài thì ông hay chọn quán rượu ở ga Hàng Cỏ hoặc ở bến xe Lò Đúc. Những dòng người nhộn nhịp xô bồ qua lại càng khiến ông thấy cô độc hơn, nhưng ông muốn cái xanh tươi ồn ào đó của cuộc sống thấm đẫm hồn mình, để những ý tưởng sáng tạo được bùng lên. Hoàng Trung Thông quen mặt ở các quán rượu, đến nỗi ông là một trong những người có đặc quyền được ghi nợ. Cuối năm là thời điểm vợ ông phải đi trả tiền và lần nào bà cũng giật mình: một năm ông uống nợ đến 5000 chén. Và vậy là ngoài thời gian làm việc ở Sở Y tế Hà Nội, bà vợ phải đan len và làm thêm vài việc phụ để trả tiền rượu cho ông.

Cuối đời Hoàng Trung Thông gặp phải những ảo giác. “Mời trăng” bao gồm những bài thơ hàm súc, cô đọng nhưng ở đó chứa đựng cả những huyền ảo của một nội tâm nhiều ẩn ức, giằng xé đớn đau. Ông viết “Mời trăng” vào những ngày tháng cuối đời như một di chúc gửi gắm lại cho riêng mình. Ở đó có những câu thơ chấp chới ảo giác. Chẳng hạn trong “Bài thơ về biển”:

“Ta vốn là nhà thơ
Thấy nước triều dâng ta giẫm chân xuống nước”

Hay trong bài “Biển”:

“Tôi
như cây

nhỏ ra
khỏi
đất
Tôi
như cá
ra
khỏi
biển khơi”

Ẩn sau nhân vật đóng nhiều vai trò xã hội, đảm nhiệm nhiều trọng trách lãnh đạo văn nghệ, ẩn sau những câu thơ nhập cuộc viết về thân phận lam lũ khổ hạnh của Nhân dân lao động, là một Hoàng Trung Thông buồn u ẩn, dễ rạn vỡ. Trong “Mời trăng” có câu: “Trăng biết đâu lòng ta lệ đầm”. Có lẽ đến lúc này, khi tóc đã nhiều sợi bạc, Hoàng Trung Thông mới tìm đến thơ để giải tỏa lòng mình, trong đó có những điều mà cả đời người trôi qua ông đã giấu bật hoặc khiêm nhường để chúng yên ắng sâu thẳm đâu đó, nhường chỗ cho những đại cuộc.

Khi Hoàng Trung Thông mất, một ngôi chùa lớn ở Ấn Độ đã lập bàn thờ ông. 5 năm sau họ gửi về cho vợ ông một lá bồ đề ở ngôi chùa đó, như lời cảm ơn và tưởng nhớ đến người đã dịch thơ Ấn Độ sang tiếng Việt. Những người con của ông luôn giữ lá bồ đề đó như một kỷ vật linh thiêng về cha mình. Một lá bồ đề vừa gân guốc cứng cỏi vừa mỏng manh nhẹ nhõm.



PHAN XUÂN HẬT

Tạ người thế gian

NGUYỄN THANH KIM

Trong các nhà thơ lớp kháng Pháp - chống Mỹ, người mà tôi vẫn giữ được mối quan hệ mật thiết cho đến tận bây giờ là nhà thơ Phan Xuân Hật. Có thể anh là người biên tập kỳ cựu ở Nhà xuất bản Thanh Niên, được mệnh danh là “bà đỡ mất tay”. Có thể do tính cởi mở chan hòa của anh mà xóa đi được khoảng cách giữa các thế hệ. Có thể anh là một “kho” tư liệu văn học một thời mà lứa chúng tôi rất cần biết để thừa hưởng, để lựa chọn con đường văn chương đầy gian nan và không có gì bảo đảm cả. Nào là “Khi gió sớm thu về rờn rợn nước sông” - người vợ mới cưới của nhà thơ Hữu Loan trong bài *Màu tím hoa sim* bị chết đuối - anh đã giảng cho nhà thơ Võ Văn Trực hỏi 1959 khi ở

một trường huyện (Nghệ An) và được xác nhận khi hỏi lại Hữu Loan, đó là cô Ninh. Và “Đêm qua tát nước đầu đình/Bỏ quên chiếc áo trên cành cây sen”, Phan Xuân Hật giải thích: “Có hai loại cây sen - thảo và mộc. Đây là loại cây sen mộc bằng gỗ cứng thì mới vắt được chiếc áo đầm mồ hôi của anh chàng nông dân si tình kia!”. Rồi hai chữ “tài bộ” do nhà văn Nguyễn Hồng dùng trong một văn cảnh nhất định mà biên tập viên nhà xuất bản cứ cãi là không có với nhà văn là từ câu “Nếu biết phù sinh đời có thể/Thông minh tài bộ thế gia chi!” của J.Leiba. Phan Xuân Hật kỹ càng trong chi tiết, anh đã “tìm” và “soi” trong hàng nghìn bài thơ, truyện... những hạt sạn, những lỗi tác giả sơ ý mắc phải, tránh được những khiếm khuyết không đáng có, kể cả những nhà văn đã nổi tiếng, thành danh.

Phan Xuân Hật là người lặn lội trong văn chương. Khi tôi nhắc lại kỷ niệm lúc đọc bài *Hạnh phúc khôn tròn* của anh in ở tập thơ *Tình yêu* (Nhà xuất bản Thanh Niên ấn hành 1963), trong đó có câu tôi rất thích khi còn là một chàng trai mới lớn ở cái thị xã ven sông Cầu yên tĩnh: “Cái hôn hôn dở nửa chừng/Hạnh phúc, em ơi/Khôn tròn đầu đầy thương!” Anh nói: “Hồi đó tôi bị quy kết là hữu khuynh đẩy trong khi đưa in bài thơ này. Có điều an ủi nhà phê bình văn học Lê Đình Kỵ đã động viên tôi nhiều khi dư luận nhiều chiều thời đó áp đảo. Thật ra, tôi quan niệm hạnh phúc chẳng bao giờ viên mãn cả. “Viên mãn đồng nghĩa với cái chết” (kể cả trong lĩnh vực tinh thần). Hơn hai mươi năm sau, bài thơ này mới được trả về đúng với giá trị của nó...”. Có lúc, nhìn lại đời thơ của mình, Phan Xuân Hật tâm sự: “Âm hưởng chủ đạo của thơ tôi hòa nhập vào những vui buồn của tôi, của xã hội, của đất nước trước những năm tháng lịch sử đầy biến động...”. Ông từng dạy trung học ở Liên khu 4 thời kỳ chống Pháp, công tác tại Chi hội Văn nghệ Liên khu 4, nhận giải thưởng thơ (1952) của Ty Văn hóa Nghệ An. Thơ Phan Xuân Hật thường thông qua hiện thực mà gửi gắm những triết lý suy ngẫm về con người, cuộc đời. Thủ thi, tâm tình, dung dị, dễ hiểu mà nâng cao là “tặng” thơ của anh. Phan Xuân Hật kể lại cuộc gặp với nhà văn Nguyễn Tuân và anh tâm niệm:

“Ông vẫn viết đều ấy chứ?
Dạ, thưa vâng, tầm hãy còn tơ
Nghệ sĩ của từ, nghề của chữ
Chớ bao giờ quên, trước hết: Thơ...”.

(Gặp Nguyễn Tuân)

Nguyễn văn Nguyễn Tuân nói bằng tiếng Pháp: “L’artiste de mot, le metier des mots, ne jamais les oubliez, avant tout: La poésie!”.

Cộng hưởng đời thơ Phan Xuân Hật là cộng hưởng với đời thơ khác. Thơ là em, cũng là ngôi chùa để anh chiêm ngưỡng trong tất cả vẻ thánh thiện: “Anh đến hành hương dù có muộn/Vẫn chùa em ngân vọng tiếng chuông riêng” (*Ngôi chùa thiêng liêng*). Anh tìm mình trong sức cỏ, trong sức sống nguyên sơ mà bền vững, trong mỏng manh mà tốt tươi:

“Trọn đời cỏ không tiếc
Sức non tơ, mỡ màu
Sống hết mình, xanh biếc
Dấu thể nào, nơi đâu!”

(Sức cỏ)

Phan Xuân Hật không quay lưng lại cuộc đời, anh nhận ra triết lý chỉ có thể nhận biết trong đời sống và thiên nhiên vô cùng:

“Không nhắm lại, mắt mở ra giông bão
Lắng sâu hơn là bao nỗi đơn côi
Còn niềm vui, vượt ra ngoài khuôn sáo
Đêm, muôn loài trong thẳm lặng sinh sôi...”

(Đêm)

Dấu thể nào đi chẳng nữa Phan Xuân Hật vẫn tin vào đời sống nhân quần, tin vào quy luật muôn thưở:

“Làm một cơn mưa, ban trưa nắng cháy
Cho đất này dịu mát mãi trời xuân
Mái chèo nào đẩy thuyền qua vực xoáy
Buồm nhân dân căng sẵn gió thiên thần”.

(Tháng ngày đang sống)

Vốn tiếng Hán, tiếng Pháp là lợi thế khi anh thâm nhập vào các nền văn hóa phương Đông - phương Tây nhưng nhà thơ Phan Xuân Hật lại thấm dân ca ví giặm xứ Nghệ quê anh, được tiếp nhận và chuyển hóa trong thơ. Khi tiếp xúc, tôi thấy anh nhớ nhiều, biết kỹ và tường tận. Thơ Phan Xuân Hật không chói sáng mà len lách, thấm đẫm - như một thứ “duyên thâm”, không quá thô mộc mà lắng đọng, bền lâu. Anh không nệ câu, nệ chữ mà chú tâm đến cái tứ toàn bài, hướng đến ý tưởng mà anh dày công chiêm nghiệm:

“Soi thẳng vào thơ bóng mình chân thật
Hoa cho đời phải riêng sắc riêng hương
Xin mừng bạn xoay trần đánh vật
Cày nên thơ về lại với đời thường...”

(Thơ tặng bạn)

Sự linh động của chủ thể - khách thể được anh diễn đạt trong quá trình sáng tạo mới thấu suốt làm sao:

“Tâm hồn thơ là dây đàn căng thẳng
Cảnh và người là ngọn gió thổi qua
Gió bật dây đàn ngân lên thành tiếng

Nốt bổng trầm, ấy thi tứ bay ra...”.

(Dây đàn và ngọn gió)

Cũng phải nhận thấy rằng, trước đây thơ Phan Xuân Hạt còn nặng về mô tả đời sống hiện thực bề nổi (như bất cứ nhà thơ nào của giai đoạn này). Nhưng Phan Xuân Hạt đã bỏ qua lối viết hơi hợt mà đắm sâu vào những trải nghiệm như anh tự nhủ mình:

“Nếu không nói điều thật
Tôi sẽ ngồi lặng yên
Bởi nói điều trái ngược
Là tự đánh đắm thuyền.
Nếu không viết điều thật
Tôi sẽ nghỉ làm thơ
Bởi viết điều trái ngược
Bạn đọc sẽ thờ ơ...”

(Nói và viết)

Phải nói nhà thơ Phan Xuân Hạt chân thành trong đời sống và trong thi ca. Lắm lúc tôi ngắm anh và thầm nghĩ: ẩn dưới mái tóc bạc kia là sự hồn nhiên tươi trẻ. Bởi anh phát hiện sự vật luôn mới mẻ bên cạnh cái nhìn lão thực của một người từng trải. Đôi lúc tôi nghĩ vợ vắn, nếu anh không đi theo nghiệp văn chương với bề dày công tác chắc anh sẽ có một vị thế nào đó trong xã hội. Được làm cái mình thích (và hơn cả là đam mê) thì dù có trăm cay nghìn đắng, dù có lận đận gian nan bao nhiêu thì cũng cứ lấy cái vui làm trọng, lòng yêu làm điểm tựa mà sống với đời, sống với thơ, sống với bạn... Với Phan Xuân Hạt lại càng như thế:

“Vinh hoa cái bả phỉnh phờ
Hất lên ném xuống lưng lơ ghề ngồi.
Bây giờ còn cái thân tôi
Được thua... con mắt. Cả đôi nào mờ!
Hình hài làm thiệt mộng mơ
Đa mang nghiệp chương ơi thơ một thời.
Tuổi nay đã ngoại bảy mươi
Thơ còn viết tiếp tạ người thế gian...”

(Tạ người thế gian - Trích thơ dài)

Kỷ niệm với tác giả bài hát “Xa khơi” bất hủ

CHÂU LA VIỆT

LTS: Tác giả - nhà văn Châu La Việt (Lê Khánh Hoài) là con trai đầu của nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ và ca sĩ - NSUT Trương Tân Nhân, nữ danh ca nổi tiếng với bài hát “Xa khơi”. Năm 17 tuổi ông xin nhập ngũ và trở thành lính văn nghệ thời chống Mỹ. Ông viết báo, viết văn và làm thơ với các bút danh: Triệu Phong, Trương Nguyên Việt và Châu La Việt (theo văn chương Thành phố Hồ Chí Minh).

Bài viết dưới đây là một dòng hồi ức nhiều xúc động của ông với nhạc sỹ xứ Nghệ Nguyễn Tài Tuệ.

Sau Hiệp định Paris 1973, Binh trạm 13 chúng tôi từ Cánh đồng Chum, từ Bán Ban... theo đường 7 về nước, đóng quân ở Tương Dương, huyện miền núi Nghệ An. Lính tráng được về phép, thao thức suốt đêm, chờ gà gáy là khoác ba lô ra xe binh trạm về ga Si...

Tôi về Hà Nội được gặp mẹ vui lắm. Một chiều ở nhà còn được gặp cả nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ - người mà tôi vẫn gọi là chú thân thiết từ tuổi ấu thơ. Chú cũng mới đi học ở Triều Tiên về, tới thăm mẹ tôi. Cũng đã 15 năm... Thấy tôi vốn là một thằng bé còm nhom, nghịch ngợm mà nay đã là một người lính, nhiều năm kinh qua chiến trường, chú mừng lắm. Rồi chú kể tôi nghe những ngày qua chú học ở Triều Tiên thế nào, về nước ước muốn đóng góp ra sao. Chú tâm sự có thể tới đây sẽ về Đoàn Ca nhạc Dân tộc Trung ương và đoàn đang muốn chú sáng tác một nhạc kịch làm tiết mục cho đoàn. Hiện chú đang rất cần và đang đi tìm một kịch bản văn học để viết...

Những tâm sự của chú làm tôi bồn chồn thao thức. Khi chú đang cần, đang tìm, tại sao mình lại không cố gắng viết một kịch bản cho chú được nhỉ? Chú là người nhạc sĩ mà mẹ tôi hết sức quý mến, người nhạc sĩ đã giúp mẹ có rất nhiều vinh quang từ bài hát *Xa khơi*. Và bao nhiêu người hằng nâng đỡ, che chở cho chính bản thân tôi trên những chặng đường đời, ngay cả ở những nơi bom đạn, chẳng phải vì tôi là con trai người ca sĩ hát bài *Xa khơi* của chú hay sao?...

Và thế là đêm ấy tôi đã thức trọn để viết - mà không thể nào khác, vì hôm sau tôi đã phải trở về đơn vị. Cứ thấy vắng vắng bên tai bài hát *Lời ca gửi noọng* năm xưa chú gửi về từ một triền núi cao Hà Giang: “Xuân về đời tươi thắm noọng ơi”. Hãy bắt đầu từ đây, một buổi sáng mùa xuân tươi đẹp, có một chàng trai Mèo là Tráng A Lừ được giấy gọi lên đường nhập ngũ đi bảo vệ Tổ quốc. Với một niềm xúc động chứa chan, chàng qua nương qua rẫy, vượt núi vượt đèo đi tìm cô gái chàng yêu Thào Thị My “Ta đi tìm một nàng mắt như chim chớ chúa/ Chim chớ chúa mắt sáng như chim nhạn/Ta đi tìm một nàng mắt như chim chớ chi/ Chim chớ chi bay lượn giữa tầng không”. Tôi đặt tên cho kịch bản là *Mùa xuân tìm gặp người yêu*...

Cho đến rạng sáng thì kịch bản hoàn thành. Tôi chạy vội đến nhà chú Nguyễn Tài Tuệ. Thấy mới sáng tinh mơ đã có người đến gõ cửa, chú cũng có chút ngỡ ngàng. Tôi nói với chú: Đây là một kịch bản cháu mới viết xong đêm qua. Cháu gửi chú nhé. Dùng hay không dùng cũng không sao chú ạ. Cháu viết chỉ để tặng chú, cháu viết chỉ vì tình cảm với chú mà thôi. Còn bây giờ cháu phải ra ga, cháu phải trở về đơn vị gấp để lại vào miền Nam chiến đấu...

Hơn nửa năm sau, tôi lại có đợt ra Hà Nội công tác. Khi kết thúc, tôi đưa thằng Chính, thằng Lập ra ga Hàng Cỏ để tiễn chúng nó về đơn vị trước. Vì tàu muộn đến 11h đêm mới có, uống nước trà mãi cũng xót ruột, tôi rủ ra Nhà hát Nhân dân gần đấy xem biểu diễn. May sao đêm ấy sáng đèn, có Đoàn Ca múa nhạc Dân tộc Trung ương biểu diễn, liền vét túi mua ngay ba vé vào xem. Khi cánh màn nhung mở ra, ánh sáng lung linh, tiếng đàn tiếng sáo réo rắt, những nghệ sỹ tên tuổi như Kiều Hưng, Thu Hiền, Mạnh Hà, Bích Liên, Đình Thìn, Xuân Hoạch... tưởng chỉ được gặp trong mơ bỗng đứng ngay trước mặt, thằng Chính, thằng Lập hoa cả mắt, sung sướng miên man... Bất ngờ hơn là ở khúc giữa, sau màn giải lao, cô MC bước ra trân trọng giới thiệu phần hai chương trình là nhạc cảnh *Mùa xuân lên nương mùa xuân lên đường*, sáng tác âm nhạc của Nguyễn Tài Tuệ; kịch bản của Lê Khánh Hoài và Nguyễn Tài Tuệ, với các diễn viên (hồi đó nghệ sỹ chỉ khiêm tốn gọi là diễn viên) Mạnh Hà trong vai Tráng A Lừ, Thu Hiền trong vai Thào Thị My, cùng toàn thể diễn viên của đoàn biểu diễn... Tôi như lặng đi. Có nghe nhầm, nói nhầm không đây? Thằng Chính và thằng Lập cũng cả người, bàng hoàng nhìn tôi... Chúng nó không thể tin nổi. Chúng nó cũng nghi ngờ hay ai đó trùng tên, chứ làm sao một thắng lính ở một binh trạm xa xôi như tôi lại có tác phẩm được cơ quan văn nghệ Trung ương biểu diễn thế này, lại do toàn những nghệ sỹ lừng danh biểu diễn thế này... Thằng Chính thì trừng trừng nhìn tôi như thằng bị ngộ, còn thằng Lập thì đầy nghi ngờ: - Này, hỏi thật

nhé, có phải đúng là của mày thật không? - Của tao chứ còn của ai nữa. Tôi quá quyết với chúng nó, vì chính những câu hát này, chính câu chuyện đang diễn ra trên sân khấu kia mình đã viết trong một đêm trước ngày ra trận "Ta đi tìm một nàng đẹp như chim chớ chúa/ Chim chớ chúa mắt sáng như chim nhạn/ Ta đi tìm một nàng mắt như chim chớ chỉ/ Chim chớ chỉ bay lượn giữa tầng không...". - Thế nhưng sao mày không ký là Châu La Việt mà lại ký là Lê Khánh Hoài? - Ủ, tao chỉ định viết để tặng chú Nguyễn Tài Tuệ mà thôi, nên cũng chẳng ký tên làm gì. Viết xong tao chạy đến nhà trao vội cho chú rồi ra ga về ngay đơn vị. Chắc khi dần dưng, chú ký tên tao là Lê Khánh Hoài vì chú chỉ biết mỗi tên ấy mẹ tao thường gọi từ hồi nhỏ mà thôi...

Thằng Lập càng xem càng sượng, nó nói như reo lên: - Bây giờ tao chỉ muốn hét to lên cho cả binh trạm nghe thấy, là binh trạm mình có thằng Hoài có nhạc kịch diễn ngay giữa thủ đô đây này...

Sáng hôm sau, tôi khoác ba lô về chào mẹ tôi để lại vào mặt trận. Mẹ bỗng đưa tôi một chiếc phong bì: - Tuần trước chú Tài Tuệ có đến nhờ gửi cho con đây. Tôi ngạc nhiên hỏi: - Cái gì thế hả mẹ? Mẹ bảo: - Chú Tuệ nói đây là tiền nhuận bút của Đoàn Ca múa nhạc Dân tộc gửi cho con, là tác giả kịch bản nhạc cảnh *Mùa xuân lên nương*. Tôi xúc động: - Đêm qua con cũng vừa đi xem mẹ ạ. Con có mời mấy đồng đội của con đi xem, chúng nó thích lắm và chẳng đứa nào tin là kịch bản của con viết cả! Mẹ cho con gửi lời cảm ơn chú Tuệ mẹ nhé. Thật sự kịch bản này con viết chỉ vì lòng biết ơn chú đã có một *Xa khơi* cho mẹ hát mà thôi...

Mở phong bì ra, thấy có đến 50 đồng tiền thù lao. Ngày ấy số tiền này là rất lớn, nhất là đối với một người lính như tôi, phụ cấp chỉ 5 đồng một tháng. Tôi lấy ra một đồng rồi đưa lại tất cả cho mẹ: - Mẹ ơi, con chỉ xin lại 1 đồng để mua vé tàu về đơn vị thôi, đêm qua con mua vé cho chúng nó xem biểu diễn hết cả tiền rồi. Còn số tiền còn lại này con biếu mẹ để mẹ may một chiếc áo dài mới mặc biếu diễn mẹ nhé. Nếu chưa hết, mẹ mua hai chiếc áo ấm cho em Châu và Như, nói anh Hoài gửi tặng. Mùa đông cũng sắp đến rồi mẹ ạ...

Mẹ chưa kịp nói gì, tôi đã vội đẩy cửa ra đi, dù thật lòng là tôi cũng có thể ngồi thêm với mẹ chút nữa. Nhưng tôi sợ mẹ sẽ đổi ý, không chịu nhận món quà nhỏ của mình. Xuống cầu thang, ra tới mái ngoài sân khu tập thể Nam Đồng, ngược nhìn lên vẫn thấy mẹ tôi đứng bên cửa sổ, thẫn thờ nhìn theo...

Rất nhiều năm tháng sau, vì tôi ở TP Hồ Chí Minh và ít có dịp ra Hà nội, nên gần đây tôi mới được gặp lại chú Nguyễn Tài Tuệ trong một Ngày thơ Việt Nam ở Văn Miếu. Chú nhìn tôi vẫn rất ấm áp như xưa: "Hoài bây giờ khác quá". Tôi xúc động nói với chú: "Nhưng có một điều không bao giờ đổi khác trong cháu, là tình yêu và lòng biết ơn mãi mãi với chú, với bài hát *Xa khơi* bắt hủ...".

HỮU BẰNG SƠN

Đeo chuông cổ mèo

(Phỏng theo La Phong-ten)

Làm sao để chống lại mèo
Bảo tồn giống nòi chuột?

Ấy là nội dung cuộc họp
Vào một sáng đẹp trời đầu xuân!

Chuột nhất đứng bằng hai chân
Giọng quả quyết: úi dào, dễ ợt
Mèo là thứ nhọn nanh, sắc vuốt
Ẩn hiện như ma, võ nghệ cao cường
Cứ đeo vào cổ hần cái chuông!

Họ hàng chuột dậy reo vui mừng
- Phải đeo chuông vào cổ hần!
- Cứ đeo chuông vào cổ hần!
- Đeo ngay chuông vào cổ hần!

Chuột cống đập đuôi...
- Yên lặng, yên lặng
Đeo chuông cổ mèo là phát kiến hay
Nhưng cũng xin hỏi thẳng điều này
Ai, trong chúng ta sẽ làm việc ấy?

...

Chẳng thấy mống chuột nào động dậy
Thấy đều im như thóc trong bồ.

...

Bạn thân mến ơi, đến tận bây giờ
Chưa thấy mèo nào đeo chuông ở cổ.

Hồ Xuân Hương trong mắt Nguyễn Huy Thiệp

LÊ THANH NGÀ

Các nhân vật đã trở thành những biểu tượng lịch sử, văn hóa của một dân tộc đương nhiên sẽ có một đời sống luôn tươi mới, phong phú, bởi họ sẽ không ngừng được làm mới qua lời kể của hậu thế - một dạng lời kể bất tận với những thêm bớt để nói rộng hay kéo gần khoảng cách giữa các nhân vật ấy với thời hiện tại của sự kể; làm biến đổi chiều kích của các nhân vật ấy tùy theo sự ngưỡng mộ hay ngờ vực nơi người kể. Trong tự sự Việt Nam, những Đinh Bộ Lĩnh, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung, Gia Long... đều đã được “nằm trải” nhiều đời sống khác nhau trên tinh thần này. Hồ Xuân Hương cũng thế, người đàn bà, nữ thi sĩ kì dị đã làm tổn không biết bao nhiêu giấy mực của giới nghiên cứu: rằng có hay không đã tồn tại bằng xương bằng thịt một người đàn bà u buồn và kiêu hãnh ấy? Trong những sáng tác kết hợp tinh thần hoài niệm phồn thực và trào tiếu - cả hai đều có nguồn gốc dân gian, như một sự kết hợp vô thức tập thể và ý chí cá nhân - đâu là, hoặc không là sáng tác đích thực của bà?

Không đông đảo như đội ngũ các nhà nghiên cứu với kỳ vọng bằng các lập luận khoa học tái hiện một cách chân thực (điều có lẽ không bao giờ có được) về một Hồ Xuân Hương từng ngạo nghễ mím một nụ cười vào mười thế kỉ văn chương Việt, có phần ít ỏi và do vậy, cũng lặng lẽ hơn, các nhà văn, với sự ngưỡng mộ, hoặc thương xót, có khi cả hai, và với mong muốn tìm kiếm niềm đồng cảm, cũng đã có những nỗ lực xác định, hoặc đặt giả thiết về một chân dung Hồ Xuân

Hương bằng các cơ chế của tư duy hình tượng. Người ta đã từng nhìn thấy một Hồ Xuân Hương với tình duyên đầy ngọt ngào và không ít éo le trong *Tình sử Hồ Xuân Hương* của Bùi Bội Tinh, một Hồ Xuân Hương tài sắc, nghị lực và kiêu bạc ở *Trong rừng Nho* của Ngô Tất Tố...

Khác với tuyệt đại đa số các tác phẩm văn xuôi từ trước đến nay đều cố gắng xây dựng hình tượng nữ sĩ họ Hồ một cách toàn bích trong lý tưởng thẩm mỹ của người viết, Nguyễn Huy Thiệp trong *Chút thoáng Xuân Hương* chỉ đưa ra những cảm nhận về nữ sĩ trong những khoảnh khắc bất chợt, trong sự soi chiếu cuộc đời và căn tính văn hóa, văn chương của bà với các kiểu hiện thực mà theo hình dung của nhà văn, là bà đã từng nếm trải. Vậy nên Hồ Xuân Hương gần như không hiện lên trong tác phẩm - nói chính xác là nhân vật xuất hiện thoáng, bất chợt trong cái nhìn hồi cố hay trực diện của các nhân vật khác. Chút thoáng Xuân Hương độc đáo. Do vậy mà dẫu không nhiều, nhưng bài viết nào về nó cũng để lại những ấn tượng nhất định.⁽¹⁾

Truyện có ba truyện nhỏ - cách kết cấu mà Nguyễn Huy Thiệp có thể coi là người tiên phong và bền bỉ nhất với nó trong văn học Việt Nam sau 1975, với nhan đề rõ ràng, rành mạch như từng lát cắt để “dựng” chân dung Hồ Xuân Hương bằng cảm hứng có lẽ mang một ít dáng dấp nghệ thuật Gothic với một ít phong cách Roman, một chút hậu hiện đại, một chút tượng trưng phương Đông. Ở mỗi truyện, Hồ Xuân Hương - đúng hơn là hình bóng Hồ Xuân Hương - hiện ra trong cái nhìn của một người đàn ông, trong đó, có hai người, theo truyền thuyết, đã đi qua cuộc đời lãng mạn và đau khổ của bà.

Truyện thứ nhất chủ yếu kể về Tống Cốc, người đàn ông được coi là gắn với những câu thơ mà cái nghĩa trào lộng xuất hiện có phần lẫn lút so với cảm giác đau xót thường thấy trong các bài thơ khóc chồng. Hình tượng Tống Cốc hiện lên có lẽ vừa giống vừa không giống với hình dung của những người từng biết đến bài *Khóc Tống Cốc*. Người đàn ông này tuy có cái vẻ xấu xí thô kệch được gợi ý từ tên gọi và thậm chí, cả cái chức chánh tổng mà ông ta đảm nhiệm (trong cảm niệm văn hóa thông thường), nhưng lại “có cái lỗ cái hiệp của ông”. *Truyện thứ hai* chủ yếu kể về đám ma ông Phủ Vĩnh Tường cùng với cuộc đối thoại giữa ông với Tri huyện Thặng, thêm vào đó là ả Hui - em họ của người quá cố; với những xung đột và thỏa hiệp về đường lối cai trị, về lý tưởng sống của ba nhân vật. Sự xuất hiện của Xuân Hương chỉ như cơn gió lướt qua. *Truyện thứ ba* kể về cuộc gặp gỡ giữa một nhà thơ - diễn viên trẻ với một thiếu phụ tên Hương, để từ đó anh chàng đi đến quyết định có hay không sắm vai Chiêu Hổ trong một vở diễn nói về nữ sĩ họ Hồ.

Nghĩa là người viết truyện đã tạo một sự gián cách trong quan hệ Xuân Hương với một kiểu hiện thực mà, hễ rơi hẳn vào đó, nữ sĩ sẽ trở nên lạc lõng. Và phần nào đó, với sự gián cách ấy, người đọc cũng có thể thấy được cái nhìn “kính nhi viễn chi” của nhà văn với nguyên mẫu (tất nhiên, vẫn là theo hình dung của chính nhà văn). Phải chăng đây cũng là một cái mỉm cười vào những nỗ lực tìm kiếm bản lai diện mục của nhà thơ đàn bà kì lạ và bí hiểm này?

Sự xuất hiện của Hồ Xuân Hương trong cả ba truyện, đúng như tên tác phẩm đã thông báo, chỉ là “chút thoáng”. Tuy nhiên, cái “chút thoáng” ấy lại đủ sức nặng để tạo ra những ám ảnh lạ về những đắng cay, bất hạnh, sự thanh cao và dung tục trong cõi người, và trong cả người đàn bà tài danh đã được thần thánh hóa ở một mức độ nhất định, dưới ngòi bút và miệng lưỡi của hậu thế. Có lẽ không một ai đã, đang và sẽ thấu hiểu Hồ Xuân Hương, kể cả tác giả của *Chút thoáng Xuân Hương*. Phải chăng Nguyễn Huy Thiệp đã đúng, với phong cách gây hấn quen thuộc?

Hồ Xuân Hương trong mắt Nguyễn Huy Thiệp, trước hết là một số phận, một *thân phận đàn bà*. Việc bà lấy Tổng Cóc hay ông Phủ Vĩnh Tường, chẳng có gì đặc biệt, cũng chẳng lấy gì làm thiệt thòi. Nguyễn Huy Thiệp nghĩ vậy. Nguyễn Huy Thiệp nghĩ (có lẽ) khác với nhiều người. Trước khi là nữ sĩ, hay Xuân Hương là đàn bà. Vậy thì, trước khi ca tụng Xuân Hương với tư cách nữ sĩ, hãy quan sát đối tượng với tư cách là một người đàn bà. Người đàn bà đời thường ấy đã tự nguyện thực hiện những công việc mà văn hóa thời đại cưỡng buộc. Những công việc ấy là những thử thách, đồng thời là cơ hội để Xuân Hương thể hiện năng lượng sống và phẩm giá của mình: biết thừa cho chồng thứ rượu ngon yêu thích, biết hâm nước vối theo sở thích của chồng, biết lo lắng việc tề gia nội trợ đúng tiêu chuẩn của một người có công có hạnh. Hãy xem:

“Tổng Cóc đứng dậy ra trước bàn thờ. Ông hài lòng thấy bàn thờ sạch sẽ. Nải chuối trứng cuốc bày trên đĩa sơn, một đĩa hoa trà bên cạnh tinh khiết. Hôm nay mồng Ba tháng Ba. Chắc là Xuân Hương đã dọn bàn thờ từ sáng sớm”.⁽²⁾

Xuân Hương xuất hiện trong ý nghĩ của TYổng Cóc, Tổng Cóc xuất hiện trên nền cảnh dường như hoàn toàn đối lập với phẩm giá của Xuân Hương - dĩ nhiên là thứ phẩm giá được hậu thế tưởng tượng và áp đặt. Tổng Cóc ngổn ngang với những câu chuyện mà người đời thường sẽ cho là dung tục, tầm thường: chuyện sửa lại cái cổng, chuyện ném số tiền vụn vặt để lý Cờ xử lý việc đi Huệ mang hoang thai, và nhất là chuyện ông đổ tiền để ngủ với bà quận chúa cao sang... Chuyện là quận chúa thiếu tiền cho cuộc đỏ đen, Tổng Cóc biết điều đó, và mọi chuyện đều được như ông muốn:

“- Tàu lạy quận chúa, nụ cười của quận chúa đáng trăm quan tiền. Tôi xin trả gấp hai lần số đó!

Đêm đó, Tổng Cóc lần đầu được ngủ với một bà lớn quyền thế nghiêng trời. Cành vàng lá ngọc cũng chẳng khác gì con đỏ. Hôm sau hai người gặp nhau, quận chúa nửa đùa nửa thật:

- Ta ngủ với ông mà cứ kinh hoàng tưởng như ông hiếp dâm ta!

Tổng Cóc đáp lại quận chúa:

- Tàu lạy quận chúa, việc mua bán đã xong rồi.” (sdd, tr.410)

Tổng Cóc, bằng những câu chuyện được kể lại ở đây, là một người khá thực tế, có phần lọc lõi. Không lọc lõi không được. Vị thế xã hội, công việc hằng ngày buộc ông phải thế. Cứ xem việc ông xử lý vụ đi Huệ thì biết. Ngoài ra, Tổng Cóc còn sâu sắc và có phần tinh tế nữa, nếu nhìn vào cách ông thưởng rượu, nhìn vào cách ông hài lòng về việc bài trí bàn thờ, cách ông phát hiện cái nốt ruồi đỏ như một thứ tướng lạ trên vành tai lý Cờ, cách ông dành tình thương, sự thông cảm cho đi Huệ và về cách ông thấu hiểu người vợ của mình:

“Ông chịu Xuân Hương ở chỗ là bà luôn thất bại trong cuộc đời mà vẫn thắng bằng, mà vẫn không có cảm giác thua cuộc. Ông ngờ ngợ rằng bà to lớn hơn ông, mạnh mẽ hơn ông, sống có dũng hơn. Trong cõi nhân gian, tất cả mọi sự nghiêm chỉnh cũng là khôi hài, nên có cơ hội cần phải cười ngay, thế nhưng không hiểu sao ông không cười được” (Sdd, tr.411).

Chùng như trước nay đã từng có ý kiến xót thương cho thân phận làm lẽ của Hồ Xuân Hương, nhất là làm lẽ cho Tổng Cóc. Nhưng, ở đây ta thấy, cái mà người đời cho là bi kịch, dường như ngược lại, là một hạnh phúc âm thầm của Xuân Hương. Nó lớn hơn tất cả những ca tụng mà người đời dành cho bà.

Xuân Hương xuất hiện trong truyện, chỉ ở những thoáng hình dung của Tổng Cóc. Và phảng phất đâu đó trong vài chi tiết đời thường, ít nhiều trong số đó có gợi nhắc những vần thơ của bà: bàn thờ sạch sẽ, ngăn nắp, đẹp một vẻ thanh khiết; be rượu sành thuổng từ bên ngoài, ấm nước vôi, khả năng cười cợt, mâm bánh trôi vừa làm còn bốc nóng. Bà với Tổng Cóc, gặp mà không gặp. Truyện khép lại một cách đầy nuối tiếc khi Tổng Cóc “ngơ ngác nhìn quanh ngôi từ đường tĩnh lặng để tìm bóng Xuân Hương” (sdd, tr.413).

Truyện thứ hai đặt Xuân Hương trong thế đối lập với phân cảnh: thứ nhất, đám ma của ông Phú Vĩnh Tường; thứ 2, triết lí sống của hai hạng người khác nhau trong xã hội. Một đám ma vừa chín chu vừa láo nháo, thản nhiên, rất đời, dù là đám ma một vị quan phủ thanh liêm, được trang bị kiến thức và lí tưởng sống nghiêm cẩn, hướng thượng của một bậc chân nho, chân phụ mẫu. Sự xuất hiện của Xuân Hương ở đây thông qua những suy tư của ảm Huy. Và theo hình dung của chàng trai này, Xuân Hương không thuộc về những nơi ấy, kể cả đám ma và mở lí tưởng, triết lí sống đối lập đang cái cọ trong một thời đại mà các giá trị đã trở nên lẫn lộn.

Tất nhiên lần này Xuân Hương vẫn chỉ xuất hiện trong hình dung của kẻ khác - ảm Huy - nhưng Xuân Hương đã tham dự vào cái đời sống ô trọc thanh cao lẫn lộn trong một cuộc tranh đấu mà thế yếu thuộc về phía thanh cao. Đây là cuộc sống. Sự can dự của Xuân Hương vào đời sống vẫn chỉ là “chút thoáng”, nhưng mạnh mẽ, quyết đoán và có độ sát thương cao:

“Ánh trắng vàng vạc lộng lẫy lạ lùng. Lão (Tri huyện Thặng - chú của người viết) bỗng quay lại chỉ ra ngoài trời và gọi ảm Huy:

- Chú hãy lại đây... Tất cả những trò bàn luận của chúng ta đều vô nghĩa hết. Thiên nhiên không hề dối trá!

Ấm Huy đi lại cúi đầu chào chị dâu mình.

- Chị vốn công bằng - Thặng bảo Xuân Hương - chú ấm Huy đây lúc này còn muốn gây sự với đệ. Chị bảo đệ đúng hay đệ sai?

- Đừng hỏi chị ấy, - ấm Huy xen ngang câu hỏi, chàng rất trọng chị dâu và không muốn Thặng đẩy bà vào cuộc. - Ông đúng một cách khốn kiếp, thể thôi. Tôi cũng công bằng lắm đấy.

- Thế ông anh họ của chú sai à?

Ấm Huy đỏ mặt, máu chàng rần rật trong người. Chàng nuốt nước bọt.

- Chú tỉnh tể lắm. - Thặng cười ha hả - Tôi xin báo trước cho chú: tất cả mọi sự thanh cao hoang tưởng vẫn chết trong cội dung tục như thường!

- Điều ấy vẫn thế - Xuân Hương tham gia câu chuyện. - Tôi không ngờ ông tri huyện tiên tri cho cả cuộc thế thời nay điều ấy." (sđd, tr.419)

Có thể thấy ở đây sự lây lan cảm xúc, trí tuệ của Xuân Hương - một người đàn bà tinh tế, sâu thẳm. Không thấy cái tiểu ngạo của nữ sĩ như một phép cười dễ dãi. Nụ cười lớn lao và sâu sắc của Xuân Hương thể hiện chỉ trong một tán thưởng ngắn gọn đối với ý nghĩ của Tri huyện Thặng. Câu nói khiến những ý tưởng, những lý tưởng cao siêu hay tầm thường dung tục của ông Phủ Vĩnh Tường, của ấm Huy và của Tri huyện Thặng bỗng trở nên vô nghĩa, vô tâm tích. Không phải ngẫu nhiên mà những con người đại diện cho các phần đối lập của thế giới ấy đều nghĩ đến Xuân Hương với một nề phục và tin cậy. Điều quan trọng ở đây là Nguyễn Huy Thiệp đã nhìn thấy một Xuân Hương rất thấu lẽ đời, thực tế và không hề cả tin - căn bệnh mà rất nhiều đàn bà hay nghệ sĩ từng mắc phải. Hồ Xuân Hương, vì vậy, có viết hay nói một điều gì đó, chỉ như một lựa chọn trong hành trình, trong khát vọng giải phóng năng lượng - một thứ năng lượng đàn bà đã bị giam nhốt hàng nhiều thế kỷ của cội Việt. Sức cảm hóa, khả năng giác ngộ của Xuân Hương nhiều khi không phải là văn chương, mà chính là từ tinh thần thấu suốt lẽ đời của nàng. Một câu nói, một ứng xử của nàng thôi, đã đem đến cho ấm Huy phút đốn ngộ kì diệu. Để chính chàng thú nhận:

"Chàng hiểu cả Tri huyện Thặng, cả chàng, ngay cả ông Phủ Vĩnh Tường cũng sẽ chẳng là gì cả, tất cả chỉ là nhân chứng cho sự tồn tại của một CON NGƯỜI: nàng Hồ Xuân Hương mặc áo xô gai đang nức nở khóc, đang nức nở cho nỗi cô đơn mệnh mông của cội người" (sđd, tr.421)

Truyện thứ ba kể về cuộc gặp gỡ hay là cuộc kì ngộ của chàng nhà thơ - diễn viên với thiếu phụ bên một bờ sông vắng. Người ta có thể thấy sự thanh sạch, lương thiện của Xuân Hương khi người kể chuyện để cho đạo diễn nói lý do giao cho diễn viên vào vai Chiêu Hồ: "Cậu có dáng dấp một thằng trai điểm. Phụ nữ mê cậu. Trong phim có cảnh Chiêu Hồ bóp vú các cô thôn nữ, cậu vào vai ấy tuyệt

vời”, và rằng “các cụ ngày xưa cũng du côn lắm” (sđd; tr422). Đương nhiên khi đánh giá như thế về Chiêu Hồ, Nguyễn Huy Thiệp chắc hẳn đã phần nào căn cứ vào mấy bài thơ của ông trong lúc xướng họa với Xuân Hương (sách vở chép lại như thế). Ở đây dấy lên một niềm thương cảm: không ai hiểu Xuân Hương. Có vẻ như Tổng Cốc hay ông Phủ Vĩnh Tường lại chân thành và nghiêm túc với Xuân Hương hơn là Chiêu Hồ - văn nhân đôi khi vẫn thế.

Tiếp tục cái nhìn trả Xuân Hương về với đời sống, với những giá trị đích thực từ một cách tiếp cận giàu tinh thần nhân bản, đối thoại với mọi tư tưởng thần thánh hóa ở *Truyện thứ nhất* và *Truyện thứ hai*, chàng diễn viên của *Truyện thứ ba* thể không còn có ý định giấu diếm tư tưởng này: “Anh thấy xót xa. Hình ảnh Xuân Hương trong phim nhột nhột, bị hiểu sai lệch nhỏ nhẻ. Người ta đắp điểm cho nhân vật những tư tưởng cao siêu đáng ngờ. Đối thoại đầy rẫy ngôn ngữ hoa mỹ. Diễn viên rất đẹp. Cảnh quay rất khéo. Anh biết chắc chắn sẽ có nhiều đoạn thành công. Cảnh hội làng... cảnh đám ma... Có khi cả cảnh Xuân Hương “sáng tác”... Một thứ hiện thực huyền ảo mông lung” (sđd; tr.423)

Rồi anh gặp Hương - một thiếu phụ làm công việc chăm sóc trại lợn. Một thiếu phụ với vẻ đẹp toát lên từ lam lũ đời thường - như Xuân Hương trong nhà Tổng Cốc, hay ông Phủ Vĩnh Tường. Và, một thiếu phụ sắc sảo, nhạy cảm, tủi nhục, biết điều, trác ẩn và đanh đá. Một phụ nữ dễ xúc động, hình như có phần cá tính. Nhưng người đàn bà ấy chẳng dễ bị bắt nạt. Chị sẵn sàng nói thẳng vào vị khách tình cờ khi chàng có hành động bột phát động chạm cơ thể:

“Thôi đi... Đàn ông các anh ai mà chẳng thế! Anh giúp tôi mấy bao ngô rồi đòi trả ơn... Đàn ông các anh thế hết”.

“... Đàn ông các anh như trẻ con cả! Cũng giống hệt đàn lợn của tôi. Khi nào được ăn thì phờn”.

Nhưng tại sao chàng diễn viên lại nhìn thấy trong người thiếu phụ ở trại lợn một vẻ đẹp kì diệu mà bản thân anh ta có lẽ cũng không thể giải thích một cách rõ ràng. Rất có thể bởi đây là một người đàn ông duy mỹ và bị ám ảnh bởi vẻ đẹp mà anh tưởng tượng khi nghĩ về nàng Xuân Hương trong truyền thuyết. Một sự tôn sùng vô điều kiện. Chính bởi lẽ này, khi đạo diễn nói lý do chọn anh sắm vai Chiêu Hồ anh đã “tái mặt, cổ họng tắc nghẹn”. Tắc nghẹn bởi sự xúc phạm đến một giá trị mà anh và người đời vẫn tôn thờ - giá trị Xuân Hương, hay tắc nghẹn bởi sự xúc phạm đến “loài” nghệ sĩ mà chính anh là một trong số đó?

Họ gặp nhau trong một không gian đẹp một cách nhả nhặn có phần u buồn - một kiểu không gian hoàn toàn khác với không gian trong *truyện thứ nhất* và *truyện thứ hai*. Đây là một con thuyền trong chiều mùa đông xám nhạt; nơi có đàn chim sẽ ào xuống mặt sông, qua ngay trên đầu họ, có tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền, ở phía chân trời có một cánh vạc đơn lẻ bay về với một bến sông mà cái tên gợi một nỗi niềm ca dao: bến Tầm Xuân. Đây là thứ không gian dễ khiến người ta sinh tình, dễ tạo lay lan cảm xúc. Nếu như thiên nhiên được miêu tả

một cách chằm phá, thì vẻ đẹp thiếu phụ cũng chỉ là những nét gợi, với những biểu hiện rất sâu của đời sống tâm hồn pha chút nhục cảm. Đây là một vẻ đẹp gợi tình. Vẻ đẹp khiến anh chàng diễn viên - nhà thơ không kìm nổi lòng mình, và có lẽ một cách vô thức, “đưa tay vuốt từ cái cổ trắng ngần xuống lưng thiếu phụ, cảm thấy gờ chiếc áo lót dưới làn vải mỏng” (sdd, tr.426). Dĩ nhiên thiếu phụ phản ứng theo cách của đức hạnh nhưng cũng đã độ lượng bỏ qua sau đó, nhất là khi bị cuốn vào những triết lí có phần cay nghiệt của chàng trai về cuộc đời, và nhất là sự chia sẻ phần nào có tính chất “nịnh đầm” đối với chị.

Đã có một cái kết khá tê tái phía sau vẻ êm dịu. Khi chàng trai nói: “Chị Hương này! Ngày xưa có một nữ sĩ tên là Hương đây. Chị có biết không?”, thiếu phụ chỉ trả lời một chữ “có”, với vẻ mặt hân hoan ngập tràn trong ánh nắng chiều” - không biết vì cái tên hay vì những câu chuyện khách mang đến. Người đàn ông lặng lẽ lên bờ.

“Anh vừa thu được vừa đánh mất một buổi chiều rồi. Có hề gì đâu? Thời gian thật là hào phóng. Nhưng mà hãy vì sự hào phóng ấy ta phải sống cho nhanh lên, có ích.

Với cuộc đời này. Không chờ gì cả. Có lẽ ngày xưa chính là Xuân Hương sống thế.” (sdd.tr430)

Có thể thấy ba cách tiếp cận khác nhau về nàng Xuân Hương ở Tổng Cốc, ẩm Huy và chàng diễn viên kiêm thi sĩ. Tổng Cốc nhìn Xuân Hương bằng cái nhìn của một người đàn ông từng trải, ẩm Huy nhìn Xuân Hương bằng cái nhìn của một nho sĩ trẻ - cái nhìn mang tính tôn sùng do tinh thần ít nhiều ảo tưởng về các giá trị sống (anh này rất dễ thành hủ nho), chàng diễn viên kiêm thi sĩ nhìn Xuân Hương bằng cái nhìn của hậu thế, phức tạp hơn, hiện đại hơn và có phần đi thóa. Trong mắt người đàn ông này, có một Xuân Hương gần mà xa, thanh cao mà thế tục. Nghĩa là Xuân Hương ở đâu đó, bằng những giá trị ngoài tầm với. Nhưng Xuân Hương cũng ở đó, cũng là một khối thịt da dễ đau đớn và tổn thương. Xuất hiện dưới nhiều điểm nhìn khác nhau ấy, hình tượng Xuân Hương hiện lên rất sống, đang sống mà không phải là một Xuân Hương đã sống. (Khiến cho nhân vật trong quá khứ sống một cuộc sống đích thực theo cách của họ vốn là biệt tài của Nguyễn Huy Thiệp). Và người ta không thể nhốt người đàn bà thi sĩ ấy trong những cái rọ giá trị định sẵn.

(1). Có thể kể đến: Đào Duy Hiệp, “Đọc Chút thoáng Xuân Hương” trong sách *Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp*, Nxb Văn hóa, Thông tin, 2001; Bùi Đào Quỳnh Hương - “Chút thoáng Xuân Hương” (Nguyễn... <https://hieutn1979.wordpress.com>

(2). *Nguyễn Huy Thiệp truyện ngắn*, Nxb Trẻ - Công ty Văn hóa Phương Nam, 2003, tr. 411. Các trích dẫn về *Chút thoáng Xuân Hương* trong bài viết đều theo văn bản này.

Mẹ và Tết quê - hình ảnh đậm đậm nỗi niềm trong thơ Trần Mạnh Hảo

TRẦN HỒNG GIANG

Mỗi chúng ta, ai cũng có một nơi sinh ra và lớn lên, một nơi để thương nhớ, một nơi để trở về... Đó là quê hương. Và quê hương ấy có mẹ ngóng chờ ta mỗi khi Tết đến, xuân về. Cái triết lý nhân sinh ấy tưởng như ai cũng từng cảm nhận và hiểu thấu. Những hình ảnh ấy tưởng như đã luôn hiện hữu trong đời sống và đã đầy ắp trong tâm khảm, trong hồn vía mỗi người. Nhưng không, khi ta bất ngờ gặp lại nó thì lòng vẫn trào lên những rung cảm rưng rức, nghẹn ngào.

Hình ảnh người mẹ và quê hương lâu nay đã luôn được mặc định là một khối thống nhất, gắn kết làm một, không tách rời. Khi con người ta nhắc đến mẹ thì cũng đồng nghĩa đó là quê hương, và ngược lại... Vì vậy, trong tâm thức của mỗi con người từ khi sinh ra, lớn lên, rồi rời xa khỏi vòng tay của mẹ thì đã luôn có một sự gắn kết, một mối dây ràng buộc như nguồn sinh khí cho mỗi cơ thể sống. Mẹ và quê hương chính là một thánh đường linh thiêng nhất trong cõi lòng mỗi con người.

Hơn thế nữa, hình ảnh người mẹ ngóng chờ con vào mỗi dịp lễ tết nơi quê nhà lâu nay đã luôn là một nỗi ám ảnh, là một cảm thức mãnh liệt trong mỗi tâm hồn người Việt. Nó còn là cả một kho tàng cảm xúc để cho các nhà văn nhà thơ khai thác, tạo nên những tình tiết đặc sắc, những sắc thái rung động trong văn

chương, thơ ca. Và hình ảnh ấy qua những bài thơ của nhà thơ Trần Mạnh Hảo lại còn như càng tăng thêm lên những cung bậc cảm xúc xa xót, quặn quại đến thất lòng.

Mẹ và quê hương, cùng khoảnh khắc giao thời náo nức đón chào một năm mới sắp sửa đến, làm cho lòng người chột ngân rung lên những tiếng yêu thương diệu kỳ. Đó là lúc:

“Hoa đào tiễn gió bắc đi
Tết ơi, xin mẹ được khi đại khờ...”

(Xin mẹ tuổi thơ)

Khi những cánh hoa đào đầu tiên hé nở xua đi cơn gió bắc lạnh căm cuối mùa, thì cũng là lúc những ảnh hình của mẹ, của quê hương, của những mùa Tết xưa chột ủa về tức tuổi. Hay như:

“Tôi như hòn đầu rau như đòn bánh cóc
Tết đến theo đuôi hết mẹ rồi bà...”

(Thương nhớ chó vàng)

Một thuở ấu thơ sống trong gian nan, nghèo khó nhưng ăm ắp những phút giây hạnh phúc, an vui. Nhưng hân hoan nhất, đó chính là những ngày sát Tết, nhà nhà cập rập với bao sự sắm sửa, lo toan. Hân hoan chờ đón những khoảnh khắc thiêng liêng của năm mới, của sắc xuân tươi mới hơn hờ tràn về nơi chốn quê:

“Bướm ong mừng tuổi rét đài
Gọi cây rét lộc hoài thai hoa đào.
Mùa đông còn ngủ dưới ao
Rể bèo khê thức xanh chào gió non”

(Khói lên chổi)

Nhịp đời bỗng chốc rộn lên bằng sự hối hả hơn, vội vàng hơn ngày thường:

“Khói nâng mái rạ lên chiều
Cha nhờ gió buộc cây nêu mưa phùn.
Tôi ngồi xem lửa run run
Mẹ mang rế rách chổi cùn giấu đi”

(Tết xưa)

Cái không khí Tết được bắt đầu từ những chi tiết giản dị của đời sống dân nghèo ấy, nhưng lại làm khơi gợi lên bao sắc thái thân thương và cũng đầy trang trọng. Mỗi khoảnh khắc thời gian như được in sâu vào tiềm thức của tuổi thơ, để rồi nó đi theo tâm:

“Chiếc lạt mưa phùn buộc chặt người
Tuổi thơ chiều Tết tối Ba mươi.

Lá dong mỏng mảnh như tờ giấy
Mà bánh chưng xanh gói lẫn trời”.

(Giữ lấy chiều Ba mươi)

Những cái Tết xưa tuy đậm bạc nhưng vẫn phủ đầy bao niềm hân hoan, hồ hởi lên những phận đời nghèo khó. Có thể ví đó như là một món quà mà thượng đế đã rộng lượng ban xuống cho cõi nhân gian. Và nữa:

“Bếp núc chiều ôm cả chó mèo
Mùa xuân trong chảo nổi hành reo.
Tôi với thằng em chờ tốp mớ
Sung sướng nào hơn những Tết nghèo”.

(Giữ lấy chiều Ba mươi)

Tiếp đến là khung cảnh mùa xuân ngập tràn. Tiết xuân đông đầy cả một không gian bát ngát. Cái lạnh giá của mùa đông đã tan biến, khí trời đã ấm lên. Và đó cũng là thời điểm những người nông dân vùng chiêm trũng chuẩn bị bước vào một vụ cấy trồng mới, khi ta nghe cả tiếng từng hạt thóc đang tách vỏ nảy mầm:

“Cây đội đầu nguyên một bóng râm
Gánh cơn mưa bụi xuống gieo mầm.
Cao xanh xòe tán che ngày rét
Nước ấm nghe còn tiếng thóc ngâm”.

(Xuân thủy mặc)

Nhưng bao phủ lên tất cả cái khung cảnh Tết ấy là ảnh hình của mẹ. Một người mẹ tảo tần, lam lũ chốn quê nghèo luôn là một cảm thức sống động và đậm nét nhất của ngày Tết. Mẹ oằn mình trong gian nan, khó nhọc để cho con nguyên vẹn những ngày xuân:

“Trời cắt ruột mẹ lượm từng thóc lép
Ngụp sông tìm cái Tết nuôi con...”.

(Rét cóng mẹ vẫn xuống sông mò Tết)

Lòng mẹ cao rộng vời vợi như trời như biển, dù lo lắng cho con nhiều đến mấy cũng thấy như không đủ không vừa. Đến nỗi:

“Mẹ lấy cả vòm trời to rộng thế
Làm chiếc ô nhỏ bé che con...”.

(Từ chiếc ô trời của mẹ)

Nhưng rồi con như cánh chim mê mãi bay đi tìm những chân trời mới mẻ, tìm lấy lẽ sống của đời. Con đi xa mãi, xa mãi... để đến một ngày con chợt thảng thốt nhận ra:

“Không còn cách quay về nhà với mẹ
Con nhìn đâu hơi nắm đất mưa phùn.
Thuở ấy đến ông trời còn thơ bé
Gió bắc gào khói bếp hoang hồn run”

(Ngày xưa có mẹ)

Những câu thơ chất chứa nỗi đau của một người con mất mẹ đã làm nên một Trần Mạnh Hào rất đặc sắc, rất riêng biệt. Khung cảnh nơi quê nhà cùng hình ảnh người mẹ lam lũ của ông hiện lên rõ rệt, với từng nét khắc họa không thể trộn lẫn. Những hình ảnh ấy chậm chậm lướt đi trong tâm tưởng của nhà thơ như một cuốn phim tư liệu ngồn ngộn các chi tiết, cảnh huống:

“Xin mưa phùn hãy đắp chăn cho mẹ
Hoa dong riềng cháy đỏ sườn dùm con.
Hồn con vẫn co ro như thuở bé
Làm sao tin bóng mẹ đã không còn”

(Đêm nay gió mùa đông bắc)

Rồi những hình ảnh ấy mỗi lúc càng ứa về tức tưởi. Ấy là vào một ngày cuối năm áp Tết, sau khi người mẹ của ông đã lìa bỏ trần gian từ lâu, vậy mà hình ảnh người mẹ chờ con trở về nhà ăn tết ở trong ông vẫn còn thồn thức bằng những rung cảm hiện hữu, tươi rói tự đáy lòng. Từ nơi tha phương, tâm hồn ông như vẫn hiển hiện nơi ngôi nhà của mình ở chốn quê hương thôn dã tại vùng đồng bằng bắc bộ. Và ở nơi ấy vẫn còn vẹn nguyên bóng hình người mẹ già của ông, bóng hình ấy như vẫn đang lặng lẽ ngồi bấm từng đốt thời gian để ngóng đợi mùa xuân về, đang thấp thỏm ngồi chờ con bên bậu cửa:

“Thời gian bậu cửa đã mòn
Tết này mẹ vẫn đợi con trở về
Nỗi niềm gió bắc xa quê
Tết phương Nam níu người mê mai vàng?

Chiều Ba mươi ghé đầu làng
Biết đâu con chẳng quá giang xe đò”.

(Tết này mẹ vẫn đợi con)

Luôn thăm thẳm trong lòng mẹ là nỗi nhớ mong đứa con đứt ruột của mình. Đó chính là bản năng tự nhiên mà thượng đế đã trao cho mỗi người mẹ trên thế gian này. Tình mẫu tử linh thiêng đã làm cho nỗi nhớ mong ấy dày lên theo mỗi nhịp thời gian, dày đến độ làm cho lòng mẹ chìm ngập trong sự khắc khoải, dày vò:

“Chiều Ba mươi ghé đầu làng
Biết đâu con chẳng quá giang xe đò...”.

(Tết này mẹ vẫn đợi con)

Đã biết là con không về, nhưng vẫn cứ là ước mong thế, biết đâu đấy, trong những chuyến xe đang rộn rã trở về với cuộc đoàn viên khi tết đến xuân về ở phía đầu làng kia lại có bóng dáng con mình...?

Rồi thời gian cứ mãi mê trôi đi, từ năm này qua năm khác, tới khi con trở về thì...

“Mẹ giờ đi chợ hư không
Giao thừa con thấp hương trông mẹ về...”.

(Xin mẹ tuổi thơ)

Để giờ mỗi độ Tết đến xuân về, trong tim con chỉ còn lại một niềm xa xót, dày vò:

“Tết về viếng mẹ thương cha
Đứa con quê kiểng lạc ra thị thành...”.

(Về làng ăn Tết)

Con lạc bước ra thị thành và đường về quê nhà cứ vời vợi xa. Và con ngồi mơ về một thuở xưa khi con còn mẹ:

“Mơ ngồi đợi Tết lưng trâu
Rét run gọi mẹ một câu ăm liền.
Chạy theo chân mẹ thần tiên
Chạy theo danh vọng bạc tiền bơ vơ...”.

(Xin mẹ tuổi thơ)

Lòng con dày lên những hoài niệm xưa cũ, những ước muốn được quay về cái thời bé dại:

“Nghé tơ gọi may ra về bé dại
Xin mục đồng trở lại sáo thiên thai.
Mùa xuân được cưỡi trâu về đồng bãi
Tìm lại hồn tôi trong cỏ rả đông dài...”.

(Cưỡi trâu về niên thiếu)

Thời gian hối hả và nghiệt ngã trôi nhanh khiến cho con người ta đôi lúc lãng quên đi những gì thiêng liêng, quý giá,... và rồi chỉ đến khi chợt giật mình nhận ra điều đó thì mới hiểu ra rằng, mình đã tuột mất khỏi tầm tay, chẳng thể nào níu giữ:

“Chiều Ba mươi xưa không dài lâu
Khói hương ngày Tết ngút trên đầu.
Tôi chạy ra đường choàng gió bắc
Đi tìm mưa bụi ở đâu đâu...”.

(Giữ lấy chiều Ba mươi)

Niềm nhớ thương mẹ cha, nhớ thương nơi chôn nhau cắt rốn đã thấm đẫm trong tiềm thức của nhà thơ Trần Mạnh Hảo và luôn đi theo ông đến suốt cả cuộc đời. Những làn mưa bụi của tiết giao mùa miền Bắc luôn là một nỗi ám ảnh, luôn là một sự gợi nhớ, là những hoài niệm đau đáu của ông với quê hương. Nỗi niềm ấy được thể hiện qua câu thơ:

“Xuân về cắt ruột tàn đông
Sài Gòn mơ bể sông Hồng nhớ mong...”

(*Thương lúa rét*)

Giữa tiết trời xuân ngập tràn nắng ấm của Sài Gòn, với những sắc thái của cái không khí đón tết nơi miền đất phương Nam đã không làm ông có thể nguôi ngoai mà ngược lại, nó càng đẩy lên trong ông nỗi nhung nhớ thao thiết. Có cảm giác như một chút chạnh lòng, một sự tủi thân, một niềm ân hận của đứa con tha hương đang mong ngóng về quê mẹ. Nhất là cái cảm giác khi được trở về cái làng quê yêu dấu của mình thì mọi rung cảm đều như chợt lắng lại, khắc khoải, sâu đậm:

“Về thương chúc Tết họ hàng
Chợt nghe mưa bụi bạc ngang tóc mình...”

(*Về làng ăn Tết*)

Một mùa xuân mới nữa đã lại đang về ngoài kia, thêm một cái Tết đã sắp sửa cận kề. Rồi thượng đế sẽ lại ban xuống trần gian này những no đủ, những yêu thương chất chứa. Ở nơi xa quê với nắng ấm mai vàng, hẳn nhà thơ Trần Mạnh Hảo vẫn đang đắm đắm với nỗi niềm thương cha nhớ mẹ, đắm đắm với bao kỷ niệm thổn thức chốn quê hương.

Dễ gì quên được thương yêu

ĐẶNG HUY GIANG

Nhớ có lần, nhà thơ Vũ Toàn nói với tôi: “Tôi có ông anh là nhà thơ Võ Văn Vinh, đang là sinh viên đại học luật thì đột nhiên mắc bệnh hiểm nghèo, vạ bất đắc dĩ, phải bỏ học về quê làm ruộng. Rồi trở thành “nhà thơ - thợ cày” hoặc “thợ cày - nhà thơ” đúng nghĩa. Anh ấy là người có tinh thần tự học rất cao, đọc rất nhiều, làm thơ rất nhiều và có thơ hay”.

Tôi vốn lâu nay vốn chỉ quan tâm: Ở đời, quan trọng nhất đối với một người, không phải anh ta từ đâu đến mà anh ta sẽ đi đến đâu? “Sẽ đi đến đâu?” là điểm đến, không phải điểm xuất phát và đây mới là đích đến, mang giá trị, ý nghĩa đích thực của một đời người.

Tôi tin Vũ Toàn, nhất là khi đọc *Cày đêm* của Võ Văn Vinh. *Cày đêm* là một bài thơ viết theo thể lục bát truyền thống và được viết rất nhuần cả về vần điệu lẫn ý tứ. Trong tình cảnh và trong nỗi vất vả:

“Bóng trâu lẫn với bóng người
Đi hui tiếng dế dưới trời mù mưa.
Lưỡi cày vỡ nắng mặt trời
Nắng chang chang nắng rợn người tháng năm.
Dăng dăng sương lạnh tận lòng
Mà sao vạt áo ướt đầm mồ hôi”.

Mà vẫn yêu nghề, thoát ly khỏi hiện thực để bay bổng:

“Gió qua góc rạ rỗng rênh
Mây trên trời đất bỗng bình mây trôi”.

Những câu thơ được cả tâm lẫn tình như thế, chắc chắn được hạ sinh bởi một người giàu trải nghiệm và hết lòng với cuộc sống. Đọc *Cày đêm*, đọc giả càng tin: Trong việc làm thơ, đề tài chỉ là cái cớ, không hẳn có vai trò quyết định vị thế một bài thơ.

Hoa bông trang là một bài thơ mà đọc xong, nhiều người sẽ thấy yêu cuộc sống này hơn, đồng thời như một phát hiện giúp người đọc không bao giờ được phép bỏ quên vẻ đẹp của đời sống dù là nhỏ bé nhất, bình thường nhất, dễ cho qua nhất:

“Giữa vùng đồi trọc cần trơ
Mắt tôi bỗng gặp sừng sờ bông trang.
Dưới cao xanh nắng chang chang
Bông trang đỏ thắm đỏ sang cả chiều”.

Câu “Bông trang đỏ thắm đỏ sang cả chiều” là câu chốt, góp phần nâng vức cả tứ thơ. Và bên cạnh *Hoa bông trang* còn có *Hoa dẻ*. *Hoa dẻ* gắn với người, mang tâm trạng nhớ thương, nuối tiếc không dứt:

“Ngày ấy tóc em thơm hoa dẻ
Bâng khuâng sông núi biếc ngàn cây.
Tôi xa bản Thái mười năm nhớ
Hương cứ dùng dằng, hoa cứ lay...”

Không chỉ có thế, Võ Văn Vinh còn sở hữu nhiều câu thơ đẹp, đáng nhớ và tràn đầy tình yêu thương vạn vật. Có thể trích dẫn:

“Cây lấm bụi chợt xanh lên bờ ngõ
Phố núi dịu dàng ẩm ướt sau mưa”.
(*Phố núi*)

“Tuổi thơ mắt hút bên trời
Còn miên man gió hát lời vu vơ.
Ô kìa, cỏ biếc ngày xưa
Chợt về xanh cả ý thơ cuối chiều”.
(*Chợt*)

“Thạch Sơn
Khói đốt rẫy thơm theo mùi mía nướng...
Nước hồ chảy như reo vào ruộng cũ
Mảng trời thuở trước đã về xanh cây”.
(*Thạch Sơn*)

“Cây sau bão, lá cành rơi
Gốc cũng bắt rễ dưới trời gió trơ.
Mà dòng nhựa chẳng chịu khô
Lặng về với chầm biếc vừa nhô lên”
(*Cây sau bão*)

“Mà hoa phong lan biết dịu mềm đá núi
Tiếng khèn ai đắm đuối
Làm riu chân những tiên nữ áo chàm”.
(*Lên Pu Xai Lai Leng*)

“Hồn tôi chết đuối mất thôi
Bến sông nghe vắng tiếng người gặp nhau”

(*Bến Kim Đa*)

Võ Văn Vinh gắn bó, chia sẻ với đời sống của ông, hiện thực sống của ông đến nỗi vừa có thể “Nghe mưa thấm cả nỗi ngày rỗng rênh” (*Giao mùa*). Chỉ có mỗi một cái việc một đứa bé đánh rơi một đôi giày trên đường thôi, cũng ám ảnh ông:

“Bé ơi, làm sao tôi quên được
Đôi mắt trong veo ngơ ngác.
Cái miệng cười thật xinh
Đôi chân nhỏ xíu mang đôi giày luôn quấy đạp.
Giữa cơn mơ
Trong giấc ngủ của mình”.

(*Đôi giày bé thơ*)

Ám ảnh ông hơn nữa là khi chứng kiến “Những con nhện rút tơ mình chẳng
lưới/ Lặng lẽ mưu sinh, như tự lòng mình”, ông thốt lên:

“Những con nhện bơ vơ tội nghiệp/
Trong ngôi nhà sáng điện của tôi”.

(*Sự hút hăng*)

Cũng có lúc Võ Văn Vinh cảm thấy mình chưa đi hết mình, chưa sống hết mình vì người, vì thơ theo sự xác quyết của một thi nhân. Bởi thế mà trong *Không đề*, ông mới viết:

“Mai rồi về với hư vô
Chỉ lo sự nhạt còn tro xanh rờn.
Tiếc mình chưa thật cô đơn
Và chưa đến tận nỗi buồn mệnh mang...”

Mặc dầu vậy, Võ Văn Vinh vẫn cho rằng: thơ nên hướng vào sự hữu ích và vì cái chung. Theo ông, thơ không thể xa rời đời sống và phải là một phần của đời sống. Có như vậy, nhịp cầu giữa người làm thơ và người thưởng thức thơ, người yêu thơ mới trở nên bền vững. Ông rất tâm đắc bốn câu thơ của nhà thơ lớn người Hungari Pêtôphi:

“Nếu anh chỉ đến hát
Niềm vui khổ riêng tư
Thì đời không chờ đợi
Hãy vớt cây đàn thiêng”.

Tính đến nay, Võ Văn Vinh đã in hai tập thơ qua Nhà xuất bản Hội Nhà văn. Cách nay không lâu, tập thơ *Biển và cây xương rồng* của ông đã được Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Nghệ An trao giải Nhì Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Hồ Xuân Hương theo định kỳ 5 năm một lần.

Hình tượng con mèo trong văn học dân gian

NGÔ THẾ LÂM

■ Xuất hiện từ rất sớm và được con người thuần hóa để trở thành vật nuôi thân thiết trong mỗi gia đình, loài mèo không chỉ phổ biến với tư cách là “thú cưng” của nhiều bạn nhỏ mà còn là một hình tượng lớn trong dòng chảy văn hóa sinh động. Nhắc đến mèo, xưa nay dân gian thường khoác lên nó bao nhiêu tính xấu; mượn hình ảnh để ví von, so sánh với những hành động, thói quen phi chuẩn mực; đồng thời gửi gắm nhiều triết lý sâu xa...

T hật tội nghiệp cho mèo khi là con vật hiếm hoi trong 12 con giáp chịu nhiều “định kiến” đến vậy. Điển hình ở bức tranh Đông Hồ nổi tiếng “Đám cưới chuột”, con mèo đã đại diện cho một thế lực thống trị đầy tinh ranh, xảo quyệt khiến lũ chuột thấp cổ bé họng phải lo lót hậu hĩnh (biểu mèo một đôi cá chép bự) hồng yên bề cưới hỏi. Bởi thế mới có bài ca dao được trẻ con bao thế hệ thuộc nằm lòng, chửi xéo loài mèo đầy thâm thúy: “Con mèo mà trèo cây cau/ Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà/ Chú chuột đi chợ đường xa/ Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo”.

Cũng không hiểu vì đâu, trong văn học dân gian, mèo trở thành “tấm bia”, “vật hi sinh” cho người đời gửi gắm nhiều thông điệp cuộc sống. Ở đây, khi thì chê bai ý nhị các thói hư tật xấu; lúc khác lại là lời nhắc nhở, khuyên răn; đồng thời phản ánh đa dạng các vỉa tầng đời sống sinh hoạt giàu triết lý.

Muốn chê bai các thói tật, mai mỉa các hạng người thiếu đứng đắn, thành ngữ có: “mèo mả gà đồng” (chỉ loại người vô lại, đi hoang, du thủ du thực); “mèo già hóa cáo” (hạng người tinh ranh nguy hiểm, càng lâu càng khôn ngoan, quỷ quyệt); “mèo đang chó điểm” (người bịp bợm ăn chơi đang điểm linh tinh); “chó khô mèo lạc” (ám chỉ người vô học, lang thang, gây họa cho xã hội). Còn những ví von như: “ăn cơm mèo, nói leo các cụ”; “ăn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa” ngụ

ý phê phán hạng người chỉ ham ăn, ham nói dóc, còn làm thì rất dở; “*chưa học bắt chuột đã học ỉa bếp*” để chê bai người chưa biết làm thành thạo một công việc đã làm ẩu, làm dối; đã kích thói xấu của loại người không tự thấy mình xấu mà chỉ đi soi mói cái xấu của người khác, ca dao gửi gắm đầy tinh tế “*Mèo già chê chó lấm lông/ Chó cười lại bảo: kém ông cha mày*”.

Để rắn dạy, nhắc nhở đường ăn nết ở ở đời, dân gian rất khéo léo khi sử dụng hình ảnh mèo qua các câu thành ngữ, tục ngữ như: Chỉ sự bất hòa của anh em trong gia đình, có câu “*anh em như chó với mèo*”; mô tả thói chủ quan, tự mãn, có “*mèo khen mèo dài đuôi*”; nhắc nhở về tính cẩn thận, cảnh giác thì “*chó treo mèo dậm*”; để chỉ những hành động đại dột, liều lĩnh, nguy hiểm thì “*mèo vờn chuột*” hay “*chuột gặm chân mèo*”. Ngoài ra, để chọn việc vừa sức mình, dân gian khuyên “*mèo nhỏ bắt chuột con*”; lúc khác để can ngăn sự táo bạo, lại có câu “*mèo nhỏ lại bắt chuột to*”; ám chỉ một sự phô bày hơi hênh để kích thích cho kẻ xấu đánh cắp là “*mỡ để miệng mèo*”; khi chỉ một hành động kiêu ngạo, tự cao tự đại của ai đó thì được khuyến cáo “*chưa biết mèo nào cắn mỉu nào*”...

Đi vào các phương diện đời sống, mèo cũng trở thành đối trọng khi so sánh hoặc nói thay một hiện tượng cá nhân hay xã hội nào đấy “*tiu ngu như mèo mất tai*” nói lên sự buồn bã, thất vọng; “*cơm treo mèo nhịn đói*” nói về các nguồn lực không được sử dụng đúng mục đích, gây ra sự lãng phí; “*mèo mù vớ cá rán*” lại nói về sự gặp may bất ngờ trong cuộc sống; chỉ sự thèm thuồng, háo hức một cách quá lộ liễu thì “*như mèo thấy mỡ*”; khi muốn ám chỉ, cạnh khéo đã có các câu “*chửi mèo quèo chó*” hoặc “*chửi chó mắng mèo*”...

Ngoài ra, cũng bằng ca dao, đồng dao, thành ngữ... dân gian đã gửi gắm vào hình tượng mèo những triết lý nhân sinh sâu sắc. “*Mèo ngao cắn cổ con cây/ Con cây vật chết cả bầy mèo ngao*” (nhắc khéo kẻ yếu không nên tranh giành, gây sự với kẻ mạnh hơn mình để tránh tổn thất không cần thiết); “*Con mèo xán võ nổi rang/ Con chó chạy lại mà mang lấy đòn*” (nói về sự oái oăm khi kẻ làm sai, gây ra hậu quả nhưng lấu cá, nhanh lẹ tránh né để kẻ khác phải chịu tội thay cho mình); “*Con mèo con mèo con meo/ Muốn ăn thịt chuột thì leo xà nhà*” (ngụ ý khuyên con người muốn có cái ăn thì phải làm việc, lao động cực nhọc chứ không ai đưa sẵn, bày sẵn cho ăn cả); “*Mèo nằm bò lúa vênh râu/ Thấy con chuột chạy góc đầu kêu ngao*” (nhắc nhở hạng người biếng nhác dù điều kiện làm việc thuận lợi, miếng ăn đến miệng mà không chịu lấy ăn). Còn nữa, đó là lời cảnh báo trước sự vô cảm đối với hành động xấu, với sai phạm và sự lộng hành của kẻ ác thời nào cũng có: “*Mèo tha miếng thịt thì đòi/ Kẽnh tha con lợn mất coi tròng tròng/ Mèo tha miếng thịt xôn xao/ Kẽnh tha con lợn thì nào thấy chi*”...

Vài dòng tản mạn sẽ khó có thể kể hết chuyện mèo - loài vật đã gắn bó bền chặt trong văn hóa lẫn đời sống người Việt ta xưa nay. Mặc dù được “gán” cho bao tính xấu, nhưng không thể phủ nhận sự đóng góp lớn lao của loài vật này làm cho kho tàng văn học dân gian thêm đồ sộ. Sự hiện diện của mèo thật đáng quý khi “sấm vai” vô cùng sinh động, nhờ đó để lại cho chúng ta nhiều bài học mà ngấm ngội và sửa sang bản tính, tâm hồn mình.



“LỜI AI ĐIỀU CỦA THẦY MO” bộ sách dày công của Nghệ nhân Ưu tú Sầm Văn Bình

BÙI NGỌC

Nghệ nhân Ưu tú Sầm Văn Bình (bản Yên Luốm, xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An) được mệnh danh là “nhà Thái học” với rất nhiều thành công trong lĩnh vực nghiên cứu, biên soạn, tổ chức dạy và học chữ Thái hệ Lai - Tay, góp phần quan trọng trong việc bảo tồn, lan tỏa một cách bền vững tiếng nói, chữ viết của dân tộc Thái trên quê hương Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung.

Sinh ra từ bản làng, sau khi học tập, trưởng thành, Sầm Văn Bình lại chọn con đường “trở về nhà” để sống một cuộc sống “không như nhiều người quan niệm”. Chính nhân sinh quan “khác người” của chàng trai trẻ Sầm Văn Bình ngày ấy đã mang đến “hoa thơm trái ngọt”, để hôm nay, không chỉ người Thái mà các dân tộc anh em trên dải đất hình chữ S thân yêu đều được chung hưởng sự “thơm lây” ấy.

Những công trình Nghệ nhân Ưu tú Sầm Văn Bình công bố ngày hôm nay là kết quả của biết bao công sức và tâm huyết không thể đo đếm của ông trong rất nhiều năm qua...

Ông cam tâm tình nguyện và mê say làm công việc trên chỉ đơn giản với suy nghĩ: mình là người con của núi rừng, được ăn hạt thóc căng tròn từ rẫy, được uống ngụm nước trong lành từ suối, được nghe tiếng khèn, điệu hát của mẹ cha, lại may mắn được học nhiều chữ hơn người nên... cứ thế mà “trả nợ” cho quê!

Đến nay (năm 2022), Nghệ nhân Ưu tú Sầm Văn Bình đã xuất bản 15 đầu sách về văn hóa dân tộc Thái, và vẫn đang miệt mài ngày đêm “trả nợ” nghĩa tình với núi, với sông,...

Ghi nhận những đóng góp to lớn của Nghệ nhân Ưu tú Sầm Văn Bình, năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã vinh danh ông là một trong mười hai điển hình tiên tiến về Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, cùng nhiều phần thưởng cao quý khác,...

Tiếp theo công trình *Từ điển tiếng Thái* (ấn hành năm 2018), năm 2022, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An tiếp tục đặt hàng xuất bản bộ sách *Lời ai điều của thầy mo* với 6 tập: *Khởi tạo - Sinh ra*, *Điềm gỡ - Tận số*, *Cúng lễ - Nộp đồ*, *Mời bữa cơm ma*, *Nộp trâu - Thu của về trời*, *Cởi số mệnh* với mong muốn tiếp tục lan tỏa những giá trị văn hóa đặc sắc của người Thái ở vùng Phú Quỳ (cũ) nói riêng và người Thái Nghệ An nói chung.

Tập 1: Khởi tạo - Sinh ra

Gồm những truyền thuyết, sử thi của đồng bào dân tộc Thái nói về khởi tạo và sinh ra, như: *Xuống mừng hạ giới*, *Kể chuyện mừng*, *Khởi tạo lớn*, *Khởi tạo nhỏ*, *Mở hòng trời*, *Sinh ra người*, *Sinh ra cây*, *Sinh ra mo*, *Sinh ra gà*, *Sinh ra trâu*.

Nội dung của những câu chuyện mang tính thần thoại, nói về nguồn gốc của việc hình thành trời đất, cây cối, chim muông, sự sinh sôi nảy nở của con người có nhiều nét khá gần gũi với quan niệm chung của nhân loại.

Tập 2: Điềm gỡ - Tận số

Được chia làm 13 mục nhỏ, giới thiệu chi tiết điềm gỡ, cụ thể như: *Thấy điềm gỡ và đi tìm hồn*, *Mơ điềm gỡ*, *Kể điềm gỡ*, *Kể ngày xấu*, *Kể ngày ốm đau*, *Kể năm tháng*, *Khóc điếu - rải vĩa*, *Lời khóc cha*, *Khóc ma nam nữ*, *Khóc ma cho người đã nên vợ nên chồng*,...

Tập 3: Cúng lễ - Nộp đồ

Được chia làm 10 mục nhỏ, giới thiệu chi tiết các tập tục cúng lễ của người Thái, cụ thể như *Cúng mời gà*, *Cúng mời gà đuốt*, *Khóc mời rượu*, *Nộp đồ*, *Dựng cây hoa*, *Đổ hoa đổ lá*, *Mo cúng dâng chim cào*,...

Các tập tục này được truyền miệng qua những bài ai điệu của thầy mo qua các thế hệ, đã ăn sâu, bén rễ trong tâm thức, chứa đựng giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Thái thuộc vùng Tây xứ Nghệ.

Tập 4: Mời bữa cơm ma

Được chia làm 3 phần: Mời bữa cơm lớn, Mời bữa cơm nhỏ, Mời bữa cơm ma với nội dung đánh thức vía người chết về ăn bữa cơm mà con cháu dâng lên.

Tập 5: Nộp trâu - Thu của về trời

Vẫn lời ai điều của thầy mo, gồm: Mời hưởng đồ dâng cúng (hay còn gọi là Xư mời), Nộp trâu 1, Nộp trâu 2, Thu của về trời. Đây là những lời mời hồn người chết thưởng hưởng những thứ con cháu sắm lễ như mời ăn bánh kẹo, chuối, mía, rượu,... và là những lời chia tay, khóc tiễn dặn hồn người chết với vợ/ chồng, con, họ mạc để lên mừng trời; Lời ai điều của thầy Mo dâng trâu cho hồn người chết, dâng tất cả của cải cho hồn ma mà khi sống họ làm ra,...



Tập 6: Cải số mệnh

Những nội dung của nghi lễ ới số mệnh mang ý nghĩa cắt đứt quan hệ giữa người sống và người chết, sau khi làm xong lễ này người chết mới biết mình đã chết và thành hồn ma, lúc này gia đình mới có thể làm đám tang cho hồn ma,... Việc thực hiện các nội dung diễn xướng trong đám tang chủ yếu do ông mo đảm trách. Ông mo là người nắm được cách tiến hành các bước nghi lễ, lễ vật cần có, đồng thời cũng được xem là người có thể giao tiếp với các loại thần thánh, ma quỷ, linh hồn. Cho nên khi hành lễ, ông mo có thể cầu thần thánh phù hộ cho linh hồn người chết, ngăn cản ma quỷ xấu xung quanh, và đảm bảo an toàn trong quá trình dẫn hồn ma về với cuộc mới nơi thế giới bên kia.

Điều đặc biệt, cả 6 tập sách đều được Nghệ nhân Ưu tú Sầm Văn Bình trình bày khoa học theo 3 phần: phiên âm tiếng Thái, phần dịch nghĩa và phần chữ Thái hệ Lai - Tay. Điều này ngoài giá trị mang lại tính phổ thông của bộ sách còn là góp phần quan trọng trong việc lưu giữ, bảo tồn chữ viết của đồng bào dân tộc Thái một cách bền vững.

Nhà xuất bản Nghệ An hi vọng và tin tưởng, bộ sách này sẽ được các cấp, các ngành, các nhà nghiên cứu, độc giả gần xa đón nhận để tiếp tục góp sức bảo tồn, phát huy, lan tỏa những giá trị văn hóa mà người Thái Nghệ An đã nghìn năm thêu dệt.

HỒ ANH THÁI

Vẫn nhiều Tây An Nam

Khoảng năm 1930, nhà văn Nam Xương viết vở kịch *Ông Tây An Nam*, kể chuyện một anh khá giả tên là Lân được du học sang Pháp, trở về thì làm như không biết tiếng Việt. Từ đó, ông Tây An Nam đã trở thành một thành ngữ, chỉ những ông những bà cứ làm ra vẻ quên tiếng Việt, ngông ngọng, lơ lớ, nói một câu là đệm một câu. Không phải đệm câu nói tục, mà là đệm tiếng nước ngoài.

Một vài người dẫn chương trình truyền hình, cao hứng lên, muốn chứng tỏ với người xem rằng mình biết ngoại ngữ, đã dùng ngữ điệu Anh - Mỹ để áp vào câu tiếng Việt: Đến với chương trình, bạn có cảm xúc gì đặc biệt không?

Tôi tin rằng anh chị này một khi đã nói tiếng Việt như tiếng Anh, rồi khi nói tiếng Anh sẽ dùng ngữ điệu giống như nói tiếng Việt, chiu chiu như tiếng bò câu tiếng bồi.

Tiếng Anh có chữ *if*, thông thường có nghĩa là nếu, nếu như. Nhưng ở câu này, nó không hẳn là nếu nữa: *cháu cứ mong ngày ấy nếu cháu gặp được bác*. Không còn là nếu. Nó có nghĩa là giá như, giá mà: ngày ấy giá mà cháu gặp được bác.

Bản dịch cuốn *Moon Palace* (Cao Việt Dũng dịch, 2009) có những câu trong văn cảnh nghiêm chỉnh, không hề muốn gây hài, vậy mà lại ra thế này:

- *Tuy nhiên không phải khó để mà yêu bác Victor* (tr. 16)

- *Ông ấy làm kinh ngạc vì sự ngu xuẩn lớn lao của mình* (tr. 286).

Còn đây là ở cuốn *Kẻ trộm sách* (Cao Xuân Việt Khương dịch, 2011):

- *Những quả táo được nhặt lên bởi không ai khác ngoài Andy* (tr. 293)

- Ngày này qua ngày khác, cân nặng bắt đầu rời bỏ anh (tr. 331)
- Sang đầu tháng hai, Max đã ở trong một thân hình tiểu tụy đáng lo ngại (tr. 331)
- Và con bé không phải đợi một chút nào để bàn tay của người giáo viên tát lên má nó (tr. 350).

Nói những người dịch này là ông Tây An Nam chỉ để giễu vui, cũng chỉ muốn để họ chịu khó nghĩ ngợi cân nhắc hơn nữa với tiếng Việt. Họ hoàn toàn có thể tìm cách thay chữ thay câu hoặc xoay chuyển cấu trúc câu để cải thiện những câu không ra tiếng Việt ở trên.

Người đọc hãy kiên nhẫn, đọc thêm một câu này nữa:

- *Ném vào vợ ông ta, con gái ông ta và con mèo của chị ấy* (Triệu phú khu ổ chuột, Nguyễn Bích Lan dịch, tr. 87). Ta sẽ không đưa ra gợi ý thay thế để làm cho câu văn trong sáng hơn. Người dịch chắc tự sửa được. Chỉ thấy người dịch thật thà quá, dịch từng chữ, không lược bỏ đại từ sở hữu mà tiếng Việt nhiều khi không cần đến. Thành ra đọc một câu văn mà cứ như xem trò xiếc tung hứng, A ném cho B, ném cho C, ném cho D. Cứ ném tới tấp đến đến chóng mặt.

Lục bát Việt - Anh

Nhân đây có một chút thư giãn, chuyện con cún con cầy. Có lần một nhóm mấy vị An Nam biết tiếng Anh ngồi với nhau, bày vẽ ra làm thơ lục bát bằng tiếng Anh:

*Today dog-meat eaten
Go home meet dog how can I do*

Phiên âm:

*Tớ đây đoóc mít ít tần
Gâu hôm mít đoóc hao cần ai đư*

Ghi chú: chữ today, trong cả một câu đầy đủ, nếu không đặt dưới trọng âm hoặc điểm nhấn của câu, có thể phát âm thành tơ-đây, gần như tớ đây. Chữ can cũng vậy, khi không cần nhấn giọng, thì không phát âm là ken nữa, mà đọc lướt thành kân, hơi giống cần. Vậy câu phiên âm cũng khá chuẩn về vần lục bát. Lại có thể vừa hiểu lẫn lộn Việt - Anh, như chữ hao (how trong tiếng Anh), phiên ra có thể hiểu là hao hụt, hao cái cần, thì ai mà biết làm sao.

Đồn rằng, nhà từ điển Bùi Phụng đã dịch thành lục bát:

*Hôm nay thịt chó đánh tràn
Về nhà gặp chó biết làm sao đây*

Gã, y, thị

Có vài đại từ nhân xưng không hẳn đã chính thống, nhưng dùng khá rộng rãi trong đời sống, hình như là từ ngoại đã được Việt hóa. Chẳng hạn, nghe nói từ gã, chỉ một anh chàng, một người đàn ông, một thằng cha nào đó, có nguồn gốc từ tiếng Pháp: gars.

Chẳng hạn từ y, cũng chỉ một anh chàng, một người đàn ông, một thằng cha nào đó, đâu như có nguồn gốc từ tiếng Anh: he. Tiếng Anh phát âm là hi, nhưng dân ta thời trước có xu hướng phát âm từ này theo kiểu tiếng Pháp, chữ h câm, tức là không đọc chữ h. Rốt cuộc nó được đọc là y.

Chẳng hạn chữ thị, chỉ một cô nàng, một người phụ nữ, một con mụ nào đó, cũng có nguồn gốc từ tiếng Anh: she. Phát âm chính xác phải là si, nhưng đã được đọc chệch thành ra thị.

Vậy trong khi còn đợi luận bàn, ta cứ tạm coi gốc của từ như sau:

Gã = gars

Y = he

Thị = she

Riêng chữ thị, trên thực tế nó đã có trong một câu thơ gán cho Hồ Xuân Hương, khi nói về quan thị, không còn cái cơ quan giới tính nam mà vẫn thêm ước: Thị thấy lạ thị đứng thị xem / Thị cũng thấy thêm thị không có... ấy. Chữ thị được cho là một từ Hán - Việt, gốc từ chữ nữ. Còn chữ gã, có người bảo nó có từ trước khi người Pháp đến, từ trong thơ của Nguyễn Du. Truy nguyên nữa, có thể thấy gốc từ còn rất phong phú.

Thế rồi trong ngôn ngữ của ngành hình sự, mấy chục năm qua xuất hiện một đại từ nhân xưng ngôi thứ ba số ít chỉ phụ nữ: y thị. Nó chỉ một cô, một nàng, một mụ, phần nhiều là đối tượng xấu hoặc bị tình nghi. Rõ ràng là giới tính nữ, vậy mà lại ghép cả y lẫn thị. Đã y rồi còn thị. Tất nhiên chữ thị ở đây có thể mang ý nghĩa khác, nhưng khi dùng hai âm tiết này cứ thấy vương vướng. Tôi có lần nhắc đến cái đại từ nhân xưng ghép này trong truyện ngắn *Cây hoàng lan hóa thành cây si* (2002):

“Ông kể hơn ba chục năm nhà ông đã trải qua mấy lần bị kiểm tra hành chính. Tư thương buôn bán vàng bạc. Có lần vừa mới bê mâm cơm lên thì công an đến, ông nhanh trí trút hết được chỗ vàng bạc vào nồi canh. Cơm xối cho mỗi người một bát rồi vùi đồ trang sức xuống đáy nồi. Người ta sục sạo khắp nơi, đào cả vườn lên mà không tìm được gì. Lần khác ông ném được mấy túi tài sản xuống cái hồ gần đó. Lần nữa, vợ ông mang đồ đi tẩu tán. Ngày ấy Hà Nội chưa có xe máy, bà đã sở hữu một cái xe tay ga 103 của Pháp. Nữ anh hùng xa lộ phóng xe vèo vèo qua cầu Long Biên. Báo đăng hẳn hoi chuyện phá án: thấy thị ích xì i dết chạy xe

ra khỏi nhà, trinh sát ta bí mật bám theo. Y thị (đại từ nhân xưng lưỡng tính báo công an ưa dùng) đi ngoắt ngoéo cổ tình cắt đuôi, nhưng vỏ quít dày có móng tay nhọn. Sang đến bên kia cầu, y thị rẽ vào ba nhà quen biết, nhà biếu cân cam, nhà gói bánh, gói mứt tết. Tất cả đều chỉ là động tác giả. Tại điểm cuối cùng y thị bị bắt với đầy đủ tang vật trị giá hàng trăm cây vàng...”

Bây giờ truy ngược nguồn gốc tiếng Anh của cái đại từ ghép này (biết đâu gốc của nó là tiếng Anh), ta sẽ được một đoạn văn như sau:

“Thấy thị ích xì i dết chạy xe ra khỏi nhà, trinh sát ta bí mật bám theo. *He she* (đại từ nhân xưng lưỡng tính báo công an ưa dùng) đi ngoắt ngoéo cổ tình cắt đuôi, nhưng vỏ quít dày có móng tay nhọn. Sang đến bên kia cầu, *he she* rẽ vào ba nhà quen biết, nhà biếu cân cam, nhà gói bánh, gói mứt tết. Tất cả đều chỉ là động tác giả. Tại điểm cuối cùng *he she* bị bắt với đầy đủ tang vật trị giá hàng trăm cây vàng...”

Ai bị bắt nhỉ? He hay she?



Nhà văn Trương Giả

■ Trương Giả tên thật là Trương Ba, sinh năm 1967, là Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Trùng Khánh (Trung Quốc). Anh từng học tại Khoa tiếng Trung của Đại học Sư phạm Tây Nam và Khoa Luật của Đại học Bắc Kinh... Trương Giả là nhà văn đã nhiều lần được xếp hạng cao trong bảng xếp hạng văn học thường niên Trung Quốc, từng giành được giải thưởng Văn học Bách Hoa. Các tác phẩm đã xuất bản: *Lầu Linh Pháo*, *Lão phong khẩu*, *Đại học*, *Đào hoa*, *Đào yêu*, *Viễn thủy*.

Bông hoa hư cấu

TRƯƠNG GIẢ

Sa mạc và ốc đảo chỉ cách nhau một bước chân.

Giữa sa mạc và ốc đảo có một dòng kênh nhỏ, dòng chảy của con kênh nuôi dưỡng ốc đảo. Trường của chúng tôi ở trong lòng ốc đảo này. Nếu như sau khi bạn đến lớp, băng qua dòng kênh đó, leo lên cồn cát cách đó không xa thì có thể nhìn thấy sa mạc Taklamakan vô tận. Đó là nơi “không thể vào ra”. Chúng tôi đương nhiên không dám xông vào, nhưng chúng tôi lại thích leo lên cồn cát và

đọc “Bài ca chim báo bão” của Maksim Gorky và chúng tôi có thể đọc được cảm giác của đại dương.

“Trên biển cả bao la... , chim báo bão kiêu hãnh bay như một tia chớp đen...”.

Buổi sáng đọc “Bài ca chim báo bão” giống như đọc Kinh, âm thanh phiêu linh, trang nghiêm, du dương như có thể đánh thức cả sa mạc.

Đứng trên cồn cát nhìn ra xa, sa mạc rộng vô biên, cồn cát dài vô tận, giống như những đợt sóng nối tiếp nhau. Chỉ là, sóng đó không có tiếng sóng, cũng không có những cánh chim hải âu kiêu hãnh bay qua những ngọn sóng. Thế giới im lặng và tất cả vạn vật đều im lặng. “Không có gì” rộng lớn đó lại gây sốc và khuấy động tâm hồn hơn là “có”. Buổi sáng đọc đối diện với biển chết, vậy thì cần có dũng khí.

Nếu linh hồn của bạn không còn nữa, liệu bạn có thể hiểu được văn bản trong sách giáo khoa không?

Bạn đọc, bạn học thuộc lòng, bạn đọc to, bất kể bạn đọc đúng hay sai, sa mạc đều im lặng. Dù yêu hay ghét, bạn có thể hét lên với sa mạc. Sa mạc sẽ âm thầm nói với bạn rằng, nó biết mọi thứ, nó có thể lưu giữ mọi thứ và che giấu mọi thứ. Tôi đã từng đứng trên cồn cát và hét vào mặt giáo viên toán và tôi đã từng hét lên, “Trần Hồng Mai, tôi yêu bạn”. Tất cả những chuyện này đều không có ai nghe thấy, chỉ có sa mạc mênh mông biết, đây là bí mật giữa tôi và sa mạc.

Trong một thời gian, cồn cát trở thành nơi sáng tác của chúng tôi.

Thầy giáo dạy Ngữ văn tên là Trương Tiểu Chỉ, một cái tên lạ. Thầy trẻ trung, nam tính, trắng trẻo, tóc rẽ ngôi, ăn nói tự tin, như thể mọi thứ đều nằm trong lòng bàn tay, như thể cái gì thầy cũng biết. Thầy là một thanh niên trí thức đến từ Thượng Hải, họ tự gọi mình là “thanh niên Thượng Hải”, sự khác biệt trong một từ có ý nghĩa như thể họ đại diện cho cả một thế hệ thanh niên Thượng Hải.

Thầy thích đưa chúng tôi lên cồn cát viết bài và để chúng tôi nhìn xa xăm, thầy nói đó là quan sát thế giới. Thầy hỏi chúng tôi đã thấy gì? Nhiều học sinh đều thuộc nằm lòng câu “sa mạc quanh hiu, sông dài ngả nghiêng”...

Thầy Trương mỉm cười và nói rằng, tôi không thấy những thứ này, tôi thấy Thượng Hải. Những gì thầy nói khiến mọi người vô cùng ngạc nhiên, khi cùng thầy nhìn ra xa, khi chúng tôi lóa mắt và rơi nước mắt, chúng tôi thực sự nhìn thấy những tòa nhà cao tầng phía xa, xe cộ tấp nập, bóng hoa và dòng sông mù sương... Chẳng phải là Thượng Hải sao. Thượng Hải hiện ra sống động trước mắt chúng tôi, thật thanh tao, thơ mộng, đa tình, đẹp không bút nào tả xiết.

Thầy nói đây là ảo ảnh, chỉ có người có duyên mới có thể nhìn thấy Thượng Hải trong sa mạc, các bạn đều là người có duyên.

Có học sinh hỏi, chẳng lẽ tương lai ai có duyên đều có thể đi Thượng Hải sao?



Minh họa: HỮU TUẤN

Mọi người đều cười. Thầy Trương cũng cười, nói rằng các em cần phải học tập chăm chỉ để thi đỗ vào đại học Thượng Hải.

Tất cả chúng tôi đều là thế hệ thứ hai của các thành viên binh đoàn Tân Cương, được gọi là “những người lính thế hệ thứ hai”. Sinh ra trong một ốc đảo bên rìa sa mạc, chưa ai từng đến Thượng Hải. Thành phố biển có những tòa nhà cao tầng là ấn tượng đầu tiên của chúng tôi về Thượng Hải. Ấn tượng này quá sâu sắc, nó tượng trưng cho sự hiện đại, đẹp đẽ và cao cấp... Đó là hướng đi mà chúng tôi đang phấn đấu và đó là thiên đường mà chúng tôi hằng khao khát.

Ở thiên đường này, chúng tôi còn quen một cô gái Thượng Hải đẹp như tiên, cô ấy là bạn gái của thầy Trương, tên là Vương Tiểu Khiết. Tất nhiên chúng tôi chưa bao giờ gặp Vương Tiểu Khiết, nhưng chúng tôi biết cô ấy từ thầy Trương và chúng tôi đã khá quen thuộc với cô ấy. Cô ấy là nữ công nhân dệt may của một xí nghiệp bông nào đó ở Thượng Hải, họ là bạn học, có lẽ họ đã yêu nhau từ hồi cấp 2, thuộc kiểu tình yêu cún con. Vương Tiểu Khiết được tuyển dụng sau khi tốt nghiệp cấp 2. Thầy Trương học cấp 3 nhưng không tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp. Khi không có việc gì làm, thầy đến cổng nhà máy để đón bạn gái tan ca. Giữa rất nhiều nữ công nhân dệt may, thầy Trương vẫn có thể nhận ra cô

trong chớp mắt. Vương Tiểu Khiết cao và mảnh khảnh, mặc một chiếc áo khoác kẻ sọc màu đỏ sẫm phổ biến vào thời đó, đội mũ len và đeo tạp dề màu trắng, trên ngực có hai chữ màu đỏ: “Quốc miên”.

Thầy Trương say sưa nói rằng, cô ấy thường đeo khẩu trang khi rời khỏi nhà máy. Chiếc khẩu trang không được tháo ra, nó chỉ treo trên tai, thật kiêu ngạo.

Hồi đó, ở Thượng Hải là cảnh thầy đến cổng nhà máy dệt để đón bạn gái tan sở. Ở Thượng Hải có 37 nhà máy dệt, khi tan sở, hàng trăm nghìn nữ công nhân dệt bước ra khỏi từng nhà máy, trông khá hoành tráng. Các nữ công nhân dệt may ở Thượng Hải bước ra khỏi khung cảnh đẹp nhất thời đại đó. Những người đẹp ở Thượng Hải nằm trong số đó và những anh chàng đẹp trai ở Thượng Hải đang đợi ở cổng. Chàng trai nào chưa có bạn gái cũng nán lại, háo hức tìm kiếm và huyết sáo chói tai để thu hút sự chú ý của các cô gái với ý đồ bước vào mộng đẹp.

Thầy Trương có thể bỏ một người bạn gái tốt như vậy mà đến biên cương, đến nơi tổ quốc cần nhất, chúng tôi rất cảm phục. Thầy là một thanh niên giỏi văn chương, nghe nói thầy đã đăng bài trên tờ “Tin tức buổi tối Tân dân”, đó cũng là một nguyên nhân quan trọng khiến thầy trở thành giáo viên dạy tiếng Trung của chúng tôi. Thầy Trương là một người hâm mộ trung thành của “Bản tin buổi tối Tân dân”, giống như nhiều thanh niên ở Thượng Hải, thầy nhất quyết đăng ký “Bản tin buổi tối Tân dân” ngay cả khi đang ở rìa sa mạc. “Tin tức buổi tối Tân dân” đã đến sa mạc qua bưu điện và đã là “Hàng tháng Tân dân”, nhưng những người trẻ tuổi ở Thượng Hải đã đọc một cách thích thú. Những thanh niên Thượng Hải nhận được “Bản tin buổi tối Tân dân” cảm thấy như tìm được kho báu, tắm gội sạch sẽ, còn bôi kem, kéo một chiếc ghế nhỏ, ngồi trước cổng kí túc xá đọc báo. Lúc này sẽ có trẻ em chống mộng nhìn phía sau, các anh ấy nhắc chân đá, rồi trừng mắt chửi: “thằng da đỏ, ôi, tránh ra, tránh ra”.

Thầy không chỉ là một thanh niên nhiệt huyết của thời đại đó mà còn tràn đầy tình cảm tiểu tư sản lãng mạn. Từ Thượng Hải, thầy mở rộng tình yêu của mình đến Taklamakan xa xôi. Thầy cho rằng, tình yêu nên có khoảng cách, ở nơi xa đó có một cô gái tốt, tình yêu chỉ có khi còn khao khát.

Thầy Trương đã yêu một cô gái Thượng Hải bên sa mạc, tình yêu này kinh thiên động địa và mạnh mẽ, nó đã trở thành một sự kiện lớn mà mọi người trong vùng chúng tôi đều biết. Thầy Trương không bao giờ che giấu mối tình này và mọi bức thư tình sẽ như một làn sóng lan truyền trong giới trẻ ở Thượng Hải. Những thanh niên Thượng Hải nhớ nhà sẽ gặp thầy Trương để nói về Vương Tiểu Khiết trong lúc chán nản và nghe thầy Trương đọc bức thư của Vương Tiểu Khiết để chấm dứt nỗi nhớ Thượng Hải của họ. Có thể nói, mối tình của thầy Trương đã trở thành cơn mưa ầm ập cho những thanh niên trẻ Thượng Hải đang lao đao trong tình cảm. Họ phấn khích với tình yêu của hai người và cũng buồn bã khi tình cảm lao dốc.

Một trăm nghìn thanh niên trí thức từ Thượng Hải đã đến Tân Cương và trở thành thành viên của binh đoàn Tân Cương. Họ đã mang đến nền văn minh đô

thị và đánh thức chúng tôi, những con người sinh ra và lớn lên ở ốc đảo bên rìa sa mạc, khỏi tình trạng ngu dốt nguyên thủy. Ở đây không còn là tình yêu của một mình thầy Trương với Vương Tiểu Khiết nữa mà là tình yêu của hàng vạn thanh niên với Vương Tiểu Khiết, là tình yêu của thanh niên sống bên rìa sa mạc yêu Vương Tiểu Khiết.

Phương thức yêu đương chủ yếu của thầy Trương với Vương Tiểu Khiết là viết thư và những bức thư tình thường xuyên được trao đổi. Bất kể là thư đến hay thư gửi đi, thầy Trương đều đọc cho chúng tôi nghe trong giờ học. Khi đọc đến chỗ chúng tôi chỗ thích nghe nhất, thầy luôn cười ngượng nói, lược bỏ năm dấu gạch ngang bên dưới, để kích thích sự thèm khát của chúng tôi. Có thể thấy phương pháp lập dấu chấm lửng của thầy Trương đã đi trước các nhà văn sau này nhiều năm. Lớp sáng tác hàng tuần là kỳ nghỉ được mong đợi nhất của chúng tôi và bây giờ có vẻ như bức thư tình của thầy Trương là sách giáo khoa văn học thực sự của chúng tôi vào thời điểm đó. Những bức thư tình được gửi và nhận ngay trước mắt chúng tôi, ngổn trời đến rồi đi, đầy cảm giác thực tế, thú vị hơn nhiều so với những bài học trong sách giáo khoa. Qua bức thư của Vương Tiểu Khiết, chúng tôi đã biết được đôi điều về Thượng Hải. Qua cách viết thư của thầy Trương, chúng tôi đã học được cách bày tỏ tình cảm và cách viết thư tình, điều này đã đặt nền tảng vững chắc cho việc viết thư tình cho các nữ sinh trong lớp.

Vấn đề nằm ở chỗ, mỗi bức thư tình của thầy Trương viết ra hẳn rằng đều là những bức tình thư đáng tự hào của thầy. Tôi mơ hồ nhớ một câu như thế này: “Em là bông sen tuyết trên núi băng, thuần khiết thuần khiết; anh là chú gà tuyết mạnh mẽ, canh giữ bên em. Khi trời sắp nứt, gà trống sẽ hót vang và thế giới sẽ trắng xóa...”

Khi thầy đọc bức thư tình này, chúng tôi đều thầm than trong lòng. Chúng tôi thuộc về miền Nam Tân Cương, nơi có sa mạc, có vách đá Gobi và vùng đất hoang. Liễu đỏ mọc nhiều nhất ở sa mạc. Đương nhiên, liễu đỏ khi nở hoa cũng rất đẹp, có thể đánh thức sự cần cỗi đang ngủ yên, tô điểm cho mặt đất tràn đầy một màu đỏ bất tận. Sen tuyết mọc phía trên đường băng tuyết, không có núi tuyết băng Osaka, nơi nào có thể có sen tuyết? Những người trong chúng tôi ở miền Nam Tân Cương chưa bao giờ thực sự thấy hoa sen tuyết nở.

Sau đó, một số sinh viên nói rằng thầy Trương đã hút thuốc lá “Snow Lotus”. Thầy coi bạn gái của mình là sen tuyết, hôn sen tuyết mỗi ngày mới là tình yêu đích thực. Kiểu giải thích hóc búa này khiến chúng tôi chột nhận ra. Chúng tôi chỉ nhìn thấy hoa sen tuyết trên vỏ thuốc lá, đó là một bức tranh, và vẻ đẹp của bức tranh chỉ có thể là mơ ước. Thầy Trương muốn coi bức tranh là hiện thực và tuyên bố sẽ bảo vệ nó. Không phải sao, thầy chính là bảo vệ sen tuyết, hay là khói thuốc của bao thuốc lá sen tuyết? Thuốc lá được thầy giấu trong ngực, bên ngoài có một hộp nhựa cao cấp, trong suốt.

Điều quan trọng là bức thư của thầy Trương đã có tác dụng và bạn gái của thầy đã sớm có hồi âm. Cô ấy rất bất ngờ về bông sen tuyết mang nghĩa ẩn dụ. Bất ngờ

là một bất ngờ, nhưng có một yêu cầu vô cảm, đại khái như sau: Anh so sánh em với hoa sen tuyết, nhưng “hoa sen tuyết Thượng Hải” chưa từng thấy “hoa sen tuyết trên núi băng”, anh có thể gửi cho em một bông sen tuyết trên núi băng không? Em sẽ đặt nó trong một chiếc bình. Bông sen tuyết trên núi băng nở ở đầu giường, chúng ta sẽ đối mặt với nhau, điều đó thật tuyệt biết bao.

Bức thư trả lời của Vương Tiểu Khiết hoàn toàn nằm trong quan niệm nghệ thuật “má đào hoa thắm thơ ngây thẹn thùng”.

Vương Tiểu Khiết coi hoa sen tuyết là hoa sen ở phía nam sông Dương Tử. Cắm hoa sen tuyết trên núi băng vào chiếc bình cạnh giường thực sự là một ý thích bất chợt.

Khi lá thư này được gửi đến, thầy Trương đã sững sốt và chúng tôi cũng chết lặng, ngay cả những người trẻ tuổi ở Thượng Hải bên bờ vực sa mạc cũng không khỏi hoang mang. Một số thanh niên đến từ Thượng Hải gào lên: “Anh Chi, anh đã nhìn thấy bông sen tuyết chưa? Anh đi hái bông sen tuyết cho cô ấy ở đâu? Đã mười ba giờ rồi.”

Thầy Trương phải đối mặt với tình thế tiến thoái lưỡng nan: một lựa chọn là viết thư hồi âm và thành thật nói với Vương Tiểu Khiết rằng, ở miền Nam Tân Cương nơi chúng tôi sống, chỉ có sa mạc và không có núi phủ tuyết. Những bông tuyết mọc trên những tảng băng trôi thầy chưa từng thấy và mô tả về những bông tuyết là một điều hư cấu.

Tiểu thuyết là gì? Hư cấu là nói rằng có cái không tồn tại, cái được cho phép trong tác phẩm văn học, nhưng chẳng phải ngoài đời là lừa dối sao? Nói quá nhiều về điều mà bạn rõ ràng không có sẽ khiến bạn gái nghĩ rằng bạn không trung thực, tức là lừa dối.

Lừa dối là điều cấm kỵ của tình yêu, giả dối là thuốc độc của tình yêu.

Lựa chọn thứ hai là thầy tiếp tục nói có sen tuyết, sau đó thầy phải gửi nó. Không gửi thì cũng không biện minh được, tình yêu của hai người trong sáng không tì vết, cô ấy không cần vàng bạc, thầy ngay cả bông sen tuyết cũng không đáp ứng được cho cô ấy! Sen tuyết ư, chỉ là một bông hoa, tặng cho bạn gái mà cũng lấy làm to tát lắm sao?

Thầy Trương đương nhiên không dám thừa nhận sen tuyết là do thầy bịa ra, nhưng cũng không dám hấp tấp đồng ý tặng sen tuyết cho bạn gái. Không có thì gửi thế nào? Thầy đã viết thư cho bạn gái mà không đề cập đến sen tuyết và nói linh tinh quanh co.

Tay lái chiếc xe tình yêu của thầy Trương hơi lạc nhịp, thầy như chệch khỏi con đường tình yêu đẹp đẽ và lao về hướng nguy hiểm.

NGUYỄN THỊ HIỀN (dịch từ tiếng Trung)

(Truyện cực ngắn năm 2021, NXB Văn học Nhân dân, 2021)

Số là âm thanh, là tiếng gọi
gọi nên bao nào nước, mong chờ, bao như nhưng, hoài niệm: *Tốt!*
Số là "giờ phút nhưng liêng" đã đi vào trong thơ, trong nhạc,
dù khác giây ấy như vạn giây khác khác, khi kim đồng hồ khác
cùng về con số 12: giao thừa.
Số là mùa của sự khởi đầu, khi trái đất ngừng dần về phía mặt trời
và nhún về nhiều ánh sáng, hơi ấm sau chuỗi ngày lạnh lẽo: mùa xuân.
Tốt - Giao thừa - Mùa xuân. Tất cả những điều hệ trọng, đẹp đẽ ấy
đang đến thật gần tất cả chúng ta. Chúng ta cùng được tự nhiên
và thiên nhiên chia đều món quà ấy. Và nhân nó ra sao, cảm thấy nó thế nào,
lại quyết định ở mỗi chúng ta.
Tập chú Sông Lam hy vọng sẽ đồng hành cùng bạn đọc
trong giấc mơ ấm áp, sum vầy, trong vầy, trong niềm nhưng về nguồn cội,
trong trần trụi và trong đời vào ngày mai... với những tác phẩm trong số
Chào Xuân này. Chúng ta cùng bước vào ngày mới, mùa mới, năm mới
wings từ hơn, như vào những nỗ lực của hôm nay mà vào ngày mai
đã trở thành "ngày cũ"!
Trân trọng biết ơn bạn đọc, bạn viết!



MÈO TRONG TRANH



Ngày buồn (màu dầu) - NGUYỄN VĂN CƯỜNG



Thiếu nữ và mèo (sơn dầu) - TẠ TÂM



Xuân Quý Mão (sơn dầu) - TẠ TÂM



Mèo (acrylic) - ĐÌNH TRUYỀN



Tinh xuân 1 (acrylic trên canvas) - HỒ HUY HÙNG



Lá đỏ - TRỌNG HIỆP



Đi lễ đầu năm (bột màu) - HOÀNG MINH PHƯƠNG



Phong cảnh (acrylic) - ĐÌNH TRUYỀN



Chiều về (khắc gỗ) - CAO THẾ LỊCH



Múa khèn (acrylic) - HỒ THIẾT TRINH



Phiên chợ xuân - HỒ THIẾT TRINH



Vào ca (sơn dầu) - HẢI THỢ

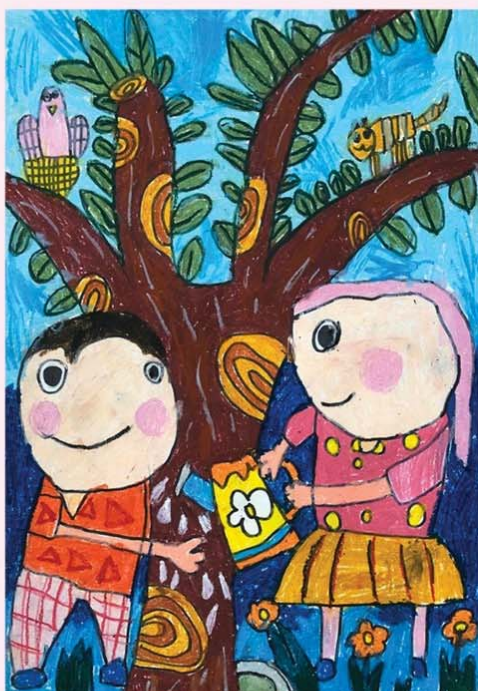
CÁC EM VẼ



Mừng năm mới - KHÁNH LINH



Hoa xuân - TRƯỜNG HƯNG



Tưới cây - LƯƠNG NGỌC KHÁNH



Trong đêm - KHÁNH LINH

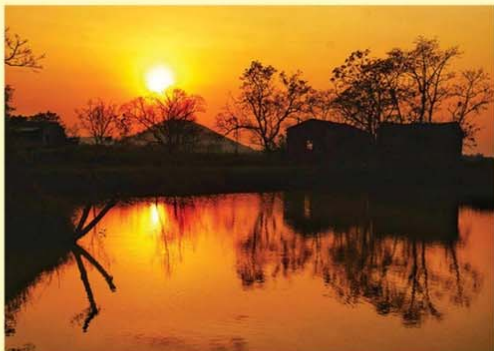


Mèo - HÙNG THÀNH

Nhiếp ảnh

Tĩnh lặng

Hoàng hôn



Cuối thu



Thềm cũ



Mùa cỏ tàn



Đêm



Cỏ đơn



Chùm ảnh của QUỐC KHÁNH - NGUYỄN ĐẠO

Về đẹp

TƯƠNG DƯƠNG

Nhắc đến Tương Dương là nhắc về núi rừng hoang sơ, hùng vĩ, về cây săng lẻ, về cổng Phủ Tương, hồ thủy điện Bản Vẽ, về đền Vạn - Cửa Rào; về những đôi tay tài hoa của bà con làng dệt, làng đan; về món cá mát, cá lạng, về những đêm rượu cần và vòng khắc luống...

Tất cả những cảnh sắc, những nét văn hóa ấy, đã được các nghệ sỹ nhiếp ảnh thuộc ban Ảnh - Hội Liên hiệp VHNT Nghệ An ghi lại trong chuyến thực tế mới đây về Tương Dương để trân trọng gửi tới bạn đọc trong số Tạp chí Xuân này.

Chùm ảnh: **QUANG DŨNG, NHẬT THANH, CAO ĐÔNG**



Qua suối



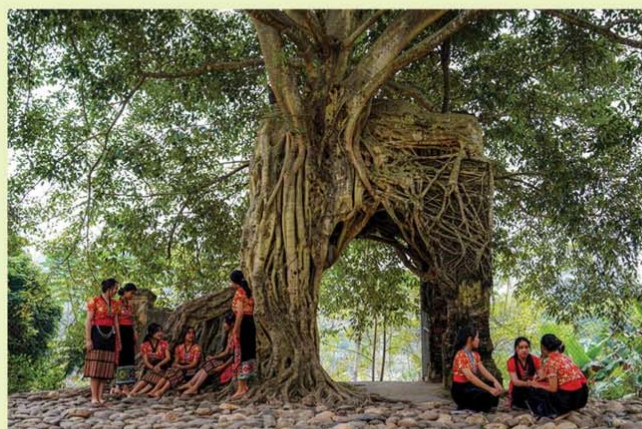
Giao lưu lửa trại với bản du lịch văn hóa cộng đồng Khe Cỏ



Điệu khèn xuân



Nướng cá



Cổng phủ Tương



Ngày hội (Xã Lượng)



Nghề dệt



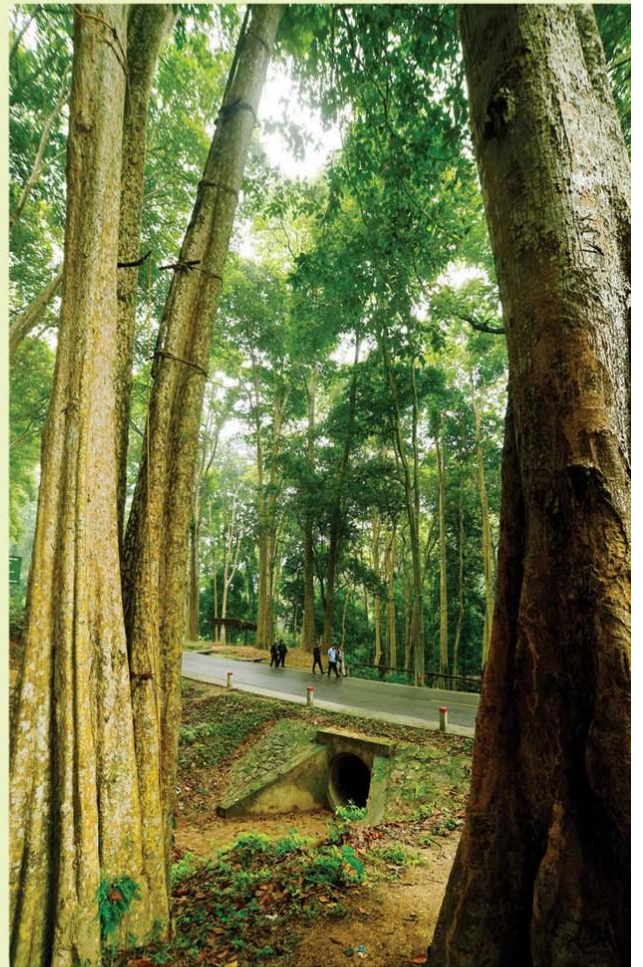
Nghề mây tre đan



Ngã ba sông Cả (Hợp lưu của dòng Năm Nơn và Năm Mộ)



Vui điệu khắc lướng



Rừng săng lê Tương Dương



Phụ nữ Thái làm bánh sừng bò - TẮT LÀNH



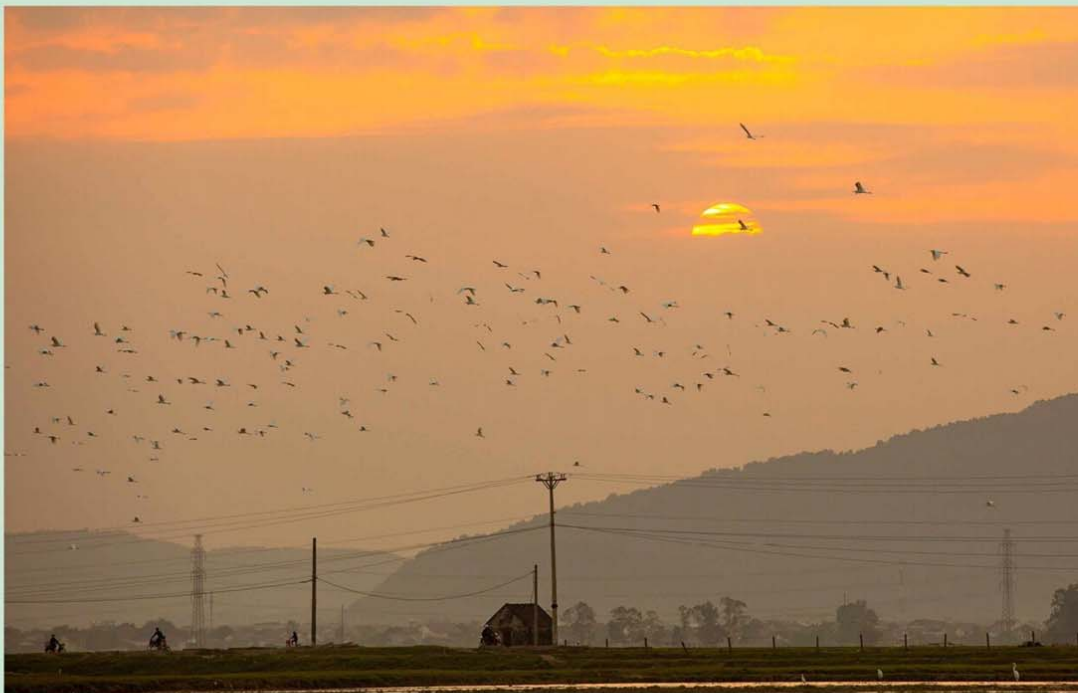
Đón Tết - PHAN TẮT LÀNH



Đông về - DUY SƠN



Cứu bạn - DUY SƠN



Đất lành - QUỐC ĐÀN

CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VÀ CÂY XANH HUY HIỆP

HUY HIỆP ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ BỀN VỮNG VÀ GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH

Kính chúc Quý khách năm mới An khang - Thịnh vượng!



Khu Di tích Kim Liên



Chăm sóc hoa tại Khu Di tích Kim Liên



Chăm sóc cây cảnh tại Khu Lưu niệm Lê Hồng Phong



CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Chăm sóc, duy tu, bảo dưỡng các công trình cây xanh, cây cảnh.

NHỮNG CƠ QUAN, CÔNG SỞ DO CÔNG TY ĐẢM NHẬN CHĂM SÓC, BẢO DƯỠNG CÂY XANH, CÂY CẢNH:

- Khu Di tích Kim Liên (quê nội, quê ngoại Bác Hồ, Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, khu mộ bà Hoàng Thị Loan).
- Khu Lưu niệm Phan Bội Châu
- Đài Tưởng niệm Xô viết Nghệ Tĩnh
- Khu Lưu niệm Tổng Bí thư Lê Hồng Phong
- Nhà Lưu niệm Nguyễn Thị Minh Khai
- Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh
- Khu Di tích lịch sử Trường Bồn



Chăm sóc cây cảnh tại Khu Lưu niệm Nguyễn Thị Minh Khai

Trụ sở chính: Nhà số 2, ngõ 16, Đ. Phan Sỹ Thục, khối 4, P. Trường Thi, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại: 0238.3844165 - Fax: 0238.3844165

Đồng hành Trọn vẹn
NĂM MỚI AN YÊN



Tải BAC A BANK Mobile Banking



BAC A BANK



www.baca-bank.vn



1800 588 828